

ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ

Tòa Thánh-Tây Ninh



HOÀI NIỆM VỀ ĐỨC HỘ PHÁP

Khai Tâm Quách Minh Chương
Tài liệu lưu hành nội bộ (2021)



Tòa Thánh Tây Ninh



Đức Phạm Hộ Pháp châu lễ Đức Chí Tôn

LỜI DẪN NHẬP

Đức Ngài Phạm Công Tắc là một người rất đổi bình thường nếu Ngài chỉ làm một công chức như bao người, thương dân ái quốc, đem niềm uất hận giải bày bằng cách tham gia các văn đàn thi thơ, gia nhập các phong trào kháng chiến chống phá sự xâm lấn của ngoại bang trong các tổ chức của cụ Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh khởi xướng.

Từ mốc lịch sử năm 1926, Đức Ngài Phạm Công Tắc đã trở thành Phạm Hộ Pháp, ranh giới thuần đời, một vị thế bình thường đã chuyển sang thuần Đạo của bậc vĩ nhân, một vị lãnh đạo tinh thần tối cao, quan trọng bậc nhất trong nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Kể từ khi Đức Chí Tôn đến “khải tiếng tiêu thiêu huyền môn”, Đức Ngài đã vẹn tròn chức trách của bậc thiên sứ thiên cung, dựng thể pháp, khai mở bí pháp và thực hiện chơn tướng nền Đại Đạo mà Đức Chí Tôn gởi gắm, phú thác.

Nhận thấy hình ảnh Đức Ngài là bậc siêu phàm, đứng vào tam bậc vĩ nhân cùng Đức Cao Thượng Phẩm, Đức Cao Thượng Sanh, có công khai sáng nền đạo Cao Đài từ buổi phôi thai cho đến khi hoàn toàn cơ cấu nền Chánh Trị Đạo và các cơ quan hình thể Đạo để lưu truyền vạn đại, nên chúng tôi mạo muội lược ghi những hành tàng của Đức Ngài đã thực hiện khi còn sanh tiền, hầu hoài cổ vai trò, trách nhiệm và thiên mệnh đặc biệt của Đức Thiên Tôn. Tựa sách có tên “Hoài Niệm Về Đức Phạm Hộ Pháp” để mỗi người tín hữu Cao Đài có thể đời đời sùng ngưỡng công ơn to lớn của Đức Ngài-một bậc Giáo Chủ tinh thần truyền giảng sự thương yêu, tạo hạnh lạc cho chúng sanh, tô điểm đức tin nhân loại, khai mạch sống bác ái-từ bi, tạo một ánh sáng huệ đăng bất diệt trong những kỷ nguyên mai sau để con cái Đức Chí Tôn chiêm ngưỡng, học hỏi và thi hành nền đạo pháp trường lưu đến khi viên giác, liễu ngộ hội hiệp với Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu.

Để tiện bề đọc, chúng tôi xin chia làm hai phần: Phần Đời trước khi đến với Đạo Cao Đài và Phần Đạo từ khi đến với cơ bút cho đến khi Đức Ngài triều Thiên. Tập sách nhỏ này được soạn thảo trong tinh thần cố gắng truyền tải một phần nào chân dung của Đức Phạm Hộ Pháp trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ-Tòa Thánh Tây Ninh. Vì chỉ phô diễn theo thiên ý hạn hẹp, nên chắc chắn còn nhiều vấn đề chưa được hoàn toàn đầy đủ. Rất mong được quý vị cao minh chỉ dẫn những chỗ khiếm khuyết, để chỉnh sửa sách cho vẹn toàn hơn.

Tây Ninh, ngày mùng 05 tháng 05 năm Tân Sửu-2021

Kỷ niệm ngày Đản Sanh Đức Phạm Hộ Pháp

Khai Tâm Quách Minh Chương

Khai Tâm Quách Minh Chương

I/ PHẦN ĐỜI

1. Bối cảnh xã hội của thế giới và Việt Nam trước khi Đức Ngài giáng sanh và khi Đức Ngài giáng sanh.

A. Bối cảnh xã hội thế giới.

Bối cảnh lịch sử tổng quan của thế giới trong giai đoạn đầy biến động thăng trầm như thời Pháp thuộc của Việt Nam, cuộc cách mạng công nghiệp lần II, các trận chiến của Napoleon, chủ nghĩa tư bản mở rộng toàn thế giới và chủ nghĩa xã hội, tạo thành bức tranh mâu thuẫn, đối nghịch về mặt chính trị nặng nề và sâu rộng. Văn hóa, xã hội và các cuộc đối đầu của các cường quốc cũng nổ ra.

B. Bối cảnh xã hội Việt Nam.

Về bình diện văn hóa xã hội, thực dân Pháp thực hiện chính sách ngu dân, ngăn cản những văn minh phương tây tiếp cận xã hội, ngược lại thực hiện chiến dịch nô dịch văn hóa, dùng rượu cồn, thuốc phiện, lợi dụng quyền triều đình phong kiến đàn áp nhân dân, kích thích các hoạt động mê tín dị đoan, truyền bá các văn hóa đồi bại.

Thực dân lấy danh nghĩa khai văn minh cho dân tộc Việt Nam, nhưng kỳ thực họ đã áp chế, đưa ra thể chế cai trị hà khắc nhằm nô dịch người dân về chính trị, xã hội và bóc lột về mặt kinh tế. Đất nước Việt Nam hoàn toàn chìm trong màu ảm đạm, không phương lối thoát.

Đứng trước viễn cảnh dân tộc đau thương, nhiều nhà yêu nước tổ chức các cuộc kháng chiến chống Pháp nhưng bất thành. Pháp luôn luôn dò xét và đàn áp khi phát hiện những nhà yêu nước.

Xã hội Việt Nam từ một nước tự chủ, tự cường có nền văn hiến 4.000 năm lại bị thực dân xâm lược, áp đặt một hệ thống cai trị, làm biến loạn xã hội, văn hóa, tâm linh.

Tình hình Việt Nam vẫn ảnh hưởng ba yếu tố làm nhân dân khổ lụy. Thứ nhất, cuộc chiến tranh bùng nổ, hàng loạt phải theo sự chỉ đạo của thực dân tham gia chiến tranh ấy. Thứ hai, chịu sự thống trị của thực dân Pháp càng hà khắc hơn.

Thư ba, đất nước bị chia cắt theo hiệp định Geneve năm 1954, yếu tố thứ ba này là một trong nhân tố làm cho hoàng đồ dân tộc đau thương nhất.

Vĩ tuyến 17 ngay cầu Hiền Lương thuộc dòng sông Bến Hải là một cái tên đáng nhớ đi vào lịch sử dân tộc Việt Nam, chứa đựng một huyền thoại đau thương, làm hoàn đồ Việt Nam chệch chia cắt.

Nhìn chung, hoàn cảnh Việt Nam rất rối ren, nhiều lần tên mũi đạn, sự cọ sát về chính trị đe dọa đến kinh tế, an ninh và mạng sống nhân dân. Đất nước Việt Nam trở thành một chuỗi hệ lụy đưa đến trạng thái bất an và hỗn loạn.

2. Giai đoạn từ khi giáng sanh và đi học.

Ông Phạm Công Thiện là chơn linh của Ngân Hà Công Bộ giáng trần [cơ bút Đức Chí Tôn cho biết] và Bà La Thị Đường ngụ tại làng An Hòa, Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh sinh ra tám người con. Trong đó, Ngài Phạm Công Tắc là người con thứ tám, Ngài còn một người em gái út thứ chín.

Tuy nhiên, Ngài Phạm Công Tắc sanh tại làng Bình Lập, bờ sông Vàm Cỏ Tây, tỉnh Tân An, nay đổi là Tân An vì Ông Phạm Công Thiện là công chức dưới thời Pháp thuộc nên chuyển về Tân An làm việc. Dù làm công chức, nhưng Ông một lòng thanh liêm, mến mộ đạo đức, tách cương trực, bảo vệ nhân dân, chống sự bất công, thường tham gia các hoạt động chống áp bức. Vì tính cách ngay thẳng này, đồng nghiệp chẳng ưa Ông, đến mức đẩy đưa Ông phải thôi việc mà về Trảng Bàng, Tây Ninh tìm kế sanh sống.

“Bần-Đạo ngó thấy Bần-Đạo sanh ra gặp nhà nhân-tử đạo-đức, ông thân Bần-Đạo làm một vị quan của đời Pháp (lúc ấy, Bần-Đạo mới có bốn tuổi) chức tước ấy cũng khá, có dư dã, dư ăn, đủ mặc, nếu ăn hối-lộ có thể làm giàu được, nhưng ông thân của Bần-Đạo đạo-đức lắm, người dĩ-đức vi-trọng. Ông thường thấy sự bất công thì ông phản đối lắm, nhất là trường hợp bị áp-bức nòi giống của đám dân nghèo. Dem tinh-thần ra cứu đời như thế nên đứng không bền-bỉ, vì vẫn bênh vực những kẻ yếu hèn, kẻ cô đơn, phản đối kịch-liệt với cái oai-quyền đặc-biệt của thiên-hạ” [Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống, bài 18].

Năm Ngài chỉ được mười ba tuổi thì thân phụ Ngài qua đời. Ngài được đi học Nho Học tại những ngôi trường làng, sau theo Tây Học tại trung học Chasseloup Laubat ở Sài Gòn. Gia cảnh kinh tế càng lúc càng khó khăn, tâm chí Ngài biết thương mẹ, anh em nên dốc tâm học hành, mong ra làm có tiền để gánh vác sự nhọc nhằn của gia cảnh.

Tuy tuổi nhỏ nhưng thiên tánh Ngài rất đổi cao trọng, biết xét suy, biết chiêm nghiệm, nhìn lẽ thực hư, quán vật trí tri, biết tình thâm ân phụ mẫu, biết sự thống khổ của gia đình, biết giá trị đạo đức tin thần của thân phụ Ngài. Ngài biết

cái chơn thật là vô đối, cái khổ chỉ là giả tạm phù du. Nên cái tình của Ngài với gia đình, người thân vô đối, giục thúc Ngài học hành tấn bộ để đạt công danh, lo phụng gia đình.

“Thương cha có công sanh dưỡng và chơn chánh, thương mẹ bảo trọng gia-đình lo tảo lo tần nuôi con, thương anh em trong gia-đình, duy có biết thương mà lo học, sợ không học Ông Bà buồn rầu. Nói con không học Cậu, Mợ buồn lắm, vì thương yêu quyết chí học, học là tánh-đức của thiên-nhiên, thương nhiều quá, thương trong gia-đình hơn ai hết, anh em cũng vậy, hạng nhứt là trong nhà bất hòa, là điều khổ hơn hết. Anh Chị bất hòa Bần-Đạo theo năn-nỉ, khóc lóc giải hòa, ngó lại hồi lúc đó đến bây giờ thì lúc đó hạnh-phúc nhiều hơn hết, chỉ có biết thương yêu mà thôi” [Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống, bài 18].

Đến năm 1907, đậu bằng Thành Chung và trong thời gian đi học, các phong trào kháng chiến chống thực dân nổ ra nhiều nơi. Ngài cũng tham gia các văn đàn, thi thơ để chống áp bức cường quyền của ngoại bang, lại ham mộng đông du để tìm tự do cho dân tộc.

Nhưng cái thống khổ gia đình, Ngài tạm gác ước mộng về dân tộc qua một bên, lo làm kiếm tiền nuôi mẫu thân. Cái tình chí hiếu của Ngài uyên sâu, sợi dây tình cảm máu mủ phủ đầy Ngài, đến đổi đêm về ngủ, Ngài quờ quạng coi bà mẹ mình còn sống hay không, nghe tiếng đám tang, Ngài càng sợ mất đi bà mẹ thân yêu.

“Đến chừng lập được thân danh ra đứng đọt với đời, kiếp sống từ đó xét lấy mình thời buổi ấy đã tính trong óc Cha đã chết hồi 12 tuổi chỉ ở với Mẹ, thương Mẹ sợ Mẹ chết nữa không biết ở với ai? Sợ quá chừng quá đôi khi nằm ngủ cũng sợ.

Ở tỉnh Tây-Ninh này người ta thường chôn đám xác ban đêm, khi ngủ nghe họ hò giục mình thức dậy mò kiếm Bà Già, Bà Già hay hỏi con làm gì vậy? Con nghe người ta đưa đám xác con sợ Mẹ chết quá. Cũng vì sự thương quá đôi, chừng được 17 tuổi quyết định ra làm việc để trả hiếu cho Mẹ”

Bần-Đạo hiện tại ở Tây-Ninh thiên-hạ còn nhớ, buổi ấy không biết gì hết, duy có biết thương Mẹ mà thôi, thêm nữa mấy đứa em gái tới ngày giờ định gả lấy chồng chớ không còn ở chung nữa. Lúc ấy Bần-Đạo đã thi đậu, nếu ra làm việc với hãng buôn ăn lương lớn, mà sợ không biết nuôi Mẹ được không? Lại bị người anh rể nói: Em làm việc hãng buôn ngoài không có danh-dự gì hết, nghe lời nên xin sở nhà nước, làm việc mỗi tháng lương 70, 80 đồng là nhiều lắm. Ăn xài hơn ai hết mà cũng dư một đôi chục bạc để nuôi Mẹ. Đến chừng lương còn hai chục đồng một tháng, chừng đó thiếu nợ lại còn thêm một bà vợ nữa [Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống, bài 18].

Nghe lời anh rể, Ngài xin sở Thương Chánh Sài Gòn làm việc nhưng Ngài bị chuyển công tác rất nhiều nơi, từ Cái Nhum tỉnh Vĩnh Long, Quy Nhơn, Sài Gòn rồi Nam Vang Campuchia. Trong suốt sự nghiệp công chức cho Pháp, Ngài chỉ ở vị trí thấp là thư ký sở Thương Chánh.

Đến năm Ngài lên 21 tuổi, vâng lệnh mẫu thân kết hôn với Bà Nguyễn Thị Nhiều và sanh ra ba người nhưng chỉ nuôi được hai người là Phạm Tân Tranh và Phạm Hồ Cầm, người con còn lại quy liễu sớm khi chỉ tròn bốn tuổi, tên là Phạm Công Huyền. Bà Nhiều sau đắc phong Nữ Chánh Phối Sư, chương quản Phước Thiện Nữ Phái. Bà Tranh sau cũng đắc phong Nữ Phối Sư. Riêng bà Cầm không có cầu phong chi hết.

Khi lên 22 tuổi, mẫu thân Ngài quy liễu. Nỗi đau mất cha, mất mẹ làm Ngài thống khổ tâm hồn, cắt da, xót dạ vì Ngài cố gắng lo học, đi làm để phụng dưỡng cha mẹ, bảo bọc anh em phụ cha mẹ. Thân phụ mất đi, Ngài chỉ biết nương nơi hơi ấm của mẹ, mẹ mất, Ngài chỉ biết vịn anh chị em nhưng anh chị em lần lượt ra đi. Đến lúc cuộc sống đỡ khổ về mặt vật chất thì bao nhiêu người thân đã về cát bụi. Ngài tự thuật:

“Hai Đấng ấy đã chết hết thôi mình đeo theo anh em, em chết nữa, lần lượt bao nhiêu người thân-ái đều chết hết, bao nhiêu cái thương nồng-nàn chỉ để nơi một người Anh Rể, thương hơn anh ruột nữa. Có một người em gái thứ chín, đó là người bạn thân mến trong kiếp sanh của Bản-Đạo mà đã quy liễu rồi. Tới chừng ấy tâm hồn ngo-ngẩn, xác thịt bơ thờ, đi ra ngoài đồng ngó ngọn cỏ, con chim nó cũng nhắc, nghe tiếng hát của mấy em cấy lúa, nghe tiếng hò của người chèo ghe, cũng nhắc tới nỗi đau thương. Từ ngày ấy, không biết buổi nào được vui, chỉ muốn tu, muốn tìm cảnh tu, cho đến từng tuổi này đảo để tâm hồn quá lẽ” [Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống, bài 18].

Có lẽ bao nhiêu đớn đau thể xác và tâm hồn đưa đẩy Ngài đến trạng thái nghiên cứu cái khổ của kiếp con người, tìm diệu mầu của Trời Đất để lý giải cho cái nỗi khổ kiếp nhân sinh mà chính Ngài đã phải gánh chịu trong hai mươi mấy năm.

3. Tham gia các hoạt động kháng chiến chống ngoại bang đô hộ.

Trong cục diện bối cảnh nước nhà đau thương, bị thực dân Pháp đô hộ, dân tộc bị chà đạp nhân quyền, bóc lột cùng cực, Nam Bắc phân tranh, tánh đức Ngài như thân phụ yêu dân tộc, giống nòi, tánh cương trực, yêu tự do, mến đạo đức, muốn cho dân tộc Nam Việt thoát dây xiềng xích ngoại bang. Nên trong giai đoạn Ngài còn đi học trung học, Ngài tích cực tham gia phong trào Đông Du tại Sài Gòn.

Đến năm 1908, Ngài ghi tên danh sách chuẩn bị sang nước ngoài. Nhưng các phong trào chống thực dân dần dần bị phát hiện, sự việc bại lộ, mộng Đông Du

bất thành. Thực dân đàn áp, Ngài buộc phải bỏ học. Nhờ trình độ, Ngài xin vào hãng buôn lớn. Khi rảnh, tham gia văn đàn thi thơ, lấy bút hiệu là Ái Dân, Tây Sơn Đạo và viết cho các báo như Công luận, La Cloche Fêlée của Nguyễn An Ninh, La Voix Libre, Lục Tỉnh Tân Văn. Với ngòi bút sắt bén và tình yêu dân tộc cao, Ngài luôn thể hiện tâm hồn chánh khí, chánh nghĩa trong bài viết.

Sau đó, tờ Lục Tỉnh Tân Văn bị đình bản- đây là một trong những tờ báo ít nhiều cổ vũ tinh thần dân tộc nên trở thành những cái gai trong mắt chính quyền thực dân, ông Gilbert Chiếu là chủ tạp chí bị bắt, Ngài phải trở về quê sống.

Tâm huyết thực hiện cuộc cách mạng bất thành, Ngài càng buồn cho số phận dân tộc. Tình yêu nồng nàn nhưng không làm gì được trước tình thế của thế lực mạnh bạo ngoại bang. Có lẽ gia cảnh kém may mắn, vận số đầy đưa, thương gia đình người thân nhưng bao nhiêu điều quy liễu, để lại Ngài gánh sầu, nỗi nhớ quặn vai. Khi thương chủng tộc giống nòi, lại cũng phải khoanh tay nhìn thế cuộc điêu hui, quạnh quẽ. Ngài mới chuyển sang một chiều hướng mới, nghiên cứu tâm linh học.

4. Đạo đức và tình yêu nhân loại.

Ngài đã thấy và học gương đạo đức của thân phụ nên trau sửa thân tâm, dấn thân vào đạo lý làm người, biết cái khổ nhọc và tình thâm ân sinh thành dưỡng dục cưu mang của phụ mẫu, nên tìm cách báo hiếu sớm nhất. Biết tình liên đới anh em cùng huyết thống, chàng chứa mẫn nồng, tìm cách bảo bọc, thương yêu, triều mến, biết lấy chữ hòa để trong gia đình.

Với quốc gia và xã hội, thấu rõ đất nước lâm nguy, nên tìm cách cống hiến hầu tìm nền hòa bình chân thật cho giống nòi. Cuộc sống Ngài nghèo nhưng thấy người ta khổ, bị gạt găm vào chốn lầu sanh, với đồng lương công chức không bao nhiêu, Ngài cam không đặng nên sử dụng đồng tiền để dành rồi vay thêm một số nợ cứu đoàn nữ nhi không thân thuộc khỏi chốn tanh hôi nhục nhã, đem lại hạnh phúc tự do cho bạn đồng sanh.

Đạo đức và tình thương Ngài đủ lớn bao dung để sau này Đức Thượng Đế dụng tánh đức Ngài mà lập một nền giáo pháp chọn truyền trong đời mạt pháp.

5. Buồn chán và bắt đầu nghiên cứu tâm linh.

Những năm đầu thập niên thế kỷ XX, phong trào thông linh học nở rộ tại Nam Kỳ. Ngài bắt đầu chú tâm vào các hiện tượng và những nguyên lý kết thông giữa hữu hình và vô hình. Sự tò mò, nghiên cứu hầu tìm bài toán tâm linh vốn trứ trong đầu Ngài đã lâu. Đến hạ tuần tháng 07 năm 1925, sau khi xem xét và tọc mạch, Ngài cùng Ngài Cao Quỳnh Diêu, Cao Quỳnh Cư, Cao Hoài Sang tiến hành thử nghiệm việc xây bàn.

Bước đầu, các vị vô hình giảng, bàn cơ động đây nhưng các Ngài tưởng đâu người này cố tình làm chuyển động, nghi ngờ lẫn nhau. Nên việc xây bàn ban đầu chưa đem lại thỏa mãn. Dần dần, việc xây bàn trở nên thuận hành và nhiều vị vô hình giảng cho thi triển. Dần dà, công cuộc xây bàn trở nên một thú giải khuây tâm hồn của người chí sĩ. Nên con đường đạo đức của Ngài trở nên thi vị, con đường đạo pháp và tâm linh cũng từ đây mà chuyển sang trang sử mới.

Đồng thời khoảng tháng 7, có một chơn linh hết sức cao trọng, giảng cơ xưng là A, Ẫ, Ậ. Sau này các Ngài mới biết đó là Đức Chí Tôn, Ngọc Hoàng Thượng Đế giảng đàn cho thi văn dạy Đạo và dìu dẫn các Ngài Vọng Thiên Cầu Đạo, tức là buổi lễ cầu nguyện Đức Thượng Đế ban cho nhơn loại một môi Đạo để cứu vớt nhơn sanh trong thời Hạ nguơn mạt pháp.

Đức Chí Tôn đã đem đến ánh sáng chơn lý, trao nơi Ngài một sứ mạng thiêng liêng cao trọng, một diệu pháp cứu khổ nhơn loại. Quyền năng vô đối của Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế đem lại vinh hạnh cho dân tộc Việt Nam một ngọn cờ bảo sanh. Nên Giờ phút này, Ngài hy sinh hạnh phúc cá nhân, đánh đổi hạnh phúc cho hoàng đồ dân tộc và nhơn loại. Ngài thuyết giảng:

“Nhờ Đức Chí-Tôn đem cây đuốc Huệ-Quang chiếu diệu tâm hồn này dặng gỡ mối đau khổ. Vì có cho nên Bàn-Đạo theo, càng theo cái lý-tưởng càng dễ tâm hồn theo Ngài, rồi Ngài giao tình thương yêu nồng-nàn hơn muôn triệu lần của gia-đình nữa.

Giá-trị gì một mạng sanh, đem đổi hạnh-phúc cho cả triệu người mà sao không đổi, cái hạnh-phúc chơn thật.

Bàn-Đạo cho hay nếu Đạo Cao-Đài sẽ hưởng được cái hạnh-phúc vô ngàn của Đức Chí-Tôn ban bố ngày nay đã thiết-tưởng vì vinh-hạnh đó, Bàn-Đạo đã lập được đại công đối với toàn cả con cái của Đức Chí-Tôn, Bàn-Đạo đã lập được là nhờ cái quyền-năng vô đối của hạnh-phúc ấy” [Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống, bài 18].

II/ PHÂN ĐẠO

1. Đòi diệu thường của Ngài Phạm Công Tắc làm tiền đề để khai Đạo.

Ngài Phạm Công Tắc giảng sanh vào tiết Đoan Ngọ, mừng 05 tháng 05 năm Canh Dân [1890] trong gia đình Ông Phạm Công Thiện. Thuở thiếu thời, Đức Ngài đã bộc lộ tư chất thông minh đỉnh ngộ, khác thường nhưng thường ngủ thiếp đi như người chết, mê man làm cho thân mẫu buồn lo, sợ Ngài yếu mệnh. Nhưng có

ngờ đâu, những lần thiếp mê man là những lần Ngài tiếp diện cõi giới vô hình và đón những huyền diệu thiêng liêng chuẩn bị hành trang cho một thiên mệnh trong tương lai khi trưởng thành.

Cuộc sống của Đức Ngài chứa đầy khó khăn và khổ não tâm hồn, nhưng vận số đã đưa Ngài dấn thân vào các học thuyết Tam Giáo Đạo. Cuộc vân du các cổ kính của chùa Phật, đi lễ nhà thờ Hồi Giáo, học chữ Nho và thâm nhập vào triết thuyết Khổng Học trung dung, lại được thực hiện phép bí tích rửa tội trong nhà thờ Kito Giáo làm Ngài có thể tổng hợp, dung hòa một đường lối nhân sinh hướng lộ mới trong xã hội tân kỳ, một xã hội mà cần lắm một học thuyết tinh thần đại đồng hòa hườn để giải quyết các vấn nạn về tinh thần tâm linh, cũng như biến loạn của nhân loại.

Bút hiệu *Ái Dân* đã phản ánh chân dung của một người hấp thụ nòng cốt tinh ba của Đạo Học mà sau này Đức Chí Tôn lấy thể tánh của Ngài lập Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Trước khi thực sự trở thành môn đệ của Đức Chí Tôn, Ngài mơ vọng khát khao, nuôi chí hướng đông du để cỡi ách nô lệ, đem lại sự tự do và ấm no cho dân tộc. Nhưng tất cả mọi việc bất thành, làm Ngài phải thất chí, chỉ biết than với trăng, gửi gió, nhắn mưa, thì thầm lủi thủi với cỏ cây thiên nhiên bằng những bài thơ và gảy khúc nhạc tiêu sầu cùng mây nước trắng thanh, ngâm phong vịnh nguyệt.

Quả thật vậy, năm Ngài lên mười tuổi, cùng thầy căn thuốc tại chợ Tây Ninh, một vị sư đã phán với cậu bé [Đức Phạm Công Tắc] *“cậu bé này vào bậc siêu phàm, sự nghiệp vô cùng cao cả”*. Sự nghiệp cao cả trên không phải là của cải vật chất thế gian, không phải là công danh phú quý, mà là sản nghiệp thiêng liêng, là thiên phận, là nghiệp đạo, tạo dựng cơ cấu khổ kỳ ba của Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế sắp sửa thi hành trên miền đất Nam Việt này. Tính chất siêu phàm cũng không phải là người văn hay, chữ giỏi mà tính chất siêu phàm vị sư muốn đề cập là sứ mạng trọng đại có thể giao thiệp với thể giới vô hình, lần chuỗi từ bi, lập cơ chánh giáo theo lời truyền dạy từ Bạch Ngọc Kinh của Đức Cao Đài Thượng Đế.

Một giấc ngủ thiếp dài đưa Ngài trở về thiên cung, một cuộc vân du đến tòa bạch cát nguy nga chói lòa, một cõi “*Diệu diệu Huỳnh Kim Khuyết, nguy nguy Bạch Ngọc Kinh* [trích Ngọc Hoàng Kinh]. Nơi đó, có vị thầy năm xưa trong bộ áo cà sa và một vị thầy áo xanh râu tóc bạc trắng và cho ăn mấy cái bánh màu trắng, uống tô nước. Sau này, Đức Ngài có viết tác phẩm Thiên Thai Kiến Diện theo thể thơ thất ngôn bát cú đường luật, biểu tả những chân lý, huyền nghĩa uyên thâm đầy ẩn ý mà chỉ có người ngự lâm thiệt cảnh mới hiểu nổi và đủ đầy ý vị mà Đức Ngài diễn đạt.

Trong cuộc du Thiên giới, có rất nhiều dữ kiện đặc biệt, như tòa lâu đài tám góc, thấy con Kim Mao Hẩu và Ngài thích và xin Thầy con đó. Ngài chợt nhớ đã đi chơi quá lâu nên vội chạy nhanh về. Bên tai nghe tiếng khóc của những người thân rên rỉ, miệng thì nói “*con chó của tôi đâu rồi*”. Ngài tỉnh giấc, người thân an lòng nhẹ nhõm. Việc ngủ thiếp đôi ba giờ hay cả ngày kỳ thực là một chuyến xuất thần về đạo thiên cung.

*“Ngoài áng Đào Nguyên sấn bước vào,
Thiên Thai Tiên đánh trước cao cao.*

...

*a trông cảnh vật đã xây tròn,
Bát hướng Đài ngừng thấy nước non.
Động cũ Thần Tiên còn để dấu,
Chùa xưa Phật tích nát hư mòn.
Chấp kinh Khổng sĩ nho phong giới,
Năm nghiệp Đào quân mãi mại khôn.
Nẻo Thánh tuy quên tay dây cỏ,
Nền Văn miếu thấy khói hương còn”*

[Trích Thiên Thai Kiến Diện]

Chuỗi ngày tháng trẻ thơ, niên thiếu và trưởng thành hoàn toàn phản phát tính chất dị thường siêu nhiên, báo hiệu những dấu ấn đặc biệt, một thiên tánh đặc thù nhân bản để khi Đức Chí Tôn xuống thế gõ cửa, Đức Ngài tức khắc trở thành một Ngự Mã Thiên Quân, một tướng soái khai đạo Cao Đài, hoàn thành thiên mạng khi cam kết với Đức Chí Tôn ở cõi thiên cung.

2. Ý nghĩa ngày mừng 05 tháng 05 Âm Lịch.

Bên dòng sông Vàm Cỏ thuộc làng Bình Lập, quận Châu Thành, tỉnh Tân An, nay đổi thành tỉnh Long An, vào tiết Đoan Ngọ, ngày mừng 05 tháng 05 năm Canh Dần [21-06-1890] nhằm năm vua Thành Thái thứ hai, một chơn linh cao trọng giáng sanh trong gia đình Ông Phạm Công Thiện và Bà La Thị Đường, được đặt tên là Phạm Công Tắc.

Ngày này còn trùng ngày ông Khuất Nguyên trầm mình dòng sông Mịch La, cũng là ngày Lưu Thần Nguyễn Triệu du Thiên Thai, còn được gọi là ngày Hàn Thực theo truyền thống Trung Hoa. Theo văn hóa Đông Phương, ngày mừng 05 tháng 05 còn có tổ chức ăn mừng tết nửa năm, gọi là tết Đoan Ngọ hay tết Đoan Dương.

Khi nền Đại Đạo Tam Kỳ ra hiện tượng, Đức Chí Tôn thực hiện cơ phong thánh đầu tiên, làm nghi lễ Hộ Pháp ngự thể nơi Ngài Pháp Công Tắc. Hội Thánh

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ Tòa Thánh Tây Ninh biết giá trị và quyền năng thể thiên hành hóa của Đức Phạm Hộ Pháp. Cho nên theo văn hóa Cao Đài, hàng năm vào ngày mùng 05 tháng 05, Hội Thánh tổ chức lễ giáng sinh Đức Phạm Hộ Pháp, tương tự như ngày mùng 08 tháng 04, kỷ niệm ngày Phật Thích Ca đản sanh.

Ngày mùng 05 tháng 05 âm lịch có ý nghĩa gì đối với văn hóa Đông Phương và đối với Đạo Cao Đài?

A. Đối với văn hóa Đông Phương:

▪ Tết Đoan Dương.

Đây là ngày tết nửa năm, còn gọi là tết Đoan Ngọ hay tết Đoan Dương. Truyền thống này được các quốc gia Việt Nam, Đài Loan, Nhật Bản, Triều Tiên, Trung Quốc hưởng ứng theo thông lệ, duy trì đến ngày hôm nay.

▪ Ngày Ông Khuất Nguyên trầm mình nơi dòng sông La Mịch.

Theo văn hóa Trung Hoa, ông Khuất Nguyên sống trong nước Sở, làm chức Tả Đồ, là nhà chính trị gia thao lược, tài cao, học rộng, nhớ dai, tài văn chương tài tình, một nhà thơ yêu nước, trung thành, cương trực thời chiến quốc. Chính vì những tính chất lịch lãm, tài hoa, trung thành nên được vua quý trọng. Trong khi đó, các quan thần khác lại ganh ghét, tìm cách hãm hại Ông. Vua nghe lời gièm pha của nịnh thần tâu méc, trở nên không trọng dụng Ông. Ông trở nên ưu tư, sầu buồn thời thế, sáng tác những tác phẩm văn học bất hủ để đời.

Chưa dừng lại đó, nhà vua Sở Tương còn đày Ông ra Giang Nam thuộc phía Nam sông Dương Tử. Lòng trung thành, dạ ngay thẳng bị vua đối trị như thế, Ông ôm phiền, trở nên thất chí, ca hát suốt ngày vì nghĩ rằng Ông đã sống trong thời đục, không đúng thời của bậc quân tử. Ngày kia, Ông ôm phiền đá gieo mình nơi dòng sông La Mịch. Người dân tưởng nhớ về Ông, nên tổ chức ngày mùng 05 tháng 05 âm lịch, kỷ niệm ngày mất của Ông, phong tục ấy trở thành ngày tết Đoan Dương.

Những tác phẩm thi ca và văn học của Ông đã đóng góp lớn trong văn hóa cổ Trung Hoa thể hiện nỗi buồn vì đất nước suy vong, quan lại nịnh thần gian tham. Nên khi Ông tự vẫn ngày mùng 05 tháng 05, dân làng nơi đó tìm cách cứu Ông nhưng không thành. Bằng sự tưởng nhớ người quân tử trung thành, mỗi năm cứ vào ngày đó, người dân làm bánh quắn ngũ sắc ném xuống sông để cúng Ông.

Ông đã từng than với dân chài rằng: *“Cả đời đục cả, một mình ta trong; mọi người say cả, một mình ta tỉnh; bởi vậy nên ta phải bị bãi chức”*. Buồn thế sự, Ông cho rằng thà quyên sinh để thân dưới nước, còn hơn thân thể dính bẩn.

▪ Ngày Lưu Thần - Nguyễn Triệu du Thiên Thai.

Bên nước Trung Hoa tại tỉnh Triết Giang, có ngọn núi tên là Thiên Thai. Danh từ này thường chỉ cõi tiên giới. Tương truyền ngày tết Đoan Ngọ mừng 05 tháng 05 là ngày hai chàng Lưu Thần-Nguyễn Triệu lên núi hái thuốc và lạc lối về.

Trong suốt 13 ngày liền, hai chàng chỉ nhịn đói, uống nước cầm sự sống. Nên quanh quẩn trên núi tìm đường về, bỗng phát hiện cây đào có trái chín. Hai chàng vội vã đến ăn, sức khỏe và tinh thần trở nên khoái lạc. Khi khát nước, tìm được dòng suối và uống no, lại phát hiện lá cây tươi trôi trên dòng suối nên nghĩ là có người sống đâu đây. Lưu Thần-Nguyễn Triệu gắng tìm kiếm thì phát hiện thêm chén cơm vùng, hai chàng vội ăn hết. Sau lại gặp hai cô gái tuyệt sinh đẹp. Hai cô gái mời hai chàng về nhà và tể hai hướng Đông và Nam. Cuộc gặp gỡ được thiết đãi yến tiệc có món lạ, rượu ngon. Hai nàng nói là để mừng cô dâu và chú rể tác duyên lương hợp.

Sống nơi Thiên Thai có rèm che, cỏ cây hoa lá tươi thắm được 10 ngày, hai chàng bỗng nhớ nhà và đòi về, năn nỉ hai nàng chỉ đường về. Ngược lại, hai nàng lại năn nỉ hai chàng ở lại, hai chàng xiêu lòng mà ở lại nửa năm. Một ngày khác, hai chàng đòi về vì nhớ nhà khôn xiết, biết không thể cầm được, hai nàng bèn chỉ đường về và tiễn hai chàng Lưu Thần-Nguyễn Triệu xuống núi.

Khi về đến quê nhà, cảnh vật hoàn toàn xa lạ vì nửa năm ở cõi thiên thai bằng nhiều đời người ở thế gian. Tìm người thân không ra, nên Lưu Thần-Nguyễn Triệu tìm con đường trở lên Thiên Thai nhưng mất dấu tích. Quê nhà không tìm được, Thiên Thai cũng lạc mất dấu.

▪ Ngày Hàn Thực.

Ngày Hàn Thực còn gọi là tết Hàn Thực. “Hàn Thực” nghĩa đen chỉ các món ăn lạnh. Nhân ngày này, người dân xay bột, làm bánh trôi nước chay, xôi chè để cúng Phật Tiên và tổ phụ ông bà. Truyền thống này được thực hiện ở một số tỉnh Trung Hoa, miền Bắc Việt Nam và một số cộng đồng người Hoa đang sống rải rác khắp nơi trên thế giới.

Diễn tích Trung Hoa thuật về vị vua Tân Văn Công nước Tân thời Xuân Thu gặp hoạn nạn, nay nước này, mai nước đó, lưu lạc bốn phương. Thời bấy giờ, hiền sĩ Giới Tử Thôi đã tình nguyện theo vua để bày mưu kế giúp vua.

Ngày kia, trên đường lánh nạn, vì đói quá, Giới Tử Thôi lén cắt phần thịt ở đùi nấu và dâng cho vua dùng cứu đói. Nhà vua tìm hiểu sự tình thì mới biết sự việc, đem lòng cảm kích vô biên. Giới Tử Thôi theo phò nhà vua ròng rã chín năm liền qua nhiều gian truân, khổ não.

Sau, nhà vua giành lại được ngôi và phong tước nhiều vị công thần, tiếp đãi trọng hậu trong triều đình. Nhưng tiếc thay, vua quên hiền sĩ Giới Tử Thôi. Giới

Tử Thôi cho rằng mình không có công gì, cũng chỉ là nghĩa vụ quân-thần mà thôi, ông bèn dẫn mẹ vào núi Điền Sơn trú ngụ.

Mãi thời gian sau, vua nhớ ra, sai người tìm và mời Giới Tử Thôi về lãnh thưởng. Giới Tử Thôi quyết không rời núi, nhà vua ra lệnh đốt rừng với chủ ý là ép Giới Tử Thôi về triều đình. Giới Tử Thôi quyết không tuân mạng rời núi.

Kết cục, hai mẹ con chết cháy trên núi. Nhà vua thương xót, lập miếu thờ, cấm nhân dân đốt lửa trong 03 ngày, chỉ ăn đồ nguội đã nấu sẵn để tưởng niệm Giới Tử Thôi. Ba ngày từ ngày mùng 03 đến mùng 05 Âm Lịch.

Theo Trung Tâm Nghiên Cứu Lý Học Đông Dương, tết Hàn Thực được xem là tết Đoàn Ngộ. Việc đồng hóa so sánh này còn gây nhiều tranh cãi trong giới học giả nghiên cứu văn hóa nhân loại. Các nghiên cứu còn bất tương đồng ở chỗ tết Hàn Thực bắt nguồn từ Trung Hoa hay Việt Nam.

Theo Tiến Sĩ Nguyễn Ánh Hồng-Trưởng Khoa Văn Hóa Phát Triển cho rằng, tết Hàn Thực bắt nguồn từ Trung Hoa. Tuy nhiên, khi du nhập vào Việt Nam, văn hóa cổ truyền đó được đồng hóa trong các dữ kiện tâm linh và văn hóa Việt Nam, giống như các văn hóa tôn giáo khi truyền bá và du nhập vào Việt Nam, tức khác có những dị biệt, canh tân do tổ tiên ông bà người Việt, để vừa bảo tồn đạo pháp, vừa vẫn giữ những đặc tính văn hóa dân tộc không mai một.

Theo tư liệu của sách An Nam Phong Tục, ngày Hàn Thực được du nhập vào Việt Nam, nó đã hợp nhất với tết bánh trôi nước, bánh chay, tạo thành một năng lực và tính chất đặc thù của bản sắc dân tộc Việt. Dầu sao, các học giả chưa minh chứng nguồn gốc và đặc tính, nhưng chúng ta cũng có thể thấy sự khác biệt trên hình thức nào đó mà thôi, lại càng hiểu được giá trị nhân bản về mặt tôn giáo học đối với ngày Hàn Thực.

▪ **Năm Thành Thái thứ II.**

Vua Thành Thái là một vị vua rất trẻ tuổi, tên là Nguyễn Phúc Bửu Lân, một vị hoàng đế thứ 10 của triều đại nhà Nguyễn, lên ngôi vị năm 1889. Vua Thành Thái là vị vua có khí khái, cầu tiến, thích canh tân, yêu nước, thực hiện các cuộc vận động chống Pháp khi còn nhỏ tuổi, là người thích tân ngữ chữ Hán của Trung Hoa, tiếng Nhật để lồng ghép vào tinh thần tự cường của dân tộc và đầu óc cải cách mới theo thời, mục đích này để giao thiệp và tìm con đường tự do cho dân tộc, cởi ách đô hộ của ngoại bang.

Dưới triều Thành Thái tuy vẫn còn có những cuộc vận động chống Pháp, nhưng nhìn chung Việt Nam cũng đã đi vào ổn định, nên đã có nhiều công trình mới được xây dựng. Nhất là ở kinh đô Huế, các bệnh viện, trường Quốc học, chợ Đông Ba, cầu Tràng Tiền... đều được xây dựng vào thời kỳ này. Như trường hợp

trường Quốc học Huế năm 1896, chính nhà vua đã gợi ý vấn đề thành lập với Thượng Thư Ngô Đình Khả. Chính quyền thực dân Pháp phải đồng ý cho tiến hành những công trình đó.

Ông ghét quan thần xu nịnh và những người liên minh với Pháp. Pháp e ngại với các bản vẽ về loại vũ khí do Ông chủ trương chế tạo. Pháp buộc Ông phải ký vào “giấy tạ tội” với Pháp nếu muốn tại vị, nhưng Ông không ký, ngược lại còn ném tờ ấy xuống đất. Ngày 29 tháng 07 năm 1909, Ông không ký sắc lệnh phê chuẩn bổ nhiệm quan lại do Khâm Sứ Pháp và Hội Đồng Thượng phê chuẩn, tên khâm sứ tuyên bố truất phế vua Thành Thái và quản thúc trong đại nội.

Ngày 03 tháng 09 năm 1907, triều thần theo lệnh Pháp dâng vua dự thảo thoái vị vì lý do sức khỏe, không đảm bảo điều hành và xin tự thoái vị. Khi đọc, vua Thành Thái chỉ cười nhạt rồi quay lưng đi.

Năm 1916, Ông bị đày sang ngoại quốc cùng với con là vua Duy Tân. Thành Thái và Hoàng phi Chí Lạc dạy các con tiếng Việt và cả những nhạc cụ dân tộc như đàn cò, sáo... Ông tự phân công cho tất cả những người con từ nhỏ đến lớn đảm nhận công việc trong gia đình. Các công chúa phụ mẹ việc bếp núc, làm vườn. Các hoàng tử, người thì làm cận vệ cho Thành Thái, người đảm nhận lo phần trầu cau, điểm tâm sáng, người phụ dọn dẹp nhà cửa. Tháng 3 năm 1953, ông được phép về Huế thăm lăng tẩm cha mẹ.

Ông mất ngày 20 tháng 3 năm 1954 tại Sài Gòn và được an táng tại khuôn viên thành An Lăng [lăng Dục Đức] tại xã An Cựu, huyện Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên, thọ 75 tuổi.

B. Đối với văn hóa Cao Đài.

Ngày mùng 05 tháng năm là ngày đản sinh của Đức Phạm Hộ Pháp, ngày mà Đấng Tam Thế Thiên Tôn giáng sanh, tự hạ mình tình nguyện thay Đức Chí xuống thế cầm bửu pháp, lập nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ để cứu rỗi chúng sanh, thực hiện luật Thương Yêu, quyền Công Chánh trong thời kỳ văn hóa đạo đức suy đồi, lũng bại. Tưởng nghĩ ngày này rất ý nghĩa đối với toàn thể tín đồ Cao Đài. Ngày ấy là ngày hạnh phúc của dân tộc Việt Nam và hoàn cầu.

“Bản Đạo xin để lời cảm ơn toàn thể, Thánh Thể Đức Chí Tôn, các nhà cầm quyền và các cơ quan Chánh trị Đạo, mấy em nam nữ lưỡng phái, mấy con Đồng Nhi nam, nữ.

Hôm nay cả thầy con cái Đức Chí Tôn đến tại Đền Thánh cầu thọ cho Bản Đạo, tưởng cái phúc hạnh Đức Chí Tôn đã ban cho Bản Đạo hưởng tại thế đã nhiều lắm, đã quý báu lắm rồi, Bản Đạo tưởng dầu cho một ngày kia về nơi cảnh

Thiên Liêng Hằng Sống ơn nghĩa này cũng chẳng quên đặng nhau” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q.6, bài 12].

C. Sơ luận.

Các dữ kiện như ngày tết Đoan Nguyên, ngày Hàn Thực, Lưu Thần-Nguyễn Triệu du Thiên Thai, năm vua Thành Thái là một trong các nguyên do ít nhiều liên quan đến ngày Đức Phạm Hộ Pháp giảng sanh. Các Chức Sắc Đạo Cao Đài Tây Ninh khi nói về sử liệu của Đức Ngài cũng không quên kèm theo các cụm từ này, với chủ ý ngày giảng sanh của Đức Ngài có tương quan ít nhiều.

Dù vô tình hay cố ý, ở một góc độ tâm linh, các điển tích đã nói lên phảng phất thể tánh của Đức Phạm Hộ Pháp. Ở góc độ cá nhân, ngày mừng 05 tháng 05 là ngày trọng đại đối với nền tôn giáo Cao Đài.

Nên, việc tổ chức lễ giảng sanh là lễ quý trọng mà toàn thể tín đồ Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh cần nhớ vì đó là ngày của một vị Phật, Đấng Ngự Mã Thiên Quân của Đức Chí Tôn xuống thế, nắm quyền năng truyền từ nơi Huỳnh Kim Khuyết để thực hiện sứ mạng cao trọng, đốt sáng ngọn linh đăng, đưa con cái của Đức Chí Tôn giựt tắn trên con đường hồi hương về nước thiên liêng hằng sống.

C. Các vấn đề xung quanh sự tồn tại nghi tiết và bãi bỏ Lễ Giảng Sanh.

Lịch sử nhân loại coi trọng ngày lễ hay vía của một nhân vật lịch sử, người có công đóng góp vào nền tảng tri thức cho thế hệ mai sau một chân giá trị về mặt hình thức hay tinh thần.

Đối với tôn giáo, ngày lễ đàn sanh hay ngày quy thiên của một vị lãnh đạo tinh thần mang một ý nghĩa và tầm quan trọng rất lớn đối với hệ thống tín ngưỡng, bởi chính ngày đó sẽ nhắc nhở những người môn sinh nhớ về đời sống của Đấng đó trong suốt quá trình dâng hiến cho sự nghiệp đạo pháp, đem nguồn pháp lạc cho chúng sanh hưởng và noi theo cái gương hạnh và lời truyền dạy.

Trong Đạo Cao Đài, ngoài các đàn vía trọng hệ như Đại Lễ Vía Đức Chí Tôn, Đại Lễ Hội Yến Diêu Trì Cung, Vía các Đấng Tam Giáo, Tam Trấn...thì ngày đàn sanh và ngày triều Thiên của Đức Phạm Hộ Pháp tất yếu mang ý nghĩa lớn lao đối nền Đạo.

Căn cứ vào Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo do Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ-Tòa Thánh Tây Ninh ấn bản năm Ất Mão-1975, được sự kiểm duyệt của Ngài Bảo Đạo Hồ Tấn Khoa - Trưởng Ban Kiểm Duyệt Kinh Sách ấn ký ngày 03 tháng 02 năm Nhâm Tý [1972], ngày Đức Phạm Hộ Pháp quy Thiên được dùng là “*Lễ kỷ niệm Đức Hộ Pháp Quy Thiên-Tiểu Lễ*” được tổ chức ngày mừng 10 tháng 04 hàng năm. Ngày mừng 05 tháng 05, tức là ngày Đức Phạm Hộ Pháp giảng sanh gọi là “*Lễ kỷ niệm sanh nhật Đức Hộ Pháp-Tiểu Lễ*”.

Như vậy, theo quyển kinh Hội Thánh ấn bản năm 1975, cả hai điều thực hiện theo nghi tiết Tiểu Lễ hay Tiểu Đàn và dùng đồng hóa ngày đản sanh và ngày triều Thiên cùng một chữ “Lễ”.

Theo các ấn bản Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo, chúng tôi thấy thống nhất chữ “Lễ” dành cho ngày quy Thiên, chữ “Vía” để chỉ ngày đản sanh. Đây cũng là góp ý từ một số vị lão thành vùng Thánh Địa Tây Ninh. Chúng tôi không dám có ý phê phán Hội Thánh, chỉ nêu vấn đề và mong Hội Thánh xem xét và thống nhất quy cũ.

Đối với ngày đản sanh, tức là lễ sinh nhựt của Đức Phạm Hộ Pháp, có nhiều chuyển biến từ khi Đức Ngài còn hữu hình cho đến ngày hôm nay.

Trong các tư liệu về tiểu sử Đức Hộ Pháp của nhiều tác giả hay các văn kiện của Hội Thánh chưa chứng minh được lễ sinh nhựt của Đức Phạm Hộ Pháp do Hội Thánh tổ chức có từ giai đoạn nào, mốc lịch sử nào. Nhưng hàng năm, vào ngày mùng 05 tháng 05 đều được tổ chức long trọng từ 1972 trở về trước, có cúng đàn tại Tòa Thánh trung ương và các Thánh Thất địa phương.

Nhìn nhận tổng quan xung quanh ngày Thánh Đán Đức Phạm Hộ Pháp, có các dữ kiện như sau:

▪ ***Khác nhau về mặt thời gian.***

Căn cứ vào đàn cơ tại Cung Đạo Tòa Thánh Tây Ninh ngày 25 tháng 06 Nhâm Tý, nhằm ngày dương lịch ngày 04 tháng 08 năm 1972 lúc 8 giờ 15 phút, Ngài Bảo Đạo Hồ Tân Khoa thỉnh ý kiến Đức Hộ Pháp về việc tổ chức lễ Thánh Đán, Đức Hộ Pháp nói bãi bỏ. Như vậy, căn cứ vào đàn cơ này, ngày Thánh Đán không còn tồn tại từ mốc năm 1972.

Trong khi đó, quyển Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo do Hội Thánh ấn bản năm 1975 tại mục “*Ngày lễ và vía các Đấng*” lại có ghi đàn cúng Thánh Đán theo nghi tiết tiểu đàn, tức là vẫn tổ chức ngày lễ mừng sinh nhựt Đức Phạm Hộ Pháp.

Chúng tôi thấy sự khác nhau về mặt thời gian và không biết nghi tiết này được Hội Thánh tổ chức và ngừng từ mốc lịch sử năm 1972 hay năm 1975. Chắc chắn trong tương lai, các nhà sử Đạo cũng sẽ khảo cứu và có một đáp án chính xác về việc đã tổ chức và chấm dứt khi nào.

▪ ***Nghi tiết cúng Tiểu Đàn và Đại Đàn.***

Hội Thánh Đại Đạo đã thiết lễ mừng ngày giáng sanh Đức Phạm Hộ Pháp trong nhiều năm liên tục. Tuy nhiên, có một điều khác nhau về mặt nghi tiết thiết lễ cúng Đại Đàn hay Tiểu Đàn là một vấn đề có sự thay đổi.

Kể từ đàn cơ tại Cung Đạo Tòa Thánh Tây Ninh nói trên đã thỉnh ý kiến Đức Hộ Pháp, nghi tiết thiết lễ mừng ngày Thánh Đán Đức Ngài không còn nữa.

Lòng kính trọng vô biên đối với Đấng Thượng Tôn Quản Thế Phạm Hộ Pháp của nhơn sanh vẫn chưa hề dòi dỏ, nên nguyện vọng của đại đa số nhơn sanh muốn được phép cử hành lễ kỷ niệm Đức Ngài giáng sanh.

Vào năm Giáp Dần [1974], Đại Hội Phước Thiện diễn ra, nhơn sanh đồng biểu quyết và đệ trình lên ba nguyện vọng. Trong đó, đệ trình xin phục hồi lại lễ sinh nhật Đức Ngài. Đến năm 1975, Hội Thánh Ban Thánh Lịnh số 23 ký ngày 09 tháng 04 năm Ất Mão, nhằm ngày dương lịch ngày 19 tháng 05 năm 1975, ghi:

“Chấp thuận cho toàn Đạo thiết lễ: Mừng Giáng Sanh Đức Hộ Pháp” và thực hiện theo nghi tiết cúng Tiểu Đàn. Tuy nhiên, chỉ trong vòng 23 ngày, Hội Thánh ban hành Thánh Lịnh số 24, ký ngày 22 tháng 04 năm Ất Mão [dương lịch ngày 01 tháng 06 năm 1975] *“Kể từ nay Hội Thánh thiết lễ cúng Đại Đàn “Mừng Ngày Giáng Sanh Đức Phạm Hộ Pháp”*.

Theo đó, chúng ta thấy ngày mừng 05 tháng 05 được tổ chức theo nghi tiết Tiểu Đàn và Đại Đàn tại Tòa Thánh đêm mừng 04 sáng mừng 05 tháng 05, còn tại Thánh Thất địa phương cúng trưa ngày mừng 05 tháng 05, có sự thay đổi trong từng mốc lịch sử.

▪ ***Bãi bỏ nghi tiết cúng mừng ngày giáng sanh Đức Ngài.***

Nội dung đàn cơ mà Ngài Hồ Bảo Đạo thỉnh ý Đức Hộ Pháp như sau:

“...xin Đức Ngài dạy nên giữ ngày Lễ Sinh Nhật của Đức Ngài vào ngày mừng 05 tháng 05 mỗi năm theo lòng nhơn sanh sở vọng hay không?...”

Đức Hộ Pháp dạy: *“Bãi bỏ. Nhơn sanh lầm tưởng Bản Đạo cần sự việc ấy lắm sao?...”*

Từ đàn cơ nêu trên diễn ra năm 1972, sau hai năm, nhơn sanh đệ trình thỉnh nguyện lên Hội Thánh trong Đại Hội Phước Thiện, được phục hồi lại việc thiết lễ mừng ngày giáng sanh Đức Ngài. Nhưng một năm sau, Thánh Lịnh năm 1975 ban hành, cho phép tiến hành nghi tiết cúng như cũ.

▪ ***Nhìn nhận chung ngày Thánh Đán của một Bậc Thiên Tôn Hộ Pháp giáng sanh.***

Đức Phạm Hộ Pháp là một vị lãnh đạo tinh thần vào hàng bậc nhất trong nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, là vị Giáo Chủ hữu hình, Ngài là một trong Tam Thế Phật giáng sanh, Đấng Ngự Mã Thiên Quân của Đức Chí Tôn hạ mình, gánh vác thay Đấng Thượng Đế để mở một con đường cứu khổ cho toàn thể nhơn loại.

Thời Đức Ngài còn sinh tiền, Hội Thánh hàng năm vào ngày mừng 05 tháng 05 đến chúc thọ và thiết lễ long trọng. Dù Đức Ngài triều Thiên và theo lời thỉnh ý

của Đức Sắc hữu hình và được chỉ dạy bài bỏ của Đức Ngài, thiết tưởng ngày mừng 05 tháng 05 là ngày trọng đại trong nền đạo Cao Đài.

Trong các nền tôn giáo xưa này, các môn sinh đối với bậc giáo chủ của họ chưa hề thay đổi, dù mấy ngàn năm trôi qua, sự kính trọng một mực như khuôn và vẫn thiết lễ để kỷ niệm ngày đản sanh của bậc giáo chủ đã xuống thế gian, lập một học thuyết tâm linh cứu cánh.

Đối với Đức Phạm Hộ Pháp, Ngài là Đức Chúa Cứu Thế phục sinh trong lòng thương yêu của Đức Chí Tôn, trong sứ mạng của Đức Thượng Đế để làm nhiệm vụ thời Tam Kỳ Phổ Độ, nên toàn thể nhơn sanh Đại Đạo hoàn toàn đời đời và vĩnh viễn sùng ngưỡng ngày Thánh Đản của Đức Ngài.

Sự kính trọng yêu kính của nhơn sanh đối với Đấng Thiên Tôn Hộ Pháp cũng giống như niềm tin vào triết lý giải thoát mà Đức Chí Tôn đem xuống thế qua bàn tay của Đức Phạm Hộ Pháp. Rồi đây, chúng tôi tin ngày mừng 05 tháng 05 vẫn là ngày bất hủ đối với nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ-Tòa Thánh Tây Ninh.

3. Ngài Phạm Công Tắc đến với Đạo Cao Đài.

Vào những năm đầu thế kỷ thứ 20, phong trào xây bàn, cầu cơ, chấp bút đã phát triển nhiều nơi ở Việt Nam, đặc biệt là lục tỉnh Nam Kỳ. Chủ ý của việc này nhằm vào việc mua vui, xin thuốc Tiên trị bệnh hay muốn khám phá vào cõi giới vô hình, tìm hiểu sự vận hành của máy thiên cơ của những người ham thích tâm linh học, hầu phá giải những nghi vấn trong đầu.

Các phương thức tiếp xúc với thế giới vô hình này đã từ lâu tồn tại ở Phương Tây như cầu cơ, chấp bút. Còn Ngũ Chi Phật Giáo là Minh Sư, Minh Lý, Minh Đường, Minh Tân, Minh Thiện ở Việt Nam thì sử dụng huyền cơ để lãnh ngộ sự nhiệm mầu vô hình, học hỏi, cũng như thọ lãnh những trách vụ giao phó của các Đấng Phật, Tiên.

Cụ thể hóa đối với Việt Nam, những năm đầu tiên bán thế kỷ hai mươi, những phương pháp trên bắt đầu du nhập và rải rác xảy ra ở một số nơi trong các hoạt động xin thuốc chữa bệnh, các hoạt động thần linh giao cảm hay sinh hoạt tôn giáo tâm linh, hoặc các cuộc họa đàm thi thơ.

Đấng Thượng Đế Cao Đài trước tiên đã đến với Ngài Ngô Minh Chiêu, cho Ngài Chiêu thấy nhiều điều huyền diệu, hiện Thiên Nhân ba lần trước mặt và độ Ngài Chiêu thành môn đệ Đấng Cao Đài đầu tiên. Vì tánh đức và đạo hạnh của Ngài Chiêu đủ làm Anh Cả trong hàng môn đệ Cao Đài, nên Đức Chí Tôn hóa chuyển cho Ngài đủ đức tin và chọn Ngài vào ngôi vị Giáo Tông để sau này gánh vác trọng trách phổ độ nhơn sanh. Do thời Pháp cuộc, Ngài Chiêu vẽ Thiên Nhân

thờ trên thiên bàn nhưng quay vào trong. Chỉ có Ngài Chiêu biết việc này và âm thầm thờ phụng Đấng Cao Đài trong nhiều năm trường.

Ngài Phạm Công Tắc hạ sanh trong môi trường thân phụ theo đạo Công Giáo, thân mẫu theo đạo Phật, Ngài lại đi học Nho Giáo. Đức Ngài còn tiếp cận nền văn hóa tinh thần Tây Phương từ nhỏ đến khi trưởng thành. Tất cả yếu tố này dường như là điều kiện cần và đủ để khi Đức Ngài gánh vác trọng trách thiêng liêng, xây dựng một nền giáo pháp tổng hợp cả Tam Giáo Đạo, tức là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, gọi tắt là Đạo Cao Đài.

Đạo Cao Đài tất nhiên không phải là nên tôn giáo từ sự gom hợp bình thường. Nếu chỉ là sự cộng hợp thuần túy đơn giản, thì việc quy nhất đó chỉ mang tính chất thừa, vì triết lý Tam Giáo Đạo đã được truyền thừa mấy ngàn năm nay, có thiên kinh vạn quyển cho hơn loại thừa hưởng cái hào sản tâm linh đặc thù của mỗi giáo pháp.

Đại Đạo Tam Kỳ phải là một nền tôn giáo có những luồng thoát khí, nguồn sanh quang, thể tính tinh lực, có thể lao xã tắc, đưa hơn loại đến một trật tự bình trị đại đồng, lấy hơn nghĩa yêu thương làm căn bản. Đạo Cao Đài lại phải xoay chuyển theo dòng vận hành cơ pháp thiêng liêng, để đủ năng lực độ rỗi chúng sanh. Cho nên, Đại Đạo phải có nền tảng triết lý nhân sinh quan dung hòa tư tưởng triết lý hữu hình, phải có một vũ trụ quan mới mẻ lột tả được chơn pháp vũ trụ.

Lại nữa, nếu luận yếu lý của Đại Đạo, tức là Đạo Cao Đài, chúng ta cần hiểu những giá trị rột ráo trong thời tam kỳ vận chuyển mà Đức Chí Tôn muốn chính mình Ngài ngự trị, bày pháp giới cứu độ sanh chúng, không giao Chánh Pháp cho tay phàm nữa.

Đạo Cao Đài thờ Quả Càn Khôn nằm trong Bát Quái Đài, chính giữa thờ Thiên Nhân tượng Thần thiên lương của toàn vạn linh. Đây là một nguyên lý độc nhất vô nhị trong lịch sử cổ kim của các nền tôn giáo. Nghĩa là việc thờ Thiên Nhân nhằm bảo tồn triết lý hơn sanh trong đạo pháp. Quả Càn Khôn còn tượng lý Âm-Dương của Trời Đất, tức là đạo. Phật, Tiên, Thánh, Thần và vạn vật cũng từ sự hòa hườn của hai lý này mà sinh ra.

Cái siêu nhiên diệu lý của nghi thức thờ phụng này tượng cả ngươn khí của Chí Linh, còn cái vật thể biểu thị cho Vạn Linh. Cho nên, diệu pháp thờ phụng đã nói lên chữ Đạo, có Thiên Địa, Vạn Vật, lại tượng Đức Chí Tôn ngự trị cả pháp giới, làm chủ cả Phật, Pháp, Tăng.

Đối với Ngài Phạm Công Tắc, lòng thương dân ái quốc nồng nàn. Tánh cách của Ngài đã cho thấy Bi-Trí-Dũng vẹn toàn. Vì lòng ái truat, thương sanh, thấy cảnh dân tộc triền miên đồ thán, chịu nhiều sự đàn áp và thống trị của ngoại bang,

nên Ngài vẫn tìm đủ mọi cách tham gia các phong trào kháng chiến chống giặc ngoại xâm.

Nhưng rồi giấc mộng Đông Du bất thành, con đường cỏi ách nô lệ của Ngài bỗng rụng tan biến. Điều này đôi phần làm Ngài thất chí. Có thể nói, sự giao thoa giữa đời và đạo cũng là tiền đề để Ngài hoàn toàn từ bỏ tư tưởng chính trị, chỉ lưu lại bốn chữ “*tôn giáo, dân tộc*” mà thôi.

Cuộc đời công chức của Ngài không làm Ngài an vui nên ngoài giờ làm, Ngài nhóm họp cùng những bạn chí hướng, nhân sĩ trí thức, tương giao, tri kỷ để giải khuây, bàn chuyện thế sự, hàn huyên chuyện nhân sinh.

Trong khi đó, Ngài Phạm Công Tắc vẫn là người ưu sầu gia cảnh, chán nản tang thương nước nhà phải chịu nô lệ ngoại bang. Mọi sự cố gắng đem ánh sáng cho nước nhà vẫn thất bại.

Trước tình cảnh ấy, với bản tính hiền lương, mến đạo đức, ham văn chương và đã tiếp xúc với các triết lý Tam Giáo, nên đã muốn tìm hiểu các diễn biến vô hình coi ra lẽ nào. Vì buồn tuổi dân tộc đồ thán, trầm mình trong khói lửa nô lệ, Ngài cùng Cao Quỳnh Cư, Cao Hoài Sanh, Trương Hữu Đức, Nguyễn Trung Hậu thử nghiệm việc xây bàn dựa theo nguyên tắc thông linh học tây phương, để tìm hiểu cảnh giới siêu nhiên vô hình.

Đến tháng 06, năm 1925, trong cuộc hàn huyên tâm sự với các bạn chí thân, những người bạn này luôn cùng chí hướng, ham thi thơ, đờn ca tài tử, đề cập hiện tượng xây bàn ở một số nơi rất hay và thế là Ngài chú ý. Sau đó, mời ông Cao Quỳnh Cư, Cao Hoài Sang, Nguyễn Trung Hậu, Trương Hữu Đức để bàn việc xây bàn.

Đến tháng 07 năm 1925, quý Ngài Cao Quỳnh Diêu, Cao Quỳnh Cư, Cao Hoài Sang thực hiện cuộc xây bàn đầu tiên. Ngày đầu không mang hiệu quả, đến ngày thứ hai thì có tiến triển. Vì kết thông được, Ngài lấy làm niềm vui hơn hờ. Kể từ ngày ấy, tâm chí chỉ đề nơi việc xây bàn mà thôi. Ngoài thời gian đi làm, Ngài nôn nao về đêm để xây bàn, tiếp các nguồn điển vô vi.

Từ sự mơ hồ về việc xây bàn tiếp xúc với cõi hư linh, nay chút ít nắm được cánh cửa vô vi, nên Ngài vững tâm dùng chìa khóa đức tin vô tận trong bốn thể để đi thẳng tận hằng sông vô vi.

Việc xây bàn ban đầu khó khăn lắm bởi vì có rất nhiều vong linh đến ghi tiếng Anh, Pháp, Hoa..., các Ngài vẫn không nản, có khi các Ngài xây bàn đến tận 1-2 giờ sáng. Đến khi công việc đem lại thành công, các Ngài lấy làm vui, phấn khởi. Ban ngày làm bận rộn nhưng trông về đêm để thưởng lãm thú tao nhã, họa

thi với các nữ thi sĩ có bút pháp rất tài hoa. Dần dần, tình mến mộ của các Ngài với các Đấng vô hình trở nên gắn kết, không còn xa lạ.

Ngay sau đêm thứ hai nhằm ngày 26 tháng 07 năm 1925, ba Ngài lại xây bàn đúng 24 giờ, có một vong linh nhập bàn, gõ chữ ráp thành bài thi bát cú Đường luật như sau:

*“THI
Ly trần tuổi đã quá năm mươi,
Mi mới vừa lên ước dặm mười.
Tổng mến lời khuyên bên mộ chếp,
Tình thương căn dặn gắng tâm đời.
Bên màn đôi lúc trên hồn phách,
Cõi thọ nhiều phen dặm dặm thanh thời.
Xót nỗi vợ hiền còn lặn cùm,
Gặp nhau nhẩn nhủ một đôi lời.
Ký tên Cao Quỳnh Tuân”*

Cao Quỳnh Tuân là thân phụ của Ngài Cao Quỳnh Cư, qua đời đã 25 năm, đắc vị Xuất Bộ Tinh Quân. Thấy ký tên như vậy, các Ngài lấy ngậm ngùi, xúc động vì thơ mang đậm tình thân cúc dục. Từ đây, các Ngài càng có lòng tin, càng tinh tấn và ham công việc tiếp cận vô hình này như một thứ tiêu dao không thể thiếu.

Việc xây bàn càng thuận lợi hơn. Sau đó, nhằm ngày 30 tháng 04 năm 1925, bà Đoàn Ngọc Quế là Thất Nương Diêu Trì cung giảng thi. Bài thi xuất chúng, văn thơ tao nhã làm cho cảm hứng của các Ngài càng thích hơn nữa.

Hàng đêm, việc xướng họa diễn ra và cứ thế tiếp nối. Đến ngày 15 tháng 08 năm 1925, bà Đoàn Ngọc Quế mới kết nghĩa huynh đệ muội. Ngài Cao Quỳnh Cư là trưởng ca. Ngài Phạm Công Tắc làm nhị ca. Ngài Cao Hoài Sang làm tam ca. Bà Đoàn Ngọc Quế là tứ muội và cho thơ:

*“Nỗi mình tâm sự tỏ cùng ai,
Mạng bạc còn xuân uống sắc tài.
Những ngỡ trao duyên vào ngọc các,
Nào dè phải nợ xuống truyền đài.
Dưỡng sinh cam lỗi tình sông núi,
Tơ tóc thôi rồi nghĩa trúc mai.
Đón dập tương tư oằn một gánh,
Nỗi mình tâm sự tỏ cùng ai”*
[Nữ thi sĩ Đoàn Ngọc Quế].

Ngài Phạm Công Tắc họa lại như sau:

*“Ngân bút hòa thi tui phận ai,
Trời xanh vội lấp nữ anh tài.
Tình thâm một gánh còn dương thế,
Oan nặng ngàn thu xuống dạ đài.
Để thăm xuân đường như ác xế,
Gieo thương lữ khách ngóng tin mai.
Hiềm vì chưa rõ đầu đuôi thế,
Ngân bút hòa thi tui phận ai”.*

Bà Đoàn Ngọc Quế sau xưng là Thất Nương nơi Diêu Trì Cung, lại chỉ các Ngài sử dụng cơ bút. Chính phương pháp Bà Thất Nương chỉ dạy, nên việc thông công và trao đổi trở nên dễ dàng bội phần. Sau, Bà lại cho các Ngài hay rằng, trên cõi thiên liêng có chín vị Tiên Nương hầu Đức Cửu Thiên Huyền Nữ, tức là Đức Diêu Trì Kim Mẫu. Muốn được tiếp xúc với Đấng này, các Ngài phải chay tịnh ba ngày và phải sử dụng ngọc cơ mới cầu được.

Ngày 14 tháng 8 năm Ất Sửu [1925] theo lời dạy, các Ngài chuẩn bị trang hoàng nhà cửa, sắm sửa và làm một buổi yến tiệc để tiếp đón Đấng Cửu Thiên Huyền Nữ và Cửu Nương. Tất cả đại tịnh và Đức Cửu Thiên Huyền Nữ tức là Đức Phật Mẫu về chào mừng. Chín vị Cửu Nương cũng cho thi cảm mến và nói rằng có Ngọc Cơ này, tiện bề cho Diêu Trì Cung dạy việc.

Sau này, khi đạo trở nên thiết tướng, buổi lễ đó gọi là Hội Yến Diêu Trì Cung, buổi lễ trang nghiêm tổ chức hằng năm rằm tháng tám tại Tòa Thánh, chứa đầy bí pháp Đại Đạo, một ân huệ lớn lao gìn giữ cổ pháp, buộc các đảng chơn hồn phải về cõi Diêu Trì Cung dự hội bàn đạo, ăn đạo tiên, uống tiên tử mới nhập vào cảnh thiên liêng hằng sống. Nhưng bí pháp tận độ thời kỳ này, Đức Chí Tôn cho bày trước mắt tại trần thế, cho con cái Người chung hưởng.

Sự kiện đầu tiên là Diêu Trì Cung đến nâng đỡ tinh thần các Ngài, hình tượng Đức Phật Mẫu cũng đã bộc lộ sự tương liên, dẫn dắt Ngài Phạm Công Tắc mê mẩn trong tình tiêu dao thi ca và những chỉ dạy của cõi thượng thiên.

Tâm chí Ngài Phạm Công Tắc luôn giữ lòng đạo đức, mến văn chương, chuộng nhân nghĩa, hiểu giá trị nợ trần, đủ lòng thiện niệm, vui cảnh rừng vắng non nhàn, suối chảy tòng đưa, gắng chí kiếm hiểu những giá trị phi thường, hoài vọng cứu nhân độ thế. Nên khi Diêu Trì Cung đến, Đức Chí Tôn đến, đã thỏa mãn tâm lý nhân bản và thể tính của Ngài.

Và thế là cánh cửa siêu hình vô vi đã mở rộng, hào quang chiếu diệu từ Ngọc Hư Cung đã lan tỏa. Tánh đức của Ngài Phạm Công Tắc đã hoàn toàn phù

hợp để làm bàn tay thánh thể của Đức Chí Tôn khai mở nền Cao Đài Đại Đạo. Cuộc sống phàm thường của Ngài Phạm Công Tắc từ đây đã chuyển sang trang mới với một sự nghiệp thiêng liêng.

Sáu ngày sau, tức nhằm ngày 21 tháng 08 năm 1925, một Đấng vô hình đến với tự xưng là A, Ẫ, Ậ đến làm bầu bạn cùng tam vị, giảng giải, khuyên nhủ nhiều điều. Đầu tiên, thi của Đấng A, Ẫ, Ậ rất lạ và theo một kiểu cách dị thường làm cho các Ngài vừa bỡ ngỡ, vừa sợ, vừa vui.

Từ sự ẩm đối thi thơ, cho đến tâm sự hàn huyên, nhưng có ngờ đâu Đấng A, Ẫ, Ậ là Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế bấy lâu ẩn danh để, trương cờ chiêu sinh, chọn lọc con cái Người để mở đầu cho công cuộc khai nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

*“THI
 Ót cay cay ớt gấm mà cay,
 Muối mặn ba năm muối mặn dai.
 Tung lúi đi chơi nên tấp lại,
 Ẩn bòn chẳng chịu tấp theo ai.
 A-Ẫ-Ậ”*

Ngài Phạm Công Tắc nghe bài thi lạ, lấy làm khó chịu trong lòng. Sau đó, Ngài Cao Quỳnh Cư hỏi Đấng A-Ẫ-Ậ mấy tuổi, tên họ là gì. Ông gõ bàn hoài không ngừng, thấy vậy Ngài Phạm Công Tắc không hỏi nữa. Ngài Phạm Công Tắc hỏi ông ở đâu thì được cho bài thi:

*“THI
 Trời trời mình không mới thiệt bản,
 Một nhành sen trắng nấu nương thân.
 Ở nhà mượn đám mây xanh kịt,
 Đỡ bước nhờ con hạc trắng ngần.
 Bỏ hóa người đời gây mối Đạo,
 Gia ân đồ đệ dựng nền nhân.
 Chừng nào đất dậy trời thay xác,
 Chư Phật, Thánh, Tiên xuống ở trần”.*

Đấng này ra điều kiện nếu muốn được dẫn dạy:

“Muốn cho Bàn Đạo đến thường, xin chư vị nạp lấy mấy lời yêu cầu của Bàn Đạo như sau đây: Một là, đừng kiếm và biết Bàn Đạo là ai. Hai là, đừng hỏi Quốc sự. Ba là, đừng hỏi đến Thiên cơ”.

Đáng quyền năng cao trọng là Bạc Chí Tôn, Ngọc Hoàng Thượng Đế tá danh A, Ẫ, Ẫ để bầu bạn, chuyện xưa nay hiếm có. Sau này, khi Đức Phạm Hộ Pháp nhắc đến, Đức Ngài tả sự rụt rè, sợ sệt.

“Đoạt dạng đức tin phi thường ấy, năm Ất Sửu tức nhiên năm một ngàn chín trăm hai mươi lăm (1925), Đức Chí Tôn đến với chúng ta, nhưng Ngài đến với một tình bạn mà thôi, đến với một danh hiệu, giờ phút này Bàn Đạo không dám nói. Ngài đến cũng làm bạn Thượng Phẩm và Hộ Pháp. Tháng 12 năm ấy, Ngài dùng cơ bút huyền diệu của Ngài, Ngài dạy vọng Thiên Bàn cầu Đạo (điều mà chúng ta không thể tưởng tượng đây là một cử chỉ) ai cũng lấy làm lạ, nhiều người muốn tâm Đạo phải để một dấu hỏi, hỏi tại sao buổi ấy Thượng Phẩm và Hộ Pháp có một đức tin vững vàng nghe theo lời Ngài vọng Thiên Bàn cầu Đạo. Điều mà chúng ta không thể tưởng tượng, đây là một cử chỉ chung chứ không phải cá nhân Thượng Phẩm hay Hộ Pháp mà lời huấn giáo của Ngài cốt yếu để cho toàn thể nhơn loại nơi mặt địa cầu này nhứt hơn hết là nòi giống Việt Nam chúng ta” [Thuyết Đạo của ĐHP, Bí Pháp, bài 13].

“Bàn đạo nhớ lại hồi ban sơ mới Khai Đạo, thật ra Bàn đạo không có đức tin gì hết, không có đức tin đến nước Đại Từ Phụ tức cười. Ngài đến nhà Bàn đạo cuối năm Ất Sửu, dạy cả mấy anh lớn ngày nay là Chức sắc của Đạo, đi đến mọi nhà, thật ra Đức Chí Tôn đến thăm viếng mọi con cái của Ngài. Bàn đạo không có đức tin gì hết, nghe nói Tiên giảng thi, theo nghe thi chơi, làm cho Đại Từ Phụ phải tức cười” [Thuyết Đạo của ĐHP].

Vào ngày 28 tháng 08 năm 1925, bà Đoàn Ngọc Quế dẫn dắt ba Ngài và giới thiệu có mấy chị làm thơ rất hay theo phò Đấng Cửu Thiên Huyền Nữ, tức là Đức Phật Mẫu. Bà giảng dạy:

“Có các chị Hón Liên Bạch, Lục Nương và Nhứt Nương làm thi hay lắm, Ba anh muốn cầu thì ngày đó ba anh phải ăn chay, và tìm choặng Ngọc-Cơ thì mới cầu được Diêu Trì Cung và trầm hương hoa rượu trà quả đủ lễ. Bởi trên có Cửu Thiên Nương Nương cai quản dưới có chín vị Tiên Cô như Thất Nương Bát Nương”.

Chủ Dương Quang là Đức Chí Tôn đến nhưng ẩn danh. Nay bà Đoàn Ngọc Quế dạy phải dùng Ngọc Cơ và chay tịnh, có đủ hoa, rượu trà tinh khiết, thanh sạch mới cầu được Đấng Phật Mẫu, tức là chủ Âm Quang. Có thể nói, quyền năng sứ mạng đã định, sự thôi thúc trong lòng và ham văn thi cũng như muốn tìm chơn tướng cõi hư không, các Ngài cũng không nản lòng, tìm mọi cách thỏa mãn để được hội diện các Đấng vô hình.

Cửu Nương về cho từng bài thi giảng mừng. Sau Đức Diêu Trì Kim Mẫu cũng đến. Các Ngài vui đùa theo yêu cầu của các Đấng. Buổi lễ diễn ra theo sở

vọng và tinh thần mến thi văn, đạo đức vì thơ Tiên tuông trào theo từng dòng, làm các Ngài khoái hứng và hưởng được không gian âm áp giữa tình liên đới hữu hình và vô vi. Đức Phật Mẫu ban thi, và mỗi vị Tiên Nương ban một bài thơ kỷ niệm.

Lục Nương cho một bài thơ:

*“Im lìm cây cỏ vẫn in màu,
Mờ mịt vườn đào điểm sắc Thu.
Gió dậy sao trời mây cuốn ngọc,
Sương lòng ướt đất liễu đeo châu.
Ngựa vàng ruổi vó thoi đưa sáng,
Thỏ ngọc trau gương dặm vẽ lâu.
Non nước đều hiu, Xuân vắng chúa.
Nhìn hoa cảnh úa dục cơn sầu!”*

Sau này, chính ngày này là ngày Đại Lễ Hội Yến Diêu Trì Cung mà đạo Cao Đài hàng năm tổ chức đêm ngày 14 tháng 08 Âm Lịch hàng năm. Đại Lễ có cộ Tiên, giữa là Đức Diêu Trì Kim Mẫu, dưới có Cửu Vị Tiên Nương cầm bửu pháp theo hầu, đi vòng qua Tòa Thánh Tây Ninh và trở về Báo Ân Từ và thái hiến lễ.

Cửu Nương dạy thêm: *“Từ đây có Ngọc Cơ rồi thì tiện cho Diêu Trì Cung đến dạy việc”*. Điều này cho thấy nguồn đạo sắp hiện tượng, các Đấng vô hình tiếp tục dẫn dắt các Ngài vào vai trò và sứ mạng lập giáo.

Đến đêm Noel năm 1925, Đấng A, Ẫ, Ầ mới tiết lộ thực sự cho các tông đồ của Ngài biết, Ngài ẩn danh nhằm dẫn dắt và mở nền tôn giáo, đưa các vị thay Ngài lập một cây cờ bảo sanh-nhơn nghĩa-đại đồng, tức là nên Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

***“Ngọc-Hoàng Thượng-Đế Viết Cao-Đài
Tiên Ông Đại Bồ-Tát Ma-Ha-Tát
Giáo Đạo Nam Phương***

*Muôn kiếp có Ta nắm chủ quyền,
Vui lòng tu niệm hưởng ân Thiên
Đạo mẫu rưới khắp nơi trần thế,
Ngàn tuổi muôn tên giữ trọn biên.*

Đêm nay, 24 Décembre phải vui mừng vì là ngày của ta xuống trần dạy Đạo bên Thái-Tây (Europe). Ta rất vui lòng mà thấy đệ-tử kính mến ta như vậy.

...

*CHIÊU KỲ TRUNG độ dẫn HOÀI sanh,
BẢN đạo khai SANG QUÍ GIẢNG thành;*

*HẬU ĐỨC TẮC CƯ Thiên Địa cảnh.
HUỒN MINH MÂN đảo thủ đài danh.*

(Mười hai chữ lớn trong ba câu trên là tên của mười hai người môn đệ trước hết là của Đức Ngọc-Hoàng-Thượng-Đế, còn ba chữ xiêng lớn trong câu chót là tên ba vị hầu đàn)” [TNHT, Q.1].

Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế đã cho các Ngài biết là Đấng Toàn Năng do khí Hư Vô sanh ra và là chủ của Phật, Pháp Tăng. Trong khi đó, thời Nhị Kỳ Phổ Độ, Ngài giáng sanh tại Thái Tây mở đạo Kito. Đức Phạm Hộ Pháp lại là Đức Chúa Jesu tái sinh. Như vậy, điển lực khí Hư Vô hóa thành Ngự Mã Thiên Quân thay Đức Chí Tôn xuống thế, lập nên Đại Đạo với chủ thuyết quy Tam Giáo, hiệp Ngũ Chi, đem bí pháp giải thoát tận độ cho các bậc Nguyên Nhân và Hóa Nhân đoạt pháp, thực hiện được Đệ Tam Hòa Ước ký giữa Trời và Người, không cho sanh chúng bội phản lời cam kết với Đức Thượng Đế, giữ chánh pháp Đạo Đạo Tam Kỳ không biến thành phàm giáo, bảo tồn nền văn minh tôn giáo cứu nhân loại trong bảy trăm ngàn năm, trương cây cờ Bảo Sanh-Nhơn Nghĩa Đại Đồng, thực hiện Luật Thương Yêu và Quyền Công Chánh.

Như vậy, giai đoạn phôi thai của nền tôn giáo Cao Đài, Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu cùng đến để nâng diu, dạy dỗ con cái Người, chuẩn bị kiến tạo nền giáo pháp mới.

Ngày 29 tháng 09 năm 1925 thiết lễ chào mừng Đức Diêu Trì Kim Mẫu và Cửu Vị Tiên Nương và là Hội Yến Diêu Trì hay còn gọi là Hội Bàn Đào, một bí pháp quan rất quan trọng của nền chánh giáo Đạo Cao Đài, một ân huệ lớn lao trong thời ân xá của Đức Đại Từ Phụ, Đức Đại Từ Mẫu. Đây là nguồn gốc tượng trưng thể pháp Hội Yến Diêu Trì Cung mà Hội Thánh hằng năm tổ chức tại Báo Ân Từ để toàn thể con cái của Chí tôn và Phật mẫu được dịp về hội hiệp cùng Đức Mẹ Thiêng liêng, dâng gởi nhuần hồng ân của Đức Phật Mẫu.

“Hôm nay là ngày Lễ kỷ niệm Bí Pháp, Bí Pháp Hội Yến Diêu Trì, Đức Chí Tôn đã lập trong nền chơn giáo của Ngài, Bàn Đạo thừa dịp nên thuyết minh cho toàn cả con cái Đức Chí Tôn hiểu rõ cái huyền vi bí mật ấy, bởi có ảnh hưởng với cơ quan đoạt Đạo chúng ta tại mặt thế gian này. Hơn nữa Bàn Đạo có phương tiện tỏ ra một đức tin dị thường của một Đấng yêu ái, một Đấng tạo Càn khôn Vũ Trụ, Đấng tự hữu, hằng hữu, Đấng quyền năng vô tận vô biên, cốt để cho con cái của Ngài thấu đáo cái tâm tình của Ngài đối với ta và ta đối với Ngài dường nào” [Thuyết Đạo của ĐHP, Bí Pháp, bài 13].

Trong quyển Đạo Sử của Bà Nữ Đầu Sư Hương Hiếu có ghi bài Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp nói về bí pháp Hội Yến như sau:

“Cổ pháp định cho Chơn hồn về nơi Diêu Trì Cung, hưởng được Hội Yến Bàn Đào tức nhiên hưởng được Hội Yến Diêu Trì, ăn được quả đào Tiên, uống được Tiên tửu mới nhập vô cảnh Thiêng Liêng Hằng Sống gọi là nhập tịch. Ôi thôi! Từ thử đến giờ có ai đặng hưởng nếu có đặng hưởng cũng một phần rất ít. Giờ phút này Đức Chí Tôn quyết định tận độ con cái của Ngài, thay vì Bí Pháp ấy độ con cái của Ngài về nơi Kim Bàn Phật Mẫu đặng hưởng đặc ân thiêng liêng của Đức Chí Tôn. Đức Chí Tôn buộc Phật Mẫu phải đến tại thế gian này để Bí Pháp Hội Yến Diêu Trì tại cửa Đạo này cho con cái của Ngài giải thoát, ấy là một Bí Pháp Thiêng Liêng duy có tay Ngài định pháp ấy mới đặng. Hôm nay là ngày Phật Mẫu đem Bí Pháp đặng giải thoát chúng sanh, tận độ toàn vạn linh sanh chúng. Ngài để tại mặt thế này trong cửa Đạo này mà thôi” [Trích Đạo Sử của Bà Nữ Đầu Sư Hương Hiếu. ĐHP thuyết giảng tại Đền Thánh ngày 15 tháng 08 năm Kỷ Sửu].

Buổi xây bàn đầu tiên cho đến ngày Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu hé mở huyền cơ thiêng liêng, Ngài Phạm Công Tắc đều chứng dự. Giây phút tâm màn vô vi hé lộ làm cho Đức Ngài như đắm vào dòng suối an lạc vô biên vì tâm chí Ngài đã mang những hoài bão lớn lao. Từ đây, cánh cửa Đại Đạo Tam Kỳ nhờ vào bàn tay thiêng liêng của Ngài Phạm Công Tắc trong sứ mạng lập giáo, thay thân Đức Chí Tôn, thay hình Đức Phật mẫu rưới giọt cam lồ, đem nguồn suối đạo pháp nơi quả cầu 68 này.

Đức Chí Tôn cho Thánh Thi:

“THẤY

Một Trời một Đất một nhà riêng,
Dạy dỗ nhơn sanh đặng dạ hiền.
Cầm mối Thiên Thơ lo cứu chúng,
Đạo người vẹn vẻ mới thành Tiên.

Tắc, có tuân mạng lệnh Thầy chẳng? Thầy có cấm con đừng dự việc hội đằm chẳng? Con sắp đặt hoàn thành rồi thôi chừc”.

Theo đoạn trích Thánh Giáo của Đức Chí Tôn này, Đức Chí Tôn đã hiển lộ một thiên mạng lập một ngôi nhà Đại Đạo, toan phú phú thác phận sự dạy dỗ nhơn sanh, cầm một quyền bính thiên thơ, đốt cháy một ngọn Huệ Đăng bất diệt để nền đạo có thể trường lưu. Đối với một sự nghiệp vĩ đại như thế, vị thế của người nắm mối thiên thơ ắt phải có tánh cách “Đại Bi, Đại Nguyện, Đại Thánh, Tại Từ” [trích bài Kinh Thích Giáo], “Hồng oai, Hồng từ, vô cực vô thượng” [trích Ngọc Hoàng Kinh] truyền dẫn từ ngôi Thái Cực của Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế mới đủ quyền năng ngự trị và xoay chuyển nền Chánh Pháp của Đức Chí Tôn.

4. Tiên tri Đức Hộ Pháp thay thân Chí Tôn, thay hình Phật Mẫu xuống thế.

Do đời quá hung bạo, con người càng bị tha hóa bởi vật chất và văn minh, quên thánh chất, mất lối về. Lại nữa, trong Nhị Kỳ Phổ Độ, Đức Phật Tổ đã cứu độ được 6 ức Nguyên Nhân, Đức Lão Tử độ được 2 ức quy hồi cự vị, còn 92 ức vẫn đọa trần nên chính Đức Chí Tôn muốn rời Huỳnh Kim Khuyết, lâm phàm cứu độ chúng sanh. Đấng Ngự Mã Thiên Quân là Hộ Pháp ngăn cản Ngài và tình nguyện thay Đức Ngài gánh vác trách nhiệm thiêng liêng, cao cả ấy. Đức Hộ Pháp sẽ xuống thế thay thân Đức Chí Tôn, thay hình Đức Phật Mẫu lập một nền tôn giáo tân kỳ, phù hợp với lương năng, lương tri nhơn loại, cứu cả thầy con cái hai Đấng Chí Linh. Đó là nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

“Đức Chí Tôn kỳ này muốn chính mình Ngài đến cứu vớt con cái Ngài, nhưng Ngự Mã Quân của Ngài không cho Ngài đi, vì biết Ngài mỗi khi xuống thế phải chịu thống khổ vô ngần, nên Ngự Mã Quân quyết định đến thế cho Ngài. Chúng ta tưởng tượng sự thế ấy nếu Chí Tôn ưng chịu, thì Ngự Mã Quân phải hứa cứu vớt hết cả con cái của Ngài” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q.2].

Quả thật vậy, Đức Ngài đã xuống phàm thể thiên hành hóa, nhân cách hóa tính bao dung quảng đại của Đấng Chí Linh, tạo thế, cải đời, đặt một diệu pháp để xây dựng một cánh cửa tiến tới con đường thiêng liêng hằng sống thẳng tắp cho con cái Đức Chí Tôn chung hưởng. Ngài đã hứa với Trời thì Ngài phải làm cho kỳ được đại thể tôn giáo cứu cánh, đủ năng lực nhập thế và xuất thế cho toàn thể nhơn loại được ân hưởng nước cam lồ ân xá kỳ ba của Đấng Ngọc Hoàng Thượng Đế.

Thật như thế, nếu người tín đồ Cao Đài tin vào vai trò và quyền năng của Đức Phạm Hộ Pháp, lẽ dĩ nhiên chúng ta tin vào lời rao giảng chơn truyền của Đức Ngài gieo tại thế khi còn sinh tiền là chơn thật, tin vào lời thuyết giảng rỗng rãi nhiều năm trời tại Tòa Thánh Tây Ninh, được Ban Túc Ký ghi chép cẩn trọng và kết tập lưu truyền lại lời vàng ngọc, Hội Thánh ấn hành và phổ biến cho toàn đạo học hiểu sự nghiệp vĩ đại thiêng liêng phổ bài chơn tướng Đại Đạo ở mặt thế này, đó là Thể Pháp và Bí Pháp đạo Cao Đài.

Trước khi nhập thế, Đức Chí Tôn có hỏi Đức Hộ Pháp về phương pháp lập giáo. Đức Hộ Pháp có trả lời sẽ mở Bí Pháp trước thì Đức Chí Tôn biện giảng lý lẽ phải mở Thể Pháp trước. Đây là lời dạy của Đức Chí Tôn để Đức Hộ Pháp có thể chuẩn bị con đường tân pháp mà Ngài gánh vác phận sự.

Sự kiện quan trọng này giúp toàn thể tín đồ Cao Đài biết, thấy, hiểu được ý nghĩa khai pháp Đại Đạo, cũng như quyền pháp của Phạm Hộ Pháp tại thế, đã được Đức Chí Tôn huyền khai chọn lựa thay Đức Ngài hạ thế thi hành tế chúng.

“Tắc, thẳng Thầy lấy tánh đức Phạm Công Tắc mà lập giáo con mới nghĩ sao?”. Bần Đạo liền trả lời: “Nếu đặng vậy....” Ngài liền nói: “Thầy đến lập cho nước Việt Nam này một nền Quốc Đạo”. Nghe xong Bần Đạo từ đấy hình như phiêu phiêu lên giữa không trung mờ màng như giấc mộng. Được nghe nói cái điều mà mình thêm ước, nên Bần Đạo không từ chối đặng. [Thuyết Đạo của ĐHP, Q. 1].

Đã tình nguyện, cam kết và vâng mạng lệnh Đức Chí Tôn, thì tánh đức của Đức Phạm Hộ Pháp phải phù hợp với một tiêu chuẩn khai đường mở lối, chắc lọc bốn nguyên, tinh ba của Tam Giáo để làm diệu pháp cứu cánh, đủ phương độ rồi sanh chúng. Do vậy, Ngài đã từng nói với Đức Chí Tôn, Ngài sẽ không làm Đức Thích Ca, Đức Lão Tử hay Đức Jesu Ngài mà là làm một “Phạm Công Tắc”, nghĩa là tánh đức của sự dung hòa theo định lượng “*Từ đây nòi giống chằng chia ba*”, quy Tam Giáo, hiệp Ngũ Chi, đi đến một sự đại đồng trên phương diện hình thể và phô diễn bản nguyên vũ trụ đồng nhất lý, để con người không còn chấp tướng, diệt mê, hướng đến mục đích và lý tưởng chánh pháp liễu nghĩa cả hữu vi và tâm pháp.

Những điều trên minh chứng trước về sự nhập thể của Đấng Thiên Tôn, hạ mình xuống thế, thực hiện cây cờ cứu khổ của Đức Chí Tôn, thay Đức Chí Tôn thì hành phận sự độ rồi thiêng liêng trong thời chuyển pháp, phô diễn chân lý Đạo Cao Đài đòi đời bất diệt. Một sự dâng thân tôn nghiêm để hoàn thành thiên trách truyền từ nơi Ngọc Hư Cung.

5. Đức Phạm Hộ Pháp thực hiện nghi lễ Lễ Vọng Thiên Cầu Đạo.

Vào ngày 27 tháng 10 năm Ất Sửu, dương lịch ngày 12-12-1925, Đức Diêu Trì Kim Mẫu giảng dạy: “*Mùng 01 tháng 11 này, tam vị đạo hữu vọng thiên cầu đạo*”. Các Ngài hoàn toàn không biết nghĩa lý là gì và để làm gì hay nghi thức ra sao, nên cầu cơ hỏi Bà Thất Nương. Tuy nhiên, Bà Thất Nương nói không phải phận sự của Bà và có bảo cầu hỏi ông A, A, A.

Ngày sau nữa, các Đấng có giáng bàn, ba Ngài hỏi thì cũng được đáp: “*Không phải phận sự của tôi, xin hỏi ông A-Ấ-Ấ*”. Đến khi cơ bút giáng, Đấng A, A, A dạy:

“*Ngày 01-11 âm lịch này, tam vị phải vọng thiên cầu đạo, tẩm gội cho tinh khiết ra quì giữa trời, mỗi vị cầm chín cây nhang mà vái rằng: “Ba tôi là Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc và Cao Hoài Sang vọng bái Cao Đài Thượng Đế ban ơn đủ phúc lành cho ba tôi cải tà quy chánh”*”.

Giai đoạn đó, ba Ngài còn ở Sài Gòn và vì vâng lệnh lời dạy, sợ oai linh các Đấng mà trọn tuân theo, bận áo dài đen, đầu bịt khăn đóng, tịnh tâm quì tằm hết cây nhang mới vào, rồi đến nhà ông Phan Văn Tý mượn Đại Ngọc Cơ, Đấng Cao Đài Thượng Đế giáng cho bài thi rất nhiều ẩn ý khó hiểu. Thuở ban sơ, đến với đạo

Cao Đài mờ mịt, chưa hiểu chi hết. Sau Đức Phạm Hộ Pháp thuật lại trong Thuyết Đạo của Đức Ngài:

“Giữa khoảng đường nơi Châu thành Sài Gòn thiên hạ tấp nập mà Đức Chí Tôn buộc phải quì ngoài đường dựa bên lề ấy, quì đặng cầu nguyện xin Đạo cho chúng sanh, tội nghiệp thay!!! Ngài thử thách cho đến nước thoảng như mình quì đó mà thiên hạ không hiểu mình quì làm gì thì cũng ít mắc cỡ chút mà cũng có thể quì, còn làm mà người biết thì nhột nhạt khó chịu lắm, nhưng sợ Đức Chí Tôn phải rán mà làm” [Thuyết Đạo của ĐHP, Bí Pháp, bài 13].

Vì Đấng Cao Đài cho thi không hiểu, các Ngài cầu Đấng A, Ẳ, Ậ và hỏi thì được trả lời bằng thi:

*“Cứ níu theo chân Đức Thượng Hoàng,
Tự nhiên tu tánh đặng bình an.
Nguyệt hoa căn tội tua xa lánh,
Vịn lấy cành dương hưởng đạo nhân”.*

Nghi tiết trên là lễ vọng thiên cầu Đạo được thực hiện vào ngày 01 tháng 11 năm Ất Sửu [1925]. Đường xá đông đúc, gây sự chú ý rất nhiều, người người đến xem coi sự việc gì. Sau khi tàn nhang, các Ngài cầu cơ theo lệnh, nhiều nhà thi văn tài ba như ông Phan Khắc Sửu, Yết Ma Luật vẫn nghi ngờ quyền năng thiêng liêng, nên tự làm bài thi xướng, cơ bút về họa đúng luật, tả đúng gia cảnh, tài năng, sở trường, bút hiệu nên các vị đó tức khắc tin và chịu theo Đạo.

Thi xướng của ông Phan Khắc Sửu:

*“Cao Đài Tiên Trưởng hỏi ông ơi,
Linh hiển sao không cứu giống nòi.
Trăm họ điêu linh thân cá chậu,
Muôn dân đồ thán phận chim lồng.
Coi nòi diệt chủng càng đau dạ,
Thấy cảnh vong bang bắt nã lòng.
Ách nước nạn dân như thế đây,
Ngồi mà đạo đức có yên không?
Phan Khắc Sửu”*

Cơ bút liên họa:

*“Cơ trời khó tỏ hỏi con ơi,
Nghiệp quả tiền khiên của giống nòi.
Bởi luyến môi thơm, cam cá chậu,
Vị ganh tiếng gáy, chịu chim lồng.
Trời khai Đại Đạo nên yên dạ,*

*Đất dậy phong ba cứ vững lòng.
Gắng trả cho rồi căn nợ ấy,
Tu mà cứu thế dễ như không.
Cao Đài Thượng Đế”.*

Như vậy, Ngài Phạm Công cùng Ngài Cao Quỳnh Cư, Cao Hoài Sang đã hoàn nghi tiết Vọng Thiên Cầu Đạo mà Đấng Cao Đài truyền dạy.

Về góc độ nguyên lý đạo pháp, Đức Chí Tôn là ngôi Thái Cực mới phân Lưỡng Nghi Âm-Dương. Đức Chí Tôn làm chủ ngôi Dương, Đức Phật Mẫu còn được gọi là Đấng Thiên Hậu Chí Tôn làm chủ ngôi Âm. Thời kỳ phôi thai, đến dẫn dắt các Đấng Thiên Sứ vào đạo và dạy nghi lễ Vọng Thiên Cầu Đạo hội đủ nguyên lý Âm Dương để nền đạo sau này có thể trường lưu thất ức niên.

Đức Hộ Pháp giảng:

“Theo Bí Pháp Chơn Truyền của cơ sanh hóa phải có đủ âm dương, trong sanh quang chúng ta có điện quang (Positif và Négatif) cũng như vạn vật có tròng mái. Nền Tôn Giáo nào có đủ âm dương thì mới vĩnh cửu” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q. 1, bài 31].

Nếu nói theo Bí Pháp Chơn Truyền mà Đức Phạm Hộ Pháp biện giải, nền Đạo phải tượng đủ lý Âm-Dương, thì Đức Chí Tôn đến giáo hóa, Điều Trì Cung đến dẫn giảng. Nền Đạo Cao Đài đã đạt đến Bí Pháp Chơn Truyền để nền Đại Đạo Tam Kỳ đủ năng lực trường tồn vĩnh cửu, đủ năng độ rồi sanh chúng trong thời mạt pháp. Hơn nữa, nếu Đức Phạm Hộ Pháp đã vâng mạng lệnh thiên triều, giảng phạm thay thân Đức Chí Tôn, thay hình Đức Phật Mẫu thì Đức Phạm Hộ Pháp đang cầm Bí Pháp Chơn Truyền nền Đại Đạo.

6. Đức Phạm Công Tắc trở thành Phạm Hộ Pháp.

"Hạ nguơn tận diệt, Thầy sai Thần, Thánh, Tiên, Phật và chính mình Thầy, vì thương chúng sanh cũng hạ mình đến với các con, mượn việc xây bàn đũa giỡn với các con, để các con vui mà học Đạo, hầu khai Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ cứu vớt chúng sanh" [TNHT].

Giai đoạn cầu cơ thường lâm thi văn cũng dần trôi qua. Đức Chí Tôn bảo ngày giờ gần đến và đợi lệnh truyền của Ngài để gây dựng một nền Quốc Đạo tại đất nước Việt Nam hèn mọn này. Tuyên ngữ Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đã được các đấng Phật, Tiên rao giảng trước đó, làm tiền đề, môi giới cứu chúng sanh. Ngày nay đã trở thành thực hiện, phổ bày chơn tướng.

Ngày 25 tháng 04 năm 1926, Đức Chí Tôn phong Ngài Lê Văn Trung là Đầu Sư, thánh danh là Thượng Trung Nhựt, phong Ngài Phạm Công Tắc làm Hộ Pháp. Tiếp sau dạy lập Tân Luật và Pháp Chánh Truyền xây dựng nền tảng chánh

trị Đại Đạo với một Thánh Thể thay mặt Đức Chí Tôn giáo hóa và truyền giảng chơn ngôn, cứu độ chúng sanh.

Đợt phong thánh của Đức Chí Tôn ban phẩm cho nhiều chư sắc sắc đại Thiên Phong cao cấp. Riêng đối với vị trí của Ngài Phạm Công Tắc, thiên phong mang tính đặc sắc và huyền bí. Đức Chí Tôn cho Hộ Pháp giáng thể vào Phạm Công Tắc. Đây là trường hợp ngự thể duy nhất trong cửa Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Đêm ngày 31-12-1925 nhằm ngày 15 tháng 11 năm Ất Sửu, Đấng A-Ấ-Ấ giáng dạy:

"Ba con thương Thầy lắm há?"

"Con thấy đặng sự hạ mình của A-Ấ-Ấ như thế nào chưa? Con có thấu đáo cái quyền năng của Thầy chưa? Người quyền thế lớn nhất như vậy có thể hạ mình bằng A-Ấ-Ấ chăng?"

A-Ấ-Ấ là Thầy.

Thầy đến với các con thế ấy, con thương Thầy không?

Cao Quỳnh Cư bạch: "Thấy nhơn-sanh chưa rõ sự huyền-diệu của Thầy, họ nói phạm thượng, ba con bình vực Thầy, ba con cãi vả với họ.

Thầy biết ... Cười ...

Sự nhỏ nhẹ của Thất Nương đó, con bằng mấy mún gì chưa? Học hỏi sự nhỏ nhẹ ấy.

Sự cao kỳ của Lục Nương, con có đặng mấy mún gì chưa? Học hỏi sự cao kỳ ấy.

Sự nhân đức của Nhất Nương, con có chút đỉnh gì chưa? Phải học sự nhân đức của Nhất Nương.

Tình nghĩa yêu mến của con có bằng Bát Nương không? Phải học.

Sự kính nhường, ba con bằng Cửu Nương chăng? Phải học.

Phải học tình nhân ái, trung tín, cứu giúp. Ba con có đặng như Cửu Thiên Nương Nương (tức Đức Phật Mẫu) chăng? Phải học gương.

Hạ nguon tận diệt, Thầy sai Thân, Thánh, Tiên, Phật và chính mình Thầy, vì thương chúng sanh cũng hạ mình đến với các con, mượn việc xây bàn đưa giỡn với các con, để các con vui mà học Đạo, hầu khai Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ cứu vớt chúng sanh".

Đến đêm 15 tháng 03 năm Bính Dần [nhằm 26/4/1926], Đức Chí Tôn giáng cơ phong cho Ngài Cao Quỳnh Cư là Tá Cơ Tiên Hạc Đạo Sĩ. Và Ngài Phạm Công Tắc là Hộ Giá Tiên Đồng Tá Cơ Đạo Sĩ.

“22 et 23 Avril 1926, 11 và 12 tháng 3 năm Bính Dần.

***Ngọc-Hoàng Thượng-Đế Viết Cao-Đài
Tiên Ông Đại Bồ-Tát Ma-Ha-Tát
Giáo Đạo Nam Phương***

Ba con nghe dạy cuộc sắp Thiên-Phong:

Các con có vui không?

Đạo phát trễ một ngày là một ngày hại nhơn-sanh. Thầy nôn nóng nhưng mà Thiên-cơ chẳng nghịch đặng, nên phổ-thông trắc-trở, vậy thì ba con (Trung, Cư, Tắc) cứ sắp đặt thế này:

Trung nghe, Con dời bài vị của Lý-Bạch để dưới tượng Thầy; con dọn dẹp trong hết, để một cái ghế, kê một bên trang thờ; rồi để trên một cái ghế lớn đặng làm ngôi giáo Tông; ba cái nữa để sắp hàng theo ở dưới, đặng làm ngôi cho ba vị Đầu-Sư. Con phải bao bốn cái ghế ấy cho tinh khiết, con đem Thiên-Phục Giáo-Tông mà để nơi ghế ở trên. Còn bộ Thượng-Thanh thì để giữa; bộ Ngọc-Thanh bên Hữu, còn ghế bên tả con phải viết một miếng giấy đề chữ "THÁI" cho lớn mà dán lên chỗ dựa.

Ngay chỗ bàn ngự của Thầy, phải để một cái ghế, trước ngôi ba vị Đầu-Sư, vọng một bài vị, biểu Lịch viết như vậy:

"CỨU THIÊN CẢM ỨNG LÔI THINH PHỔ HOÁ THIÊN TÔN" lại vẽ thêm một lá buà "KIM QUANG TIÊN" để thông ngay ở giữa, ai ai ngó vào cũng đều thấy đặng.

Bàn Thầy giáng cơ thì để trước vọng Ngũ-Lôi, khi giáng cơ rồi thì dời đi cho trống chỗ đặng nhậm vị Đầu-Sư quỳ mà thề.

Con lại để thêm một cái bàn giữa bên cửa sổ, đặng trước ngó vô.

Cư, nghe dặn: Con biểu Tắc tắm rửa sạch sẽ (xông hương cho nó) biểu nó lựa một bộ quần áo tây cho sạch sẽ, ăn mặc như thường đội nón...

Cười....

Đáng lẽ nó phải sấm khôi, giáp như hát bội, mà mắc nó nghèo, Thầy không biểu.

Bắt nó đứng trên, ngó mặt ngay ngôi Giáo-Tông, lấy chín tác vải điều đắp mặt nó lại.

Lịch, con viết một lá phù (Giáng-Ma-Xử) đưa cho nó cầm.

Các con, phải cho thanh tịnh kể từ ngày nay, diệt tận phàm tâm chớ như một điểm, thì ngày ấy thể mới đăng.

Cư, khi đem Ba bộ Thiên-Phục đến vọng trên ba cái ngai thì con phải chấp bút bằng nhang như mọi lần đăng Thầy trấn trong ba bộ Thiên-Phục và ba ngai ấy, rồi mới kêu hai vị Đầu-Sư đến quỳ trước Bửu-Ngai của nó, đăng Thầy về phù vào mình, khi hai vị Đầu-Sư vái rồi, phải đến trước Bửu-Điện của Thầy mà làm lễ (mười hai lạy) và trước ngôi Giáo-Tông (chín lạy) rồi biểu Giảng xưng lên: "Phục vị" thì hai người leo lên ngồi.

Cả hết thầy Môn-Đệ phân làm ba ban, đều quỳ xuống biểu Tắc leo lên bàn, con chấp bút bằng nhang, đến bàn Ngũ-Lôi đăng Thầy triệu nó đến rồi mới tới trước mặt Tắc đăng Thầy trục xuất chơn-thần nó ra: nhớ biểu Hậu. Đức xông hương tay của chúng nó, như em có giựt mình té thì đỡ.

Rồi biểu hai vị Đầu-Sư xuống ngai, quỳ đến trước mặt Ngũ-Lôi, hai tay chấp trên đầu quỳ ngay bùa (Kim-Quang-Tiên) mà thể như vậy:

"Tôi là Lê Văn Trung tự Thiên Ân là Thượng Trung Nhứt và Lê Văn Lịch tự Thiên Ân là Ngọc Lịch Nguyệt, thể Hoàng Thiên, Hậu Thổ, trước Bửu Pháp Ngũ Lôi rằng làm trọn Thiên Đạo mà diu dặt cả mấy em chúng tôi đều là môn đệ của Cao Đài Ngọc Đế; nhứt nhứt do lệnh Thầy phân định chẳng dám chuyên quyền mà lập thành tả đạo; như ngày sau hữu tội thì thể có Ngũ Lôi tru diệt."

Đến bàn Vi-Hộ Pháp cũng quỳ xuống, vái y vậy đều câu sau như vậy:

"Như ngày sau phạm Thiên-Điều, thể có Hộ-Pháp đọa Tam-đồ bất năng thoát tục".

Rồi mới biểu Giảng-xưng lại nữa "Phục-Vị" thì nhị Đầu-Sư trở lại ngồi trên ngai, chư Môn-đệ đều đến lạy mỗi người hai lạy.

Tới phiên các Môn-đệ, từ người đến bàn Ngũ-Lôi mà thể rằng:

"Tên gì?..... Họ gì?..... Thể rằng: Từ đây biết một Đạo Cao-Đài Ngọc-Đế, chẳng dối dạ dối lòng, hiệp đồng chư Môn-đệ, gìn luật lệ Cao-Đài, như sau có lòng hai thì Thiên-tru, Địa-lục".

Tới trước bàn Hộ-Pháp, cũng thể như vậy, rồi mới đến lạy nhị vị Đầu-Sư" [TNHT, Q1].

Trong đàn cơ ngày 18 tháng 05 năm Bính Dần [27/6/1926], Thánh giáo Đức Chí Tôn dạy: Mấy đứa con là: Nghĩa, Hậu, Đức, Tràng, Cư, Tắc, Sang, đều mặc đồ trắng, hầu theo thứ lớp như sau:

“Nghĩa, Đức, đứng xướng ngoài, là tại bàn thờ Hộ Pháp; rồi Hậu, Tràng, đứng cặp kế đó; kế ba con sau rốt hết: Tắc giữa, Cư mặt, Sang trái. Còn Cư, Tắc, Sang đứng sau rốt hết: Tắc giữa, Cư mặt, Sang trái”.

Theo đàn cơ trên, sự sắp xếp của Đức Chí Tôn cho ta thấy: Ngài Trần Duy Nghĩa, Ngài Nguyễn Trung Hậu, Ngài Trương Hữu Đức, Ngài Trương Văn Tràng, Ngài Cao Quỳnh Cư, Ngài Phạm Công Tắc, Ngài Cao Hoài Sang đều mặc đồ trắng đứng cận bàn Hộ Pháp, tức là xác nhận rằng những vị đó đều là chức sắc Hiệp Thiên Đài. Sau này khi kiện toàn cơ cấu, tất cả các Ngài đều là Chức Sắc của Hiệp Thiên Đài.

Chúng ta thấy không thấy Thánh giáo nào mà Đức Chí Tôn phong chánh thức Ngài Phạm Công Tắc là Hộ Pháp, nhưng sự sắp đặt hành lễ này của Đức Ngài mặc nhiên như cuộc Thiên phong cho Ngài Phạm Công Tắc là Hộ Pháp đứng ở giữa, Cao Quỳnh Cư là Thượng Phẩm, đứng bên mặt, Cao Hoài Sang là Thượng Sanh, đứng bên trái, là ba vị chương quản ba chi Pháp, Đạo và Thế của Hội Thánh Hiệp Thiên Đài.

Vì sự cấp bách như Đức Chí Tôn nói trên, nên cuộc Thiên Phong và nhập môn của chư tín đồ đạo Cao Đài đầu tiên thực hiện theo bài Thánh Giáo.

Đối với hiện tượng Thiên Phong Hộ Pháp, đã là người tín đồ Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh, chúng ta hoàn toàn có một niềm tin tuyệt đối vào nghi thức phong phẩm Phạm Hộ Pháp. Để từ đây, Đức Ngài Phạm Hộ Pháp thực hiện mạng lệnh thiêng liêng, một chức trách cao trọng lập pháp tân kỳ, giảng thuyết chơn lý giải thoát tối thượng của Đức Chí Tôn.

Đối với những học giả, hiện tượng này sẽ là một tiêu điểm gây tò mò về sự huyền vi, mâu nhiệm, một ý nghĩa siêu nhiên mà người ta sẽ đi tìm hiểu tận cùng lý lẽ và biến diễn của cõi giới vô hình.

Đối với những người cùng thời Đức Phạm Hộ Pháp, có những sự đổ kỵ nhất định vì vị thế Hộ Pháp quá cao, lại trao cho Ngài Phạm Công Tắc trong khi Ngài chỉ 37 tuổi. Từ tính chất đó, dòng lịch sử Đại Đạo cũng vì đó mà biến thiên, dao động, biến chất, thay đổi nhân sinh từ sự đổ kỵ và phàm tâm lẫn lộn.

Đến ngày 29 tháng 09 năm 1926, Đức Hộ Pháp cùng 247 vị Chức sắc Thiên phong và Đạo hữu lập Tịch-Đạo, thông báo với chính quyền Pháp để Khai mở Đạo Cao Đài.

Khi Ngài Phạm Công Tắc trở thành Phạm Hộ Pháp, cuộc sống đạo của Đức Ngài không khác mấy, bởi tánh đức Ngài vốn đã chứa đựng thiên tính để truyền rao chân pháp, hướng dẫn nhân loại trong thời kỳ giao thoa chuyển pháp từ hạ ngươn tam chuyển, sang thượng ngươn tứ chuyển. Hơn nữa, Đức Ngài chính được

Đức Chí Tôn chọn lựa để làm bậc Thiên Sứ, một Đấng Ngự Mã Thiên Quân điều hành nền giáo pháp Cao Đài. Duy chỉ khác ở chỗ, trách nhiệm lớn lao, khổ hạnh càng nhiều, sự hy sinh làm con tế vật cho Đức Chí Tôn càng rõ nét mà thôi.

7. Đức Hộ Pháp là ai?

Đối với cơ khởi thủy, pháp tạo đoan càn khôn vũ trụ từ nguồn tự hữu Vô Cực, tức là Đạo. Đạo mới sinh nhất là Thái Cực. Thái Cực phân ra Lưỡng Nghi, tức Âm-Dương hai nguồn sống tiên khởi của vũ trụ. Tới giai đoạn này đã thuộc cơ định vị, Đức Chí Tôn mới giao quyền cho Đức Phật Mẫu quản khí Hư Vô. Nên quyền pháp khí Hư Vô trong năng lực của Đức Phật Mẫu là pháp giới biến xuất nắn tạo Chơn Thần cho vạn linh trong càn khôn nhờ sự đào độn vào phối nhứt khí âm dương. Vì vậy, sách cổ nhân biểu tả:

“Thiên địa vạn vật đồng nhất thể”. [Tạm diễn nghĩa: Trời Đất và vạn vật đồng thể tánh].

Trời Đất có Nhứt, Nguyệt, Tinh, người có Tinh, Khí, Thần. Đất lại có Thủy, Hỏa, Phong. Đó là ba món báu quý giá đồng thể tánh từ bản thể vô nhất. Đạo thì được tượng lý bằng Thái Cực. Mọi vật thể biến sinh, trường lưu đều nằm trong thái cực, cái không không thuộc Vô Cực. Sự trung hòa lưỡng cực có Đức Thái Thượng và Đức Hộ Pháp biến tạo thành một khối điện lực sanh quang của Đạo, đào độn nuôi sống vạn linh trong trời đất. Từ tiên thiên hư vô chuyển sang hậu thiên thì có Phật, Pháp, Tăng. Phật thuộc cơ an định, Pháp nắm cơ trường dưỡng, Tăng chủ quyền sanh hóa, mà Đức Hộ Pháp thuộc Pháp, tức là Khí. Nên Đức Hộ Pháp ngự nơi chữ “khí” để thực hiện cơ vận chuyển pháp giới, định vị càn khôn, nuôi sống và thúc đẩy sự tấn hóa của vạn linh.

Triết học Cao Đài đã làm sáng lý vũ trụ quan từ Vô Cực, sanh ra Thái Cực cho đến tinh cầu, địa tú và côn trùng thảo mộc, vật chất. Trong khi đó, Đức Chí Tôn chủ thể ngự trị Phật, Pháp, Tăng mà vận chuyển ngươn tánh sanh ra ba ngươn khí là “lý phản phục” do Đức Thái Thượng điều hành, “pháp thu liễm” do Đức Ngươn Thi điều hành, “cơ định vị” do Đức Hộ Pháp vi chủ.

Như vậy, thần học Cao Đài đã cho thấy sự hiện diện của Đức Hộ Pháp trong cơ khởi thủy với vai trò định vị càn khôn thể giải. Đức Lý Thái Bạch lại tiết lộ quyền năng của Đức Hộ Pháp trong cõi thiêng liêng trong bài thơ khoán thủ:

*“Hộ giá Chí Tôn trước đến giờ,
Pháp luân thường chuyển máy thiên cơ.
Chưởng quyền Cực Lạc phân ngôi vị,
Quản xuất càn khôn định cõi bờ.*

.....”

Đối với cơ bút Đại Đạo, các Đấng vô hình đã cho biết thêm nguyên căn của Phạm Hộ Pháp. Ngày 15 tháng 08 năm Bính Thân [19-9-1956], Đức Thanh Sơn Đạo Sĩ tức là Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm, Động chủ Bạch Vân Động về cơ tại Báo Ân Đường Kim Biên, do Đức Phạm Hộ Pháp và Hồ Bảo Đạo phò loan, nói với Đức Phạm Hộ Pháp:

“Nhiều điều Thiên Tôn hỏi thì Bản tạng khó trả lời đặng, duy Nguyệt Tâm (Chơn Nhơn) đảm đương Thiên vụ, người hiểu biết rõ hơn Bản tạng, vậy Thiên Tôn nên hỏi nơi người. Chỉ có bài thi của Bản tạng có hơi huyền bí tiên tri, nên Bản tạng có thể giải đáp.

Thiên Tôn nhớ lại khi lập thành Phong Thần Bảng, những người đứng vào hàng Thất Thánh là ai?”

Đức Hộ Pháp đáp: Lý Thiên Vương, Kim Tra, Mộc Tra, Na Tra, Vi Hộ, Dương Tiễn, Lôi Chấn Tử.

Đức Thanh Sơn nói: *“Phải, thì trước đầu kiếp vào nhà họ **Vi**, còn nay vào nhà họ **Phạm**. Điều đó có chi khó hiểu mà phỏng đoán. Tiên tri của Bản tạng đã nhiều và chỉ rõ Việt Nam xuất Thánh thì đã hẳn rồi, còn cho không rõ rệt, hơn nữa lại còn một điều trọng hệ hơn là Di- Lạc giáng linh thì Thiên Tôn đã thấy rằng tiên tri vốn không sai sót đủ điều”.*

Qua ba điểm, triết học Cao Đài về cơ khởi thi, lời Đức Lý Thái Bạch cho hay và Đức Thanh Sơn Đạo Sĩ cho biết nguyên căn Đức Hộ Pháp, chúng ta không lấy bút pháp chi luận tả quyền năng của Đức Hộ Pháp ở cõi vô hình cho đặng, chỉ biết rằng Đức Chí Tôn đã chọn Ngài Phạm Công Tắc làm Hộ Pháp và thực hiện việc cho Đức Hộ Pháp ngự thể nơi Ngài Phạm Công Tắc và Ngài Phạm Công Tắc hiển nhiên thành Phạm Hộ Pháp thay Đức Chí Tôn điều hành, chương quản Hiệp Thiên Đài, điều đình mọi chơn truyền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Triết lý đạo Cao Đài đã tỏ rõ vũ trụ quan, có Thất Thập Nhị Địa Cầu, Tam Thiên Thế Giới, Tứ Đại Bộ Châu, Tam Thập Lục Thiên mới đến Bạch Ngọc Kinh. Tuy nhiên, trong vũ trụ có hằng hà sa số Thế giới, nghĩa là không biết bao nhiêu mà kể cho xiết. Theo kinh Phật, cứ một ngàn Thế giới, thì gọi là một Tiểu Thiên Thế giới, một ngàn Tiểu Thiên Thế giới hay một triệu Thế giới, thì gọi là một Trung Thiên Thế giới, một ngàn Trung Thiên Thế giới thì gọi là một Đại Thiên Thế giới hay còn gọi Tam Thiên Đại Thiên Thế giới. Như vậy, một Đại Thiên Thế giới gồm một ngàn triệu thế giới.

Đức Phạm Hộ Pháp lại chương quản Tam Châu, nên danh Đức Ngài được xưng tụng là *“Nam Mô Tam Châu Bát Bộ Hộ Pháp Thiên Tôn”*. Đức Chí Tôn lại cho biết: *“Tam Thiên Thế Giới và Thất Thập Nhị Địa vốn là ba ngàn bảy mươi hai*

ngôi sao nguyền rủa rồi có nhơn loại ở, còn Tứ Đại Bộ Châu và Tam Thập Lục Thiên là cái không không, trong cái không trung không khí, tức là cái có trong cái không”.

8. Đức Phạm Công Tắc là Đức Chúa Jesu tái thế.

Đức Chúa Jésus là Chơn Linh của Đức Phật Christna, một vị Phật trong Tam Thế Phật, giảng sanh để mở đạo Thánh nơi nước Do Thái, cứu độ các sắc dân ở Âu Châu trong thời Nhị Kỳ Phổ Độ cách nay ngoài hai ngàn năm.

Đức Chúa Cứu Thế vâng mạng lệnh Đức Chúa Trời xuống vùng Palestine để khai mở một học thuyết độ rỗi sắc dân Châu Âu. Ngày nay, sức ảnh hưởng triết lý Da Tô khắp hoàn vũ, không riêng châu lục nào. Sự hiện hữu của Đức Christ xuống thế để truyền khai một chân lý, làm một sợi dây tương thông giữa con người và Thượng Đế. Ngài lại đạt đến sự vinh diệu vĩ đại vì làm con tế vật cho Thượng Đế, lấy máu của Ngài để cứu chuộc tội tình nhơn loại.

“...đã hai ngàn năm Đạo Thánh Gia Tô làm chủ tâm lý cả toàn thiên hạ trên khắp mặt địa cầu này, còn cái vinh diệu của Ngài ôi! Vô đối” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q.2].

Học thuyết chơn truyền của Đức Chúa Christ cao cả vì Ngài đã thấy sự bội ước con người đối với Thượng Đế trong Hệ Nhứt Hòa Ước, gây nên “Tội Tổ Tông”. Do vậy, Ngài là Đấng Tam Thế Chí Tôn mới tình nguyện giảng sanh, truyền ngôn cho nhơn loại chân lý và cho biết sự bội tín với Đức Thượng Đế.

Ngài xuống làm hình vật cho Đấng Cha Lành, chịu tội tình cho nhơn loại, ký Hệ Nhị Hòa Ước để dẫn dắt con cái Đức Chí Tôn về nước Thiên Đàng. Sự hạ mình và độ rỗi, gánh vác tội tình nhơn loại nên hai tay và hai chân Đức Ngài phải chịu đóng đinh trên thập tự giá.

Ngài là Đấng Giáo Chủ nằm trong Ngũ Chi Đại Đạo. Ngày nay, trong đạo Cao Đài tán tụng danh hiệu Đức Ngài là “*Da Tô Giáo Chủ Cứu Thế Thiên Tôn*”. Tức nhiên Ngài là Đấng Thiên Tôn xuống thế làm một vị giáo chủ cứu chuộc tội tình nhơn loại, đưa đẩy nhơn sanh về nước hằng sống. Đức Phạm Hộ Pháp thuyết giảng rằng chơn truyền của Đức Jesu vẫn đồng căn bản như Phật Giáo Hạ Thừa dù về bí pháp giải thoát hay thể pháp hữu vi.

Khi Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung qui thiên, Đức Hộ Pháp được trao quyền chủ quản Hội Thánh Cửu Trùng Đài. Như chúng ta biết, Đức Chí Tôn mở Đại Đạo Tam Kỳ thực hiện cơ qui nhất, Tam Giáo Quy Nguyên, Ngũ Chi hiệp nhất, và chính mình Đức Chí Tôn vi chủ nền đạo.

Hình ảnh Đức Ngài tức là Hội Thánh lưỡng Đài và quyền năng của Hội Thánh lưỡng Đài đồng quyền Đức Chí Tôn. Khi Đức Phạm Hộ Pháp nắm quyền

hành hai Đài, Đức Lý Giáo Tông mới đề thơ thất ngôn bát cú đường luật dạng khoán thủ:

“

Nhị kiếp Tây Âu cầm máy tạo,

Hữu duyên Đông Á năm thiên thơ.

Hình hài thánh thể chừ nên tướng,

Đài trọng hồng ân gắng cày nhờ”.

Đức Phạm Hộ Pháp trên cõi thiêng liêng theo hộ giá Đức Chí Tôn, nắm pháp luân thường chuyển vận ngươn pháp, đào độn khí sanh quang, có kiếp giáng sanh ở Thái Tây cầm máy tạo là Giáo Chủ Thánh Giáo Kito, ngày này năm thiên thơ vì chủ Thánh Thể của Đức Chí Tôn trong Đại Đạo. Vì “*Hộ Pháp Chương Quản Nhị Hữu Hình Đài*”, nên là Đấng Thiên Tôn ngự thể cầm giềng mối đạo thay Đức Chí Tôn.

Theo sử liệu và tường trình của Ông Thừa Sứ Lê Quang Tấn trong quyển “*Đức Hộ Pháp-Phật Sống Của Đạo Cao Đài*”, cho biết ba Ngài Chánh Phối Sư Thượng Chử Thanh, Thái Phấn Thanh và Ngọc Trang Thanh thấy trong hai lòng bàn tay Đức Phạm Hộ Pháp có dấu vết hoa sen đỏ hồng khi các Ngài cùng Đức Phạm Hộ Pháp đi việc đạo sự và nghỉ ngơi tại thánh thất Chợ Lớn trong một buổi tiệc thân mật.

Thêm một chứng nhân về hoa sen trong lòng bàn chân của Đức Phạm Hộ Pháp. Vào năm 1958, Ngài Giáo Sư Thượng Tuy Thanh thuật cho đồng đạo biết rằng Ngài đã thấy và xác tín rằng Đức Phạm Hộ Pháp là Đức Chúa Cứu Thế khi Ngài từ Tổ Đình Tây Ninh sang Campuchia, diện kiến Đức Phạm Hộ Pháp và trình bày các vấn đề đạo sự toàn Hội Thánh Tòa Thánh Tây Ninh.

“*Giáo Sư Thượng-Tuy-Thanh đứng dưới chân võng trình bày mọi sự chuyển biến ở Tòa Thánh Tây Ninh – Hiền Huỳnh Giáo Sư nhìn thấy rõ ràng trong lòng bàn chân của Đức Ngài có dấu vết hình Hoa Sen đỏ hồng chứng tỏ những vết thương mà Chúa Jesus-Christ bị đóng đinh trước kia hiện ra cho Hiền Huỳnh Giáo Sư chiêm ngưỡng để chứng minh lời phổ biến của Bốn Đạo là lòng bàn tay và lòng bàn chân của Đức Ngài ứng hiện bông Hoa Sen đỏ hồng là đúng sự thật*” [Trích tài liệu của Ông Thừa Sứ Lê Quang Tấn].

Bà Phan Thị Nhơn [bạn đời của ông Sĩ Tải Lê Quang Tấn] là một nữ hộ sinh, đã từng làm việc tại nhà bảo sanh Nhơn Ái ở Tây Ninh. Theo lời truyền dạy của Đức Phạm Hộ Pháp bảo ông Sĩ Tải Lê Quang Tấn [sau thăng lên Thừa Sứ] phải rước bà và hai người con sang Campuchia.

Năm 1957, Đức Phạm Hộ Pháp lâm bệnh, nên thường ngày bà Nhơn đến nơi Đức Phạm Hộ Pháp để đo huyết áp và chích thuốc cho Đức Ngài. Bà là nhân chứng sống thấy được bốn hoa sen trong hai lòng bàn tay và hai lòng bàn chân Đức Ngài.

“...Chờ đợi sức khỏe của Đức Ngài được phục hồi. Bà Phan-Thị-Nhơn mới dám trình bày: “Bạch Thầy: Vì sao mà 2 lòng bàn tay và bàn chân của Thầy ứng hiện hình Hoa Sen đỏ hồng như thế?” Đức Ngài tươi cười vui vẻ đáp: “như vậy đó con” và bà Phan-Thị-Nhơn không dám hỏi tiếp vì sợ làm bận rộn Đức Ngài” [Trích lời tường thuật của Ông Thừa Sứ Lê Quang Tấn].

Những dữ kiện trên minh chứng Đức Phạm Hộ Pháp là Đấng Tam Thế Phật, tức là Đức Chúa Jesu tái sinh trong một vai trò mới, sứ mạng mới ở thời Tam Kỳ Phổ Độ.

Một điều đáng lưu ý hơn, Thánh Giáo Đức Chí Tôn cho biết rằng Đức Chí Tôn đã lâm phạm xuống thế dạy Đạo tại Thái Tây, Đức Chúa Cứu Thế lại là Đức Phạm Hộ Pháp ngày nay. Vậy sự tương quan của Đức Chí Tôn và Đức Phạm Hộ Pháp là lẽ nào. Chúng ta cũng nên kiểm hiểu lẽ huyền vi nhiệm mầu và xét xem sứ mạng của Đức Phạm Hộ Pháp.

9. Đức Phạm Hộ Pháp vâng linh Đức Chí Tôn đi độ Ngài Lê Văn Trung và hai quyền năng của Hội Thánh.

Tương cũng nên nhắc đôi nét về phần đời của Đức Ngài. Ngài Lê Văn Trung thuở thiếu thời là một học sinh tỏ ra lịch lãm, học giỏi, thông minh, đỉnh ngộ. Tuy vậy, thân phụ qua đời khi Ngài chỉ tròn vài tháng tuổi. Lớn lên trong sự yêu thương của thân mẫu, Ngài vẫn đi trên con đường học vấn cho đến Trung Học, ra làm thư ký. Cuộc sống gò bó làm Ngài không hài lòng, kể từ đó Ngài bước chân ra thương trường kinh doanh rồi thành tựu như ý.

Khoảng năm 1906, Ngài ra tranh cử Hội Đồng Quản Hạt rồi đắc cử về vang. Do chính sách hà khắc của Pháp, Ngài cùng một số người Việt phản đối cho đến đổi từ chức để chống đến cùng sự hiếp đáp người dân Việt cùng cực trong vấn đề đánh thuế vào nhân dân. Điều này chứng tỏ Ngài có lòng bác ái sâu đậm, quan tâm nỗi khổ của đồng bào, quê hương, luôn nghĩ cho sự lợi ích nhân dân, bảo vệ nhân dân khỏi sự áp chế của Pháp.

Tiếp theo, Ngài lại ra ứng cử và tái đắc cử, được Pháp ban tặng Độ Ngũ Đẳng Bắc Đẩu Bội Tinh, đưa vào hội đồng tư vấn toàn quyền Đông Dương. Ai ai cũng biết tiếng tăm lừng danh của Ngài thời bấy giờ về cả tài lẫn đức, làm nhân dân càng cảm phục, ca ngợi ghi danh sử sách.

Ngài lại cùng một số nhà trí thức lo khai mở trường nữ học đường năm 1911. Văn hóa tinh thần phong tục của Việt Nam thuở ấy luôn luôn trọng nam khinh nữ, “*khuê môn bất xuất*” là rào cản vô cùng to lớn trong hành trình khai mở trường. Nhưng công cuộc dù bị phản kháng nhưng ngôi trường nữ học cũng ra đời và đào tạo ra nhiều anh tài nữ nhi cho đất nước. Đó là trường Nữ Gia Long ở đường Phan Thanh Giản xưa kia.

Trước buổi Thiên Phong đầu tiên của Đức Chí Tôn, được thực hiện ngày 15 tháng 03 năm Bính Dần [1926], cơ bút Đức Chí Tôn buộc Ngài Phạm Công Tắc và Cao Quỳnh Cư phải vào nhà Ngài Lê Văn Trung để Đức Chí Tôn dạy việc. Vì địa vị xã hội của Ngài Trung rất cao, nhưng vì tuân mạng lệnh, hai Ngài mang Ngọc Cơ tìm đến nhà Ngài Trung. Đức Chí Tôn giảng dạy cho ông Trung như sau:

"Trung, nhứt tâm nghe con! Sống cũng nơi Thầy, thành cũng nơi Thầy, mà đạo cũng nơi Thầy. Con lấy sự sáng của con mà suy lấy".

Đức Chí Tôn cho thánh thi:

*“Một Trời một Đất một nhà riêng,
Dạy dỗ nhơn sanh đặng dạ hiền.
Cầm mối Thiên thơ lo cứu chúng,
Đạo người vịn vế mới thành Tiên”*

Trước đây, ông Trung bị lừa dối mất và Đức Chí Tôn làm cho Ngài sáng mắt trở lại. Đức Chí Tôn lại cậy nhờ Đức Lý đến độ Ngài trước đó. Cho nên, khi Ngài Phạm Công Tắc đến tường trình sự việc và lý do đến gặp Ngài Trung thì Ngài Trung tiếp đãi ân cần, lo chu đáo thiết lễ để nghinh tiếp thánh cơ Đức Chí Tôn. Ngài Trung là chơn linh của Lý Thiết Quả giảng sanh, xuống thế giữ vai trò quan trọng nên Đức Chí Tôn sai Đức Phạm Hộ Pháp đi từng nhà, gom hợp con cái Đức Chí Tôn để lập giáo.

Vào ngày 03 tháng 10 năm Canh Ngọ, nhằm ngày 22 tháng 11 năm 1930, Đức Lý Giáo Tông giảng cơ ra Đạo Nghị Định thứ 2, ban quyền Giáo Tông Hữu hình tại thế cho Ngài Đầu Sư Thượng Trung Nhựt, còn quyền Giáo Tông Vô Vi vẫn do Đức Lý Giáo Tông nắm giữ. Kể từ ngày đó, Hội Thánh gọi Ngài là Đức Quyền Giáo Tông Lê văn Trung. Để ghi nhớ công nghiệp lớn lao của Ngài, ngôi trường Trung Học do Hội Thánh lập ra ở gần Cửa số 7 Ngoại Ô được đặt tên là Trường Trung Học Lê văn Trung và con đường cặp hông Giáo Tông Đường trong Nội Ô Tòa Thánh được Hội Thánh đặt tên là đường Thượng Trung Nhựt.

Giáo Tông là phẩm chức sắc cao cấp nhứt trong Hội Thánh Cửu Trùng Đài, và là anh cả của toàn chư chức sắc, chư tín đồ của đạo Cao Đài. Nên tâm hạnh của Đức Ngài xứng giá đối với phẩm vị.

Khi còn sinh tiền, Đức Ngài để lại nhiều tác phẩm thi ca Đạo Học và cuốn Phương Châm Hành Đạo, giảng giải bình dị nhưng để làm kim chỉ nam cho toàn đạo thi hành và nghiệm những chơn lý, đạo đức làm người mà Đức Ngài để tâm bình diện.

Sau này, Đức Phạm Hộ Pháp có nhắc về công nghiệp và đạo hạnh của Ngài Lê Văn Trung như sau:

“Ngày hôm nay là ngày Lễ Kỷ Niệm của Đức Quyền Giáo Tông là vị Chức Sắc cao trọng của chúng ta.... Luôn dịp Bàn Đạo tổ cho toàn Hội Thánh tức là Thánh Thể của Đức Chí Tôn và toàn con cái của Ngài biết rằng: Người là một chơn linh cao trọng, mặc dầu hình thể đã mất, nhưng khối thiên lương ấy vẫn còn mãi mãi chẳng hề hư hỏng bao giờ” [Thuyết Đạo Q.1].

Đức Quyền Giáo Tông khi chưa vào Đạo, tánh thương dân, bảo vệ sự đàn áp, tương sát nhưn sanh bao nhiêu, khi vào Đạo học chủ nghĩa từ bi thì tánh nâng lên địa cao trọng, sáng giá hơn nữa.

Đức Ngài được phong làm Quyền Giáo Tông, nghĩa là Chương Quản Cửu Trùng Đài về phần hữu hình, vô vi có Đức Lý Giáo Tông. Đức Phạm Hộ Pháp là Chương Quản Hiệp Thiên Đài.

Hai quyền năng này có thể điều đình, gánh vác trọng trách thiên nghiệp cho Đức Chí Tôn. Nên cái tình tương liêng giữa hai Ngài thấm nồng, giao cảm, thuận hòa từ trong ra ngoài, đồng chịu uất hận, gánh sự đau thương, mang chia nỗi khổ, niềm đau cùng nhau để uyển chuyển nền Đạo cho ra mỹ miều, vượt qua bao giông tố, giữ vững con thuyền Đại Đạo.

10. Đức Hộ Pháp nắm giữ vai trò đồng tử trong Cơ Lập Giáo và Cơ Phong Thánh.

Vả chăng cơ bút rất quan trọng đối với đạo Cao Đài vì duy chỉ có cơ bút mà hình thành nên nền đạo Trời, quy tụ nhiều tầng lớp trí thức nhân sĩ và những bậc tu chơn bên Phật Giáo trong Ngũ Chi Phật Giáo. Cơ bút rất cần thiết cho con người để học hỏi nhiều huyền nhiệm từ những lời dạy đạo lý của các Đấng Thiêng Liêng. Tuy nhiên, cái tai hại của nó cũng rất đáng kể.

Lịch sử phát triển của đạo Cao Đài gắn liền với cơ bút. Cho nên, cơ bút đóng vai trò khá hệ trọng trong tiến trình hình thành kiện toàn một nền tôn giáo với đầy đủ giáo pháp, đủ khả năng diu độ con người về năng lực cứu rỗi hữu hình và đời sống tâm linh.

Khi các Chi Phái hình thành là lúc mà Tà cơ xen lẫn Tiên Cơ, quấy rối nền Đạo. Đời thì nghiên cứu, nhắm vào trung tâm điểm, tức nhược điểm của Đạo để

tiêu diệt Đạo bằng cách làm manh mún hình thể, còn Tà cơ thì giả làm Phật Tiên thử thách, giáng cơ khắp nơi để dụ lòng tà của con người.

Cái hay của cơ bút giúp con người tinh thông cơ mầu nhiệm nhờ vào việc thông công với các Đấng vô hình cao siêu nơi cõi thiêng liêng hằng sống. Còn cái hại, tức mặt trái của cơ bút là ma quỷ giả làm Tiên, Phật mà dẫn con người vào nơi thẳm, rừng sâu, vào con đường của bàn môn, tả đạo.

Đức Chí Tôn Giáng cơ dạy:

“Đồng tử có nhiều hạng, song trong nhiều hạng đó, nên phân biệt trước hết là cái Giả và cái Thiệt. Lấy về phương diện vô hình thì các con không thể rõ đâu là Ma hay là Phật, nhưng theo phương diện hữu hình thì các con có thể rõ đặng, vì nhờ cái lý tự nhiên ở trong sự giao thiệp Thần Tiên này. Đạo phải hồi ròi rõ là vì người học Đạo chưa biết dụng đồng tử, cứ tưởng huyền diệu là Tiên Phật, còn không huyền diệu là Ma Quỷ. Điều đó rất mê tín, các con nên tránh xa”.

Vì con người thấy cái huyền diệu biến xuất trong cơ bút, thấy văn hay, ý giỏi, luận đạo cao siêu nên ngỡ rằng đó là Tiên Cơ, nào dè ma quỷ còn tinh thông như Phật Tiên, dụng cái cao siêu huyền nhiệm vô vi mà dụ con người. Cái nguy hại hơn là con người không dễ có phương định được Tiên Cơ và Tà Cơ. Đức Chí Tôn xác nhận rằng:

“Phần nhiều các con lại tưởng lầm rằng: Cơ huyền diệu là Tiên là Phật, nên chi các đứa ấy hề nghe cơ bút nào huyền diệu như đã nói trên thì nó cứ tin mà lầm lũi thực hành, đó là điều mê tín”.

Chính về sự hệ trọng và tính cấp bách mở đạo, truyền đạo, phong thánh, nên các Chức Sắc được chỉ định rất quan trọng. Đức Chí Tôn đã lập qua 04 cặp cơ: Cơ Lập Đạo, Cơ Lập Pháp, Cơ Phổ Độ và Cơ Phong Thánh.

Đức Ngài Hộ Pháp Phạm Công Tắc và Đức Cao Thượng Phẩm Cao Quỳnh Cư giữ vai trò đặc biệt trong hai cơ Lập Đạo và cơ Phong Thánh.

Chính nhờ điển lực của Đức Hộ Pháp và Đức Thượng Phẩm mà có thể phong thánh nhiều chư Chấn Sắc Đại Thiên Phong cao cấp như Thập Nhị Thời Quân, Thập Nhị Bảo Quân thuộc Hàn Lâm Viện, Chương Pháp, Đầu Sư, Giáo Sư cho đến Chức Sắc tiểu cấp trong Hội Thánh lương Đài Hiệp Thiên và Cửu Trùng. Cơ Lập Đạo để xây dựng Tân Luật Pháp Chánh Truyền, kiện toàn tổ chức Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Sau ba năm phụng sự hoàn toàn cho nền Đạo Pháp, Đức Cao Thượng Phẩm quy Thiên. Cơ Phong Thánh gãy đứt, tuy nhiên Hội Thánh chỉ định Ngài Tiếp Đạo Cao Đức Trọng dưới quyền trợ điển thiêng liêng của Đức Cao Thượng Phẩm cùng Đức Hộ Pháp duy trì thực hiện Cơ Phong Thánh này.

11. Vai trò của Đức Phạm Hộ Pháp trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Đức Hộ Pháp giữ vai trò chương quản Hiệp Thiên Đài, gìn giữ luật pháp chơn truyền Đại Đạo không cho thất sách, không cho chơn giáo biến thành phàm giáo, là người nắm trọn Bí Pháp trong tay.

“Trước khi Thầy lập Pháp Chánh Truyền Hiệp Thiên Đài, Thầy kêu "Cả chư Môn Đệ khá tuân mạng" thì Thầy đã chỉ rõ rằng: Thầy lập Hiệp Thiên Đài rất trọng hệ là đường nào” [Pháp Chánh Truyền chú giải].

Hội Thánh Hiệp Thiên Đài lập ra theo Pháp Chánh Truyền đã định như nền Chánh Trị Đạo quá rõ. Cho nên, hể Đạo còn thì Hiệp Thiên Đài còn vì Hiệp Thiên Đài làm cơ quan thông công với quyền năng Bát Quái Đài, điều hành nền Đạo.

Bát Quái Đài là Thân, Hiệp Thiên Đài là Khí, Cửu Trùng Đài là Tinh. Hể Khí tức là chơn thân của Đạo, hể Tinh thì đó là xác thân của Đạo. Xác thân phải phụ thuộc vào hồn mới có thể đảm bảo sự sống, vì chủ theo luật tạo đoan tức là quyền năng của Bát Quái Đài ngự trị nơi Đại Đạo. Cho nên Hiệp Thiên Đài là Khí, làm trung gian giữa Bát Quái Đài và Cửu Trùng Đài để hành hóa các chính sách thiên triều.

Cửu Trùng Đài có định hạn lệ đẳng cấp, còn Hiệp Thiên Đài nắm bí mật huyền vi như tính chất của Chơn Thân. Pháp Chánh Truyền giải thích điều này như sau:

“Ấy vậy Cửu Trùng Đài là xác, Hiệp Thiên Đài là hồn. Đã nói rằng Cửu Trùng Đài là Đời, tức nhiên là xác của Đạo, còn Hiệp Thiên Đài là Đạo, tức nhiên là chơn thân của Đạo, vậy thì xác thịt có định hạn lệ đẳng cấp, chớ chơn thân chẳng hề định hạn lệ đẳng cấp đẳng. Nhiều Đấng Thiêng Liêng cao mà lại tái thế muốn ra hèn hạ, còn cũng có nhiều Đấng Thiêng Liêng thấp mà lại nhờ một phen đắc Đạo lập vị cao trọng tốt phẩm, vậy thì Thiêng Liêng không có giới hạn tức là Đạo không có giới hạn. Ấy là cơ bí mật của Đạo vậy” [Pháp Chánh Truyền chú giải].

Vai trò hiện hữu của Đức Phạm Hộ Pháp rất tối trọng vì không khi nào Đạo tồn tại mà không có Hiệp Thiên Đài. Hiệp Thiên Đài nắm cơ chuyển hóa mà độ rồi nhơn sanh. Nhơn sanh có thể đổi đời, chớ Hiệp Thiên Đài phải trường tồn vì vai trò của cơ quan này làm nên sự tương đắc vô vi và hữu hình.

“Cái hệ trọng là nếu không có Hiệp Thiên Đài thì không có Đạo, Trời Đất qua chớ Đạo không qua, nhơn loại tuyệt chớ Hiệp Thiên Đài không tuyệt.

Hiệp Thiên Đài là tay vén màn bí mật cho sự hữu hình và sự vô vi hiệp làm một, tức là tay làm cho Đạo với Đời tương đắc vậy. Vì có ấy mà Thầy giáng cơ

buộc cả chư Môn Đệ Thầy, chẳng khi nào đặng phép trái mạng lệnh của Thầy” [Pháp Chánh Truyền chú giải].

Hiệp Thiên Đài lại là nơi Đức Chí Tôn ngự, cầm quyền pháp giới thiêng liêng, nên Hiệp Thiên Đài không bao giờ mất đi. Đức Chí Tôn đã giảng cho chúng sanh rằng Đức Ngài không giao chánh pháp cho tay phàm, bởi có chính mình Ngài đến với con cái Người, quy tụ lương sanh làm Hội Thánh thay Ngài điều hành nền Đạo. Và lại, Hiệp Thiên Đài do Đức Phạm Hộ Pháp chưởng quản.

Từ tính chất quan trọng của Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ Tòa Thánh Tây Ninh, nên cơ quan Hiệp Thiên Đài có vai trò tối quan trọng. Sự quan trọng ấy rất rõ trong Pháp Chánh Truyền, vì vậy vai trò của Phạm Hộ Pháp đối với nền đạo cũng đã rõ như sự tồn tại của Hiệp Thiên Đài trong Hội Thánh Cao Đài.

12. Quyền năng của Đức Phạm Hộ Pháp.

Sứ mạng của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ trong thời kỳ này phải:

Dem bí pháp giải thoát tận độ cho các bậc Nguyên Nhân và Hóa Nhân đoạt pháp.

- Thực hiện cơ Quy Tam Giáo, hiệp Ngũ Chi.
- Thực hiện được Đệ Tam Hòa Ước ký giữa Trời và Người, không cho sanh chúng bội phản lời cam kết với Đức Thượng Đế.
- Giữ chánh pháp Đạo Đạo Tam Kỳ không biến thành phàm giáo, bảo tồn nền văn minh tôn giáo cứu nhân loại trong bảy trăm ngàn năm.
- Trưng cây cờ Bảo Sanh-Nhơn Nghĩa Đại Đồng.
- Thực hiện Luật Thương Yêu và Quyền Công Chánh.

Thật vậy, nền tảng Pháp Chánh Đại Đạo chặt chẽ, tạo mẫu khuôn linh theo truyền ngôn của các Đấng nơi Bát Quái Đài mà cơ bút là phương tiện kết thông giữa hữu hình và vô vi, tiếp thông ánh sáng thiêng liêng, lột tả diệu lý. Cơ cấu chánh trị đạo được dựng xây dựa theo năng lực và quyền năng vô vi, chớ chưa hề dựa vào lý tánh cá nhân nào.

Tuy nhiên, trước khi khai mở nền chơn giáo, Đức Chí Tôn chọn Ngũ Mã Thiên Quân của Đức Ngài mà lập giáo, ứng hiệp Hộ Pháp vô vi vào thân xác Ngài Phạm Công Tắc để lập Thánh Thể tại thế. Như vậy, quyền năng của Đức Phạm Hộ Pháp phải đảm bảo được những sứ mạng của Đại Đạo Tam Kỳ kể trên.

Trong nghĩa lý đó, tánh đức của Ngài Phạm Hộ Pháp phải hoàn toàn đủ đầy Thánh Tính và Thánh Đức. Thánh Tính là tinh lực tiếp diện điển lực thiêng liêng truyền chơn pháp, phổ bày đạo lý hằng sống cho con cái Đức Chí Tôn. Thánh Đức nhằm giáo độ chúng sanh giác ngộ, cải tà quy chánh, làm khuôn mực cho nhơn

sanh đi đến chơn lý đại đồng, thừa hưởng gia sản hoàng đồ của Đức Chí Tôn đặt tại thế.

Quyền năng của Đức Phạm Hộ Pháp còn thị hiện trong việc xây dựng nên thể pháp, tạo dựng hình thể Đức Chí Tôn tại thế, rồi khai mở bí pháp Đại Đạo cũng chính mình Đức Ngài nắm.

Hai mươi bốn chiếc Thuyền Bát Nhã đã cho các bậc Nguyên Nhân xuống thế. Ngày nay, mở cơ ân xá kỳ ba, Đức Chí Tôn xuống thế để làm tròn lời hứa, đưa các bậc Nguyên Nhân quy hồi cựu vị.

Vì vậy, quyền năng của Phạm Hộ Pháp được truyền từ Đức Chí Tôn, làm sứ mạng thay Đức Chí Tôn, tạo hình thể Thánh Thể, khai bí pháp chơn truyền, giục tấn các đảng chơn hồn về hội hiệp với Đức Chí Tôn.

Đó là quyền năng vô đối, một quyền năng trị thế, quyền năng của một bậc Thiên Tôn giáng phàm thay thân Đức Chí Tôn, thay hình Đức Phật Mẫu.

Hiệp Thiên Đài là nơi Đức Chí Tôn ngự để cầm quyền thiêng liêng mỗi đạo. Đạo còn thì đương nhiên Hiệp Thiên Đài vẫn trường tồn, chưa bao giờ mất đi. Trong khi đó, Đức Hộ Pháp ngự thế nơi Ngài Phạm Công Tắc thì hiển nhiên, đó là Hộ Pháp Thiên Tôn. Đức Ngài thị hiện vào thế gian để thánh hóa các sắc dân trên toàn hoàn vũ, sử dụng hai bàn tay thánh của Ngài để làm nên chơn tướng Đại Đạo.

Lời hứa của Hội Thánh đối với Đức Chí Tôn chẳng khác nào quyền năng của Phạm Hộ Pháp khi vâng mạng lệnh Đức Chí Tôn xuống thế mở Đại Đạo. Bằng cớ, Đức Phạm Hộ Pháp thuyết giảng:

“Trong 24 chuyến thuyền Bát Nhã, đem chơn linh đến mặt địa cầu, mấy bạn đã ngồi trong ấy, ngày nay Đức Chí Tôn đã đến, đến để làm tròn một lời hứa của Ngài. Còn chúng ta đã hứa với Ngài những gì? "Hứa: Các con vì Thầy đầu kiếp dựng tạo tinh thần vật loại, độ cả hóa nhân và nguyên nhân qui hồi cựu vị. Các con vì thương Thầy tạo hình ảnh của Đạo". Ngày nay là ngày giờ chót Thầy đến với mục đích và sở vọng của Thầy là hội hiệp các con lại làm một cùng Thầy” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q.2, bài 7].

Đối với bài thi khoán thủ của Đức Lý Giáo Tông vô vi nói về quyền năng đảm đương chương quản nhĩ hữu hình đài tại hai câu cuối:

**“Hình hài thánh thể chừ nên tướng,
Đài trọng hồng ân gắng cật nhờ”.**

Tức là Thánh Thể nên tướng do bàn tay Đức Phạm Hộ Pháp và Ngài thay quyền Đức Chí Tôn cầm quyền trị thế.

Ở một góc độ khác, Đức Phạm Hộ Pháp là hiện thân của Đức Chúa Jesu. Trong khi thánh giáo, đàn cơ năm 1925, Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế tá danh Cao Đài giảng dạy:

*“Ngọc-Hoàng Thượng-Đế Viết Cao-Đài
Tiên Ông Đại Bồ-Tát Ma-Ha-Tát
Giáo Đạo Nam Phương*

*Muôn kiếp có Ta nắm chủ quyền,
Vui lòng tu niệm hưởng ân Thiên
Đạo mầu rưới khắp nơi trần thế,
Ngàn tuổi muôn tên giữ trọn biên.*

Đêm nay, 24 Décembre phải vui mừng vì là ngày của ta xuống trần dạy Đạo bên Thái-Tây (Europe).

Ta rất vui lòng mà thấy đệ-tử kính mến ta như vậy. Nhà này sẽ đầy ơn Ta (Nhà của M. C...).

Giờ ngày gần đến, đợi lệnh nơi Ta. Ta sẽ làm cho thấy huyền diệu đặng kính mến Ta hơn nữa” [TNHT, Q1].

Điểm này, xét trên bình diện đạo pháp, Đức Phạm Hộ Pháp là một hiện thân, chiết linh của Đức Chí Tôn lâm phạm thực hiện các sứ mạng của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ nêu trên. Cho nên, người tín hữu Cao Đài có thể chiêm nghiệm sứ mạng, vai trò và quyền năng của Đức Phạm Hộ Pháp trong nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ trên nhiều khía cạnh.

Dẫu theo tính chất nào hay khía cạnh nào, môn đồ cần hiểu đúng đắn và nhận ra quyền năng cao trọng của Đức Ngài trong cửa Đại Đạo là điều quan trọng.

Quyền năng của Phạm Hộ Pháp đã minh chứng trong hành tàng của Đức Ngài khi còn sanh tiền. Đức Ngài có họa đồ xây dựng Thiên Hỷ Động, Địa Linh Động để lập cửa tu chơn cho nền đạo.

Danh từ ba cung đã thể hiện nội hàm giá trị và của Thiên-Địa-Nhơn. Khi chuẩn bị thực hiện việc trấn pháp tại Thiên Hỷ Động-Trí Huệ Cung bằng diệu pháp của ba bửu pháp: Long Tu Phiến, Kim Tiên, Ba Vòng Vô Vi Tam Thanh, Đức Ngài thuyết giảng tại Đền Thánh ngày 14 tháng 12 năm Canh Dần [1950]:

“Ngày mai này Trấn Pháp Thiên Hỷ Động Trí Huệ Cung. Bản Đạo lấy làm mừng đã làm tròn phận sự đặc biệt của Bản Đạo... Bản Đạo đã gánh vác về thể pháp Cứu Trùng Đài, tạo nghiệp cho Đạo là làm giùm cho thiên hạ chớ không phải phận sự của Bản Đạo. Ngày nay là ngày vui mừng của Bản Đạo hơn hết, là

Bản Đạo còn sức khỏe đầy đủ cầm Bí Pháp của Đức Chí Tôn đã giao phó, ấy là phận sự đặc biệt của Bản Đạo đó vậy.” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q.3, bài 43].

“Phận sự đặc biệt” trên tức nhiên không phải phận sự quan trọng trên phương diện văn tự, mà là phận sự của Đức Chí Tôn phú thác, gởi gắm nơi quyền năng của Phạm Hộ Pháp.

Phận sự đặc biệt là cầm bí pháp của Đức Chí Tôn trao nơi tay Ngài, Ngài đến rước cự nhị ức Nguyên Nhân còn lâm phạm đọa lạc. Để vừa đưa các Đấng Nguyên Nhân trở về cự vị và độ Hóa Nhân đắc pháp, Đức Hộ Pháp phải thọ lãnh “*pháp giới tận độ chúng sanh*” từ tay Đức Chí Tôn. Quyền năng giải thoát, đắc pháp phải dựa vào bí pháp tận độ của Đức Chí Tôn trong thời tam kỳ.

Quyền năng của chúng sanh phải nương dựa vào bửu pháp Kim Tiên để khai mở thất khiếu và Huệ Quang Khiếu vì bửu pháp này từ điển lực càn khôn vũ trụ, nên nhờ nó đào độn sanh lực. Cho nên, hành trình luyện Tinh hóa Khí, luyện Khí hóa Thần, luyện Thần hườn Hư, luyện hư hườn Vô phải nhờ năng lực và quyền năng của Đức Phạm Hộ Pháp.

Tóm lại, thi hành phận sự thiêng liêng trong vai trò của Đấng Thiên Tôn giáng phạm thì cái quyền năng kia phải cao trọng, mang tính xuất thế, siêu phạm mới có thể hoàn thành sứ mạng thay thân Đức Chí Tôn, thay hình Đức Phật Mẫu, ban cho nhơn loại một phương thuốc hườn sinh, đi trên con đường thiêng liêng hằng sống về hiệp nhất với Đức Chí Tôn.

13. Quan hệ của Đức Phạm Hộ Pháp với Ngài Ngô Minh Chiêu.

Vào năm 1920, bằng huyền khải của Đức Chí Tôn nên cho Đức Ngô chứng nghiệm thấy Thiên Nhân, Đức Ngô Minh Chiêu trở thành môn đệ Cao Đài yêu ái và là môn đệ đầu tiên của nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, trước cả ba Ngài Phạm Công Tắc, Cao Quỳnh Cư, Cao Hoài Sang.

Nền Đại Đạo của Đức Chí Tôn định Nhứt Phật, Tam Tiên, Tam Thập Lục Thánh, Thất Thập Nhị Hiền, Tam Thiên Đồ Đệ, tương ứng với 01 phẩm Giáo Tông, 03 phẩm Đầu Sư, 36 phẩm Phối Sư, 72 phẩm Giáo Sư, 3.000 phẩm Giáo Hữu. Đó là những phẩm cấp Chức Sắc thuộc Hội Thánh Cửu Trùng Đài mà Đức Chí Tôn đã chọn sẵn Đức Ngô ở vị trí Nhứt Phật, tức là phẩm vị Giáo Tông.

Chính lễ đó, Đức Chí Tôn dạy quý Ngài Lê Văn Trung, Phạm Công Tắc, Cao Quỳnh Cư, Cao Hoài Sang, Nguyễn Trung Hậu, Trương Hữu Đức tìm Ngài Ngô Minh Chiêu để tiến hành mở nền đạo sớm. Ngoài ra, Đức Chí Tôn còn căn dặn các Ngài chi chi cũng phải nghe lời Ngài Ngô vì đó là Anh Cả. Từ đó, Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc có quan hệ nhất định với Đức Ngô.

Hơn nữa, các Ngài được Đức Chí Tôn sai thờ Thiên Nhân nhưng không biết cách nên cầu hỏi. Đức Chí Tôn giảng: *"Đến Chiêu xem cách thức nó thờ Thầy, bảo nó hiệp một với các con"*.

Vào ngày 29 tháng 09 năm 1925, Đức Phạm Hộ Pháp đồng ký tên với 240 vị vừa Chức Sắc, vừa Đạo Hữu đứng tên trong tờ Khai Tịch Đạo. Ngài Ngô không có đứng tên. Sau đó, đại phục Giáo Tông được chuẩn bị do Đức Chí Tôn dạy cũng đã may sẵn, nhưng Ngài Ngô từ chối không nhận.

Từ ngày 18 đến ngày 25 tháng 10 năm 1926, nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ chính thức tổ chức ngày lễ Khai Đạo tại chùa Từ Lâm Tự Gò Kén tỉnh Tây Ninh, do Hòa Thượng Như Nhân làm trụ trì, Ngài Ngô cũng không có tham dự.

Vào ngày 15 tháng 12 năm Ất Sửu, Ngài Lê Văn Trung làm lễ thượng Thánh Tượng Thiên Nhân và mời các các Ngài Ngô Văn Chiêu, Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, Cao Hoài Sang, Nguyễn Trung Hậu, Vương Quan Kỳ, Đoàn Văn Bản, Nguyễn Văn Hoài, Trương Hữu Đức, Võ Văn Sang, Lê Văn Giảng, Lý Trọng Quí, Lê Thế Vĩnh...

Đức Chí Tôn giảng cơ:

"Thầy vui thấy các con thuận hòa cùng nhau. Thầy muốn các con như vậy hoài. Ấy là lễ hiến cho Thầy rất trang trọng."

*Chẳng quản đồng tông mới một nhà,
Cùng nhau một Đạo tức cùng Cha.
Nghĩa nhân đành gửi thân trăm tuổi,
Dạy lẫn cho nhau một chữ hòa.
Cao Đài Tiên Ông"*

Như vậy, theo phủ dụ giảng huấn của Đấng Chí Tôn phải thương yêu nhau, đoàn kết, xây dựng nên đại nghiệp Đại Đạo. Sự hòa thuận lẫn nhau là lễ hiến rất đổi quý trọng dâng lên Đức Chí Tôn.

Đêm giao thừa năm Ất Sửu, Đức Chí Tôn dạy quý Ngài trong hai nhóm Phạm-Cao và Ngài Chiêu đến thăm từng nhà của nhau. Đến khuya gần giờ giao thừa thì các Ngài đến nhà Ngài Lê Văn Trung. Đức Chí Tôn giảng cơ:

"Chiêu, buổi trước hứa lời truyền đạo cứu chúng sanh, nay phải y lời mà làm chủ mối đạo, dìu dắt môn đệ Ta vào đường đạo đức đến buổi chúng nó lập thành, chẳng nên tháo trút. Phải thay mặt Ta mà dạy dỗ chúng nó".

Đến tháng 03 năm Bính Dần [1926], Đức Chí Tôn dạy Bà Hương Hiếu may Đại Phục cho Chức Sắc. Đạo Sử ghi:

“Đến tháng 3 năm Bính Dần (1926) Chí Tôn giảng cơ dạy tôi may Thiên phục cho ông Đầu Sư Thượng Trung Nhứt trước hết, kế may Thiên phục cho Hiệp Thiên Đài và Cửu Trùng Đài. Thông qui kể ra sau đây:

Thiên phục Cửu Trùng Đài: Ông Đầu Sư Thượng Trung Nhứt: 1 áo Đại Phục xanh và 1 cái khăn chín lớp. Ông Đầu Sư Ngọc Lịch Nguyệt: 1 áo Đại Phục đỏ, 1 khăn chín lớp đỏ. Ông Thái Chánh Phối Sư Thái Thơ Thanh: 1 áo Đại Phục vàng và 1 khăn chín lớp vàng. Ông Chánh Phối Sư Thượng Tương Thanh: 1 áo Đại Phục xanh và 1 khăn xanh chín lớp. Ông Chánh Phối Sư Ngọc Trang Thanh: 1 áo Đại Phục đỏ và 1 khăn đỏ chín lớp. Ông Phủ Ngô Minh Chiêu: 1 áo Giáo Tông có thêu chữ bùa Bát Quái và 1 cái mũ Giáo Tông. Ông Phủ Vương Quang Kỳ Giáo Sư: 1 áo Đại Phục xanh và 1 cái khăn bảy lớp.

Thiên phục Hiệp Thiên Đài: Đức Cao Thượng Phẩm: 1 cái áo Đại Phục trắng, 1 cái áo lá xanh. Đức Thượng Sanh: 1 cái áo Đại Phục trắng, 1 cái áo lá xanh. Quý vị Thập Nhị Thời Quân: 12 cái áo Đại Phục trắng, 12 cái mũ Nhứt Nguyệt Mạo” [Trích Đạo Sử của Bà Nữ Đầu Sư Hương Hiếu].

Chính thời điểm cơ bút này, ngôi vị Giáo Tông vẫn sẵn sàng và Thiên Phong cho Ngài Ngô Minh Chiêu vào vị trí Anh Cả. Tuy nhiên, đoạn khác trong sách ghi Thánh Giáo của Đức Chí Tôn còn phụ giảng thêm:

“Chẳng một ai dưới thế này còn dặng phép nói rằng thế quyền cho Thầy mà trị phần hồn của nhơn loại. Ai có đức hạnh lớn thì mới ngồi dặng địa vị của Thầy ban thưởng. Còn cả Môn Đệ ai cũng như ai, không dặng gây phe lập đảng; nhược kẻ nào phạm tội, thì Thầy trục xuất ra ngoài, cho khỏi điều rối loạn. Chiêu đã có công tu, lại là Môn Đệ yêu dấu của Thầy, nên Thầy muốn ban chức Giáo Tông cho nó, song vì lòng ám muội phạm đến oai linh Thầy mà ra lòng bất đức chẳng còn xứng đáng mà diu dắt các con, nên Thầy cất phần thưởng nó, Thầy nhứt định để chức ấy lại mà đợi người xứng đáng, hay là Thầy đến chính mình Thầy dặng dạy dỗ các con.

...Các con coi thử đó thì đã hiểu rằng Thầy thương yêu nhơn loại là dường nào. Cái vui của Thầy là dặng thấy các con hội hiệp cùng nhau, thương yêu nhau trong đạo đức của Thầy, ai còn dám làm cho chia lìa các con là đứa thù nghịch cùng Thầy. Chiêu đã hữu căn hữu kiếp; Thầy đã dùng huyền diệu mà thâm phục độ rồi nó trước các con, biết bao phen Thầy gom các Môn Đệ lại, Thầy sở cậy nó áp yêu dùm cho Thầy dường như gà mẹ ấp con, song nó chẳng vâng mạng lệnh Thầy, lại đành lòng cắn mổ xô đuổi dường ấy, thì làm sao cho xứng đáng cái trách nhiệm rất lớn của Thầy toan phú thác cho nó. Các con đừng” [Thánh Giáo của Đức Chí Tôn trong quyển Đạo Sử Xây Bàn của Bà Nữ Đầu Sư Hương Hiếu].

Lịch sử Đạo Cao Đài đã ghi nhận dữ kiện Đức Ngô Minh Chiêu theo chủ trương “*Ngô thân bất độ hà thân độ*”, nên Ngài ở nhà lo tự giác tu tâm luyện tánh, sửa lòng theo phép tu đơn, không cùng phía Ngài Phạm Hộ Pháp để phổ truyền chơn đạo theo lời truyền dạy của Đức Chí Tôn.

Theo các dữ kiện trên, Đức Phạm Hộ Pháp cần cần, tuân hành mạng lệnh Đức Chí Tôn, liên hiệp với Ngài Ngô Minh Chiêu để chuẩn bị công cuộc lập nên Đại Đạo phổ độ nhơn sanh. Nhưng Ngài Ngô thối cáo vì lý do nào đó. Đức Phạm Hộ Pháp chỉ đến Ngài Ngô thực hiện lễ thuận hòa theo Đấng Cao Đài truyền dạy.

Thế nên, nhóm Phạm-Cao chỉ liên hệ lời chỉ dạy của Thượng Đế về cách thờ Thiên Nhân. Kể từ, mốc lịch sử bất hợp tác trên phương diện lập giáo, phổ độ nhơn sanh. Nhóm Phạm-Cao và Ngài Ngô không còn hợp tác chi nữa.

14. Đức Phạm Hộ Pháp vâng lệnh Đức Chí Tôn độ Ngài Khai Pháp Trần Duy Nghĩa và ân tình Thầy-Trò.

Ông Trần Duy Nghĩa sanh ngày 17 tháng 8 năm Mậu-Tý, dương lịch ngày 11 tháng 09 năm 1888, tại làng Thành Phố, tổng Hòa Lạc Hạ, tỉnh Gò Công, nay đơn vị hành chánh là huyện Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Khi Đức Phạm Hộ Pháp vâng lệnh Đức Chí Tôn thu phục Ông Nghĩa nhập đạo Cao Đài và được Thiên Phong Khai Pháp cùng thời với các vị Thời Quân khác vào ngày 12 tháng 01 năm Đinh Mão, nhằm ngày 13 tháng 02 năm 1927. Đây là giai đoạn lập lập Pháp Chánh Truyền Hiệp Thiên Đài, nên Ngài cùng với Ngài Hiến Pháp Trương Hữu Đức lãnh trách vụ trong cơ Truyền Đạo. Sau nữa, trở thành một cặp phò loan thuộc cơ Bí Pháp của nền đạo.

Đức Ngài là một vị Chơn Quân quan trọng nơi cửa Hiệp Thiên Đài, lại chịu nhọc nhằn, gánh vác phận sự hệ trọng cùng Đức Phạm Hộ Pháp. Nên khi Đức Ngài quy thiên, Đức Hộ Pháp đã mất đi một yếu nhân trong sự nghiệp Đại Đạo. Đức Hộ Pháp thuyết giảng:

“Nhắc lại công nghiệp của Ngài Bần Đạo lấy làm ngậm ngùi cảm xúc vô cùng, sự cảm xúc của Bần Đạo đối với Đức Ngài không giờ phút nào Bần Đạo quên cái công cực khổ đão ải của Ngài đối với Đạo. Bần Đạo chắc chắn rằng, trong Chức Sắc Hiệp Thiên Đài, Bần Đạo chỉ nhờ Đức Ngài Khai Pháp nhiều hơn hết, đó là bằng chứng hiển nhiên ngày nay Đức Ngài đã qui Tiên, thì Bần Đạo đã bớt một cánh tay gánh vác sự nghiệp Thiêng Liêng vĩ đại của Đức Chí Tôn tại mặt thế này” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q.6].

Theo các tài liệu khảo cứu của Đạo, Đức Ngài có tiền kiếp là Thánh Peter, một trong 12 Thánh Tông Đồ của Đức Chúa Jesu Christ. Tánh đức của Ngài:

- Từ bỏ dứt khoát: Ngài mau chóng từ bỏ sản nghiệp theo Đấng Cứu Thế.

- Tính khiêm cung: Ngài quỳ trước mặt Đức Chúa và thưa: *"Lạy Thầy, xin tránh xa con ra vì con là một người tội lỗi"*.
- Biết ăn năn sám hối tội lỗi của mình: Ngài chưa hoàn toàn thánh thiện và chưa biết ngôi vị, quyền năng của Đức Jesu nên đã từ chối Chúa ba lần. Sau khi chối Chúa, Ngài cảm thấy ăn năn tràn ngập và đến xin được tha lỗi khi Đức Chúa phục sinh. Đức Jesu phán: *"Và Thầy đã cầu nguyện để con khỏi mất đức tin. Và phần con, khi đã trở lại, con hãy làm cho anh em con vững tin"*.
- Dừng cảm: Ngài bị bắt và tra hỏi, đánh đập khi nhân danh Đức Chúa rao giảng chân lý, Ngài thẳng nhiên trả lời: *"Phải vâng lời Thiên Chúa hơn là vâng lời người phạm"*.

Đức Cứu Thế bị đóng đinh quay lên, trong khi đó, Ngài bị đóng đinh trên Thập Tự Giá đầu quay ngược xuống. Theo lời thuyết đạo của Đức Phạm Hộ Pháp, điều này tượng lý Âm-Dương trong nền tôn giáo để nền tảng giáo pháp cứu thế có thể trường tồn.

Hậu kiếp lại tiếp tục phò Đức Chúa Cứu Thế là Đức Phạm Hộ Pháp. Nên lòng trung thành đáo dể, nghĩa tình can dũng, chịu đài sang Phi Châu và hoàn thành sứ mạng Chơn Quân cho đến khi quy Thiên.

"Bản Đạo đã thấy cái sống ở đời của Đức Ngài Khai Pháp trong buổi sanh tiền chưa có hưởng hạnh phúc hay thú vị gì cả, vì sự nghiệp giàu sang vinh hiển của Ngài mà Ngài cũng không màng, chỉ nguyện đem cái xác thân này hiến trọn vẹn với cửa Đạo."

Đức Chí Tôn đã định sẵn đâu hồi nào mà chính mình Đức Chí Tôn lựa thật là xứng đáng. Trong buổi lập Hiệp Thiên Đài Đức Chí Tôn dạy con muốn ra gánh vác sự nghiệp Thiêng Liêng lập nên nền Đạo. Trước hết con phải lập Pháp cho xong thì Đạo mới vững bền được". [Thuyết Đạo của ĐHP, Q.6].

Buổi phong thánh đầu tiên do Đức Chí Tôn định và Đức Phạm Hộ Pháp trọn vẹn tin nơi quyền năng Đức Chí Tôn sai khiến. Khi thánh cơ Thầy bảo đến tỉnh Gò Công tìm ông Trần Duy Nghĩa, Đức Phạm Hộ Pháp chỉ biết tuân mạng lệnh mà trong khi đó Ngài chỉ biết tỉnh, chớ không quen ai nơi đó.

Khi đến tỉnh Gò Công, Đức Ngài ngừng xe lại thì đứng nhà ông Trần Duy Nghĩa. Khi tường trình mọi sự về việc cơ bút lập giáo và dạy tìm Ông, Ông Nghĩa hứa và nguyện bỏ cuộc sống đời giàu sanh để hiến nơi cửa Cao Đài.

Chính lời hứa và nguyện ấy cũng chưa làm Đức Phạm Hộ Pháp tin cho lắm. Khi đi Sài Gòn, Ông Nghĩa duy chỉ mang theo gói quần áo và không lần nào trở về gia đình. Điều này đã minh chứng cho lời hứa, lời nguyện bằng tác dạ trung thành, dâng hiến hình hài xác thịt và trí não cho nền Đạo, chưa hề phai nhạt bao giờ.

Đức Phạm Hộ Pháp đưa bài Thánh Giáo dạy tìm Ông cho Ông xem thì ông nói:

“Tôi tưởng dòng dõi của dân tộc Việt Nam trên 4 ngàn năm đã chết, nào dè ngày nay Đức Chí Tôn đến định lập Quốc Đạo thì chắc hẳn rằng đất nước Việt Nam sẽ sống lại được mà là cứu chữa Tổ quốc và giống nòi dân tộc Việt Nam sẽ cõi ách lệ thuộc giữa thời Pháp thuộc đang bạo hành” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q.6].

Đức Phạm Hộ Pháp có thuyết giảng tại Đền Thánh nhân ngày Đại Tường và Di Liên Đài của Ngài Khai Pháp, Đức Phạm Hộ Pháp khẳng định Ngài Khai Pháp cương quyết giúp đỡ và kính nể đáo đẽ, không giờ phút nào muốn xa rời Đức Phạm Hộ Pháp.

Khi nhắc về sự quy thiên của Ngài, Đức Phạm Hộ Pháp tủi lòng vì mất đi người ân trọng nghĩa thâm mà toàn đạo Cao Đài đều thấy sự mất mát lớn lao.

“Lúc Chánh quyền Pháp đầy ra Hải đảo Madagascar. Trong đó nhiều vị Chức Sắc Đại Thiên Phong cũng chung chịu ảnh hưởng.

Bản Đạo chỉ thấy một Đức Ngài và em Thánh Hiển hết lòng phụng sự giúp đỡ Bản Đạo, còn bao nhiêu vì quyền lợi mà xua đuổi hành phạt Bản Đạo đáo đẽ. Anh Trọng già rồi chẳng nói chi, nhứt là Ông Thái Phấn và Gấm, dựa quyền lợi theo thuyết Cộng Sản Nga Xô, dùng sức mạnh trở lại hành phạt khổ khắc Bản Đạo mà chưa vừa lòng, họ còn xúi giục Chánh quyền đầy Bản Đạo lên chỗ nguồn cao nước độc dâng giết một cách gián tiếp cho vừa lòng, nếu chẳng phải quyền năng Thiêng Liêng giúp sức thì không thể trở về Tổ Đình, Thánh Địa đất nước Việt Nam với ngày nay” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q.6].

Khi bị lưu đài sang Phi Châu, Ngài Khai Pháp và Ông Sĩ Tải Bùi Quang Hiên một lòng trung thành, thương kính Đức Phạm Hộ Pháp. Lúc Đức Phạm Hộ Pháp bị buộc đến chỗ vùng nước độc để giết gián tiếp, hai Ông cũng xin theo để nuôi dưỡng, an ủi.

Khi Ông Hiên mất, Ngài chỉ biết ôm Đức Phạm Hộ Pháp khóc van xin với Đức Thượng Đế một điều là đem xác về vùng Thánh Địa. Lời cầu xin ấy đã linh nghiệm. Đến khi được trở về đất Thánh tái thủ quyền hành, Ông Truyền Trọng Phạm Ngọc Trăn bị ám sát mất, Ngài Khai Pháp bèn ôm Đức Phạm Hộ Pháp than:

“Thầy ôi! Cái sợ của tôi ngày nay đã đến rồi, tôi hằng than thở với Thầy từ nơi hải đảo là chốn đầy khổ thân của Thầy trò mình, tưởng là về đất Thánh Địa được yên vui; nào dè có Quân Đội cho nên ra nổi nầy....Thưa Thầy, nếu mà tôi biết hậu quả và tình trạng ngày nay như thế này, thà là Thầy trò mình ở lại nơi chốn tù đầy hải đảo là nơi rừng xanh nước độc còn thú vị hơn về đây thấy cảnh đổ

máu không lịch sử, giòng dõi chủng tộc Việt Nam sẽ ly tán, tiền đồ Tổ quốc không dựng lại mà hầu hết nhơn loại chịu trong cảnh sắp điều tàn, nên Đạo chính nghiêng bởi cảnh đó” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q.6].

Tiếng khóc than sâu thẳm của Ngài Khai Pháp làm Đức Phạm Hộ Pháp phải đỏ châu tuông lệ, nhưng cố an ủi, tìm cơ giải khuây như không có chuyện gì để Ngài bớt sầu bi. Đức Hộ Pháp khuyên Ngài:

“Không anh à, mấy em vì nó có óc thanh niên không phải như mấy anh lão thành vậy đâu, vì máu nóng phải vậy, còn đưa tài chất lợi quyền trọng tham danh chớ buộc cả thấy như chí của anh vậy sao được. Bản Đạo thấy Ngài buồn kiếm chước cho vui đỡ, và lần lượt kiến tạo Trí Giác Cung được khuyên Ngài vào ở cho an tịnh cho bớt cảnh thảm họa trên diễn mãi trước mắt hằng ngày” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q.6].

Vì phận sự thiêng liêng do Đức Chí Tôn giao phó, Đức Phạm Hộ Pháp phải chịu bao nhiêu đau thẳm, nhưng mượn cơ an vui, thi hành phận sự cho đại nghiệp thiêng liêng cho toàn nhơn loại an hưởng, đó là nền Đại Đạo.

Ngài Khai Pháp Chơn Quân là nằm trong 12 vị Chơn Quân thuộc 12 con giáp giữ huyền bí tạo đoàn càn khôn vũ trụ. Nên sứ mạng, hành tàng và sự cống hiến, lòng trung thành, nhiệt huyết, bỏ cảnh giàu sang, thi hành thiết mạng cho chơn tướng Đại Đạo của Đức Chí Tôn.

Bản Đạo lại thêm một điều trọng hệ hơn hết, người không phải xa lạ nhơn loại nơi mặt Địa Cầu 68 này, người đã cùng làm bạn với nhơn loại và chịu khổ cùng nhơn loại, Ngài là một bậc yếu nhân đã giúp Đức Chí Tôn tạo dựng một nền Văn Minh hiện tại. Bản Đạo nói quả quyết rằng: Ngài là một vị yếu nhân đã cầm quyền về tinh thần của nền văn minh. Ngài tái kiếp sứ mạng của Ngài là không chỉ khác hơn làm thế nào cho nền văn minh ấy chung hiệp các nền văn minh tối cổ trên mặt địa cầu này, làm cho thiên hạ thống nhứt về tâm hồn, thống nhứt về đạo đức.

Đức Khai Pháp Chơn Quân hiện nay đi đến cái cảnh đại đồng của nhơn loại Ngài đến cốt yếu để làm chứng điều ấy và đến đặng để cái tinh thần của Ngài thiết hiện cho tròn vẹn cái sứ mạng Thiêng Liêng. Còn về phần hình chất Ngài cũng sanh trưởng như ai” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q.6].

Trong thời gian biến chuyển của nền Đạo, Đức Ngài được phong làm Chương Quân Bộ Pháp Chánh nên có những bài giảng về Pháp Chánh Đại Đạo. Sau Ngài gom hợp lại ấn bản quyền sách là “Chánh Trị Đạo” để minh giảng cơ cấu, trách nhiệm, quyền hạn của nền Đạo, tránh ngộ nhận nền Cao Đài làm chánh trị đời.

Cụm từ Pháp Chánh rất hay, xuất hiện cũng do. Trong quyển sách của Ngài gồm các phần: Phần I nói về nền tảng Chánh Trị Đạo của Đạo Cao Đài gồm 4 cơ quan: Hành Chánh, thuộc Cửu Trùng Đài. Phổ Tế, thuộc Cửu Trùng Đài. Pháp Chánh, thuộc Hiệp Thiên Đài. Phước Thiện, thuộc Hiệp Thiên Đài. Phần II nói về Quyền Lập Pháp của Đạo thuộc về 3 Hội: Hội Nhơn Sanh, Hội Thánh, Thượng Hội. Phần III nói về Quyền Hành Pháp, thuộc về Cửu Trùng Đài. Phần IV nói về Quyền Tư Pháp, thuộc về Hiệp Thiên Đài. Phần V so sánh Chánh Trị Đạo và Chánh Trị Đời.

Ngoảnh lại, chúng ta thấy những điểm sau: một, bàn tay của Đức Phạm Hộ Pháp dựng để cho Đức Chí Tôn chiêu hồn các Nguyên Căn, những hạt giống ươm mầm cho sự phát triển nền giáo pháp Đại Đạo. Hai, quyền bính Thiêng Liêng của Đức Chí Tôn sai khiến trong nhiều việc để gom nhặt đức tin nhỏ lẻ để hình thành một Hội Thánh Đại Đạo. Ba, nguyên căn Ngài Khai Pháp và sự đối đãi tình thâm của hai Ngài đủ đượm tình Thầy nghĩa Trò.

15. Đức Hộ Pháp vâng lệnh thành lập Hội Thánh Ngoại Giáo tại Nam Vang.

Hội Thánh là một chánh thể của Đạo Cao Đài gồm lưỡng đài, Hiệp Thiên Đài và Cửu Trùng Đài. Do đó, có Hội Thánh Hiệp Thiên Đài, Hội Thánh Cửu Trùng Đài.

Từ cơ quan Phạm Môn duy trì một khoảng thời gian dài và do thời thế, cơ quan này biến thành Hội Thánh Phước Thiện trực thuộc chi Đạo Hiệp Thiên Đài. Hội Thánh gồm các Chức Sắc đối phẩm hàng Thánh, tức là phẩm Giáo Hữu đồ lên hoặc các phẩm khác tương đương.

Hội Thánh là Thánh Thể của Đức Chí Tôn thay mặt Đức Ngài tại thế để xây dựng nền Quốc Đạo, ban vui, cứu khổ, thực hiện tôn chỉ quy nguyên Tam Giáo, hiệp nhứt Ngũ Chi trên nguyên tắc luật Thương Yêu và Quyền Công Chánh, kiến tạo một chủ thuyết nhơn loại đại đồng bình đẳng, giục thúc chúng sanh nương cây cờ Bảo Sanh-Nhơn Nghĩa-Đại Đồng cùng đồng về hội hiệp với Đức Chí Tôn. Đó là nhiệm vụ thiêng liêng của nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ trong cơ quy nhất.

Hội Thánh Ngoại Giáo là một cơ quan có nhiệm vụ truyền bá đạo sang ngoại quốc. Hội Thánh Ngoại Giáo có trụ sở tại Kim Biên nên còn có tên gọi khác là Hội Thánh Kim Biên. Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn làm chương đạo quyền thiêng liêng do Đức Chí Tôn giao phó, dưới quyền bảo trợ hữu hình của Đức Phạm Hộ Pháp.

Năm 1927, Giáo Hữu Thượng Bảy Thanh được bổ nhiệm làm chủ trưởng Hội Thánh Ngoại Giáo đầu tiên.

Đức Phạm Hộ Pháp phải gánh vác nhiều việc trọng đại nên đã xin nghỉ sáu tháng tại Sở Thương Chánh Sài Gòn. Lễ Khai Đạo được tổ chức long trọng ngày 15 tháng 10 năm Bính Dần [ngày 19 tháng 11 năm 1926] tại chùa Từ Lâm Tự. Khi tới mãn 06 tháng nghỉ tạm, Đức Phạm Hộ Pháp hỏi Đức Chí Tôn việc xin nghỉ luôn để lo tròn phận Đạo. Đức Chí Tôn bảo cứ làm việc bình thường, rồi sau sẽ có việc hay cho Đức Phạm Hộ Pháp.

Nơi Kim Biên, Campuchia, rất nhiều Chức Sắc cầu kinh mà thời kỳ này chưa có Kinh Phật Mẫu. Trong khi đó, Đức Phạm Hộ Pháp trở lại công việc cũ. Chính vì lòng nhiệt thành và vai trò quan trọng của Đức Phạm Hộ Pháp trong các hoạt động truyền đạo và đức tin nơi bốn đạo nơi nền chơn giáo, chính quyền Pháp e sợ hoạt động tín ngưỡng lan rộng mau chóng; nên họ chuyển công tác Đức Phạm Hộ Pháp sang Kim Biên đúng ngày vía Đức Phật Mẫu.

Khi sang địa phận mới, Đức Hộ Pháp định cư tại nhà anh ruột của Đức Thượng Sanh, là ông Cao Đức Trọng và Đức Phạm Hộ Pháp truyền giáo, thu phục nhơn tâm hiểu đạo lý Cao Đài.

Đến ngày 29 tháng 06 năm Đinh Mão, nhằm ngày 27 tháng 07 năm 1927, Đức Hộ Pháp cầu cơ cùng ông Cao Đức Trọng. Đức Chí Tôn giảng đàn và phong cho: ông Lê Văn Bảy, Nguyễn Văn Lắm, Võ Văn Sự phẩm Giáo Hữu, phong ông Đặng Trung Chử, Trần Quang Vinh, Phạm Kim Cửa phẩm Lễ Sanh.

Sau cơ bút Đức Chí Tôn thì Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn giảng chấm phái cho Nam Phái như sau: Thượng Bảy Thanh, Thượng Lắm Thanh, Ngọc Sự Thanh, Thượng Chử Thanh, Thượng Vinh Thanh, Thái Cửa Thanh. Sau đó, Đức Ngải phong cho nữ phái: bà Trần Kim Phụng, Đặng Thị Huê, Nguyễn Thị Hát phẩm Giáo Hữu; phong bà Huỳnh Thị Trọng phẩm Lễ Sanh.

Từ sự phong phẩm này, nền Đạo nơi Kim Biên đã quy tụ tằm lớp nhiều giới như y khoa, ngành kế toán, thơ ký, thần khoán trí thức để Đức Hộ Pháp mở Hội Thánh Ngoại Giáo, tức là Cơ Quan Truyền Giáo có trụ sở nơi đất Campuchia.

Hội Thánh Ngoại Giáo do quyền điều khiển thiêng liêng của Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn do quyền Đức Chí Tôn giao phó. Đức Ngải là chính là Đức Victor Hugo sanh tại Pháp Quốc, hưởng thọ 83 tuổi, từ nơi Cung Quảng Hàn xuống thế. Sanh vào thế kỷ 19, là một thi sĩ trứ danh lừng lẫy một thời, tiếng tăm vang dội, Ngải thường chu du ở Ý, Tây Ban Nha. Trong những tác phẩm văn thơ đạt đến đỉnh cao lỗi lạc, ý tình cao thâm, thuộc hàng kỳ nhơn hiếm có. Sau có tên trong Hàn Lâm Viện và trở thành Đại Công Thần trong triều đình Pháp Quốc. Đức Hộ Pháp cũng cho biết, Đức Ngải chính là đại thi hào Nguyễn Du đã từng tái sinh tại Việt Nam.

“Nghĩ vì Ngài cũng có công trình khai đạo từ sơ khai thọ mạng linh Đức Chí Tôn lãnh quyền Chương Đạo cầm đầu Hội Thánh Ngoại Giáo. Ngài thường giảng cơ giáo hóa và phong Thánh cho chư Chức Sắc Ngoại Giáo, hướng chỉ chúng ta ngày nay cả thấy đều đặn hiểu biết tiền kiếp của Ngài trước kia tái kiếp nước Pháp thì Ngài đã có một kiếp sanh tại nước Việt Nam là Đức Nguyễn Du là một nhà thi sĩ, tác phẩm truyện Kim Vân Kiều mà ngày nay cả thế giới đều nhận bản tác phẩm ấy là vô giá, nhứt là chúng ta dân tộc Việt Nam càng vinh hạnh hơn hết” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q.3, bài 07].

Với các hoạt động truyền giáo của Hội Thánh Ngoại Giáo này, đã đem lại công cuộc gây dựng nền Đạo rộng. Trong khoảng một thời gian không lâu, trên dưới 10.000 người nhập môn cầu đạo. Chúng ta nên biết một điều, Đạo đương khai mở tại Việt Nam, thì các đàn cơ cầu học của Hội Thánh Ngoại Giáo đã hiện diện, tuy chưa chánh thức công bố thành lập Hội Thánh Ngoại Giáo từ các Đấng Thiêng Liêng. Đức Phạm Hộ Pháp giảng:

“Đức Chí Tôn mới mở Đại Đạo thì Hội Thánh Ngoại Giáo đã cầu cơ, Bát Nương đến biểu chúng ta đem cả năng lực đặng cứu chúng sanh, sứ mạng cứu thế phải khổ hạnh khó khăn thế nào, nguy hiểm thế nào! Bản Đạo để cho con cái Đức Chí Tôn suy gẫm hiểu cho thấu, tự hiểu lấy mình vì nó không phải khó kiếm hiểu [Thuyết Đạo của ĐHP, Q.5, bài 7].

Ngày 14-2-Nhâm Thân [20-3-1932], Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn, Chương Đạo Hội Thánh Ngoại Giáo giảng cơ tại Kim Biên, chỉnh đốn nhân sự trong Hội Thánh Ngoại Giáo.

“NGUYỆT TÂM CHƠN NHƠN

Bản đạo chào Quyền Giáo Tông, Hộ Pháp, Tiếp Đạo và Hội Thánh Ngoại Giáo

Nam Nữ Thiên phong, xin nghe:

Nước Thiên đường thì ít kẻ, cửa Địa ngục vẫn nhiều người, chưa từng thấy hạng nhơn sanh nào mà tự trọng thân hình, chẳng hữu ích chi cho cả cơ Tạo, mà đoạt vị Thần, Thánh, Tiên, Phật. Ngôi vị thiêng liêng chẳng phải do nơi sự cầu may mà đoạt được.

Bản đạo khi đắc linh làm Chương Đạo lập Hội Thánh giáo đạo tha phương thì từng lòng bác ái của Chí Tôn, mở rộng thế cho nhơn sanh dâng công đổi vị. Bản đạo chẳng kể là nguyên nhân, hóa nhân, hay là quỷ nhân, vì biết lập công thì thành đạo. Bản đạo để cho mỗi người tự do định phận, lại tùy thế khó khăn mà gây thành công quả. Ấy vậy, nếu lấy phép công bình thì tự nhiên nên thì thâu, hư thì bỏ.

Bần đạo đã chán thấy kẻ bắt lực rất nhiều. Vậy Bần đạo để lệnh cho mỗi vị Thiên phong xét mình, khai tội cùng Giáo Tông và Hộ Pháp, rồi sau mới định rõ điều thưởng phạt. Thăng”.

Sau Lễ Sanh Trần Quang Vinh đổi công tác sáng Pháp, thời bấy giờ ông là công chức cho Pháp. Từ lòng tin, Ông đã thực hiện cơ truyền giáo rộng và độ được rất nhiều chánh khách quan trọng, từ giáo sư Đại Học, Cựu Tham Biện, Lục Sự Tòa Án Paris, Trạng Sư Tòa Thượng Phẩm Sài Gòn có văn phòng tại Nam Vang, Quan Khâm Sứ Campuchia, Quan Bảo Hộ Pháp Triều, Tổng Thư Ký Hội Nhân Quyền, Nghị Sĩ Quốc Hội Pháp tại Nam Kỳ, Nghị Sĩ Quốc Hội, Nghị Viên Hội Nhân Quyền...và các vị này đều được ân phong vào các phẩm như Tiếp Dẫn Đạo Nhơn, Nữ Giáo Sư, Giáo Hữu, Lễ Sanh.

Các hoạt động tích cực của Ông Trần Quang Vinh đưa hàng loạt nhân vật quan trọng đến với Đạo Cao Đài. Hơn nữa, Ông còn liên lạc một số tạp chí phản ánh sự áp chế của Pháp đối với sự tự do tín ngưỡng của Đạo. Các tân Chức Sắc mà Ông Trần Quang Vinh dẫn độ nhập môn giữ vai trò quan trọng trong nhiều giới, nên tiếng nói của tân Chức Sắc đồng quyết nghị tại Quốc Hội Pháp làm cho Pháp ban bố tự do tín ngưỡng đạo Cao Đài toàn cõi Đông Dương.

Đến ngày 13 tháng 08 năm Bính Thân, nhằm ngày 17 tháng 09 năm 1956, là năm Đức Phạm Hộ Pháp lưu vong sang Campuchia, Đức Quyền Giáo Tông giáng cơ do Đức Hộ Pháp. Thánh cơ này tuyên bố giải thể Hội Thánh Ngoại Giáo vì Đức Chương Đạo từ chức trách vụ nơi cơ quan này:

“Phò loan:

Ngày 13-8-Bính Thân (dl 17-9-1956).

Hộ Pháp

Bảo Đạo.

THƯỢNG TRUNG NHỰT

Qua chào mấy em,

Khi này, Đức Thanh Sơn có khuyên mấy em gắng công hành đạo. Chính Qua cũng phải nhìn nhận mấy em thiếu công nghiệp cùng Đạo.

Mấy em nam nữ đã thấy rõ vì lẽ nào mà Chương Đạo Nguyệt Tâm đã từ bỏ chức vụ mà mấy em từ thử hay chẳng? Mấy em nhớ lại coi, từ khi Phong Chí (Đạo hiệu của Giáo Sư Thượng Bửu Thanh) nắm quyền đến nay, sự nghiệp Đạo đã hư hoại thế nào? Thì cũng do nơi bội phản Hộ Pháp và anh em giành quyền mà sanh ra rối loạn.

Qua nói thiệt cùng mấy em rằng: Vì hổ thẹn ấy mà Chương Đạo từ chức và hủy bỏ Hội Thánh Ngoại Giáo. Các em đã hiểu rõ điều ấy. Qua chỉ thương Thanh Sơn mang tiếng phụ phàng, lỗi tình cùng Hộ Pháp.

Qua đã nhiều phen cầu xin Nguyệt Tâm Chơn Nhơn tha thứ, nhưng Ngài quyết hẳn, vì có là chúng đã mạo danh Bạch Vân Động, đứng chia phe phân phái, lập quyền Đồi của họ.

Các em có biết chẳng, Đấng đã mang trọn ân của Hộ Pháp là Bạch Vân Hòa Thượng tức là Đức Thanh Sơn, khi lãnh lệnh Ngọc Hư thì người hứa rằng: Hộ Pháp trọn quyền sử dụng các chơn linh Bạch Vân Động.

Hôm nay lời ước nguyện ấy đã thất”.

Đoạn sau bài Thánh Giáo trên của Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung cho chúng ta thấy các điểm như sau:

Một là hoạt động của Hội Thánh Ngoại Giáo do lệnh của Ngọc Hư Cung mở ra để phổ độ nhơn sanh.

Hai, phạm chất lân thánh chất làm cho các vị lãnh đạo trong cơ quan đã mạo nhận danh Bạch Vân Động để chia phe, lập nhóm, tạo một hiềm khích và làm ố danh cơ quan cũng như nền đạo Cao Đài.

Ba, Đức Quyền Giáo Tông vì tình rộng lượng mà xin tha thứ nhưng vì pháp luật nên Đức Nguyệt Tâm không thể.

Bốn, dù danh từ Hội Thánh Ngoại Giáo tồn tại cụm từ “dưới quyền bảo trợ hữu hình của Đức Hộ Pháp” nhưng Đức Phạm Hộ Pháp có trọn quyền sử dụng các chơn linh nơi Bạch Vân Động trong các hoạt động xây dựng pháp chế nền Đại Đạo.

Xét lịch sử hình thành và phát triển của Hội Thánh Ngoại Giáo dưới quyền bảo trợ hữu hình của Đức Pháp Hộ Pháp, chúng ta thấy cơ quan này tồn tại gần 30 năm, cũng đã đem lại hiệu ứng và phát triển cho nền đạo nhiều mặt, từ sự đòi tự do tín ngưỡng cho đến độ rỗi nhơn sanh vào cửa đạo.

Riêng về phần Hội Thánh Ngoại Giáo, khi Ngài Hiến Pháp Trương Hữu Đức nắm quyền Chương Quản Hiệp Thiên Đài, Ngài ký Thánh Lệnh số 65/TL để tái lập Cơ Quan Truyền Giáo Hải Ngoại, chiếu theo vi bằng số 12/VB nhóm họp ngày 09 tháng 04 năm Quý Sửu [dương lịch ngày 11 tháng 05 năm 1973], đồng quyết nghị tái lập Cơ Quan Truyền Giáo Hải Ngoại và bổ Ngài Bảo Đạo Hồ Tấn Khoa lãnh phận sự Chủ Trưởng Cơ Quan.

Đức Phạm Hộ Pháp triều Thiên năm 1959, trong khi Đức Chương Đạo Nguyệt Tâm Chơn Nhơn từ chức quyền điều khiển thiêng liêng của cơ quan này. Đây là sự kiện đáng lưu ý trong lịch sử đạo. Như trích dẫn các hoạt động tích cực

từ Hội Thánh Ngoại Giáo ở trên, cơ quan này đã lập được nhiều kỳ công, độ dẫn nhiều nhân vật quan trọng nhập môn vào đạo, được Thiên Phong phẩm vị cao, lại giúp cho nền Đạo được hưởng những đặc ân riêng biệt trong lúc Pháp hà khắc về đường lối tự do tín ngưỡng đối với Đạo Cao Đài. Tuy nhiên, dưới quyền điều khiển thiêng liêng của Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn và sự bảo trợ hữu hình của Đức Phạm Hộ Pháp đối với cơ quan này, nhưng Hội Thánh Ngoại Giáo phải giải thể vì Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn đã thoái vị lãnh đạo và chê trách. Do đó, trách nhiệm của người Tín Đồ cho đến Chức Sắc cao cấp phải làm sao xứng đáng với vai trò của mình để từng Luật Pháp Chơn Truyền Đại Đạo để khỏi thất phạm cùng quyền Thiêng Liêng.

16. Đức Phạm Hộ Pháp hóa giải Long Tuyền Kiếm theo hướng dẫn của Bát Nương.

A. Ý nghĩa và nguồn gốc của Long Tuyền Kiếm.

Long Tuyền Kiếm là một trong hai thanh gươm báu thời xa xưa, là thanh gươm Dương, còn một cây kiếm khác là Thái A, gọi là gươm Âm.

Lịch sử Trung Hoa ghi lại, giai đoạn đó là thời kỳ nước triều đại Tân-Ngô tranh nhau, nhà Tấn muốn đánh nhà Ngô. Ông Trương Hoa theo nhà Tấn và biết thiên văn học nên thường quan sát trên trời và phát hiện sự lạ, một luồng ánh sáng màu thoai khí đỏ giữa sao Đẩu và sao Ngưu trên trời.

Cùng thời, có ông Lôi Hoán, một người tinh thông thiên văn học và thuật số, nên ông Trương Hoa kể sự việc cho ông Lôi Hoán. Ông Lôi Hoán cho biết đó là ánh sáng của bảo kiếm biến hiện tại vùng Phong Thành.

Ông Trương Hoa mới đề bạt ông Lôi Hoán lên làm quan nơi ấy để tìm kiếm gươm. Lôi Hoán đồng ý và cho thực hiện việc tìm kiếm. Với tài thiên văn của ông, việc tìm kiếm gươm báu trở nên dễ dàng. Ông phát hiện ở nhà ngục và cho đào lên, trong hộp chứa cặp gươm Âm Dương. Long Tuyền là gươm trống, Thái A là gươm mái. Khi nhà Tấn được phục hưng, báu gươm Thái A được dâng lên nhà vua, còn Lôi Hoán luôn giữ gươm Long Tuyền bên mình.

B. Nền văn minh thiên văn học Trung Hoa.

Thiên văn học Trung Hoa bắt đầu phát rộ thời đại đồ đồng, tức là nhà Thương với một lịch sử kéo dài và phát triển đến mức cao độ. Đến giữa đời nhà Thương, người ta khai quật tại An Dương, tìm thấy giáp cốt thể hiện tên các ngôi sao, được phân ra thành thập nhị bát tú. Theo các tài liệu của sử gia cận đại, một học thuyết mới cho rằng hệ thống này đã xuất hiện thời của nhà cai trị Vũ Đinh.

Từ những phát hiện trên, các nhà thiên văn khảo cứu và thực hiện biên chép vào thế kỷ thứ tư trước Công Nguyên, tức là thời Chiến Quốc. Song hành đó, văn minh thiên văn học Tây Phương cũng phát triển.

Các giới học thiên văn nhận định, thiên văn học Trung Hoa cổ đại mang giá trị chính xác, chặt chẽ nhất và ra đời trước các nhà thiên văn Hồi Giáo. Dòng biến dịch thăng trầm của lịch sử phát triển xảy ra trong nước Trung Hoa, tuy nhiên đến nay, hoạt động thiên văn vẫn duy trì với nhiều công trình nghiên cứu mới.

C. Văn minh Tôn Giáo.

Trong Nhị Kỳ Phổ Độ, nền Phật Giáo đã du nhập vào Trung Hoa qua các triều đại vua và truyền rộng khắp đất nước. Phật Giáo Đại Thừa triển khai và phát triển mà Trung Hoa là nước có nhiều vị Hòa Thượng, Thiền Sư đóng góp rất lớn trong sự nghiệp này.

Ngoài hệ thống tư tưởng tâm linh Phật Giáo chi phối, Trung Hoa còn có Đức Lão Tử ra đời lập nên Tiên Đạo; có Đức Khổng Tử lập nên Khổng Đạo. Hai Đấng này đã đóng góp vào hệ thống tâm linh Trung Hoa phát triển đến mức cực thịnh.

Theo giáo lý của đạo Cao Đài, Đức Lão Tử độ được 02 ức Nguyên Nhân quy hồi cựu vị.

Đức Lão Tử là chơn linh của Đức Thái Thượng chiết thân, lâm phạm để độ rỗi chúng sanh. Nền đạo này có tên là Lão Giáo, Tiên Giáo, Đạo Hoàng Lão, Đạo Gia hay Tiên Gia. Lão Giáo là một trong ba hệ thống tín ngưỡng có sức ảnh hưởng sâu rộng trong văn minh cổ đại Trung Hoa, ảnh hưởng và chi phối đến nhiều lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn chương, nghệ thuật, dưỡng sinh, y khoa, hóa học, vũ trụ, địa lý.

Triết thuyết của Đức Lão Tử đã đưa ra vũ trụ quan, tác động lớn vào các nhà khảo cứu tôn giáo. Đức Ngài đã khẳng định Đạo là bản nguyên của vũ trụ thì Đức là sự tồn tại và cấu tạo của vũ trụ. Nền Đạo này đã đưa con người đến việc trường dưỡng tinh-khí-thần, tu tâm luyện tánh hườn nguyên đắc đạo, trường sinh bất tử.

Triết lý của Đức Lão Tử đã tuyệt đối hóa sự vận động của con người giữa phạm trần, xóa tan sự ngăn cách giữa con người và vạn vật, đó là phép đồng hóa và nhìn nhận vạn vật từ cái “Nhất” mà sinh ra, đó là Đạo. Nền tư tưởng này đã lan rộng đẩy đến trạng thái “vô vi”. Vô vi của Đức Ngài dạy không phải là không làm gì mà làm tất cả, lấy biểu hiệu tâm trung dung, hòa hườn, không thái quá, không bất cập mới đi đến trạng thái “không” của Đạo trời đất.

Gia sản của Đạo Gia là tác phẩm Đạo Đức Kinh, gồm nhiều chương và được chia thành hai phần, phần Đạo và Đức. Sách này không phải là một tác phẩm văn

chương mà là một tác phẩm triết học tôn giáo uyên thâm. Đến nay, có hàng trăm bản dịch khác nhau và tồn không ít bút mực và tìm tòi nghiên cứu của các học giả.

Về phương pháp, chia làm hai là nội tu và ngoại dưỡng. Ngoại dưỡng là dùng thuốc, nhằm hỗ trợ con đường nội tu. Nội tu là hàm dưỡng tâm tánh, rèn thân thể, tịnh cốc, dưỡng sinh, khí công để chuyển hóa nội thể để hiệp với Tánh Vô Vi, tức là trở về nguồn gốc của Đạo.

Đôi với Khổng Giáo, nền Thánh Đạo ra đời nhằm thời chiến quốc phân tranh. Tư tưởng và học thuyết của Khổng Gia là một hệ thống đạo đức, triết học xã hội, triết lý giáo dục và cả triết học chính trị hầu xây dựng một xã hội thánh đức, hài hòa, đưa đất nước có thể hưởng thái bình, thịnh vượng, cộng lạc.

Triết thuyết này song hành với Đạo Giáo đã chiếm một vị thế độc tôn trong văn hóa Trung Hoa. Các quyển sách bất hủ đã để lại là Lục Kinh: Kinh Thư, Kinh Thi, Kinh Lễ, Kinh Dịch, Kinh Xuân Thu và Kinh Nhạc. Sau này, mất một bản nên còn gọi là Ngũ Kinh.

Nho Giáo Nguyên thủy sống động và hoàn thiện nhờ Đức Trang Tử, tạo thành một thể thống “Khổng-Mạnh” phong phú. Đến thời kỳ Đạo bị thể chế chính trị, một phần suy yếu. Đến đời nhà Tống, các học trò của Đức Khổng Tử có những ý tưởng mới nên sử sách thường gọi là thời kỳ “Tống Nho”, làm cho Nho Giáo phát triển mạnh với những định thuyết mới kết hợp với Nho Giáo nguyên thủy.

Tóm lại, Trung Hoa đã thừa hưởng di sản tâm linh từ ba nền tôn giáo Phật Giáo, Lão Giáo, Khổng Giáo, tác động vào toàn bộ văn hóa đất nước này. Sự hòa quyện của ba triết lý tạo thành một truyền thống Đạo Học Trung Hoa hết sức cao quý, đến nỗi sự ảnh hưởng lan rộng khỏi biên giới, sang Việt Nam, Triều Tiên, Đài Loan, Nhật Bản.

D. Những toan tính xâm lược.

Thừa hưởng một nền văn minh thiên văn học rất uyên thâm, cùng mới mộng làm bá chủ hoàn cầu, Trung Hoa đã thực hiện nhiều cuộc tấn công, xâm chiếm, đô hộ nhiều quốc gia.

Lịch sử Việt Nam đã trải qua bao nhiêu cuộc chinh chiến chống giặc Tàu mới có thể giữ vững bờ cõi non sông được vẹn toàn. Dân tộc Việt Nam bị đô hộ hàng ngàn năm bởi sự thống trị Trung Hoa dưới các triều đại Tống, Nguyên, Thanh. Dòng dõi con Hồng, cháu Lạc vẫn trung kiên, Thánh Nhân nước Việt xuất hiện, giải ách nô lệ, giành lại sự độc lập, tự do cho giống nòi.

Sự kiên cường ấy đã đánh bại những đạo binh hùng dũng của thời Tống- Nguyên, nên nhà Minh lo sợ, họ thực hiện mưu đồ gây đại họa cho nước Việt Nam, đó còn gọi là “đại họa thư tịch” vì chúng âm thầm bí mật sang Việt Nam thu

gôm toàn bộ tư liệu quý báu về nước Trung Hoa để nghiên cứu, tìm hiểu hầu có một kế sách mới trong tương lai. Thêm nữa, nhà Minh cho du nhập vào nền văn hóa Tống Nho để biếm nhẽ Việt Nam chỉ, khinh rẻ là “Cửa Không, Sân Trình”.

Dẫu toan tính bằng thủ đoạn và dã tâm xâm lược trên mọi hình thức, những thất bại đau thương của Trung Hoa vẫn liên tiếp xảy ra, vẫn thất thủ trước nền dân tộc hiền anh, như tổng lãnh binh Liễu Thăng bị chém đầu, tướng Vương Thông phải dâng tấu đầu hàng để xin tha mạng, đô đốc Thôi Tụ lê gối xin tạ tội, thượng thư Hoàng Phúc tự trói tay xin đầu hàng, thái thú Sầm Nghi Đống sợ đến nỗi phải thắt cổ tự tử... Đó là những chiến công hiển hách đánh bại quân xâm lược.

Tuy vậy, tổ phụ ông bà Việt Nam vẫn luôn giữ lòng nhân nghĩa khoan hồng, hoàn toàn không tự phụ.

E. Trù yếm nước Việt Nam.

Những cuộc bại trận thê lương vẫn chưa làm Trung Hoa thức tỉnh, vẫn nuôi ý định thôn tính nước Việt Nam.

Nên vào năm 1914, một người Tàu gốc Triều Châu lén đến vùng đất Phú Mỹ, tỉnh Tiền Giang để phép trừ yếm hầu giết nhân tài đất Việt, để Trung Hoa dễ dàng thôn tính sau này. Đây là một dã tâm thâm độc mà chính quyền Trung Hoa dựa vào các nhà phong thủy địa lý, nghiên cứu và thực hiện cuộc trấn yếm có một không hai trong lịch sử. Trong phương pháp yếm đó, thầy địa lý có sử dụng thanh kiếm Long Tuyền.

Thánh cơ ngày 18 tháng 10 năm Mậu Thìn [1928], Đức Phạm Hộ Pháp chấp bút, Bát Nương Điều Trì Cung mách bảo Đức Ngài rằng:

“Nơi làng Phú Mỹ có Long Tuyền Kiếm, phải đến đó lấy cho được thì sau này dân VN được phát triển và đất đó sẽ thành Thánh địa”.

Đây là bằng có xác nhận việc trừ yếm của Trung Hoa để khi nhân tài hay các Trạng ra đời đều bị báu vật Long Tuyền giết chết ngay từ nhỏ. Đoạn thánh giáo của Bà Bát Nương cũng nói lên vị trí của Long Tuyền Kiếm, nói lên vùng đất Thánh Địa và đất nước Việt Nam sẽ phát triển trên phương diện đạo pháp và dân tộc.

F. Vùng đất thánh có Thảo Đường và Khổ Hiên Trang.

Nơi làng Phú Mỹ này có địa danh là Thảo Đường và Thánh Thất Khổ Hiên Trang. Về Thảo Đường, Đức Phật Mẫu giáng cơ, đặt tên và dạy mua 60 mẫu đất khai khẩn, cho đào một con kênh chạy dài. Vùng trung tâm Đại Đạo Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh, có Thảo Xá Hiên Cung. Đức Phật Mẫu cho thánh thi như sau:

“Thảo Đường phước địa ngộ tùng hoa,

*Lục ức dư niên võ trụ hòa.
Cộng hưởng phàm gian an lạc nghiệp,
Thế đẳng Bồng đảo định âu ca”*

Về Khổ Hiền Trang nguyên có như sau, “*Khổ Hiền Trang*” là tên Thánh Thất Phú Mỹ, làng Phú Mỹ, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang, được định tên lại sau năm 1927.

Trong giai đoạn này, Đạo Cao Đài dưới sự diu dẫn chỉ dạy của Đức Lý Đại Tiên, nên đã kiện toàn nền Đạo có đầy đủ cơ chế Tân Luật-Pháp Chánh Truyền và thiên phong để hoàn thành Hội Thánh Hiệp Thiên Đài và Cửu Trùng Đài. Tuy vậy, Pháp muốn diệt đạo nên tìm đủ cách cho người âm thầm vào đạo phá nền Đạo. Mặt khác thế lực gian hồ thút ép chư Chức Sắc Đại Thiên Phong rời khỏi Tòa Thánh Tây Ninh.

Đức Hộ Pháp cùng Ngài Bảo Văn Pháp Quân Cao Quỳnh Diêu vâng mạng lệnh Đức Phật Mẫu xuống Phú Mỹ để tìm mua miếng đất cất trang trại và Thánh Thất rồi giao cho Giáo Hữu Thượng Minh Thanh coi sóc.

Đức Hộ Pháp lập đàn cầu cơ tại Phú Mỹ nhưng ông Ca [sau này đặc phong Phối Sư Thái Ca Thanh] không cho Ngài lập. Ngài buồn và đêm nằm thấy Đức Phật Mẫu cho ba chữ nho và nói “*Khổ Hiền Trang*”. Sáng dậy, Đức Hộ Pháp cho người làm bảng. Từ đó, Thánh Thất Phú Mỹ có bảng tên là Thánh Thất Khổ Hiền Trang. Đức Lý Đại Tiên giảng đàn cho thánh thi như sau:

*“KHỔ thà cam chịu chó đờng than
HIỀN ngộ cùng nhau mới vẹn toàn.
TRANG điểm ngọc lành cho đáng giá,
Giời mài chí thiện Thượng Minh Thanh”.*

Đức Hộ Pháp lại cho biết:

“Trên thiêng liêng có Động Khổ Hiền là nơi Đức Thái Thượng ngự, nên nơi Khổ Hiền Trang Ngài hằng viếng thăm. Mấy em hãy giữ gìn Khổ Hiền Trang cho sạch sẽ, thanh khiết để khỏi lỗi cùng Đức Thái Thượng” [theo tài liệu của Duy Hòa].

“*Khổ Hiền Trang*” nghĩa là cái nhà của người hiền chịu cam khổ. Thánh Thất này là một trong những điểm thuở ban sơ lưu lại dấu chân của Đức Hộ Pháp, nơi nhận nhiều đàn cơ của Thiêng Liêng dạy việc.

Phải chăng vùng đất này linh thiêng vì có Thảo Đường, có Khổ Hiền Trang, địa huyết để hội tụ nhân tố quan trọng kết xuất nhân tài cho đất nước Việt Nam, nên Trung Hoa mới đến vùng này trù yểm phép Long Tuyền?

G. Hóa giải Long Tuyền Kiếm.

Việc hóa giải phép yểm là một trong những huyền diệu thiêng liêng xảy ra trong dòng lịch sử Đạo Cao Đài, còn liên quan đến sự phát triển tôn giáo Cao Đài và vận mạng dân tộc giống nòi. Công cuộc hóa giải Long Tuyền Kiếm diễn ra qua các mốc gian truân. Nhưng sự trợ lực của các Đấng Thiêng Liêng luôn luôn hiện ngự để Đức Phạm Hộ Pháp hoàn thành sứ mạng đối với nền Đạo và hoàng đồ dân tộc.

Được sự chỉ dẫn của Bà Bát Nương, đến ngày 28 tháng 03 năm 1930, Đức Hộ Pháp cho triệu cuộc họp gồm 36 thành viên tham dự hóa giải bùa yểm Long Tuyền Kiếm trên vùng đất Thảo Đường, tại làng Phú Mỹ, huyện Tân Phước, Tiền Giang. Bát Nương còn cho biết thêm sâu dưới 300 m là một linh huyết chứa mạch nước ngầm đi từ núi Bà Đen [Tây Ninh]. Khi hành trình hóa giải xong, Đức Hộ Pháp còn cho đào kinh từ nguồn linh mạch, là phép phản ếm trừ tuyệt nhân tài Nam Việt.

Đầu tiên, Đức Phạm Hộ Pháp xuống thánh thất Khổ Hiên Trang gặp Ông Giáo Hữu Thượng Minh Thanh và trù bàn về công tác sắp thi hành. Phái đoàn được tình nguyện chia theo 12 chiếc suồng. Sau khi vào đại điện, cầu nguyện Đức Chí Tôn để sứ mạng tìm kiếm Long Tuyền đạt được thành tựu, rồi Đức Phạm Hộ Pháp đứng đầu dẫn phái đoàn cách Thánh Thất khoảng 05 km tại Láng Cát thì dừng lại nơi con rạch. Vùng này do nước mặn, chỉ có cây năng sậy sống um tùm bao trùm, cò bay thẳng cánh. Dân cư thưa thớt, sống nhờ vào việc gôm sứ thủ công và đan lát mà thôi.

Sau đó, đoàn dừng chân và lên bờ, tiến vào một cánh đồng ước độ 700m. Vì cây cỏ um tùm cao khỏi đầu, phải buộc dây dài nối nhau và nắm lấy để tránh thất lạc. Cuộc hành trình gian lao vì phải lội sinh bùn, cỏ cây khó khăn nên cả đoàn thấm mệt, tạm nghỉ tại một cái gò cao như một ngọn núi nhỏ sắp hình thành.

Trong lúc nghỉ chân, Đức Phạm Hộ Pháp định thần chấp bút, một chơn linh giáng xưng là Lỗ Ban Sư Trưởng hướng dẫn phái đi tới gò đất cao nhất, gọi là ngọn núi Lang sắp mọc, đào xuống sẽ thấy.

“Khi đến địa điểm, đậu ghe lên bờ, đi bộ chừng 700 thước, thấy nước nơi rạch ao hồ phèn trong vắt, còn đồng thì toàn là năng. Xa hơn nữa là đưng, bâng, đất đen như mực, cả đồng ruộng mà không thấy lúa và trồng cây chi cả. Dân bản xứ sống về nghề đưng, bâng, tranh, còn dài theo rạch thì lò gôm sản xuất chén, đĩa, tộ...”

Khi tìm thấy khoảnh đất màu vàng nơi gò, bề ngang độ chừng 70 thước, chiều dài từ Bắc chí Nam chừng 50 thước.

Đoạn Đức Ngài chấp bút, có Đấng vô hình nhập vào xưng là Lỗ Ban, chỉ chỗ đào ngay chót núi sâu xuống chừng 3 tấc tây thì đụng đá, vì núi sắp nổi lên chưa khỏi mặt đất. Đức Lỗ Ban cho biết đây là phép ếm của Trạng Tầu khi xưa vì Trạng Tầu biết chỗ này là núi vàng có linh huyết, sợ sau này núi nổi lên thành hình thì nước VN có Trạng ra đời sẽ phục nghiệp. Khi có vua rồi, Việt Nam sẽ cường thịnh, làm bá chủ mà Tầu phải bị lệ thuộc, nên Tầu quyết định đưa người lên sang ếm Long Tuyền Kiếm, vì phép ếm này lạ lắm, nếu có nhơn tài hay Trạng ra đời, đều bị lưỡi kiếm này vót chết hết” [tài liệu của Ông Hà Văn Biện-Cai Quản Ban Tổng Trạo Trung Ương, chép từ Tự Điển của Ông Hiền Tài Nguyễn Văn Hồng].

Được sự hướng dẫn của Ngài Lỗ Ban Sư Trưởng, Đức Phạm Hộ Pháp liền cho tiến tới vùng đất đỏ. Mãi tìm kiếm nhưng không được, phải đoàn đào sâu qua nhiều lớp đất cứng nên rất mệt. Đến khi đào qua lớp đá thì phát hiện cái hộp bùa yểm Long Tuyền. Đức Phạm Hộ Pháp dặn phải cẩn trọng, giữ nguyên vẹn, lau sạch.

“Đến năm 1914, giặc Âu Châu bùng nổ, có người Tầu Triều châu độ 65 tuổi, len lỏi qua ếm ngay nơi đó, đứng như lời mấy ông lão nhắc cho con cháu nghe.

Đức Lỗ Ban cho biết, nơi đây có một vị Thần vâng sứ mạng Ngọc Đế ở đây gìn giữ vật báu, không cho ai biết mà lấy được, chỉ dành riêng cho Trạng Trời lấy vật báu này mà thôi.

Đức Hộ Pháp, khi tìm được, đào lên, thấy phép Tầu ếm có: 1 ông nghè, 1 lưỡi dao cùn, 6 con cờ tướng, 6 đồng tiền kẽm đời vua Minh Mạng. Đào xuống nữa thấy một hộp bao chì vuông, chiều dài 9 tấc. Đức Ngài cho biết trong đó là Long Tuyền Kiếm, nhưng cấm không cho coi và gói kín lại.

Đức Hộ Pháp nói: Ngày kỷ niệm giống Lạc Hồng được hưởng Đạo Trời khai, sẽ gỡ ách nhơn loại và sẽ cởi ách nô lệ, và dòng dõi tổ phụ sẽ phục nghiệp, có thể dân tộc xuất hiện nhiều nhơn tài, phá tan xiềng xích, chẳng còn lệ thuộc với sắc dân nào. Nếu chậm trễ là do dân tộc VN không tôn thờ chủ nghĩa của Đức Chí Tôn, không đủ yêu mến nhau, cứ tranh giành phúc lộc mãi, và vì tổ phụ vay nợ máu Chúa Trịnh, chúa Nguyễn, còn dính dòng máu ấy nên dân tộc phải trả, nên chưa hưởng sớm. Vì tội Chúa mà tôi mang, cha làm mà con phải trả, ai có mang dòng máu ấy thì phải trả mới mong văn hòi độc lập” [tài liệu của Ông Hà Văn Biện-Cai Quản Ban Tổng Trạo Trung Ương, chép từ Tự Điển của Ông Hiền Tài Nguyễn Văn Hồng].

Theo các tài liệu biên chép của các chứng nhân trong đoàn tham gia cùng Đức Phạm Hộ Pháp trong công cuộc hóa giải Long Tuyền Kiếm, cho biết khi vừa đem hộp chứa phép trấn yểm thì một mạch nước phun lên, Đức Phạm Hộ Pháp

hành pháp giải khai long mạch, Đức Ngài còn giảng giải cho đoàn biết sự quan trọng của nguồn mạch này và cho đào một con kênh băng ngang qua linh huyết, để nước từ long mạch có thể châu lưu khắp nơi.

H. Tổng luận.

- Trung Hoa có nền văn minh tối cổ với bao nhiêu công trình nghiên cứu và nhiều nhân tài thông thiên văn, địa lý, dịch số, lại thừa hưởng hai nền văn minh tôn giáo Lão Giáo và Khổng Giáo nhưng vẫn còn nuôi tham vọng thôn tính bờ cõi nước khác với những âm mưu thâm độc, dù đất nước này có diện tích đất đai trù phú rộng lớn. Cho nên, thực hiện cuộc trừ yểm Long Tuyền tại Việt Nam. Tuy nhiên, cổ nhân có câu “*Thiên vô long khô, sơ nhi bất lậu*”, hoặc “*Mưu sự tại nhân, thành sự tại Thiên*”. Dù tài ba xuất chúng, dù âm thầm toan mưu hại dân tộc văn hiến Nam Việt, nhưng một khi quyền Thiên Liêng chỉ dẫn, âm mưu kia trở thành dã tràng se cát biển Đông.
- Đức Phạm Hộ Pháp đã hoàn thành sứ mạng hóa giải phép yểm mà xưa nay kéo dài trên dưới 25 năm, phép yểm vẫn tồn tại. Đến khi Đạo Cao Đài ra đời với tôn chỉ cao cả của Thượng Đế, một học thuyết cứu rỗi cả nhơn loại, không riêng dành cho dân tộc Việt Nam; thì sứ mạng của nền Đạo này phải thừa mạng lệnh của nơi Thiên Triều hóa giải phép trừ yểm để Việt Nam có xuất Thánh, hoàng đồ dân tộc làm trung tâm điểm cho nhơn loại theo lời Đức Chí Tôn dạy “*Nam phong thử nhứt biến nhơn phong*”.
- Đức Phạm Hộ Pháp đã minh giảng về giá trị nhiệm mầu của linh huyết và hành pháp để nguồn long mạch châu lưu, vận hành thông suốt cả bờ cõi nước Nam. Tiên tri đất nước Việt Nam sẽ xuất Thánh để thực hiện những sứ mạng cao cả.
- Nơi Phú Mỹ có Thảo Đường do Đức Phật Mẫu dạy là vùng Đất Thánh, lại có Khổ Hiên Trang tượng cảnh Động Khổ Hiên của Đức Thái Thượng nơi cõi thiên liêng.
- Long Tuyền Kiếm là vật báu, Thiên Triều chỉ định một vị Thần giữ và không cho ai lấy, chỉ có Trạng Trời mới có thể lấy nó. Sau khi đoàn làm xong phận sự, có lẽ khó ai biết vật báu hiện giờ ở đâu, gìn giữ như thế nào, chỉ có Đức Phạm Hộ Pháp rõ mà thôi.

- Đây là một trong những dữ kiện quan trọng trong Đạo Cao Đài, cho chúng ta thấy chi chi cũng có quyền năng vô hình và bàn tay con người. Để thực hiện triết thuyết cứu rỗi cao cả của Đức Chí Tôn, phải nhờ bàn tay hữu hình Đức Phạm Hộ Pháp cộng với khối đức tin thánh chất trọn vẹn của chư Tín Đồ Cao Đài. Năng lực hữu hình vẫn chưa đủ, phải nhờ cơ quan vận chuyển Thiêng Liêng. Nên buộc phải có “Thiên Thượng” và “Thiên Hạ” để xiển dương và quay bánh xe Tạo Hóa nơi cõi hữu hình này.

17. Đức Phạm Hộ Pháp cùng Đức Lý Giáo Tông lập Bát Đạo Nghi Định.

A. Cơ chế chánh trị Đạo Cao Đài.

“15 tháng 9 năm Bính Dần

(Khai đàn tại nhà Mr Hồ-Quang-Châu, Phan-Thị-Lân)

***Ngọc-Hoàng Thượng-Đế Viết Cao-Đài
Giáo Đạo Nam Phương***

Hỉ chư Môn-đệ, hỉ chư nhu.

Châu nghe dạy:

*Từ đây nòi giống chẳng chia ba,
Thầy hiệp các con lại một nhà.
Nam, Bắc cùng rời ra Ngoại-Quốc,
Chủ quyền chơn-Đạo một mình Ta*

Thầy sẽ giao trách nhiệm trọng hệ cho con truyền Đạo Trung-Kỳ, rán tập tành đạo hạnh.

Thơ, con phải khai rộng Thánh-Thất cho chúng sanh cầu Đạo, đừng phân sang hèn, ai ai đều cũng con Thầy. Con khá khuyên chư nhu đến Thánh-Thất cầu Đạo nghe!” [TNHT, Q.1].

Theo bài thánh thi của Đức Chí Tôn, nòi giống tức là nơon loại chẳng còn phân chia ba, tức là Tam Giáo, không phải là Miền Nam, Miền Trung, Miền Bắc. Đức Chí Tôn khai nền Đạo để chúng sanh hiệp lại nơi cửa Đại Đạo, cùng chung hưởng nền ân xá của Đức Đại Từ Phụ. Không như Nhất Kỳ Phổ Độ và Nhị Kỳ Phổ Độ, Đức Ngài giáo chánh giáo cho người phạm; Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Ngài làm chủ quyền nền Chánh Giáo Đại Đạo này. Cho nên, Hội Thánh Đại Đạo là hình thể Đức Chí Tôn thay thế Đức Ngài điều dắt chúng sanh tu hành.

Như chúng ta biết, cơ chế lập pháp của nền Đại Đạo Tam Kỳ có đặc tính quan trọng, quyền hành Chí Tôn tại thế được phân đôi. Quyền hành Hộ Pháp hiệp với quyền Giáo Tông tức là quyền Chí Tôn tại thế. Nên những sắc luật Đạo nào mà do Đức Giáo Tông và Đức Phạm Hộ Pháp ký sẽ có giá trị như thiên điều, không ai có thể sửa đổi, bổ sung, ngoại trừ quyền năng Bát Quái Đài của Đức Chí Tôn hay hai Đấng Hộ Pháp và Giáo Tông hiệp nhau mà chỉnh sửa, thêm bớt mà thôi.

Trong lịch sử phát triển Cao Đài Tây Ninh cho đến bây giờ, chưa có ngôi Giáo Tông chánh vị. Đức Lý Thái Bạch cầm quyền Nhứt Trấn Oai Nghiêm, cầm quyền luôn Giáo Tông Đại Đạo. Sau này, Ngài Đầu Sư Thượng Trung Nhứt được phong quyền Giáo Tông hữu hình, thay mặt Đức Lý. Còn quyền thiêng liêng vẫn do Đức Lý nắm giữ.

“...Trong đó có 3 Đài, có ba người chủ nắm vững.

1.- Bát Quái Đài, dưới quyền Đức Chí Tôn, Ngài Chúa cả Chư Thần, Thánh, Tiên, Phật cùng Vạn Linh, chính Ông chủ Bát Quái Đài là Đức Chí Tôn.

2. Cửu Trùng Đài là quyền Giáo Tông làm chủ Hội Thánh.

3. Hiệp Thiên Đài là quyền Hộ Pháp làm chủ.

Ba Ông chủ ấy, có hai Ông này, Cửu Trùng Đài và Hiệp Thiên Đài, nếu riêng ra không có thể gì dưng sớ cho Bát Quái Đài, tức nhiên quyền Chí Tôn ở nơi Bát Quái Đài, hai Đài Cửu Trùng và Hiệp Thiên hiệp nhứt là quyền Chí Tôn tại thế này, không có một quyền nào cai quản cãi qua quyền Bát Quái Đài được” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q.3 bài 12].

Quyền Đức Chí Tôn là chủ, ngự trị cả Phật-Pháp-Tăng, chúa của chư Thần, Thánh, Tiên, Phật. Còn Hội Thánh là Thánh Thể hữu hình thay mặt Đức Chí Tôn, là quyền của Đức Chí Tôn nhưng phải hiệp đồng hai quyền năng Hộ Pháp và Giáo Tông.

B. Nội dung Bát Đạo Nghị Định.

Bát Đạo Nghị Định là 08 Nghị Định được Đức Phạm Hộ Pháp liên hiệp với Đức Lý Giáo Tông vô vi ban hành, là sắc luật quan trọng trong đạo Cao Đài Tây Ninh nhằm chỉnh đốn các cơ quan và phương cách hành đạo.

Sáu Nghị Định Đầu lập ngày 03 tháng 10 năm Canh Ngọ, nhằm ngày 22 tháng 11 năm 1930. Đến tháng 07 năm Giáp Tuất, Nghị Định thứ bảy và thứ tám ra đời. Cơ bút được cầu cơ tại Cung Đạo Tòa Thánh Tây Ninh, phò loan: Hộ Pháp - Bảo Văn Pháp Quân, từ hàn: Sĩ Tải Phạm văn Ngọ, có Đức Quan Thánh Đế Quân trấn đàn.

Đức Lý Giáo Tông giảng cơ lập 6 Đạo Nghị Định từ số 1 đến số 6 có mục đích lập lại trật tự phân minh trong nền Đạo, phân quyền cho các phẩm Chức sắc, đưa Đầu Sư Thượng Trung Nhứt lên làm Quyền Giáo Tông tại thế, và giao cho Đức Hộ Pháp chủ giải Pháp Chánh Truyền.

Sau khi ban hành 6 Đạo Nghị Định này thì Đức Hộ Pháp chủ giải Pháp Chánh Truyền, phân định quyền hành toàn cả Chức sắc Hiệp Thiên Đài và Cửu Trùng Đài, phẩm phục châu lễ Đức Chí Tôn, rồi dâng cho Đức Lý Giáo Tông xem xét và phê chuẩn.

“ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ LÝ GIÁO TÔNG

“Chào chư Hiền Hữu, chư Hiền Muội. Có Chí Tôn ngự, chư Hiền Hữu, chư Hiền Muội khá mừng Người!”

Lão cảm ơn Thượng Đầu Sư làm vẹn phận sự giúp Lão.

Thượng Đầu Sư bạch: “Đệ tử cùng cả Chức Sắc đều hết lòng lo lắng, cúi xin Đức Giáo Tông từ bi tái nhậm quyền hành hầu chỉnh đốn nền Đạo.”

À há! Thì cũng bởi Chí Tôn nài xin nhiều phen rằng chư Hiền Hữu, chư Hiền Muội chưa đủ tư cách giáo dân, Lão cũng rộng nghe theo. Đã trót 5 năm để đủ cơ đòi dạy ngoan chư Hiền Hữu, chư Hiền Muội, ngày nay Lão định trừ diệt quỷ quyền, không cho rối loạn nền Đạo mà thử thách Thiên Phong nữa.

Chư Hiền Hữu, chư Hiền Muội đã đủ tài lực, đạo đức mà hành chánh rồi, thì Lão cũng nhứt định giữ nghiêm luật pháp, vậy thì Lão hành chánh cứ lấy công bình vô tư làm mực thước, Lão chẳng vì thương riêng mà che chở, Lão chẳng vì ghét riêng mà hành phạt. Lão nói thiệt rằng: Đạo vốn của toàn cả chúng sanh. Lão chẳng lẽ lấy tư mà làm công cho đặng. Lão phải chấp chánh quyền hành, công thưởng, tội trừng cho đáng lý, chẳng phải bởi ngửa nghiêng cơ Đạo, mà buộc đặng Lão từng Đời. Lão lấy quyền vô vi Càn khôn làm biểu hiệu, Lão chỉ vì tình nhau, mà cho chư Hiền Hữu chư Hiền Muội biết trước rằng: Đừng ý công mà cả lòng khi lịnh. Lão nhứt định chẳng hề tha thứ bao giờ, nên thì để, hư thì trừ, chư Hiền Hữu, chư Hiền Muội đừng trách Lão quá ư nghiêm khắc nghe!

Hộ Pháp! Lão dùng văn chương thường dụng của nhà Nam, đặt làm mấy Đạo Nghị Định này. Hiền Hữu gắng để hết ý vào, xem xét coi như chánh đáng thì ký tên cùng Lão, đặt ban hành, phòng có điều chi trở ngại cho Lão hiểu đặng toan sửa cải nghe!

(Sĩ Tài rón chép y như văn Lão.)”

Từ năm 1926 đạo Cao Đài khai mở, những phương chức tà thần và phàm tâm trong cửa Đạo không thiếu, nên nhiều lần Đức Lý muốn trừ khử nhưng Đức Chí Tôn nhiều lần can gián vì lòng quảng đại, đại từ, đại bi, hạo sanh của Bậc Chí Tôn.

Tâm lòng bác ái vô biên của Đức Chí Tôn làm cho Đức Phạm Hộ Pháp phải lao đầu trong tâm trí trong 06 tháng trường, khó biết vâng mạng lệnh ai. Khi thì Đức Chí Tôn can gián bảo đừng nghe Đức Lý, Đức Lý giảng bảo nếu làm theo Đức Chí Tôn thì đạo loạn, cả cơ nghiệp Đại Đạo sẽ ảm đạm mà chính mình Đức Phạm Hộ Pháp phải gánh vác.

“Buổi nọ Đức Chí Tôn sợ Bần Đạo nghe lời theo Đức Lý mỗi phen chấp bút thì Ngài đều can gián. Chỉ chi con cũng nghe lời Thầy, đừng có nghe Thái Bạch nghe con. Khi đó rất đáo để cho Bần Đạo nếu không nghe lời Ngài, để vậy mãi, thì tiêu diệt không thể tránh khỏi, nhất là nội loạn, còn ngoài thì Đảng Phái phá rối nền chơn pháp của Đức Chí Tôn, Ngài đến chỉ cho Bần Đạo thấy cái cảnh nguy biến của nền Đạo như thế đó. Cảnh tượng của mỗi người như thế đó. Ngài biểu Bần Đạo phải nghe lời Ngài thì mới cứu vãn tình thế, bằng không thì tiêu diệt nền chánh trị Đạo buổi đó, có mạnh mẽ duy nhất nào cả, bên này là lời giáo huấn của Đức Chí Tôn, bên kia là lời dạy của Anh Cả, hai bên không biết đường nào mà đi, làm cho Bần Đạo ngơ ngẩn trong 6 tháng trường, cứ thơ thần đi tới đi lui nơi rừng thiên nhiên mà suy nghĩ, làm cho Bần Đạo bối rối cả đầu óc” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q. 3, bài 12].

Cục diện lúc đó, Đức Lý đã từ chức trách nhiệm cầm quyền Giáo Tông. Sau, Đức Ngài tái thủ quyền hành phận sự Giáo Tông thì quyết trừ khử những người tà tâm ra khỏi nền tôn giáo. Như vậy, sự kiện trên cho thấy quyền hành Đức Lý đã dự toán trước nên hiệp cùng Đức Phạm Hộ Pháp lập các Nghị Định để chấn chỉnh nội bộ Đạo.

Liên quan đến sự thất trách và phàm tâm gây loạn pháp, nên Đạo Nghị Định thứ tám ra đời như lá bùa để chặn hiện tượng chia mún Thánh Thể Đức Chí Tôn đã từng diễn ra, tức là hiện tượng nghịch mạng lệnh Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ Tòa Thánh Tây Ninh để lập thành chi phái, bảo tồn sứ mạng Hội Thánh trường tồn đến thất ức niên. Thêm nữa, Nghị Định ấy là thước đo cho toàn môn đệ Đấng Cao Đài định sự thiệt-giả trong nền Chánh Pháp Cao Đài Đại Đạo.

Nội dung Nghị Định thứ tám như sau:

“ĐẠO NGHỊ ĐỊNH THỨ TÁM

Chiếu y Pháp Chánh Truyền CTĐ và HTĐ,

Chiếu y các Thánh giáo của Chí Tôn,

Nghĩ vì Đạo duy có một.

NGHỊ ĐỊNH:

Điều thứ nhất: Những Chi phái nào do bởi Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ làm gốc lập thành mà không do nơi mạng lệnh Hội Thánh thì cả chúng sanh chẳng đáng nhìn nhận là của Chí Tôn và phải định quyết là Bàng môn Tả đạo.

Điều thứ hai: Các tôn giáo xin nhập môn vào mỗi Chơn truyền phải có đủ quyền Vạn linh và quyền Chí Tôn công nhận.

*Lập tại Tòa Thánh Tây Ninh
ngày rằm tháng 7 năm Giáp Tuất.*

HỘ PHÁP
Phạm Công Tắc

GIÁO TÔNG
Lý Thái Bạch”

Ngược dòng lịch sử từ khai minh cho đến những năm sau, chúng ta thấy hàng loạt các hoạt động chia tách, bất tuân mạng lệnh Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, làm tha hóa lòng tín ngưỡng, giục loạn, gây rối, làm manh mún, phân thây Thánh Thể Đức Chí Tôn để tô vẽ lên con đường khác, không tuân luật pháp chơn truyền.

Nên Nghị Định Thứ Tám sẽ là một tấm chắn ngăn ngừa sự xâm nhập của những người có tham vọng chia rẽ, cũng như định lễ thiết hư cho toàn thể chư Tín Đồ hiểu được cái giả, cái chơn. Không phải nơi nào xưng danh Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Đức Phật Mẫu giáng ngự đều là thánh cơ.

Bằng cơ hiển nhiên, ngày này có rất nhiều hoạt động tôn giáo có tư cách pháp lý, có giáo quyền chặt chẽ, nghi tiết, phẩm phục, kinh kệ, giáo phẩm mang một sắc thái hoàn toàn biến tướng, khác hoàn toàn Tân Luật và Pháp Chánh Truyền Đại Đạo. Nhánh đã đơm chồi, nảy mọc, sanh sôi khắp nơi, tự tung làm Giáo Tông, Hộ Pháp, Thượng Phẩm, Thượng Sanh, Thập Nhị Thời Quân.

C. Những vấn đề liên quan cầu xin bãi bỏ Nghị Định Thứ Tám.

Cơ bút Ngài Bảo Đạo Ca Minh Chương giáng năm 1953 giao quyền Bảo Đạo hữu hình cho Ngài Hồ Tấn Khoa. Ngài Hồ Tấn Khoa liền dâng tấu lên Ngài Bảo Đạo Ca Minh Chương xin Ngài Bảo Đạo Ca Minh Chương hiệp cùng Đức Thượng Phẩm xin Đức Lý hủy bỏ Nghị Định thứ tám. Đức Thượng Phẩm và Ngài Bảo Đạo Ca Minh Chương giáng cơ bảo phải tuân mạng lệnh Đức Chí Tôn và quyền Ngọc Hư Cung, không nên ra điều kiện. Vì tâm ý của Ngài Hồ Tấn Khoa muốn nên đạo Cao Đài được thống nhất, không phân chia hệ tín ngưỡng, chi nhánh, phái tông. Nên việc cầu xin bãi bỏ Nghị Định thứ tám lần đầu bất thành.

Đến khi Ngài Bảo Đạo Hồ Tấn Khoa tiếp quản Chương Quản Hiệp Thiên Đài, Ngài dâng mật sớ cầu xin Đức Lý và Đức Phạm Hộ Pháp. Thiêng Liêng cũng không chấp thuận bãi bỏ. Xung quanh sự kiện này, ông Hiền Tài Nguyễn Văn Hồng ghi trong Tự Điển Cao Đài như sau:

“Trong lúc này, việc thông công với các Đấng thiêng liêng bằng cơ bút bị nhà nước cấm hẳn, nên Ông Hữu Phan Quân Lê Văn Thoại được Đức Cao Thượng Phẩm cho phép xuất chơn thần lên cõi thiêng liêng gặp Đức Thượng Phẩm để xem mật sớ này và cho biết quyết định của quyền thiêng liêng.

Ông Hữu Phan Quân Lê Văn Thoại có thuật lại việc này và nói đại khái như sau:

■ *Cái gì mà Đức Giáo Tông và Đức Hộ Pháp lập ra thì đó là Thiên điều, không sửa cải được, có giá trị đến thất ức niên.*

■ *Đạo Nghị Định thứ 8 là lá bùa hiệu nghiệm để tiêu diệt và ngăn ngừa các Chi phái lỏng vào nội bộ của Đạo.*

Đạo Thiên Chúa có cả trăm mấy chục Chi phái mà Đức Giáo Hoàng không biết làm sao thống nhất cho được; Đạo Phật có hơn 300 Chi phái mà cũng không có một quyền lực nào thống nhất làm thành một mối cho được.

Nếu hủy bỏ Đạo Nghị Định thứ 8 thì số Chức sắc của Đạo mỗi khi bất bình Hội Thánh liền tách ra lập Chi phái, thì số Chi phái càng ngày càng tăng, lấy gì để ngăn chặn?

Nếu hủy bỏ Đạo Nghị Định số 8 thì khi Chi phái trở về lỏng vào Hội Thánh thì làm sao đuổi nó ra?” [Trích Từ Điển của Hiền Tài Nguyễn Văn Hồng].

D. Nhân định chung.

- *Bát Đạo Nghị Định là một sắc luật Đạo định thể nền Đạo trong khuôn viên luật pháp chơn truyền, hầu ngăn tà tâm, giựt loạn, nghịch mạng lệnh Hội Thánh, làm mạnh mún Thánh Thể Đức Chí Tôn.*
- *Chánh Trị Đạo Cao Đài đã lập là khuôn thước do Thiên Điều lập ra nên có một Giáo Hội Đại Đạo chặt chẽ thay quyền Đức Chí Tôn vận chuyển nền Đạo cho ra chơn tướng, đạt đến giá trị cứu rỗi nhơn sanh, nên buộc phải có luật pháp để bảo tồn giáo pháp không biến tướng thành phạm giáo, trường tồn đến thất ức niên.*
- *Đại Đạo ra đời để không còn “Từ đây nòi giống chẳng chia ba”, tức là sứ mạng của đạo Cao Đài đến để quy nhất tín ngưỡng Tam Giáo, Ngũ Chi.*

Nhưng bản thân nền Đạo Cao Đài chưa đầy 100 năm, đã có quá nhiều tông phái. Âu cũng là Thiên Cơ. Việc thực hiện thống nhất các chi phái Cao Đài chưa đến thời kỳ, tất yếu quyền năng Bát Quái Đài không thể bãi bỏ Nghị Định thứ tám mà đi đến con đường hiệp nhất.

- Toàn thể chúng ta đã ngó thấy những sự việc xung quanh Nghị Định thứ tám và nghiên minh chiêm nghiệm lại giá trị của Luật Pháp Đại Đạo có tính chất tôn nghiêm vì đó là những căn bản của nền Giáo Pháp, có bàn tay Thiên Liêng định thiết phận cho Chánh Pháp của Đức Chí Tôn.

18. Đức Phạm Hộ Pháp thiết lễ ban phẩm Quyền Giáo Tông cho Ngài Đâu Sư Thượng Trung Nhựt.

A. Sơ nét về Đức Quyền Giáo Tông Thượng Trung Nhựt.

Đạo Cao Đài mở tại miền Nam Việt Nam với chủ thuyết “nhơn nghĩa-đại đồng” toàn thiên hạ. Nền tôn giáo này chưa ra đời bao lâu, đã làm chấn động các giới từ bình dân, đến trí thức tinh thần vì họ tự hỏi, năng lực nào chỉ trong một thời gian rất ngắn có thể quy tụ hàng triệu người nhập môn cầu đạo.

Người ta sẽ đặt câu hỏi rằng Đạo Cao Đài sẽ đi trên con đường quy nguyên ra sao, làm thế nào tạo được triết thuyết đại đồng? Đây là một câu hỏi khó và tìm kiếm đáp án không phải là chuyện dễ. Học thuyết của Đức Chí Tôn đã xuống thế nhưng phải do Thiên Thơ xoay chuyển. Đầu sau, chúng ta đã thấy được những bậc vĩ nhân trong cửa Đạo. Tam bậc vĩ nhân trong Hội Thánh Hiệp Thiên Đài có Đức Phạm Hộ Pháp, Đức Thượng Phẩm Cao Quỳnh Cư, Đức Thượng Sanh Cao Hoài Sang. Hội Thánh Cửu Trùng Đài phải kể đầu tiên là Đức Quyền Giáo Tông Thượng Trung Nhựt.

Năm 1926, Đức Chí Tôn giảng cơ dạy Ngài Lê Văn Trung, tức là Ngài Thượng Trung Nhựt:

“25 Fevrier 1926

***Ngọc-Hoàng Thượng-Đế Viết Cao-Đài
Tiên Ông Đại Bồ-Tát Ma-Ha-Tát
Giáo Đạo Nam Phương***

Trung vô giữa bái lễ cho Thầy coi...

Con làm lễ trướng, song mỗi gặt, con nhớ niệm câu chú của Thầy: "Nam-Mô Cao-Đài Tiên-Ông Đài-Bồ-Tát Ma-Ha-Tát"

*Đại lễ là làm lễ ba lần
Lần đầu dâng hương và hoa,
Lần giữa dâng rượu.
Lần chót dâng trà.*

Phải chính mình con dâng các lễ ấy.

Khi bái lễ, hai tay con chấp lại, song phải để tay trái ấn TỶ, tay mặt ngửa ra nằm dưới, tay trái để lên trên.

Từ đây (25-2-26) 13 tháng Giêng năm Bính-Dần, con phải may riêng một bộ áo lễ, tay rộng, cổ trịch, như áo Đạo, nhưng phải gài chín mối, màu xanh da trời. Con nhớ mang giày gai đặng hầu Thầy, còn nhứt nhứt đều để căng không hết” [TNHT, Q.1].

Bài thánh giáo trên và bài thánh giáo ngày 11 và 12 tháng 03 năm Bính Dần về cuộc Thiên Phong, Ngài Lê Văn Trung được thọ phong Thượng Đầu Sư. Từ khi vào cửa Đạo, Đức Ngài đã một lòng sắc son, gánh vác sự nghiệp Đạo một cách vinh diệu và phi thường, lướt gió phong ba, chịu sâu thâm, gánh khổ nạn khảo đảo lớn lao mà làm cho nền Đạo được trường tồn vinh diệu.

Qua các tư liệu tiêu sử Đức Ngài, Ngài Hiến Pháp Trương Hữu Đức với vai trò Chương Quản Hiệp Thiên Đài, Ngài bình giảng như sau:

“Nếu chẳng có bàn tay cao độ như Đức Quyền Giáo Tông Thượng Trung Nhựt thì Đạo Cao Đài không thể phổ truyền rộng rãi và mau chóng được, như tất cả mọi người đều thấy rõ.

Nhờ chí cả thương nước và thương đời mà Ngài Lê Văn Trung, tức Đức Quyền Giáo Tông Thượng Trung Nhựt đã lướt khỏi các trở lực gặp phải buổi đầu”.

Với nhiều bước ngoặt đóng góp cao cả, dâng hiến hình hài và trí não cho Đức Chí Tôn sử dụng, nên Đức Lý vô vi ban hành Quyền Giáo Tông hữu hình cho Đức Ngài cầm giềng mối đạo.

“Ngày 5 tháng 12 Ất Sửu (28-1-1926)

*Một Trời một Đất một nhà riêng,
Dạy dỗ nhơn sanh đặng dạ hiền.
Cầm mối Thiên cơ lo cứu chúng,
Đạo người vẹn vẻ mới thành Tiên”*

Hay:

*Dạy trẻ con toan trước dạy mình,
Cái công giáo-hóa cũng đồng sinh.*

*Đạo đời tua biết rằng đời trọng,
Một điểm quang-minh một điểm linh.*

[Thánh thi Đức Chí Tôn cho Ngài thuở ban sơ mới khai Đạo].

Đạo hạnh và sự công hiến của Đức Ngài đối với nền Đại Đạo đáng cho toàn thể môn đệ Cao Đài lần mò, gặng chí theo chân Đức Ngài mãi mún nào đó. Vì một lòng tín ngưỡng, giữ luật pháp Chơn Truyền mà ngược lại, Ngài bị những lời vu khống, biếm nhẽ, nhục mạ đủ điều, bị đưa ra tòa án đời xử, toan phương đánh đổ quyền hành Đức Quyền Giáo Tông nhưng những thứ đó hóa tan như tuyết. Ngày Đức Quyền quy Thiên, để lại sự ngậm ngùi đau đớn của toàn thể nền Đạo, tiếc nhớ một bậc vĩ nhân hữu công cùng Đạo.

B. Đức Phạm Hộ Pháp thiết lễ ban quyền Đức Quyền Giáo Tông.

Một câu hỏi chán vắn, tại sao một Ông Chủ Cửu Trùng Đài là Đức Quyền Giáo Tông, anh cả của toàn sanh chúng, lại phải được Ông chủ của Hiệp Thiên Đài ban quyền.

Hồi nhớ lại, khi Ngài Phối Sư Ngọc Trang Thanh và Thượng Tương Thanh toan phương quấy rối chơn truyền Đạo, giựt loạn, bôi nhọ Đức Quyền Giáo Tông; lại cho rằng Đức Phạm Hộ Pháp là người chiếm Tòa Thành, rồi hai Ngài bị Đức Phạm Hộ Pháp và Đức Quyền Giáo Tông ký Nghị Định số 17 ngưng quyền hành chánh. Hai Ngài tiếp tục dựng đạo theo một cơ cấu riêng, tân pháp riêng, tức là Ban Chính Đạo tại tỉnh Bến Tre vì cho rằng nền Đạo đã sai chơn truyền, Ngài phải chấn chỉnh nền Đạo.

Khi rời Hội Thánh Tòa Thánh Tây Ninh, Ngài Tương vẫn muốn về Tòa Thánh Tây Ninh và viết thư cho Đức Phạm Hộ Pháp dăm dọa đủ điều. Trong thư trả lời cho Ngài Tương, Đức Hộ Pháp nói rõ:

“KẾT-LUẬN: *Bản-Đạo cũng để hết ý để đọc thư của Đạo-Huỳnh, thăm hiểu rằng: “Giờ này Đạo-Huỳnh vẫn tưởng cho Bản-Đạo rất hám vọng cái quyền-hành của Giáo-Tông, nên cố tâm giành giựt.”*

Đạo-Huỳnh quên rằng: Bản-Đạo đã là người cầm quyền mà ban cho kẻ khác, thì chẳng lẽ còn để lòng tham, ganh hiềm ghét ngỗ. Có lẽ Đạo-Huỳnh còn nhớ ngày 12-3-1932 là ngày thiết lễ rất long trọng tại Tòa-Thánh đăng Bản-Đạo ban Quyền Giáo-Tông cho Đức Thượng Đâu- Sư Thượng Trung Nhựt, ban quyền-hành Quyền Đâu-Sư cho Đạo-Huỳnh và Ngọc Trang Thanh, Thái Thơ Thanh và ban quyền-hành Chánh Phối-Sư cho 3 vị khác, thì ngày ấy chính mình Bản-Đạo đến ban quyền cho từng vị, chỉ rõ trách nhiệm cho từng người, thì mỗi vị đều có trả lời với Đạo: “Tôi đã thấu đáo chơn truyền của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ-Độ và

từ đây xin giữ y Luật Đạo đặng làm tròn phận sự”. Cũng vì lẽ trên đây mà khi trước Bản-Đạo mới thu quyền Chánh Phối Sư giao cho Hiệp-Thiên-Đài cầm.

Ngày nay cũng vậy, thoảng như Bản-Đạo thu quyền lại đặng để hết dạ nhắc-nhiệm phong thưởng, dè dặt thì cố ý chọn hiền-tài đặng đem vào thánh-thể của Thầy đó thôi.

Bản-Đạo chẳng vì tình riêng của ai, cũng chẳng coi ai đáng giá hơn mà xu phụ, cho nên vẫn lấy công-bình ban thưởng quyền hành, chớ chẳng hề áp bức ai bao giờ” [Bức thơ Đức Phạm Hộ Pháp trả lời cho Ngài Tương thuộc Ban Chính Đạo].

Đoạn bức thơ trên đã minh chứng Đức Phạm Hộ Pháp cầm quyền nền Đạo ban quyền cho chư Chức Sắc khác. Khi Ngài Đầu Sư Thượng Trung Nhựt được giao quyền hành Giáo Tông hữu hình, chính Đức Phạm Hộ Pháp thiết lễ long trọng cho Ngài Đầu Sư Thượng Trung Nhựt lên phẩm vị mới.

C. Nhân định.

- Hoài niệm về ngày thiết lễ long trọng của Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung do chính Đức Phạm Hộ Pháp ban quyền, đề môn đệ Cao Đài thấy được giá trị và hình luật của Đại Đạo, nhất là cơ quan Hiệp Thiên Đài mà Đức Hộ Pháp đang cầm Luật Pháp Đạo.
- Đấng Thiên Tôn Phạm Hộ Pháp có quyền năng cao trọng trong cửa Đạo.

19. Thượng Tôn Quản Thế - Chưởng Quản Nhị Hữu Hình Đài.

A. Thánh Ý lập Pháp Cao Đài của Đức Chí Tôn.

Thánh Thể của Đức Chí Tôn là ảnh tượng của Người để lập Chơn Giáo, thị chứng cho các nền tôn giáo xưa nay, biết con đường hành thiện, trừ cái tuyệt nạn thù hiềm, kiến tạo thế giới hòa bình, tránh nạn tận diệt.

Thánh Thể là Hội Thánh theo Pháp Chánh Truyền đã lập. Cửu Trùng Đài là thi hài, tức là Tinh. Hiệp Thiên Đài là chơn thần, tức là Khí. Bát Quái Đài là chơn linh, tức là Thần.

Quyền Bát Quái Đài là quyền cửu ngũ Chí Tôn, làm chủ mỗi Đạo. Và chẳng trên dưới, trong ngoài, xa gần của nền Đạo đều có quyền giám sát của Đức Chí Tôn và Ngọc Hư Cung?

Ba quyền năng của ba cơ quan hiệp một là chơn tướng, là cơ chế lập pháp của Chí Tôn. Thiếu một trong ba, khó mong chi thành tựu. Nếu cơ thể nào chia năm xẻ bảy, làm manh mún, tất nhiên cơ thể ấy phải bị tiêu diệt vì không thể lọt qua Thiên Điều.

“Nếu cả ba mà không tương hiệp, thì khó mong thành Đạo cho đặng.

Nếu có một quyền hành nào tại thế này mà làm cho thân thể Chí Tôn phải chia phui manh mún ra đặng, thì là Đạo ta là giả Đạo, tất nó phải tiêu diệt trong một lúc ngắn ngủi chi đây.

Còn như quả là Chí Tôn vì thương yêu con cái của Người, chính mình đến lập Đạo đặng giải thoát cho chúng sanh, thì những mưu chước của tà quyền ngăn cản bước Đạo của Thầy khó mong nghịch mạng với Chí Tôn, ắt là không mong bền vững.

Hại thay! Cho những kẻ vô phân toan phân phái chia phe, làm cho xác Chí Tôn phải tan tành rời rã.

Khô thay! Cho những kẻ không duyên chối Thánh Giáo nghịch Chơn Truyền làm cho chơn thân của Chí Tôn phải ô uế để hèn muốn toan bỏ xác” [Bài Diễn Văn của ĐHP trong Pháp Chánh Truyền chú giải].

Tưởng nghĩ, chúng ta không bỏ quên bài thánh giáo của Bà Bát Nương giảng cơ ngày 29 tháng 12 năm Quý Dậu [12-02-1934] nói về quyền năng định phận của Hội Thánh Hiệp Thiên Đài thuở ban sơ:

"BÁT NƯƠNG

Em nhớ lại, khi Ngọc Hư Cung cho Hiệp Thiên Đài cầm sổ mạng nhơn sanh, lập thành Chánh giáo thì Đại Từ Phụ lại trở pháp, giao quyền ấy cho Cửu Trùng Đài.

Cả Ngọc Hư, chư Thần, Thánh, Tiên, Phật đều ngạc nhiên sự lạ. Đại Từ Phụ phổ giáo rằng: Hay! Hay! Không lẽ để phận hèn, ngày sau sẽ rõ Thánh ý Người quyết liệu” [Trích TNHT].

Vậy thì đối với cơ lập pháp nền Đại Đạo Tam Kỳ này, có những đặc điểm quan trọng mà Bà Bát Nương cho hay:

- Ngọc Hư Cung cho Hiệp Thiên Đài cầm sổ mạng nhơn sanh, lập thành Chánh giáo.
- Đại Từ Phụ lại trở pháp, giao quyền ấy cho Cửu Trùng Đài.
- Cả Ngọc Hư, chư Thần, Thánh, Tiên, Phật đều ngạc nhiên sự lạ.

- Đức Chí Tôn phổ giáo về sự ngạc nhiên của Ngọc Hư Cung và Chư Thần, Thánh, Tiên Phật: *“Hay! Hay! Không lẽ để phận hèn, ngày sau sẽ rõ Thánh ý Người quyết liệu”*.

Như vậy theo truyền ngôn của Bà Bát Nương, chúng ta thấy nền Đạo Cao Đài chuyển biến thay đổi. Khi mới khai Đạo năm Bính Dần [1926], Ngọc Hư Cung dự định giao Quyền Đạo cho Hiệp Thiên Đài, nhưng sau đó, Đức Chí Tôn lại trở pháp, lại giao Quyền Đạo cho Cửu Trùng Đài nắm.

B. Chuyển biến khi Cửu Trùng Đài nắm Quyền Đạo.

Kể từ năm 1926 cho đến năm 1934, là năm Đức Quyền Giáo Tông quy Thiên, chư Chức Sắc Đại Thiên Phong nòng cốt bên Cửu Trùng Đài lãnh nhiệm vụ cầm giềng Quyền Đạo có: Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung, Ngài Đầu Sư Ngọc Lịch Nguyệt, Quyền Đầu Sư Thái Thơ Thanh, Thượng Tương Thanh, Ngọc Trang Thanh.

Tuy nhiên, trong khoảng thời gian trên dưới 09 năm, nội bộ Cửu Trùng Đài có nhiều biến động thăng trầm. Mầm mống hơn thua, chia rẽ ngày càng trầm trọng, rất nhiều Chức Sắc lãnh đạo không tùng mạng lệnh Hội Thánh Tòa Thánh Tây Ninh để hình thành một hoạt động tôn giáo Cao Đài mới, tức là chi phái, có giáo luật, nghi tiết biến đổi.

Ngài Phối Sư Thái Ca Thanh lập ra Minh Chơn lý. Tiếp sau, hai Ngài Ngọc Trang Thanh và Thượng Tương Thanh lập Ban Chính Đạo ở tỉnh Bến Tre. Chi phái để sanh chi phái hàng loạt.

Từ nguyên thủy năm 1926, nền Đại Đạo Tam Kỳ chính thức ra đời, với một Hội Thánh, một giáo quyền sinh hoạt theo những qui định trong Pháp Chánh Truyền, Tân Luật, trung ương là Tòa Thánh đặt tại làng Long Thành Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam gọi tắt là Tòa Thánh Tây Ninh, tuyệt nhiên không có chi phái nào trong quyền hành của Hội Thánh cả.

Đến năm 1928, dưới áp lực của chính quyền Pháp chủ trương chia để trị. Pháp thừa dịp sự bất hòa và tranh chấp ấy về quyền hành trong nội bộ tôn giáo với những đổ kỵ, mất lòng tin lẫn nhau do phạm tính dấy lên để làm tan Thánh Thể Đức Chí Tôn.

Bên cạnh đó những chỉ dẫn của cơ bút khó phân biệt giả chơn đã bị lạm dụng như một hình thức cầu chứng với thần quyền để bênh vực cho lập trường khác nhau của từng phe nhóm, một số Chức Sắc đã tách rời ra khỏi quyền hành của Tòa Thánh Tây Ninh, lập thành chi phái hoạt động riêng lẻ và đôi khi đối nghịch. Một vài chi phái có Giáo Tông do công cử hoặc do cơ bút, trong khi chơn linh Đức Lý

Thái Bạch vẫn tiếp tục hành xử quyền hành Giáo Tông Đạo Cao Đài từ buổi sơ khai đến ngày nay.

Dưới sự chia rẽ nội bộ trầm trọng bất chấp hình luật Đại Đạo mà giục loạn, toan phương phân chia Thánh Thể đã chứng minh Quyền Đạo trong tay Cửu Trùng đã không như trông đợi của quyền năng Bát Quái Đài. Ngọc Hư lại chuyển pháp, giao quyền hành ấy cho Hiệp Thiên Đài. Thánh cơ của Bà Lục Nương chứng minh rõ điều này.

“Lục-Nương Diêu-Trì-Cung

Em chào mấy anh, em đang ở Ngự Quan-Cung, Bát-Nương đến cho hay rằng mấy anh đang ngưỡng nghĩa, nên vội-vã đến hầu. Khi mới này em đăng tin lành: Ngọc-Hư lo chuyển pháp. Cả Thiên-thơ hủy phá, sửa-cải pháp chơn-truyền. Chư Thần, Thánh, Tiên, Phật vui mừng chẳng xiết, Diêu-Trì Từ-Mẫu đẹp dạ không cùng, nhưng vì cái mừng ấy mà làm cho Người đổ-lụy ngậm bài than này:

*Vú mẹ chưa lia đám trẻ con,
Độ sanh chưa rõ phận vương tròn.
Quyền cao Ngự-Mã là vinh bấy,
Phận mỏng Hiệp-Thiên biết giữ còn.
Lọt điểm Thánh tâm trần-tục khảo,
Vẻ tươi bộn thế nét dò-đơn.
Thà xưa ví bằng nay gìn vậy,
Lòng mẹ ngại-ngùng con hời con!*

Nhị-Ca ôi! bài thi làm cho cả cung Diêu-Trì đều đổ lụy. Mấy anh nên lấy nó làm phép hằng tâm, thì bước vinh-diệu thiêng-liêng không lạc nẻo” [TNHT, Q.2].

Đàn cơ này do Lục Nương giảng ngày 29 tháng 12 năm Quý Dậu [12-02-1933] và cho biết thiên thơ cũ phá hủy, chuyển pháp, chính thức giao Quyền Đạo cho Hiệp Thiên Đài nắm giữ.

C. Thượng Tôn Quản Thế - Chưởng Quản Nhị Hữu Hình Đài.

Từ sự chuyển pháp của Ngọc Hư Cung làm các Đấng Thiêng Liêng vui mừng, nên Hiệp Thiên Đài lại gánh thêm phận sự cầm Quyền Đạo.

*“Bất ần trừ yêu đã tới kỳ,
Ngọc Hư định sửa mới Thiên thi.
Cửu Trùng không kể an thiên hạ,
Phải để Hiệp Thiên đứng trị vì.
Thành pháp dẫu đời qua nẻo khổ,
Nên công giúp thế lánh cơn nguy.*

*Quyền hành từ đây về tay nắm,
Phải sửa cho nên đáng thế thì”
[Trích Thánh Thi Hiệp Tuyển]*

Đến ngày 13 tháng 10 năm Giáp Tuất [19-11-1934], Đức Quyền Giáo Tông quy Thiên, Đức Lý Giáo Tông giáng đàn giao quyền Giáo Tông tại thế cho Đức Phạm Hộ Pháp kiêm nhiệm như thánh giáo Lục Nương cho hay năm 1933. Đức Phạm Hộ Pháp trở thành Đấng Thượng Tôn Quản Thế Chương Quản Nhị Hữu Hình Đài.

Song hành đó, ngày mùng 06 tháng 11 năm Giáp Tuất [12-12-1934], Hội Nhơn Sanh và Hội Thánh đồng yêu cầu Đức Phạm Hộ Pháp nắm quyền Chương Quản Cửu Trùng Đài cho đến ngày có đủ ba vị Đầu Sư, để sớm chính đốn nền Đạo.

Ngọc Hư Cung chuyển pháp, nên Đức Hộ Pháp chương quản nhị hữu hình Đài từ năm 1934 cho đến ngày Đức Ngài triều Thiên. Đàn cơ Đức Lý Giáng cơ tại Hộ Pháp Đường năm 1934:

“Lý-Thái-Bạch

Lão chào Hộ-Pháp, chư chức-sắc Hiệp-Thiên, Cửu-Trùng và Hội-Thánh Ngoại-Giáo.

Đợi Lão biểu Cao-Thượng-Phẩm nâng loan (buông cơ).

Lão đến tư đường của Hộ-Pháp nên cho miễn lễ, đứng hết.

Hộ-Pháp, hèn lâu Lão không đến chuyện vãng cùng nhau đặng, một là vì không cơ-bút, hai là vì Thiên-thơ biến-chuyển, Lão có đến cũng chẳng ích gì. Nay vì lễ Đạo-Triều, nên đến chúc-mừng chư Hiền-hữu. Lão để lời cảm ơn Hộ-Pháp đã chịu lăm phen nhọc-nhàn khổ-não làm cho Đạo ngày nay đặng ra thiết tướng. Lão chính thẹn có một điều là Lão chưa giúp hay vào đó. Lão đa tạ, đa tạ.

(Hộ-Pháp bạch.....)

Cười, Lão chẳng nói rõ, Hiền-hữu cũng thấy hiển-nhiên rằng từ thử, thắng Lão có muốn nên cho Đạo đi nữa thì cũng không thi thố chi đặng với một Hội-Thánh hữu -hư, vô-thiệt, như vậy có phải? May thay! Thiên-thơ do một mặt chẳng chi đòi đổi trở ngăn, nên may ra nữa, từ đây Lão có phương cầm quyền trị thế.

(Hộ-Pháp bạch: Thiên-thơ đã đổi, đệ-tử xin giao quyền hành của Quyền-Giáo-Tông lại cho Ngài đặng Ngài đủ oai cầm Thiên-thơ vững chặt).

Cười, Lão e cho, một là Lão đã cho, không lẽ lấy lại, hai là hành-pháp thì dễ, hành-hình thì khó, không có nửa quyền trị thế của Lão nơi tay thì Hộ-Pháp có thế nào điều hành Hội-Thánh cho đặng. Ấy vậy cứ để y.

Nghe thi này và kiểm hiệu:

Bát-nhã từ đây vững lái thuyền,
 Tuông pha khổ-hải độ nhơn-duyên.
 Gay chèo thoát khổ đầy linh-cảm,
 Rạch nước trừ oan đủ diệu-huyền.
 Thổi thẳng cánh buồm thì Lão thủ,
 Nâng an lòng bản cày Thân-Tiên.
 Phong ba mấy độ đà qua khỏi,
 Ném thử Gián-Ma đóng Cửu-tuyên.

Thăng”

[Trích TNHT Q.2]

Kết hợp với bài thánh thi thể thất ngôn bát cú đường luật dạng khoán thủ của Đức Lý Giáo Tông khi Đức Phạm Hộ Pháp “*Chương Quản Nhị Hữu Hình Đài*” đã làm sáng tỏ quyền năng thiêng liêng trên cõi thiêng liêng, nguyên căn và sứ mạng hữu hình.

D. Nhân định chung.

- Khi khai Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Ngọc Hư Cung giao Quyền Đạo cho Hiệp Thiên Đài, nhưng Đức Chí Tôn đòi pháp, giao quyền ấy cho cơ quan Cửu Trùng Đài từ năm 1926 đến năm 1934. Phải chăng Đức Chí Tôn thương yêu con cái Ngài mà muốn giao trách nhiệm trọng hệ để xem sự thi thố điều hành và lãnh đạo như thế nào, cũng là phương cho con cái Ngài lập ngôi vị Thiêng Liêng?
- Khi phạm sự thực hiện Đạo Quyền nơi Cửu Trùng Đài năm không trọn vẹn tức là “*Cửu Trùng không kế an thiên hạ*”, Ngọc Hư Cung chuyển pháp, giao Đạo Quyền cho Hiệp Thiên Đài như thưở ban sơ.
- Hiệp Thiên Đài tiếp nhận trách vụ Chương Quản Cửu Trùng Đài tức là “*Phải để Hiệp Thiên đứng trị vì*”, Đức Phạm Hộ Pháp đã trở thành Giáo Chủ hữu hình, thay Đức Chí Tôn cầm giềng mối Đạo, phải “*Bắt ấn trừ yêu đã tới kỳ*” theo “*Ngọc Hư định sửa mối*

Thiên thi”. Đức Phạm Hộ Pháp phải “Ném thử Gián-Ma đóng Cửa-tuyên”, phải lướt bão phong ba, “*thổi thẳng cánh bướm*” để con thuyền Bát Nhã của Đức Chí Tôn mới đến nơi khổ hải, đưa rước người đủ nhơn duyên về hội hiệp cùng Thầy Mẹ Thiêng Liêng.

20. Đức Phạm Hộ Pháp nắm vai trò Thể Pháp và Bí Pháp Đại Đạo.

A. Đặc điểm của nền Đại Đạo so với Tam Giáo cổ kim.

Nhìn nhận rằng các nền giáo pháp xưa nay, thường các bậc Giáo Chủ vẫn có khả năng thông công, đạt quyền phép liễu ngộ và thông linh với Thiêng Liêng nhưng theo một chiều, để áp dụng phương thức xây dựng Giáo Hội.

Trong khi đó, nguồn gốc khai sinh nền Đạo Cao Đài bắt nguồn từ sự thông linh qua hiện tượng xây bàn, cầu cơ, chấp bút với quyền năng hướng dẫn Thiêng Liêng để xây dựng một Chánh Thể. Giáo Hội có giáo quyền chặt chẽ, một cơ chế “chánh trị đạo” hoàn hảo vì nhờ hai yếu tố “Thiên thượng-Thiên hạ” hiệp một. Nghĩa là Ngọc Hư Cung muốn định đạo, phải nhờ bàn tay hữu vi lập giáo.

Người trần mắt thịt phải chịu quyền xoay chuyển và phương thức tổ chức. Khía cạnh này cho thấy mối tương quan hai chiều thông suốt từ khai đạo mãi đến sau này. Điều trên đã hoàn toàn mang một đặc điểm đặc biệt của nền tôn giáo do Đức Chí Tôn vi chủ trong thời Tam Kỳ Ân Xá.

Hoạt động hành đạo hữu hình sẽ thực hiện theo Pháp Chánh Đại Đạo, chọn lọc thành phần Chức Sắc thuộc Thánh Thể, mới dâng cầu lên quyền Thiêng Liêng phê chuẩn. Việc chọn lựa ân phong của Thiêng Liêng không còn mang tính chất ước lệ tượng trưng hay phỏng đoán, mà là một sự khẳng định phẩm hạnh, khả năng của Giáo Sĩ khi dâng thân phụng sự vào Thánh Thể. Việc còn lại, người Giáo Sĩ chỉ có trì chí, chịu nhọc nhằn, gánh vác phận sự đạo theo luật pháp đạo mà thôi.

B. Đạo có Bí Pháp và Thể Pháp điều dung.

Đức Hộ Pháp thuyết giảng rằng nền tôn giáo nào không đủ hai năng Âm-Dương hiện hữu, trường tồn, tất sẽ bị hoại một sớm một chiều. Cao Đài Giáo trên phương diện hữu hình đã ảnh hưởng sâu nặng văn hóa Đông Phương, một văn hóa đặc sắc, một huyền thoại triết lý siêu nhiên dựa vào sự đối đãi lý Âm-Dương, nên chắc chắn nền Đạo khai mở tại Việt Nam sẽ dung nạp các tư tưởng Đông Phương.

Cao Đài Giáo trên bình diện quyền lập pháp và điều hành, lại thể hiện sự thống nhất của Phật-Pháp-Tăng. Cơ quan lập pháp thuộc Thần, tức là Phật dưới quyền điều khiển của Bát Quái Đài. Cơ quan tư pháp thuộc Khí, tức là Pháp dưới

quyền định liệu của Hiệp Thiên Đài. Cơ quan hành pháp thuộc về Tinh, tức là Tăng, dưới quyền triển khai thi hành của Cửu Trùng Đài.

Cả ba cơ thể thống nhất từ trên xuống dưới, từ dưới lên trên. Nếu sự liên đới tương thông không đồng đẳng, va chạm đến sợi dây hiệp nhứt, chắc chắn rằng, hoạt động tôn giáo đã vi phạm đến nền Pháp Chánh Truyền đã xây dựng năm 1927, do quyền năng Bát Quái Đài phê chuẩn.

Vả chẳng nếu thiếu cơ quan Bát Quái Đài là quyền thiêng liêng ngự trị thì Hiệp Thiên Đài sẽ ra sao, Cửu Trùng Đài chỉ biết nương xác thể, chịu nặng phần phàm chất, thiếu thánh chất, thiếu ngọn đuốc soi đường để giữ quyền thể xây dựng một sứ mạng lớn lao mà Thiêng Liêng giao phó.

Vả chẳng có cơ quan Thiên Triều lập luật, có cơ quan thực thi sứ mạng mà không có Hiệp Thiên Đài, Bát Quái Đài khó phương diu dắt thể xác Cửu Trùng Đài truyền dẫn mạch sống thiêng liêng.

Vả chẳng, nếu thiếu cơ quan Cửu Trùng Đài, cơ quan lập pháp và cơ quan tư pháp lấy chi thi hành phận sự phổ truyền chánh giáo.

Cho nên, phải nhìn nhận nền Chánh Trị Đạo Cao Đài do Thiêng Liêng ban bố là một cấu trúc linh diệu, vừa ẩn bí pháp, vừa có thánh hóa cấu trúc đưa đến năng lực cứu rỗi, chúng sanh có thể dễ dàng nép mình vào khuôn luật đạo pháp mà an bề tu tĩnh.

Sự hệ trọng thông công, tương tác hai chiều qua lại và sự thực hiện theo nguyên tắc phối nhất của ba năng lực Phật-Pháp-Tăng, hiển nhiên Đạo Cao Đài phải có đủ Thể Pháp và Bí Pháp như các nền tôn giáo khác. Hơn thế nữa, đặc điểm giao thoa hữu hình và vô vi, tính chất hiệp nhất Tam Bảo trên đã đưa ra một Bí Pháp siêu nhiên để con người đạt đến cơ giải thoát, hoàn toàn đưa đến bờ giác ngộ mà Thánh Ý Đức Chí Tôn muốn lập giáo theo cơ chế này hầu cứu vớt chúng sanh.

C. Đặc điểm, ý nghĩa và mối quan hệ của Thể Pháp và Bí Pháp.

▪ Thể pháp.

Thể Pháp là những gì được phổ bày hiện hữu trước mắt của một nền tôn giáo, để cho môn đồ thấy được tính chất tượng lý mà nương theo hình thể, hướng đến đời sống tín ngưỡng tâm linh, dần dần thuần hành thánh hóa đời sống trong mọi sự thể, cầu chứng, hòa nhập tầng số điện thiêng liêng. Thể pháp là hình thức, là cái thể hữu vi, là cái năng lực giúp ánh mắt con người nghiệm ra lý mà có hành vi phù hợp với luật tiến hóa thiên nhiên.

Thể Pháp của Đạo tức nhiên phải mang đặc điểm và tính chất tương liên đến Bí Pháp giải thoát. Người tín đồ trước tiên phải hiểu dạng Thể Pháp, dâng nạp thân

mình cầu hiểu ý nghĩa Thể Pháp mới tuân tợ kiểm hiểu tới mật nhiệm huyền vi Bí Pháp.

“Phải hiểu Thể Pháp, biết Thể Pháp rồi mới thấu đến Bí-pháp. Khó lắm! Phải để tinh-thần tìm hiểu cho lắm! Khó lắm! phải rán học cho lắm mới có thể đoạt được!” [Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp].

Thể Pháp Đạo luôn luôn mang sắc thái và giá trị khác hẳn với Thể Pháp của Đời vì tinh thần của Thể Pháp hướng đến cốt lõi, tâm điểm của diệu lý giải thoát con người khỏi bến đò sinh tử.

Tự thử, bến đò này biết bao nhiêu Nguyên Nhân và Hóa Nhân đã lẫn trôi, mòn dấu vết mà chưa có la bàn định vị sự sống chơn tướng, nên Thể Pháp Đạo là kim chỉ nam để vén bức màn vô vi hướng đến Bí Pháp màu nhiệm, giúp con người có thể vĩnh viễn lìa xa bến đò sinh tử kia bằng đời sống minh triết, thánh thiện.

“Bản Đạo đã nhiều dịp nói rằng: Cả Thánh Thể của Chí Tôn là trường quan lại, nếu quan lại Đạo mà bắt chước đồ theo thể pháp và hình thể của quyền đời, thì xem nó dị kỳ hì hợm lắm. Quyền Đạo nó có hình tướng khác, nó không quái gở và dị hợm như trường đời chúng ta xem thấy hiển nhiên đó vậy” Thuyết Đạo của DHP, Q. 1, bài 50].

Thể Pháp của Đạo Cao Đài đã hiện tượng trong nhiều màu sắc, từ đơn giản cho tới phức tạp. Thể Pháp của Đạo là cái Thể của Bí Pháp, cho nên con người muốn tâm Bí Pháp giải thoát, chúng ta phải căn cứ vào nền Chánh Giáo Đại Đạo. Thể Pháp cũng chỉ là giá trị biểu hiện bề ngoài của chơn lý. Con người sẽ do tùy trình độ tiến hóa chơn thần mà tiếp cận màu nhiệm Bí Pháp.

▪ **Bí Pháp.**

Có Bí Pháp Đạo, tức nhiên có Thể Pháp Đạo. Bí Pháp là Đạo, đặc bí pháp tức là đoạt cơ màu nhiệm thiêng liêng. Nếu Thể Pháp là cái Thể thì Bí Pháp là Tính. Nếu Thể Pháp là ngoại dung bên ngoài thì Bí Pháp là nội dung. Nếu Thể Pháp có thể nhìn thấy được thì Bí Pháp chỉ có thể cảm bằng huệ giác. Nếu Thể Pháp có thể thông hiểu nhờ sự tri kiến sở học bằng “hữu sư trí” thì Bí Pháp phải do cái linh hiển từ “vô sư trí”.

Thể Pháp là thuộc tính của Bí Pháp để phô diễn cái Lý của Bí Pháp. Nên Thể Pháp có tính chất tương liên cùng Bí Pháp giải thoát đạt Đạo. Cho dù Thể Pháp biểu hiện một nghĩa lý nào nào xa rời chân lý thì Thể Pháp ấy đi ngoài chơn lý giải thoát.

“Một nền Chánh giáo dầu bí pháp, dầu thể pháp phải có thiết tướng như thế mới ra một nền Chánh giáo. Ngày nay là ngày Chí Tôn đến cùng ta, kỷ niệm này, bất tiêu bất diệt. Bản Đạo đã thuyết vì có nào từ tạo Thiên lập Địa đến giờ, nhơn

loại vẫn khur khur tầm Đạo. Chúng ta chán thấy rằng, nhưn loại trên địa cầu này thay đổi nhiều lớp mà nay chúng ta còn tồn tại đây” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q. 2, bài 10].

Đạo Cao Đài dung chứa rất nhiều kiến trúc, nghi lễ, kinh kệ, giáo pháp, giáo luật. Nên sẽ tùy vào khả năng kiến giải của mỗi người theo một góc cạnh khác nhau để chìm vào một hình thái áp dụng vào tâm thức, tạo ra những dòng suối khác nhau cùng chảy về đại dương chân lý giải thoát. Trên tất cả sự suy diễn theo Thể Pháp, con người luôn phải tự định cho mình kiến giải trong khuôn viên giới hạn, vì nếu không chính chúng ta đã cỡi trời bằng sợi dây chơn lý, vượt qua sự tự do của tâm thức và nghiêm nhiên rơi vào hố sâu vô minh và càng rời xa chơn lý, tức là Bí Pháp Đạo vậy.

Đối với vũ trụ quan Cao Đài giáo hay chính xác hơn là Chánh Giáo của Đức Chí Tôn, định cho chúng ta một vị trí gần gũi với Bí Pháp vì Đức Chí Tôn khai đạo và buộc bày Thể Pháp và Bí Pháp cho chúng sanh tiệm cận vào sự hiệp nhất.

Bí Pháp Đạo Cao Đài do nơi quyền năng vô đối của Đức Chí Tôn. Từ Pháp giới mà có Chí Linh và Vạn Linh. Vạn Linh là Thánh Thể Thường Tại của Đức Chí Tôn vì “Thầy là các con, các con là Thầy”.

“Còn bậc chơn tu tử như một hạt giống tốt, hễ gieo xuống thì cây lên, cây lên thì trở bông, trở bông rồi sanh trái, mà biến biến sanh sanh càng tăng số. Vì vậy mà các con phải bỏ xác trần, mà bông trái thiêng-liêng các con sanh hoá chơn-thần; chơn-thần lại biến hằng muôn thêm số tăng lên hoài. Ấy là Đạo. Bởi vậy một chơn-thần Thầy mà sanh hoá thêm chư Phật, chư Tiên, chư Thánh, chư Thần và toàn cả nhưn-loại trong Càn-Khôn Thế Giới; nên chỉ các con là Thầy, Thầy là các con” [TNHT, Q.1].

Chơn Pháp Cao Đài còn thị hiện rõ tính chất bí nhiệm trong tương quan Phật-Pháp-Tăng thông qua Thể Pháp Cao Đài. Cửu Trùng Đài tượng Cửu Thiên Khai Hóa tạo đoạn Vạn Linh, tức là Tăng. Hiệp Thiên Đài là Pháp giới, thúc giục sự tăng tiến lên cao của Vạn Linh. Đức Chí Tôn vì chủ cả ngôi Phật-Pháp-Tăng.

“Không có một điều gì mà Chí Tôn định trong Chơn giáo của Ngài, dầu Bí pháp, dầu Thể pháp mà vô ích đâu. Đáng ấy là Đáng tưng tiu, yêu ái con cái của Ngài lắm, thảng có điều gì không cần ích mà con cái của Ngài nói rằng không muốn, Ngài cũng bỏ nữa đã. Từ ngày Khai Đạo, Kinh kệ, Lễ bái, sự chi sắp đặt về đạo đức cũng chính Chí Tôn tạo thành, không phải do các Đáng khác. Ngài buộc mình làm, tức có cần yếu, hữu ích chi chi đó, Ngài mới buộc. Vì có nên, thời giờ này, thấy Bản Đạo bó buộc nghiêm khắc có lẽ những kẻ biếng nhác cũng phàn nàn lén lút. Ngày cuối cùng các bạn gặp mặt Bản Đạo nơi Thiêng Liêng, Bản Đạo sẽ hỏi các bạn coi khi còn ở thế Bản Đạo buộc cả thấy đi cúng là có tội hay có công.

Công hay tội ngày giờ ấy Bần Đạo hỏi rồi chúng ta sẽ có một tấn tuồng tâm lý ngộ nghĩnh với nhau vô cùng tận, chừng đó mới biết lẽ nên hư” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q.2, bài 57].

▪ **Tầm quan trọng của Thể Pháp và Bí Pháp.**

Đức Chí Tôn đã định đạo và bày Thể và cái Tính trong nền Chơn Giáo của Đức Ngài. Sự minh giảng của Đức Phạm Hộ Pháp trên đã rõ nét chứng minh hùng hồn giá trị quan trọng của kinh kệ, nghi lễ, đạo đức, và toàn thể các tính chất đã trường tồn trong Hội Thánh Đại Đạo. Tất cả đều mang tính chất hướng chúng sanh đến đời sống Thể Pháp của người tín đồ Cao Đài, dần dần bước lên bậc thang học hiểu cái siêu nhiên của Bí Pháp Cao Đài.

Cho nên mọi hiện tượng thuộc Thể Pháp Cao Đài, tức là thuộc tính trực tiếp tác động đến Bí Pháp giải thoát của Đức Chí Tôn đặt nơi cánh cửa, như một chìa khóa để con người mở cánh cửa huyền môn mà tìm về con đường nhứt nguyên. Nếu vô tình hay cố ý, suy diễn hay thi hành sai trên nguyên tắc Thể Pháp Cao Đài gây sự xáo trộn tâm thức nhơn sanh, làm phân cắt đức sợi dây tương thông cùng quyền năng Thiêng Liêng, tức là đã trái Thánh Ý của Đức Chí Tôn. Một khi đã thất Thể Pháp, lấy chi mong tìm đến Bí Pháp màu nhiệm của Đức Chí Tôn.

D. Đức Phạm Hộ Pháp nắm trọn Thể Pháp và Bí Pháp.

Pháp Chánh Truyền định đạo phục của Đức Hộ Pháp, chân phải mang hia, chót mũi có chữ Pháp, tay hữu phải cầm Gián Ma Xử tượng lấy Đồi mà chế Đạo. Tay tả cầm râu chuỗi từ bi, tượng lý lấy Đạo chế Đồi.

Nơi bụng, Đức Ngài phải mang dây sắc lệnh ba màu tượng Chương Quyền Tam Giáo nơi mình, nắm trọn cả thể pháp và bí pháp để thực hiện cơ quy nhứt của Đạo Cao Đài. Điều này hoàn toàn minh chứng rằng Đức Phạm Hộ Pháp mang một vai trò quan trọng trong Thể Pháp và Bí Pháp nền chánh giáo Đại Đạo của Đức Chí Tôn khai sáng.

Ngọc Hư Cung đã lập pháp để Đạo Quyền do nơi tay Hiệp Thiên Đài nắm giữ. Sau đó, Đức Chí Tôn muốn giao quyền ấy cho Cửu Trùng Đài. Tuy nhiên, đến năm 1934 khi Đức Quyền Giáo Tông quy Thiên, Ngọc Hư Cung lại giao Quyền Đạo cho Đức Phạm Hộ Pháp cầm số mạng nhơn sanh, Đức Lý Giáo Tông vô vi giao quyền Giáo Tông hữu hình nơi tay Đức Phạm Hộ Pháp. Tất cả đã thể hiện rõ vai trò cầm Thể Pháp và Bí Pháp của Đức Hộ Pháp nơi tay Người.

E. Tại sao Đức Phạm Hộ Pháp Phải nắm trọn Thể Pháp và Bí Pháp.

Thể Pháp Đạo và Bí Pháp Đạo là hai mặt của một thực thể Đạo. Con người muốn xuất thế, Bí Pháp Đạo vừa phải đủ tính chất nhập thế vào tuồng đời, vào tận

hang cùng ngõ hẻm, vừa phải mang tính chất xuất thế. Thông qua Thẻ Pháp Đạo mà con người có thể dần dần biết ánh sáng của Bí Pháp Đạo.

Khi lập Pháp Chánh Truyền nền Đại Đạo, ngôi vị Hộ Pháp đã định nắm trọn trong tay Thẻ Pháp và Bí Pháp hầu tuyệt đối hóa phương châm hành đạo và phổ hóa tổng thể tính chất Đạo đi vào thế gian tính, để chúng sanh mới có thể học hiểu đạo thể.

Còn nhớ Chơn Truyền Cao Đài khi giao cho Đức Hộ Pháp đưa xuống mặt thế, Đức Chí Tôn hỏi Đức Hộ Pháp mở Thẻ Pháp trước hay Bí Pháp trước. Đức Hộ Pháp trả lời rằng Ngài sẽ mở Bí Pháp trước. Đức Chí Tôn bèn trả lời phải mở Thẻ Pháp trước. Đây là một minh cơ Chánh Giáo đã trọn vẹn nơi quyền năng Phạm Hộ Pháp, Ngài cầm giữ Thẻ Pháp và Bí Pháp trọn vẹn nơi tay.

*“Đã thấy ven mây lối mặt dương
Cùng nhau xúm xít dần lên đường
Đạo cao phó có tay cao độ
Gần gũi sau ra vạn dặm trường”*

[Thánh Thi Hiệp Tuyển].

Thẻ Pháp và Bí Pháp là hai nền tảng cơ bản quan trọng, rốt ráo tạo cho con người có đời sống thăng hoa về hiện tượng Tinh-Khí-Thần hiệp nhất. Đạo đã lộ dạng nơi đất Nam Việt, nền Chánh Giáo đã khai mở, chúng sanh phải dìu dắt nhau, anh trước em sau, từng quyền luật pháp chơn truyền thì dù có đường dài, khổ não, gian truân cũng sẽ có người cầm giềng mối Chánh Giáo để bảo tồn Bí Pháp đến thất ức niên, tức là một ngọn cờ cứu khổ đã trương nơi mặt thế kể từ 1926.

“Từ thử đến giờ, Bàn Đạo chưa hề biết nói đến sứ mạng Thiêng Liêng của Bàn Đạo, là vì Đức Chí Tôn không đi, nên mới có Hộ Pháp của Ngài đến. Hộ Pháp của Ngài đến, cốt yếu thay thế cho Ngài dựng lập vị cho Đức Phật Di Lặc Vương Phật mở Hội Long Hoa, tức nhiên sứ mạng của Hộ Pháp là cầm cân công bình Thiêng Liêng của Đức Chí Tôn giao phó, nắm cả tâm lý tinh thần nơi mặt địa cầu này dựng hòa giải hầu sửa đường tâm đức tinh thần của nhơn loại, tức nhiên là Ngài đến trước khi mở Hội Long Hoa tạo Tiên, Phật tâm đức từ trong cửa Thánh của họ dựng họ từ từ bước đến phẩm vị của họ tại mặt thế này” [Thuyết Đạo của D9u7HP, Q.5, bài 29].

Đức Phạm Hộ Pháp là Đấng Christna, một trong Tam Thế Phật tình nguyện giảng sanh, thay Đức Chí Tôn lập giáo, cầm ngọn linh đăng khai khiếu, dẫn đường cho chúng sanh thấy diệu pháp Đức Chí Tôn bày tại mặt thế. Do vậy, Thiêng Liêng đã giao quyền năng cao trọng để nắm ngoại dung và nội dung, là Thẻ Pháp Cao Đài và Bí Pháp Cao Đài.

21. Hành trình xây cất Tổ Đình Tòa Thánh Tây Ninh và Báo Ân Từ của Đức Phạm Hộ Pháp.

▪ Tầm quan trọng của Tòa Thánh Tây Ninh.

Trước 1926 nghĩa là trước năm Khai Đạo, Đạo Cao Đài đã quy tụ một lực lượng lớn như sanh, tin vào quyền diệu Thiêng Liêng Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế mà nhập môn cầu đạo. Lúc đó, nền Đạo vẫn chưa có nơi thờ tự, cúng kiếng.

Đến khi Thiêng Liêng dạy phải tổ chức làm Lễ Khai Đạo, nhờ uy tín của Ông Nguyễn Ngọc Thơ và Bà Lâm Hương Thanh, nên cậy nhờ chùa Gò Kén để tổ chức lễ. Trụ trì chùa là Hòa Thượng Như Nhãn được phong là Thái Chưởng Pháp. Sau đó, bôn đạo buộc và thút ép đòi chùa lại. Đạo phải trả chùa và theo lời Đức Lý dạy mua đất để lập Tòa Thánh.

Do vùng đất rừng hoang sơ, Đạo phải khai khẩn rất đổi gian truân đến khi hoàn thiện một công trình vĩ đại có một không hai trên toàn thế giới vì sự độc là và hàm nghĩa Thể Pháp Đạo rất đủ đầy lý pháp theo tôn chỉ lập giáo của Đức Chí Tôn. Đất của Đạo rộng và cất nhiều dinh thự, cơ quan. Về thể, là cơ quan cho chư Chức Sắc trú ngụ hành đạo, về dụng biểu thị Bí Pháp đạo Trời.

Đức Chí Tôn dạy:

“Các con phải chung hiệp nhau mà lo cho hoàn toàn Tòa Thánh, chi chi cũng tại Tây Ninh đây mà thôi” [TNHT].

Nên công trình Tòa Thánh Tổ Đình đã dựng xây nguy nga, tráng lệ dung chứa cả khối đức tin mãnh liệt con cái Đức Chí Tôn. Cấu trúc hình thể tượng ngôi Bạch Ngọc Kinh tại thế. Tòa Thánh Tây Ninh được Đức Lý vẽ họa đồ, kích thước để Đạo xây dựng.

Đạo là vô vi, là lý nhất nguyên, là chơn lý hằng hữu, diệu lý vô biên, vô tận. Chính vì cái vô biên kia, nền tôn Giáo Cao Đài cần phô diễn khía cạnh của Đạo Pháp. Tòa Thánh ngoài vẻ sắc sỡ, đồ sộ còn mang tính chất kỳ bí thông qua biểu thị từng bộ phận, từng chi tiết nhỏ nhất để thị hiện lý Đạo.

“Đạo thì có Tam Giáo: Phật, Thánh, Tiên. Ba đài hiệp một thành hình thể mới có sự khôn ngoan và sáng suốt được. Con người nếu thiếu linh hồn thì phải chết, thiếu chơn thần phải điên, thiếu hình thể thì không thành người, như vậy vật bất ly tâm” [Giải Thích Nội Tâm-Ngoại Tâm Đền Thánh của Ngài Khai Đạo Phạm Tấn Đãi].

Trọng tâm của Tòa Thánh, có thờ Quả Càn Khôn với hình Thiên Nhãn trong Bát Quái Đài. Chủ trương của Đạo Cao Đài đã bộc lộ rõ tư tưởng “nhất nguyên luận”, nghĩa là thờ chơn lý tối thượng. Khí Hư Vô mờ mờ mịt mịt nhưng khi bùng

sáng mới sanh ra Thái Cực tại trung tâm điểm. Thờ Thiên Nhân tức là thờ Trời và thờ Pháp Lý vận chuyển biến ra chư Phật, Tiên, Thánh, Thần và vạn vật trong vũ trụ càn khôn.

Thuở ban sơ, Đức Chí Tôn dạy:

“Một trái như trái đất tròn quay, hiểu không? Bề kinh tâm ba thước ba tấc, nghe con, lớn quá mà phải vậy mới đặng, vì là cơ màu nhiệm Tạo-Hóa trong ấy, mà sơn màu xanh da trời; cung Bắc-Đẩu và Tinh-Tú vẽ lên Càn-Khôn ấy. Thấy kẻ Tam-Thập-Lục-Thiên, Tứ-Đại-Bộ- Châu ở không-không trên không khí, tức là không phải Tinh-Tú, còn lại Thất-thập-nhị-Địa và Tam-Thiên thế giới thì đều là Tinh-Tú. Tính lại ba ngàn bảy mươi hai ngôi sao, con phải biểu vẽ lên đó cho đủ. Con dỡ sách thiên-văn Tây ra coi mà bắt chước. Tại ngôi Bắc-Đẩu con phải vẽ hai cái bánh lái cho đủ và sao Bắc-Đẩu cho rõ ràng. Trên vì sao Bắc-Đẩu vẽ con mắt Thầy, con hiểu chăng? Đáng lẽ trái ấy phải bằng chai, đúc trong một ngọn đèn cho nó thường sáng; ấy là lời cầu nguyện rất quý báu cho cả nhơn-loại Càn-Khôn Thế-Giải đó [TNHT, Q.1].

“Quả Càn Khôn” hai chữ đã nói dịch lý Âm-Dương, hai năng lực bản nguyên của vũ trụ, nguồn sống tiên khởi. Ánh sáng của Thiên Nhân đã bao trùm cả pháp giới và diễn lực sản sinh Bát Hồn. Nên thờ Thiên Nhân đã bao hàm Tam Bửu của Trời là Phật-Pháp-Tăng. Chi nên, hễ thờ Trời, kính Trời tức là đã tôn kính sự sống của chúng ta tức là Tăng.

“Nơi đây là Tòa Thánh, là nơi Đức Chí Tôn đến nhứt định lập ngôi vị của Ngài trong mọi sự cố gắng của con cái Ngài, tượng nên khối tinh thần vững chắc thì ai có đủ quyền năng nào mà diệt được. Bởi thế họ không diệt được nên dầu khổ não thế nào, Bản Đạo quyết chống xem ngày tàn cuộc” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q.2, bài 42].

Tổ Đình Tòa Thánh Tây Ninh đã tồn tại dường ấy thời gian, đã gồm hợp biết bao nhiêu đức tin con cái Đức Chí Tôn. Điều ấy đã thấy điểm tối quan trọng của cơ quan này hiện hữu trong nền Đạo. Đây là Thể Pháp Đạo để toàn thể tín đồ Cao Đài sùng ngưỡng, thờ phụng, gởi trọn đức tin nói quyền năng Thiêng Liêng thông qua hình thể vật chất mang tính linh thiêng siêu việt. Tòa Thánh là nơi Thánh Thể của Đức Chí Tôn thay Đức Chí Tôn mà cầm giềng Quyền Đạo.

▪ **Các giai đoạn xây dựng Tổ Đình.**

Phải trải qua 05 giai đoạn, Tòa Thánh mới hoàn chỉnh, đưa vào trấn thần, khánh thành.

- Tháng 10 năm Tân Mùi [1931], Ngài Chánh Phối Sư Thái Thơ Thanh tiến hành khởi công đào xây dựng. Chỉ đào Hàm Bát Quái thì công trình gián đoạn.
- Trong giai đoạn tiếp theo, Đức Quyền Giáo Tông và Bà Nữ Đầu Sư Lâm Hương Thanh tiếp tay, gánh vác trọng trách. Tuy nhiên, tiến độ thi công không được bao nhiêu.
- Giai đoạn thứ ba, trong lúc thời cuộc Đạo chinh nghiêng, nội bộ chia rẽ do bàn tay của Pháp xúi giục, nhưng Ngài Tiếp Thế Lê Thế Vĩnh cũng đã vận động tài chính, đỡ được plafond lầu Hiệp Thiên Đài.
- Ngày 01 tháng 11 năm Bính Tý [1936], Đức Phạm Hộ Pháp huy động một lực lượng lớn công quả Phạm Môn làm việc ròng rã. Trải qua khoảng 04 năm thì công trình gián đoạn do Đức Phạm Hộ Pháp bị đồ lưu Phi Châu.
- Giai đoạn 05, khi trở về nước, Đức Phạm Hộ Pháp tiếp tục cho hoàn thiện công trình đi đến lễ khánh thành.

▪ **Hoạt động chính yếu và dữ kiện quan trọng của Đức Phạm Hộ Pháp trong công trình Tòa Thánh Tây Ninh.**

Trước, Đức Phạm Hộ Pháp có minh giảng về sự kiện chùa Từ Lâm Tự, họ làm mới nửa chừng rồi cho Đạo Cao Đài mượn để tiếp tục hoàn thiện ngôi chùa Phật Giáo. Làm lễ xong, họ đòi lại và phải đi cấp thời, Đức Ngài nói cái chính yếu là lợi dụng mà thôi. Vì bức bách, Đạo buộc phải tìm đất cất ngôi thờ Đức Chí Tôn. Theo lời dạy của Đức Lý, Đạo tìm mua miếng đất lớn ở Tây Ninh.

Cảnh rừng hoang sơ, cộp thú dữ mà tạo tác ngôi Đền Thánh phải trả bằng những giọt mồ hôi, sự cực nhọc, lao thân, mệt trí, chung vai đầu cột, bênh vực, sương nắng đủ mùi, tương chao đăm bạc và đức tin mãnh liệt vào quyền năng cứu thế của Đức Chí Tôn nên mới bám trụ lại cho đến khi hoàn toàn đạt kỳ sở vọng, mỹ mãn vinh quang.

Đầu tiên khi thực hiện tạo tác, Đức Phạm Hộ Pháp phải điều đình 500 công quả bên cửa Phạm Môn. Đức Ngài buộc phải hiến thân và thủ trình trong giai đoạn tham dự xây dựng. Một đặc điểm rất quan trọng và khác biệt trong lịch sử kiến trúc ngôi thờ của các nền tôn giáo xưa nay.

Về mặt tài chính và vật thực, Đức Ngài chỉ thị cho các Châu Đạo, Tộc Đạo thuộc Hành Chánh và Phước Thiện huy động tại địa phương, gửi liên tục về Tòa Thánh để lo vật liệu, thức ăn cho người công quả.

Giai đoạn này, Đức Ngài vừa gánh vác trọng trách Chương Quản Nhị Hữu Hình Đài, vừa phải lo công cuộc tạo tác Tòa Thánh. Thân mình Ngài phải điều

đình nghiệp đạo, phải trù tính phương pháp xây dựng. Nếu là phàm tình, há chẳng phải đó là quá sức phàm chăng!

Tòa Thánh đã cơ bản hoàn tất nền móng, nhưng tài chính khẩn bách, thiếu thốn, buộc Ngài phải về Vũng Liêm mượn bà Nữ Đầu Sư Lâm Hương Thanh để trang trải. Hai thay! Bà thiếu thì không thiếu, thừa thì không thừa, lúa lúc ấy không bán được, nên Đức Ngài trở về bàn tay trắng, mặc dầu Bà Lâm Hương Thanh cho mượn nữ trang và kêu đem cầm mớ nữ trang, nhưng Ngài không ưng thuận vì sợ không thể hoàn trả sau này.

“Bản Đạo chỉ mượn được rồi trả làm sao chứ, lấy đem về được nhưng đến khi trả lấy ai? Ngán quá chừng quá đời. Bản Đạo nói: Thôi Chị ơi! Đồ này đã lưu truyền 3 đời rồi, hôm nay Chị đưa Tôi đem về cầm, nếu không chuộc được mới tính sao? Chị lại quả quyết nói: Qua không nghèo hoài đâu em, em nên nghe lời Qua đem về cầm đi, rồi Qua sẽ kiếm phương chuộc lại, Bản Đạo nhứt định không mà thôi, rồi đi về với hai bàn tay trắng mà lập nên Đền Thánh” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q.6].

Thân xác là Ông Phạm Công Tắc, tinh thần, trí não, đức tin, sứ mạng là của Đức Hộ Pháp, nên Đức Phạm Hộ Pháp đã xoay chuyển, đi trên chông gay, gánh vác sự nghiệp vĩ đại của Đức Chí Tôn trên đôi vai. Đến ngày 04 tháng 06 năm Tân Tỵ [1941], tức là trên dưới 04 năm, công trình Tòa Thánh cơ bản gần xong, chỉ còn sơn phết, trang trí mà thôi.

Trong khi tiến độ thi công liên tục và nhanh chóng, Pháp vào Tòa Thánh bắt Đức Phạm Hộ Pháp và một số vị Chức Sắc và đầy lưu sang hải đảo Madagascar, Phi Châu. Thế là Tòa Thánh lại một lần nữa bị gián ngưng. Pháp còn đuổi toàn bộ Chức Sắc và công quả ra khỏi nội ô, Pháp dùng làm chỗ đậu xe nhà binh, đóng cửa Tòa Thánh.

Sau cuộc đồ lưu sang Phi Châu hơn 05 năm, Đức Ngài hồi cố, tiếp tục ngay phận sự nhiếp chánh Đạo, củng cố Đạo Quyền, nhân sự và tiến hành vào công cuộc xây dựng Tòa Thánh. Đức Ngài gọi số công quả xưa và cho tu sửa những chỗ do Pháp làm hư hại, đắp vẽ, trang trí cho đến khi hoàn tất ngày 30 tháng 12 năm Bính Tuất [21-01-1947]. Ban Xây Dựng Tòa Thánh gồm Tổng Giám và các Phó Tổng Giám, Tá Lý làm lễ bàn giao cho Hội Thánh.

Như vậy, Tòa Thánh Tây Ninh đã trải qua trên dưới 16 năm mới hoàn tất ngôi thờ Đức Chí Tôn, qua 05 giai đoạn mà nổi bậc trọng đại là giai đoạn có bàn tay Đức Phạm Hộ Pháp.

Đề tranh thủ cúng Đại Lễ Vía Đức Chí Tôn lần đầu tiên trong Tòa Thánh đêm mừng 08 rạng mừng 09 tháng 01 năm Đinh Hợi [1947], Đức Phạm Hộ Pháp tiến hành thiết lễ Trấn Thần Tòa Thánh ngày mừng 06 tháng 01. Bước qua mừng

08 tháng 01, Đức Phạm Hộ Pháp tổ chức lễ rước Quả Càn Khôn từ Báo Ân Từ an vị nơi Tòa Thánh.

Đến ngày mừng 09 tháng 01 năm Ất Mùi [1955], tức là sau khoảng 08 năm, Đức Ngài mới thiết lễ Khánh Thành Tòa Thánh, Báo Ân Từ và một số cơ quan Đạo trong nội ô.

Tòa Thánh là công trình kiến trúc độc đáo, chứa đựng văn minh Đông Tây kim cổ, tượng trưng cho nền văn minh Cao Đài trong một kỷ nguyên mới, một kỷ nguyên đòi hỏi bàn tay của họa sĩ tài hoa, vẽ lên nét có bí nhiệm, tô điểm sự hiệp nhứt đức tin trong lòng hoàn vũ. Đức Phạm Hộ Pháp dày công, chịu khổ cùng thời gian, hoàn thành Tòa Thánh nguy nga xứng đáng là tòa Bạch Ngọc Kinh tại thế.

22. Cát Báo Ân Từ.

Đạo Cao Đài tượng đủ lý Âm-Dương trong chơn pháp và cả hình thể mặt hữu vi. Tòa Thánh là nơi thờ Đức Chí Tôn, tức là chủ ngôi Dương. Báo Ân Từ thờ Đức Phật Mẫu, tức là chủ ngôi Âm.

Cách Tòa Thánh 1 km, nơi xóm Tà Mun [người Campuchia định cư], trên đường Bình Dương, Đức Phạm Hộ Pháp đã dành sẵn 04 mẫu đất để sau này cất Điện Thờ Phật Mẫu trung ương thiết thọ. Đức Ngài còn cho biết, họa đồ ngôi thờ này sau này các Đấng Thiêng Liêng sẽ cho biết khi đến ngày giờ Bê Trên định.

Năm 1952, Đức Ngài cho xây dựng Báo Ân Từ, một ngôi thờ đồ sộ để thờ tạm Đức Phật Mẫu, Cửu Vị Tiên Nương. Về ngữ nghĩa Báo Ân Từ dùng để thờ các bậc có công lớn lao đối với nền Chơn Giáo hay các vĩ nhân có đóng góp vào sự phát triển của nhân loại về mặt trí thức tinh thần.

Do thời cuộc và tình hình Đạo, chưa thể cất Điện Thờ Phật Mẫu Trung Ương, nên Đức Ngài mượn tạm Báo Ân Từ để thờ Đức Phật Mẫu. Khi Điện Thờ Phật Mẫu hoàn thành, Báo Ân Từ sẽ trả về đúng sở dụng.

Sau trên dưới 03 năm, Báo Ân Từ được thiết lễ khánh thành cùng với Tòa Thánh Tây và các dinh thự trong nội ô.

23. Đức Phạm Hộ Pháp lập các phẩm Chức Sắc Hiệp Thiên Đài tiểu cấp.

▪ Chức Sắc Hiệp Thiên Đài tiểu cấp.

Chức Sắc tiểu cấp Hiệp Thiên Đài là Chức Sắc trực thuộc cơ quan Hiệp Thiên Đài, dưới Đức Phạm Hộ Pháp, Cao Thượng Phẩm, Cao Thượng Sanh, Thập Nhị Thời Quân. Khi đạo khai mở và trải qua nhiều gian truân, có nhiều người hy sinh phụng sự tâm thân trong cơ nghiệp Đạo, nên Hội Thánh dâng lên Đức Lý phê chuẩn, chăm phong. Đức Lý bảo đề Hiệp Thiên Đài định đoạt.

Do sự cầu hỏi của Đức Phạm Hộ Pháp, Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn giảng cơ ngày 16 tháng 02 năm Ất Hợi [1935], một năm sau ngày Đức Quyền Giáo Tông quy Thiên, nên lập ra 07 phẩm Chức Sắc hầu mở trường thi công quả cho toàn đạo, có tài và đức xứng đáng hầu trợ việc cho quyền Tư Pháp của chư Thập Nhị Thời Quân.

Đến ngày 23 tháng 05 năm Bính Tý [1936], Đức Hộ Pháp vì muốn thêm phẩm Luật Sư nữa nên ký sắc lệnh số 34/SL. Phẩm này tổ chức khoa mục để tuyển chọn. Như vậy, Chức Sắc Tiểu Cấp Hiệp Thiên Đài gồm 08 phẩm, kể từ dưới lên như sau: Luật Sư, Sĩ Tài, Truyền Trạng, Giám Đạo, Cải Trạng, Chương Ấn, Tiếp Dẫn Đạo Nhơn.

Dưới quyền điều khiển và hướng dẫn của Đức Phạm Hộ Pháp, quyền của chư Thập Nhị Thời Quân, Chức Sắc các phẩm cấp nói trên đã thi hành những thiết phận một cách xứng đáng, hữu dụng, đóng góp vào cơ chế Pháp Chánh Hiệp Thiên Đài, gánh vác bớt trọng trách của Thập Nhị Thời Quân.

▪ **Chức Sắc Hiệp Thiên Đài tiểu cấp thi hành phận sự trong Bộ Pháp Chánh.**

Ngày 16 tháng 01 năm Mậu Dần [1938], Đức Phạm Hộ Pháp làm chủ tọa, ký và ban hành Đạo Luật [thường gọi là Đạo Luật Mậu Dần], trong đó có lập Tòa Đạo. Đây là cơ quan xử đoán các việc vi phạm của toàn thể chư Chức Sắc và Tín Đồ của Đạo, là cơ quan bảo thủ luật pháp chơn truyền theo khuôn viên đạo pháp, giữ gìn công lý, lại bênh vực người bị uất ức, xử những người vi phạm luật pháp, đảm bảo trật tự điều hòa trong nền Đạo.

Đến năm 1947, khi Ngài Khai Pháp làm Chương Quản Tòa Đạo, Ngài tổ chức và ban hành Nội Luật Bộ Pháp Chánh. Như vậy, kể từ ngày 15 tháng 10 năm Đinh Hợi, danh từ Bộ Pháp Chánh chính ra đời.

Bộ Pháp Chánh Trung Ương dưới quyền chương quản của một vị Thời Quân chi Pháp, chịu trách nhiệm toàn bộ hoạt động Tư Pháp của nền Đạo, bảo thủ chơn truyền, gìn giữ luật pháp, dìu dắt và lập vị cho con cái Đức Chí Tôn trong khuôn đã định, giữ nét công bình, thể thiên hành hóa, bênh vực kẻ cô thế yếu hèn bị áp chế, sửa răn những người phạm luật Đạo hầu tránh khỏi Thiên Điều trừng trị. Vì nếu để thế trị thì mới mong giảm tội nơi cửa thiêng liêng, nhược bằng không để Thiên Điều trị thì khó mong cầu rồi.

Thế nên, Bộ Pháp Chánh là cơ quan do Hiệp Thiên Đài vốn lập ra để thực thi quyền Tư Pháp, làm thể nào ngay chánh gìn giữ Luật Pháp nghiêm minh. Về Pháp Chánh địa phương, Bộ Pháp Chánh cử một vị Luật Sư coi Tộc Đạo, Sĩ Tài coi Châu Đạo, Truyền Trạng coi Trấn Đạo.

“Ngoài phận sự bảo vệ luật pháp như Chức sắc Hiệp Thiên Đài, hay rõ hơn, chư vị cầm quyền Pháp Chánh còn có phận sự chăm nom cả hành vi toàn thể Đạo trong phạm vi hành sự của mình, thì chứng các cuộc nhóm họp của cơ quan Hành Chánh và Phước Thiện.

Trong trường hợp điều tra, khi một Chức sắc phạm tội, Bộ Pháp Chánh có quyền tạm bãi miễn, tức là tạm thu quyền và chức của vị ấy, để đưa bị cáo nhân ra Tòa Pháp Chánh điều tra hay thẩm phán, sau khi ấy, nếu trắng án, vô tội sẽ được phục quyền chức như cũ” [Chánh Trị Đạo, Khai Pháp Trần Duy Nghĩa].

Việc hình thành Chức Sắc tiểu cấp trên đã đóng góp tích cực trong hoạt động Pháp Chánh của cơ quan Hiệp Thiên Đài, phát huy vai trò, quyền năng, gìn giữ không ai bị hiếp đáp, minh tra công nghiệp, xử đoán các vấn đề vi phạm luật Đạo.

Tóm lại, Bộ Pháp Chánh thực hiện nhiệm vụ như sau:

- Bảo thủ chơn truyền của nền Đạo.
- Lập các Tòa Đạo để xử trị toàn thể Chức Sắc tới tít đồ thấp nhất.
- Minh tra công nghiệp của chư Chức Sắc Cửu Trùng Đài, Phước Thiện.
- Lập phòng kiểm duyệt kinh sách.

Từ việc lập 08 phẩm Chức Sắc tiểu cấp này, Đức Phạm Hộ Pháp đã tạo ra trường thi công quả cho chúng sanh thi thố trong cửa Đạo, lại vừa phát huy sở trường, năng lực, uyên chuyên trong sứ mạng điều hành nền Đạo phù hợp với từng giai đoạn.

24. Đức Phạm Hộ Pháp phụ trách Hàn Lâm Viện.

Hàn Lâm Viện là tên một cơ quan gồm 12 phẩm vị, gọi là Thập Nhị Bảo Quân, được kể ra như sau: Bảo Huyền Linh Quân, Bảo Thiên Quân, Bảo Địa Lý Quân, Bảo Học Quân, Bảo Cô Quân, Bảo Sanh Quân, Bảo Phong Hóa Quân, Bảo Văn Pháp Quân, Bảo Y Quân, Bảo Nông Quân, Bảo Công Quân, Bảo Thiên Quân.

Mỗi danh từ của Viện Sĩ đã nói lên vai trò, phạm vi nắm giữ chuyên môn trong 12 lịch vực. Hàn Lâm Viện Cao Đài là một cơ quan độc lập nằm ngoài Hiệp Thiên Đài và Cửu Trùng Đài, được Đức Chí Tôn Lập, dưới quyền chương quản của Đức Phạm Hộ Pháp và Đức Giáo Tông.

Đạo Cao Đài là một nền Đại Đạo gánh vác nhiều trách nhiệm lớn lao. Nên các triết lý, văn hóa Đạo rất quan trọng. Nhận thấy tầm quan trọng ấy, Hàn Lâm Viện ra đời để thực hiện chức năng bảo tồn và phát huy văn hóa Cao Đài mà Đức Chí Tôn tạo ra cho Nhơn loại.

Dù giai đoạn còn đủ các cơ quan hiện hành thời Đức Ngài sinh tiền, nhưng các phẩm chưa hoàn toàn đầy đủ. Thiết nghĩ, các cơ quan hiện tượng của Đạo Cao Đài là một mô hình đã được bàn tay Thiêng Liêng và Đức Phạm Hộ Pháp kiến tạo, nên nó chưa bao giờ vô ích. Dù có giải thể trong một hoàn cảnh nào, giai đoạn nào, vì lý do nào, thể tướng đó sẽ là khuôn vàng thước ngọc, sẽ định tướng tổ chức Giáo Hội Cao Đài trong tương lai nào đó khi bối cảnh xã hội được phép và quyền Thiêng Liêng xoay chuyển.

25. Đức Phạm Hộ Pháp nhấn mạnh ý nghĩa quan trọng của Nhạc Tấu Huân Thiên.

Có câu “*Lễ già biểu tượng Thiên Lý chi tiết văn, thật hiện nhơn sự như chi tắc. Nhạc già ứng hiệp ngũ hành chi sanh hóa, tuyền thông bác phong chi hòa khí*”.

Lễ biểu trưng hình tượng thời tiết Xuân, Hạ, Thu, Đông của trời đất trong sự vận chuyển đều đặn trật tự trước sau của tinh cầu, địa tú trong càn khôn. Nhạc thể hiện sự sanh hóa từ ngũ hành và sự điều hòa của vũ trụ.

Lễ Nhạc vẫn thường đi song đôi với nhau nguyên do rằng, tinh thần tôn ti trật tự, ngôi thứ xuất phát từ Lễ tạo ra tính chữ “Hòa” mà “hòa” là hồn của Nhạc. Nơi nào có hòa, nơi đó có Lễ. Nơi nào có Lễ tức nơi đó có hòa. Hòa là hồn sống của Nhạc. Nên Nhạc là hình thái sống của Lễ.

Đức Phạm Hộ Pháp giảng:

“*Nên chi từ đây khi Nhạc Tấu Huân Thiên, chúng ta xem quý hơn dâng Tam Bửu, dầu phải lỡ đi nửa chừng trong Đền Thờ, nghe đến đó phải dừng lại, cấm không được đi lộn xộn, thì lễ ấy giảm điều kính trọng dâng cho Chí Tôn mà không nên*” [Thuyết Đạo Q.3].

Đức Ngài nói rằng nền Đạo Cao Đài vốn là nền tôn giáo quy Pháp cả cái sống của Bát Hồn, toàn đạo nên trọn tâm xét hiểu giá trị nhiệm màu mà lần lần đạt Chơn Pháp của Đức Chí Tôn.

26. Đức Phạm Hộ Pháp quy định về Lễ Sĩ và Giáo Nhi.

▪ Tầm quan trọng của Nhạc Lễ.

Giáo Nhi, Lễ Sĩ, Nhạc sĩ hay các phẩm trong Bộ Nhạc, thuộc ba bộ phận độc lập nhưng không thể tách rời trong đàn lễ của nghi thức nền đạo Cao Đài.

Theo nền tảng thuyết Nho Giáo của Đức Khổng Tử lập ra, “nhạc-lễ” được xem là căn cội, vốn đi đôi, một chủ thuyết an bang trị thế mà người theo phải hết lòng “*khắc kỷ phục lễ*” và thâm nhuần, tuân thủ ý nghĩa “*nhạc giả thiên địa chi*

hòa giả” tức là “nhạc là sự điều hòa của trời đất”. Lễ và nhạc làm sự tương thích trật tự và điều hòa nhân sinh hướng lộ, trở về tự tánh thiên nhiên.

Nho Giáo đã vạch ra giá trị căn nguyên, nghĩa lý của Nhạc-Lễ. Lễ là trật tự của Càn Khôn, Lễ là sự điều hòa của vạn vật. Cả hai phải trường tồn song hành để đảm bảo sự thuận hòa, dịch chuyển, tương quan qua lại. Cho nên Đạo Cao Đài đưa nhạc lễ làm nền móng yếu trọng để biểu thị nội hàm nghi thức và nghĩa lý đạo học làm thể thức phổ bày sự điều hòa và trật tự.

Đạo Cao Đài, lấy nhạc lễ định hồn căn bản của Đạo vì Đức Hộ Pháp đã bình giảng rằng Đạo Cao Đài là nền Nho Tông chuyển thế. Nhạc lễ được thực hiện trong nếp sống tôn giáo một cách nghiêm nhặt về thể thức với nội hàm vốn thâm sâu để phục chế lại tinh thần nhạc lễ cổ xưa.

Theo tinh thần đó, lễ nhạc trong cửa Đại Đạo đã mặc nhiên mang giá trị đặc biệt trong nền quốc đạo, để định thẳng chuẩn mực thuần phong cho cả sự nghiệp nhơn phong trong tương lai của hoàn vũ, theo lệnh thánh truyền của Đức Chí Tôn *“Nam phong thử nhứt biến nhơn phong”*.

“...Lễ nhạc có phương thế làm môi giới làm khí cụ cho toàn vạn quốc đương buổi này, lấy tư cách lễ độ làm ngoại giao, tưởng chắc không nghịch nhau ...

Nên chi từ đây khi Nhạc Tấu Huân Thiên, chúng ta xem quý hơn dâng Tam Bửu, dầu phải lỡ đi nửa chừng trong Đền Thờ, nghe đến đó phải dừng lại, cảm không được đi lộn xộn, thì lễ ấy giảm điều kính trọng dâng cho Chí Tôn mà không nên” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q.3].

Hòa tiết của Nhạc Lễ mang ý nghĩa phục sinh Bát Hồn trong càn khôn dâng hiến lên Đức Đại Từ Phụ, Đức Đại Từ Mẫu. Đó là tinh thần Nhạc Lễ trọng hệ mà môn sinh Cao Đài đang thực hiện và nghiệm ra bí pháp của Đức Chí Tôn đặt để trong cửa Đạo Cao Đài.

Đức Hộ Pháp cho biết Đạo Cao Đài là nền đạo qui pháp toàn thể cái sống trong Bát Hồn để đánh lễ nhằm trả lại cái sống nguyên thủy do hai khối quyền năng chí linh biến tạo ra. Thực hiện Lễ Nhạc Cao Đài là dâng lễ cho Đức Đại Từ Bi, là phục sinh bát hồn trong chơn pháp.

▪ **Ban hành Sắc Lệnh quy định Giáo Nhi và Lễ Sĩ.**

Thuở ban đầu, phẩm vị Lễ Sanh và người hiến lễ bị nhập nhần, nên Đức Lý Giáo Tông giáng cơ đặt tên là Lễ Sĩ. Ngài dạy:

“Nhiều khi chư Hiền hữu lạm dụng danh từ Lễ Sanh mà cho kẻ hiến lễ, làm mất thể diện của vị Thiên phong. Vậy Lão đặt tên cho kẻ hiến lễ là Lễ Sĩ” [Đức Lý Giáo Tông].

Từ lời dạy của Đức Lý, Lễ Sĩ được định tên rõ ràng. Trong khi đó, xét sự cần thiết phải có Lễ Sĩ, Giáo Nhi khi Tân Kinh ra đời, nên ngày 09 tháng 11 năm Bính Tý [1936], Đức Phạm Hộ Pháp ban hành Sắc Lệnh 51/SL quy định về Lễ Sĩ, Giáo Nhi. Trong Sắc Lệnh này, có đoạn, có đoạn:

“Nghĩ vì Tân Kinh là Kinh Tân độ đã ra, nên cần nhứt phải có Lễ sĩ và Giáo nhi dạy mấy em Đồng nhi cho thành thuộc, phòng độ rồi phân hồn của toàn con cái Chí Tôn khắp cả các nơi mà phươn đạo đã đủ huyền linh che chở,

Nghĩ vì Hội Thánh mong mỗi mở rộng con đường Thánh đức cho đoàn hậu tấn bước vào Thánh Thể của Chí Tôn đăng lập vị,

Nghĩ vì trẻ em Đồng nhi từ 11 năm mở Đạo đến nay đã trưởng thành nên buộc Hội Thánh định phân phong thưởng công nghiệp...].

Vì vậy, vừa với mục đích mở rộng con đường phụng hiến, vừa độ rồi phân hồn của người đạo, nên Đức Ngài ban Sắc Lệnh quy định và phong thưởng bằng khách mở thi khoa mục Giáo Nhi và Lễ Sĩ hàng năm vào rằm tháng 10.

Lễ Sĩ buộc rành về mặt luật của Đạo và Quan, Hôn, Tang, Tế và một sở trường một nhạc cụ trong tam, tiêu, tranh, đàn, kìm, cò, độc. Giáo Nhi buộc phải thuộc Tân Kinh. Đồng nhi Nam-Nữ có đủ giấy chứng của Hội Thánh rồi trên 20 tuổi mới được thi Giáo Nhi và Lễ Sĩ.

Đức Ngài ban lệnh:

“- Thứ nhứt thì những hạng Lễ Sĩ và Giáo Nhi trọn hiến thân cho Hội Thánh, nhứt là Giáo Nhi đã tuyên thệ thủ trình hành đạo thì sẽ đăng thuyên bổ hành đạo trong các Thánh Thất bất cứ nơi nào. Hễ đủ 5 năm công nghiệp thì thăng Lễ Sanh, khỏi phải cầu phong lại nữa. Hạng Lễ Sĩ và Giáo Nhi này trên quyền Chánh Trị Sự và dưới quyền Lễ Sanh, nhưng về mặt Lễ Nhạc, Quan Hôn Tang Tế mà thôi, chớ không đăng dự vào chánh trị hay là luật pháp Tòa Đạo.

Thứ nhì là hạng Lễ Sĩ và Giáo Nhi ở lại gia đình, nhứt là Giáo Nhi có chồng con theo thế thì không đăng vào nơi Thánh Thất nào mà hành đạo hết, duy hành đạo nơi xóm làng của mình mà thôi, lại buộc mỗi năm phải dạy ít nữa là trên 36 đứa Đồng Nhi; Lễ Sĩ thì dạy Nam, Giáo Nhi thì dạy Nữ, chớ không đăng dạy lộn xộn Nam Nữ chung nhau. Cấm nhứt Lễ Sĩ không đăng dạy Đồng Nhi Nữ. Nếu mỗi năm có một phái Chức sắc, Chức Việc sở tại nói rằng dạy thiếu và không đi hành đạo thì bị ngưng chức liền. Hội Thánh không cần mình tra lại nữa.

Hạng này từng quyền Chánh Trị Sự và ngang quyền Phó Trị Sự và Thông Sự nhưng về mặt Lễ Nhạc, Quan Hôn Tang Tế mà thôi, chớ không đăng dự vào chánh trị hay là luật pháp Tòa Đạo. Đủ 8 năm công nghiệp đổ lên mới đăng cầu phong

vào hàng Lễ Sanh, nhưng do nơi thờ yêu cầu của Chức sắc và Chức Việc sở tại mới dựng.

Lễ Sĩ mặc như Lễ Sanh Nam phái, nhưng trên mũ ngay trán có Tam Sắc Đạo và Cổ pháp của Giáo Tông là Thư Hùng Kiếm, Long Tu Phiến và cây Phát Chủ thêu trên.

Giáo Nhi mặc Đại phục như Lễ Sanh Nữ phái nhưng không đính giắt Bông sen trên đầu tóc, còn Tiểu phục cũng vậy nhưng trước ngực có choàng một tấm choàng đen.

Kiểu y phục này phải do nơi tiệm Linh Đức.

Kỳ dư mấy vị Lễ Sĩ và Giáo Nhi đương thời hành đạo trong Hội Thánh và có tờ Hội Thánh công nhận chánh thể rồi; Hội Thánh nhứt định cấm ngặt không ai được xưng danh hiệu Lễ Sĩ hay Giáo Nhi mà không có khoa mục và cấp bằng của Tòa Thánh ban cho đủ lẽ.

Khai Pháp, Tiếp Thế, Tiếp Đạo Hiệp Thiên Đài, Quyền Thái, Thượng, Ngọc Chánh Phối Sư, Nữ Chánh Phối Sư và Chủ Trưởng Hội Thánh Ngoại Giáo, mỗi vị tùy phận sự thi hành Sắc Lệnh này.

HỘ PHÁP

Chương Quản Nhị Hữu Hình Đài HIỆP THIÊN và CỬU TRÙNG

(Ấn ký)”

Như vậy, kể từ sau 02 năm lên nắm quyền Cửu Trùng Đài, Đức Ngài ban Sắc Lệnh số 51/SL đã định sở hành của Giáo Nhi và Lễ Sĩ để các đàn lễ càng ngày nghiêm trang. Cũng chính từ mở khoa mục thi cử như vậy, những ai muốn hiến thân phụng sự nền Đạo, đã cố gắng trau mình, học hỏi kinh kệ, trau dồi tánh đức, hạnh kiểm, kỹ năng chuyên môn để phát huy hơn nữa, đóng góp hoàn chỉnh hơn nữa nền đạo Cao Đài.

27. Ban hành Thánh Lệnh chấn chỉnh Bộ Nhạc.

▪ **Ban hành Thánh Lệnh.**

Song hành với việc ban Sắc Lệnh quy định về Giáo Nhi và Lễ Sĩ, Đức Phạm Hộ Pháp cũng đồng thời ban Thánh Lệnh số 25/TL về Bộ Nhạc hầu chấn chỉnh đi vào nề nếp và trật tự, cũng là tạo trường thi công quả cho những người hữu công, phong thưởng xứng đáng.

“THÁNH LỆNH

Chiếu y Tân Luật và Pháp Chánh Truyền;

Chiếu y Đạo Luật ngày 16 tháng Giêng năm Mậu Dần (DL. 15/2/1938) giao quyền Thống Nhứt Chánh Trị Đạo cho Hộ Pháp nắm giữ đến ngày có Đầu Sư chánh vị;

Chiếu y Sắc Lệnh số 51 ngày mồng 9 tháng 11 Bính Tý (22-12-1936) định phần phong thưởng cho Lễ Sĩ và Giáo Nhi đầy đủ 5 năm công nghiệp;

Nghĩ vì Ban Lễ đã định phân thì Bộ Nhạc cũng được hưởng đặc ân của Hội Thánh đặng tiến bước lập vị” [Trích phần đầu của Thánh Lệnh số 25/SL].

Đức Ngài lập ra 09 phẩm trong Bộ Nhạc Trung Ương gồm: Nhạc Sĩ, Bép Nhạc, Cai Nhạc, Đội Nhạc, Quản Nhạc, Lãnh Nhạc, Đề Nhạc, Đốc Nhạc, Nhạc Sư. Đức Ngài quy định cụ thể rằng Bộ Nhạc là cơ quan chuyên về chú về tài năng và nghệ thuật, mỗi phẩm đều phải tổ chức thi khoa mục, hễ thi đậu thì được thăng phẩm nhưng không được thăng vượt cấp. Trường hợp thi rớt, phải trau dồi thêm và giữ phẩm cũ, chờ 05 năm sau mới được phép cầu ân phong.

Riêng tới phẩm Nhạc Sư được phép đủ 05 năm công nghiệp thì được phép cầu thăng lên phẩm Phối Sư hoặc Tiếp Lễ Nhạc Quân trong trường hợp hai phẩm này bị khuyết.

▪ **Nhận định chung.**

Do tính chất và tầm quan trọng của Nhạc-Lễ-Đồng Nhi góp phần quan trọng các nghi tiết Đạo, Đức Phạm Hộ Pháp vì muốn mở trường thánh đức công quả cho nhơn sanh, lại cũng vì cơ cấu chức năng, nhiệm vụ, quy định rõ nét ân phong, thăng phẩm, nên Đức Ngài đã ký Sắc Lệnh và Thánh Lệnh trên để kiện toàn ba cơ quan này.

Từ đây, nền Đạo sẽ căn cứ vào Sắc Lệnh và Thánh Lệnh này để tổ chức và thi hành phận sự trong ba cơ quan này.

28. Đức Phạm Hộ Pháp lập Ban Thế Đạo.

▪ **Ý nghĩa và giá trị của Ban Thế Đạo.**

Ban Thế Đạo là một cơ quan nằm trong Hiệp Thiên Đài, dưới quyền điều hành trực tiếp của Chi Thế do của Đức Thượng Sanh chủ quản, gồm 05 phẩm: Hiền Tài, Quốc Sĩ, Đại Phu, Phu Tử.

Ngài Bảo Thế Lê Thiện Phước khi cầm quyền Quyền Chủ Quản Hiệp Thiên Đài có nhấn mạnh, đây là một phương sách mở rộng cửa từ bi rước các nhân tài có ý chí, thiện tâm giúp Hội Thánh tô điểm đại nghiệp Đạo và cũng là phương tiện diu độ Nguyên Nhân lập trường công quả tại thế, gánh vác sự nghiệp Đạo

cùng Hội Thánh để khảo cứu kinh điển hoặc các phương diện khác nhằm hoằng hóa chánh pháp Đại Đạo.

Cơ quan này lập ra do Đức Lý Giáo Tông và Đức Phạm Hộ Pháp lập ra, nhằm tạo điều kiện phụng sự Đạo cho những bậc nhơn tài còn trong Đời mà chưa thể trọn hiến thân cho Đạo. Cách thức này để chiêu hiền, mộ sĩ đưa các vị này vào nơi cửa từ bi, lần hồi thấm nhiễm mùi đạo, sau này có cơ hội trở nên Chúc Phong Thiên Phong ưu tú thuộc hàng Thánh, đầu thuộc Hiệp Thiên Đài hay Cửu Trùng Đài hoặc Phước Thiện.

▪ **Tiến trình xây dựng và phê chuẩn của Đức Phạm Hộ Pháp.**

Căn cứ vào Tân Luật-Pháp Chánh Truyền, Hiến Pháp và Nội Luật Hiệp Thiên Đài, chiếu theo Thánh Giáo của Đức Lý Giáo Tông giáng ngày mùng 03 tháng 12 năm Quý Tỵ [1953], nên Quy Điều và Nội Luật Ban Thế Đạo được soạn thảo. Sau đó, Quy Điều và Nội Luật Ban Thế Đạo được dâng lên Đức Hộ Pháp và được Đức Ngài phê chuẩn thông qua Thánh Giáo ngày mùng 09 tháng 02 năm Ất Tỵ [1965].

Như vậy sau khi Đức Lý Giáo Tông ban Thánh Giáo trải qua khoảng 12 năm thì, Ban Thế Đạo ra đời. Đức Thượng Sanh ký Thánh Lệnh chính thức tuyển chọn nhân sĩ vào cơ quan này.

“Cái tài thì do sự học mà có, cái đức là do lập chí tu thân theo Đạo Thánh Hiền mà được. Nếu có tài mà không có đức thì cũng như đoá hoa có sắc mà không có hương; cái tài đó cũng không phải là tài hữu dụng” [Trích Huấn Từ Đức Thượng Sanh ngày mùng 08 tháng 02 năm Canh Tuất -1970].

Về cơ cấu Ban Thế Đạo trung ương, Đức Thượng Sanh Chương Quản tối cao, dưới có một vị Thời Quân chi Thế quản lý trực tiếp. Dưới chương quản Ban Thế Đạo, có Ban Quản Nhiệm trung ương do vị Tổng Quản Nhiệm đứng đầu và hai phụ tá, gọi là Phó Tổng Quản Nhiệm.

Nhân sĩ dù văn sĩ hay võ sĩ đều do học hỏi mà thành tài, tài phải có đức, muốn có đức phải có chí tu thân theo triết lý đạo. Vừa có tài, vừa có đức mới đáng bậc Hiền Sĩ. Đạo Cao Đài muốn quy độ sanh chúng, phải mở rộng đường cho toàn thể con cái Đức Chí Tôn có phương lập vị mình trong cửa Đạo. Nên Ban Thế Đạo đã ra đời, vừa thể theo tính chất phổ độ, vừa cầu nhân tài để phổ thông nền chơn đạo của Đức Chí Tôn.

Ban Thế Đạo ra đời, đã mở được 05 khóa và tấn phong được 707 vị phẩm Hiền Tài. Do thời cuộc, khóa 06 không được tổ chức. Trong số các vị được ân phong phẩm Hiền Tài, có nhiều vị dựa vào sở học của mình, tín nguyện và đức tin nơi Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu đã âm thầm đóng góp không nhỏ vào cơ phổ

thông nền chơn Đạo. Hy vọng mai sau, Ban Thế Đạo sẽ càng phát huy sở năng mà Đức Lý Giáo Tông và Đức Phạm Hộ Pháp đã phê chuẩn.

▪ **Nhân định.**

Phương pháp của Đức Lý Giáo Tông cùng Đức Phạm Hộ Pháp là lập trường thi thố cho con cái hai Đấng Chí Linh, cũng lại là phương lược mở rộng nền Đại Đạo nhờ những bậc hiền sĩ có tâm, có thánh chất phô diễn, cống hiến để tô điểm đại nghiệp Đại Đạo Tam Kỳ.

Nhờ triết lý Đạo Cao Đài mới thu phục nhân sĩ trở thành người vừa có tài vừa có đức nhờ vào tinh thần tâm linh đưa dắt mới trở thành người Quân Tử theo Nho Giáo, tức là người rất hữu dụng cho nền Đạo vậy.

Hễ là người Quân Tử, có đức tin nơi chơn giáo thì một lòng trọn tuân theo Luật Pháp Đạo, rồi lấy tư tưởng cao siêu, thuần chất mùi đạo mà phụng hiến cái thanh cao ấy cho Đạo. Tưởng đó là phương cách hay mà Đức Lý và Đức Hộ Pháp đã tận dụng.

Như Đức Thượng Sanh nói, người hiền sĩ thì lúc nào cũng ngay thẳng, làm điều lành, chẳng vì tư lợi riêng mà hại đạo, dù sang giàu cũng chẳng đổi lòng, nghèo đi chẳng nữa cũng không bỏ cái chí thanh cao, uy quyền càng không đè nén cái đức, một lòng đối diện với thiên hạ, ngẩng đầu không thẹn với Trời, cúi đầu chẳng hổ với người, giữ nghĩa khí trượng phu, dù hiễn đạt vẫn không lìa Đạo Lý, khi gặp vận thì dụng cách chí nghĩa ra giúp, nếu không thời thì ẩn thân, vui thú tao nhã điềm nhiên, làm bạn cùng trăng gió, ngâm phong vịnh nguyệt, chẳng hề vì chuyện gì đen tối có lợi mà bị cám dỗ.

Người hiền sĩ như thế, có chẳng là do thánh chất mà có, do đạo Thánh Hiền đào tạo chẳng! Nên Ban Thế Đạo vốn lập luật, tấn phong để thu nhân tài, hầu phát triển sự nghiệp Đạo càng rộng mở thêm theo chức năng “phổ độ” của nền Chánh Giáo.

29. Đức Phạm Hộ Pháp lập Hội Thánh Em.

▪ **Định nghĩa Hội Thánh Em.**

Hội Thánh Em là cơ quan đại diện cho Hội Thánh trung ương, có quyền như Hội Thánh trung ương nhưng chỉ thuộc phạm vi hành chánh cơ sở của Hương Đạo mà thôi. Đó còn gọi là Bàn Trị Sự, bao gồm ba phẩm: Chánh Trị Sự [còn gọi là Đầu Sư Em], Phó Trị Sự [còn gọi là Giáo Tông Em], Thông Sự [còn gọi là Hộ Pháp Em] và phải tùng Lễ Sanh sở tại.

Khi được công cử, bổ nhiệm chính thức, buộc các phẩm phải lập thệ tại Thánh Thất:

“Giữ dạ vô tư mà hành Đạo, dầu cha mẹ, anh em, vợ con, cũng chẳng đặt phép tư vị, gìn dạ chơn thành, thể thiên hành Đạo”.

Ban đầu, Đức Lý Giáo Tông lập hai phẩm trong Bàn Trị Sự và nói cùng Đức Hộ Pháp rằng nơi làng có Đầu Sư Em, Giáo Tông Em thì buộc phải có Hộ Pháp Em mới đúng lễ để kiện toàn tổ chức địa phương.

“Đã mang danh là Hội Thánh Em, quý vị nên thận trọng giữ gìn tư cách đứng đắn, làm cho người đời kính nể, người Đạo tin cậy, đối đãi với toàn thể Tín hữu nơi địa phận mình như tình huynh đệ trong gia đình, đem tình thương chan rưới khắp cả Bốn đạo, giúp đỡ, nương nhờ lẫn nhau...” [Trích Huấn Từ của Đức Thượng Sanh, ngày mừng 04 tháng 06 năm Canh Tuất-1970].

▪ **Nguyên nhân có Hội Thánh Em.**

Đức Lý Giáo Tông và Đức Hộ Pháp đã biết trước cần có Hội Thánh cơ sở để Đạo có thể gìn giữ chơn truyền, sanh sôi nảy nở, thế nên cả hai Đức Ngài lập Bàn Trị Sự-Hội Thánh Em, vừa phân quyền, vừa có thể giúp cho nền Đạo được thêm cành nhánh, phát triển khắp nơi.

Đức Phạm Hộ Pháp ký Thánh Lệnh số 257-HP-HN với nội dung như sau:

“Các bạn đã ngó thấy, trên thì có Giáo Tông, Hộ Pháp và Đầu Sư, còn dưới thì Chánh Trị Sự, Phó trị sự và Thông sự là Giáo Tông, Hộ Pháp, Đầu Sư em, thì dầu cho Đạo bị cốt từ trên tới gốc đi nữa, thì nó vẫn nhảy chỗi, biến thành năm bảy cây khác. Đó đã chỉ rõ rằng Hội Thánh của Cao Đài chẳng hề đứt tuyệt... nói cho cùng nước, chức sắc Thiên Phong mà bị bắt hết đi nữa thì dưới này các bàn Trị sự và tín đồ cũng công cử người thay thế cho họ”.

▪ **Luật cầu phong.**

Về đạo phục, chức năng, nhiệm vụ đã được ghi rõ trong Pháp Chánh Truyền Cử Trùng Đài. Cũng nên nói rõ về luật cầu phong của Chánh Trị Sự.

Chiếu theo Thánh giáo của Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn, Chánh Trị Sự có 5 năm công nghiệp đầy đủ với chức trách của mình, có Tờ Kiết Chứng Công Nghiệp, Tờ Tánh Hạnh, trường trai, đạo đức, đủ tư cách và phải độ đặn 300 người nhập môn [chẳng kể số Đạo Hữu của Cựu Chánh Trị Sự đã độ đặn] thì mới đem vào sổ cầu phong thăng thưởng lên phẩm Lễ Sanh.

Ngoài ra, việc cầu phong này phải đưa ra Quyền Vạn Linh định đoạt. Khi đắc phong rồi, phải học Đạo tại Hạnh Đường Tòa Thánh trung ương, và phải đi tập sự một thời gian, chừng nào đủ tài đức cầm quyền hành chánh thì mới đặt bỏ làm Đầu Tộc Đạo.

▪ **Nhận định.**

Đức Hộ Pháp và Đức Lý lập Hội Thánh Em để đáp ứng những biến chuyển của nền Đạo do thời cuộc xảy ra, tác động trực tiếp đến con thuyền đạo pháp. Vừa uyển chuyển xây dựng và phát huy sở năng của Hội Thánh Anh, vừa với mục đích bảo tồn nền đạo theo nhiều chiều hướng đa năng. Vậy nên, những cơ sở Luật Pháp đã định. Luật thì có Tân Luật, về Pháp thì có Pháp Chánh Truyền, đó là Hiến Pháp bất dịch để bảo tồn Chơn Giáo vĩnh tồn trong thất ức niên.

Những hiện tượng biến tướng hằng diễn ra trong lịch sử đạo Cao Đài vốn đã minh chứng các hoạt động tổ chức sinh hoạt đạo hoặc cá nhân không tòng Tân Luật và Pháp Chánh Truyền. Hội Thánh là tổ một chánh thể uy nghiêm thay mặt Đức Chí Tôn để giáo hóa nhơn sanh, để bảo tồn nền Đạo. Nếu một ai đi ngoài khuôn khổ của Tân Luật-Pháp Chánh Truyền hoặc nghịch mạng cùng Hội Thánh của Đức Chí Tôn, tức là đã vi phạm đến quyền Thiêng Liêng, luật pháp Thiên Triều.

30. Đức Phạm Hộ Pháp lập Phạm Môn và Hội Thánh Phước Thiên.

▪ Định nghĩa Phạm Môn.

“Phạm Môn” nghĩa là “Cửa Phật”. Phạm Môn là một cơ quan độc lập ngoài Hiệp Thiên Đài, Cửu Trùng Đài, được Đức Phạm Hộ Pháp lập ra dành cho những người tín đồ Cao Đài muốn đi con đường tu chơn, không nhận phẩm vị, mà chỉ chuyên chú tâm lập công bồi đức. Cửa tu hành này, Đức Ngài gọi là con đường thứ ba của Đại Đạo.

Mở nền Đạo ra, Đức Chí Tôn muốn con cái Ngài phải thức tỉnh, hiến thân vào cửa Phật, khuyên sanh chúng ráng lo tu hành, tòng khuôn viên kỷ luật để linh hồn được siêu thăng, nếu tu mà không có công lao thì không thể nào đăng trở về ngôi xưa phẩm cũ, bỏ sự tình thế gian mà gởi mình nơi cửa nâu sông, chịu khổ hạnh thì tự nhiên đắc Đạo. Cho nên, cốt lõi như thế, Đức Phạm Hộ Pháp lập cửa Phạm Môn theo thánh ý Đức Chí Tôn trong bài thi:

*“Tỉnh ngộ xá thân tại Phạm Môn,
Khuyến tu hậu nhứt độ sanh hồn.
Vô lao bất phục hồi Chơn mạng,
Tỉnh thế kỳ thân đắc Chánh tôn”*

Người đời kiếm hiểu và cho là cửa Phạm là dòng tộc của Phạm Công Tắc. Bởi có không có tín ngưỡng, nên suy diễn theo kiểu quy chụp nông cạn. Có ngờ đâu là cơ quan đưa chúng sanh qua bờ giác vì chính cơ quan này là cửa Phật, hội tụ những chơn căn Tiên phong, Phật cốt về đây hội hiệp cùng Đức Chí Tôn.

“Chí Tôn giao phó cho Hiệp Thiên Đài mà trong Chức Sắc Hiệp Thiên Đài chỉ có 15 Ngài Thập Nhị Thời Quân với Thượng Phẩm, Thượng Sanh và Bần Đạo;

trong 15 thì có 4 - 5 ngoe lãnh lĩnh mà thôi. Đức Chí Tôn kêu anh Cao Thượng Phẩm lãnh trách nhiệm lo cứu thế kể anh qui thiên để lại cái gánh nặng nề cho Bản Đạo, Bản Đạo đã thường nói hôm ngày chúc xuân và nơi Đại Đồng Xã, Hội Thánh Cửu Trùng Đài của Giáo Tông, Hội Thánh Phước Thiện của Hộ Pháp tức là Hiệp Thiên Đài đó vậy. Hội Thánh Phước Thiện là thay thế cho Hiệp Thiên Đài lo cứu khổ để giải khổ cho toàn cả nhơn loại, mà Hiệp Thiên Đài chỉ có lãnh lĩnh 4 - 5 vị làm sao lập thành cơ cứu khổ được cái Bí Pháp, chi Pháp Chí Tôn đưa ra biểu phải làm mà trong Pháp Chánh Truyền không có định, Bản Đạo chỉ lấy bài Thi văn của Đức Chí Tôn dạy mà lập thành dầu cho cả chơn hồn đã siêu lạc nơi nào sau này cũng phải nơi cửa Phạm về cùng Ngài” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q.6, bài 3].

Phạm Môn khai sinh năm 1929 tại xóm Trường Đua, xã Hiệp Ninh, quận Châu Thành, Tây Ninh, hoạt động một thời gian, chính trường thay đổi, tác động đến sự sinh tồn của cơ quan này. Đức Hộ Pháp mới chuyển thành Hội Thánh Phước Thiện có 12 phẩm Chức Sắc, gọi là Thập Nhị Đẳng Cấp Thiêng Liêng.

“... Vì bài Thi văn của Đức Chí Tôn dạy đó mà Bản Đạo mới lập ra Phạm Môn có Phạm Môn rồi mới có sản xuất Thập Nhị Đẳng Cấp Thiêng Liêng thì không thể nào lập thành Hội Thánh Phước Thiện được, bởi chữ Phạm Môn là Phật, Phạm Môn là cửa Phật chứ không phải Phạm là họ Phạm; buổi đó cũng có nhiều tiếng phân vân nói Bản Đạo lập Phạm Môn tức là lập theo họ Phạm của Bản Đạo, Bản Đạo cũng như tám bình phong đứng giữa hứng chịu” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q.6, bài 3].

Lập Phạm Môn, xây nên Phạm Nghiệp, Đức Phạm Hộ Pháp bị nhiều người hiểu nhầm là lập cơ nghiệp cho kiến họ Phạm, tức là họ của Đức Phạm Hộ Pháp. Ngài vẫn ung dung, bỏ ngoài tai tiếng thị phi mà ráng làm thiết phận đối với Đức Chí Tôn.

Phạm Môn là cơ quan đặc biệt của nền Đạo mà tiếng vang, lời truyền ngôn của Đức Phạm Hộ Pháp đã vẫn còn vang vẳng bên tai của chư tín đồ vì nhơn sanh tin rằng lời Đức Ngài chính là tiếng nói dạy dỗ của Đức Chí Tôn.

▪ **Quá trình hình thành Phạm Môn, quy định và các hoạt động.**

Từ thánh ý của Đức Chí Tôn trên, nhưng Pháp Chánh Truyền của Đạo không quy định nên Đức Ngài lập Phạm Môn năm 1929 tại xã Trường Đua một ngôi nhà cột cây, lợp tranh. Trong lúc kiến tạo, rất nhiều chư tín đồ đến làm công quả với mục đích được gần gũi Đức Ngài học đạo. Cơ sở Phạm Môn tập trung chính yếu vào các sở lương điền, công nghệ, thương mại.

Đến năm 1930, Đức Phạm Hộ Pháp nói nơi đây không phải là nơi công quả mà hãy về Tòa Thánh làm, còn ai muốn ở lại thì buộc phải có tờ hiến thân trọn đời,

có xác nhận của cha mẹ và vợ ký tên, tờ này còn phải được vị đầu Họ Đạo vì chứng mới được. Khi ngôi nhà hoàn tất, Đức Phạm Hộ Pháp dạy lập bảng đề hai chữ “Phạm Nghiệp”. Hai bên cột có đôi liễn:

*“Phạm-Nghiệp thừa nhàn lợi lộc công danh vô sở dụng
Môn-Quan tích Đạo tinh thần pháp bảo hữu cơ cầu”*

Diễn nghĩa: Phạm nghiệp lúc nhàn, lợi lộc công danh không có chỗ dùng, cơ quan chứa Đạo, tinh thần và pháp bảo có người sau tiếp nối [diễn nghĩa của Hiền Tài Thiên Văn Quách Văn Hòa].

Đến cuối năm 1930, Đức Phạm Hộ Pháp cho tín đồ xuống mở sở Phạm Môn tại xã Trường Hòa. Thời điểm này, Đức Ngài lập Thập Điều Giới Răn và buộc mọi người phải học thuộc và thi hành:

- 1- Phải tuân y luật pháp chơn truyền của Chí-Tôn.
- 2- Phải trọn hiếu với tông đường phụ mẫu, trọn nghĩa vợ chồng, vẹn phận làm cha.
- 3- Phải trọn giữ trai-giới.
- 4- Phải xa lánh các đảng phái.
- 5- Phải thật hành Phước-Thiện, nuôi người già, dưỡng trẻ nhỏ.
- 6- Không đảng thâu của chúng sanh.
- 7- Coi anh em đồng đạo như ruột thịt.
- 8- Không đảng bội sự phản bạn.
- 9- Phải ở như các Thánh Hiền, đừng phạm tội vong công bội đức.
- 10- Phải thương yêu loài người và loài vật, kính trọng mạng sanh, vừa theo tánh chất của Chí-Tôn là chúa sự sống.

Song hành đó, tại làng Phú Mỹ, huyện Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho [ngày nay là tỉnh Tiền Giang], Đức Lý giảng cơ dạy ông Đinh Công Trứ và Lê Văn Trung lập đàn cơ Minh Thiện Đàn rồi dạy tu chơn. Đến khi Đức Phạm Hộ Pháp xuống thánh thất Khổ Hiền Trang, Đức Lý Giáo Tông giao Minh Thiện Đàn cho Đức Phạm Hộ Pháp quản, sáp nhập vào cơ quan Phạm Môn.

Đến ngày mùng 03 tháng 01 năm Nhâm Thân [1932], Đức Ngài tổ chức lập Hồng Thệ Đào Viên Pháp. Nội dung thệ như sau:

“Tôi là: tuổi thê rằng: Từ nay tôi coi anh em Phạm-Môn như ruột thịt, sanh tử bất ly, thoảng có điều chi hoạn nạn thì tôi liều mình với anh em tôi; nếu ngày sau tôi thất nguyện quyền thiêng-liêng hành pháp tận đọa tam đồ bất năng thoát tục và thầy tôi không nhìn đến tôi nữa”.

Theo tư liệu của ông Nguyễn Đức Hòa, tại Khổ Hiền Trang, đã lập hồng thệ 23 vị. Hai đợt sau, lập hồng thệ có 72 vị.

Đến ngày 14 tháng 01 năm Đinh Hợi [1947], Đức Ngài ban hành Phương Luyện Kỷ Đặng Vào Con Đường Thứ Ba Đại Đạo. Đây là phương pháp trau luyện thân tâm để chuẩn bị dọn mình trước khi nhập vào trường Thánh Đức Tu Chơn.

- * Phải biết thân thích cùng cả nhơn vật tức là tìm nguyên do của Vạn Linh cùng Chí Linh.
- * Phải ân hậu và khoan hồng.
- * Phải thanh nhàn đừng vị kỷ.
- * Phải bình tĩnh nghĩa là đừng chịu ảnh hưởng của hoạ phước, buồn, vui (tập tánh không không đừng nhiễm, vui cũng vui, buồn cũng buồn, nhưng đừng để nọc buồn vui thấm vào chơn tánh).
- * Phải độ lượng, khoan dung, tha thứ.
- * Phải vui vẻ, điều hoà, tự chủ, và quyết đoán.
- * Giữ linh tâm làm căn bản.
- * Hiếu hạnh với Chí Tôn và Phật Mẫu.

PHƯƠNG PHÁP TRỊ TÂM VÌ TÂM LÀ HÌNH ẢNH CỦA THIÊN LƯƠNG

- * Đức tin và khôn ngoan là kho chí bửu, ngoài ra là của bỏ, là đồ vô giá.
- * Ai đã cố oán kẻ thù của mình, thì khó giữ thanh tâm công chánh choặng.
- * Ai chẳng oán hận mới thắng đặng kẻ thù nghịch cùng mình.
- * Sự cừu hận là mối thảm khổ đệ nhất của nhơn sanh, nên người hiền thì không biết đến y là từ bỏ cừu hận oán ghét.
- * Thắng đặng khí nộ mình, thì không chọc ai giận dữ.
- * Lấy thiện mà trừ ác.
- * Lấy nhơn-nghĩa trừ bạo tàn.
- * Lấy lòng quảng-đại đặng mở tâm-lý hẹp-hòi.
- * Lấy chánh trừ tà.

Ấy là đường thương huệ kiếm

LUYỆN THÂN, LUYỆN TRÍ

- * Âm thực tinh khiết.
- * Tư-tưởng tinh-khiết
- * Tín-ngưỡng mạnh-mẽ nơi Chí-Tôn và Phật-Mẫu.
- * Thương yêu vô tận.

Ấy là chìa khoá mở cửa Bát Quái Đài tại thế này.

Ngày nay khi thời cuộc biến đổi, nhiều cơ quan đã không còn hoạt động theo nền Chánh Trị Đạo nguyên thủy. Người tín đồ Cao Đài vẫn sùng ngưỡng và tuân theo phương pháp truyền dạy của Đức Phạm Hộ Pháp, như Phương Luyện Kỹ, 12 Bài Tập Khí Công Đạo Dẫn, con đường Tam Lập.

▪ **Đóng cửa Phạm Môn.**

Đến cuối năm 1933, chính quyền vào Hộ Pháp Đường trình giấy Quan Chánh Tham Biện và thực hiện lệnh khám xét rồi lấy rất nhiều giấy tờ quan trọng như Tờ Hiến Thân, văn thơ trong và ngoại đạo về tôn giáo lẫn quốc sự. Các giấy tờ được gom về cho tỉnh trưởng Tây Ninh rồi nạp cho Toàn Quyền Nam Việt. Lệnh đóng cửa các cơ sở Phạm Môn hai tháng sau đó với lý do lập hội mà không xin phép.

Phạm Môn còn bị đưa ra tòa xử án, Đức Phạm Hộ Pháp có mời Đức Quyền Giáo Tông đi cùng. Tòa án phạt Chủ Sở 18 quan tiền Pháp, Đạo Sở 16 quan tiền Pháp. Đức Phạm Hộ Pháp kêu chống án sang nước Pháp. Tòa án tối cao bên Pháp xử trắng án.

▪ **Nguyên nhân đẩy đưa từ Phạm Môn đến lập Hội Thánh Phước Thiện.**

Sau sự kiện Pháp tịch thu các giấy tờ quan trọng tại Hộ Pháp Đường trao cho Toàn Quyền Đông Dương để chuyển về Pháp Quốc, vụ không đạo Cao Đài làm chính trị, chiếc phi cơ đã bốc cháy hoàn toàn trên không trung.

Sự kiện tiếp theo là biến cố lớn nhất vào ngày 20 tháng giêng năm Giáp Tuất [1934], chi phái Cao Đài kéo về Tòa Thánh chiếm đóng Tòa Thánh Tây Ninh để làm lễ đăng điện lên Ngôi Giáo Tông. Đức Quyền Giáo Tông lấy làm e ngại, nên qua bàn với Đức Phạm Hộ Pháp. Đức Phạm Hộ Pháp nói với Đức Quyền Giáo Tông hãy yên tâm, mọi chuyện Đức Ngài định liệu.

Đức Phạm Hộ Pháp mới cho tập hợp toàn bộ anh em bên Phạm Môn đến Hộ Pháp Đường để Ngài dạy việc. Đức Ngài giao việc cho ông Giáo Sư Thượng Minh Thanh thống nhất điều động, bố trí anh em phân bố đều các công. 07 giờ sáng ngày 20 tháng giêng năm Giáp Tuất, chi phái Cao Đài có mặt rất đông và dự định tràn vào Tòa Thánh. Anh em Phạm Môn chặn cửa. Cuộc dần co kéo dài 2 tiếng thì chi phái đành rút về.

Sự việc trên làm Đức Quyền Giáo Tông mới nói trước bàn tiệc có Đức Phạm Hộ Pháp rằng Ngài không biết Đức Phạm Hộ Pháp mở Phạm Môn có ích chi. Nhân tiện, Ngài nói cùng Đức Phạm Hộ Pháp cho người của Phạm Môn bỏ đi các tỉnh để trấn an tinh thần đồng đạo. Đức Phạm Hộ Pháp đồng ý.

Sự hận thù qua cuộc diễn biến chiếm đóng Tòa Thánh bắt thành, họ lại mượn bàn tay chính quyền để đánh đổ Đức Quyền Giáo Tông và Đức Phạm Hộ Pháp. 10 người Phạm Môn bị bắt đi ép cung để bảo người Phạm Môn khai cuộc diễn biến Đạo vừa qua là do Đức Quyền Giáo Tông chủ mưu đánh đuổi người chi phái, không cho vào Tòa Thánh bái lễ. Nhưng anh em Phạm Môn giữ lời trung thực với sự kiện mà không khai như họ hướng dẫn, thà cam chịu chết. Cho nên bị đánh và tra tấn rất nặng. 03 tháng sau, được trả về toàn bộ nhưng có người không thể đi được.

Ngày 13 tháng 10 năm Giáp Tuất [1934], Đức Quyền Giáo Tông quy Thiên. Đạo khó khổ lại chồng thêm nỗi đau mất người lãnh đạo tinh thần của Cửu Trùng Đài. Dù vậy, đại tang của Đức Quyền Giáo Tông vẫn thiết lễ long trọng, toàn đạo thọ tang và tiễn Đức Ngài bái mạng Ngọc Hư Cung.

Sau thánh tang Đức Quyền Giáo Tông, Hội Thánh lập phiên Đại Hội, chọn người lãnh đạo trọng trách Cửu Trùng Đài. Cả hội đều đồng biểu quyết Đức Phạm Hộ Pháp lãnh đạo Cửu Trùng Đài.

Đến năm 1935, để giữ lời hứa cùng Đức Quyền Giáo Tông, Đức Ngài cho người Phạm Môn cầu phong để bỏ đi hành đạo địa phương. Đức Lý giảng cơ đêm rằm tháng 02 năm Ất Hợi [1935], phong ông Lễ Sanh Trịnh Phong Cương lên Giáo Hữu Thượng Cương Thanh, còn lại đều là Lễ Sanh phái Thượng.

Từ đây cơ quan Phạm Môn đã thực sự chuyển qua giai đoạn mới, trở thành giai đoạn tiền phôi thai Hội Thánh Phước Thiện. Trước khi các phẩm Lễ Sanh đi hành đạo địa phương, Đức Hộ Pháp có tặng bài thơ:

*“Buồn chưa đạtặng phép thân thông,
Dụng thể phân thân hiệp đại-đồng.
Ước tóm địa cầu làm một cửa,
Mong gom thiên hạ lại đồng tông.
Phạm Môn Sử Lược Hồi Ký Trang,
Đưa gương diệu lý dầu Âu chủng,
Cầm kiếng thiêng liêng chiếu Á đông.
Bước tục tăng quen nơi cửa Đạo,
Đường văn gặp bạn cũng vui lòng”*

Thêm nữa, Đức Phạm Hộ Pháp còn truyền các Bí Tích Đại Đạo là Phép Giải Oan, Phép Tắm Thánh, Phép Đoạn Căn, Phép Hôn Phối. Ngoài ra, Đức Ngài còn truyền thêm Phép Bạch Đăng. Phép này sử dụng trong trường hợp hành đạo địa phương mà bất trắc, không giải quyết được, 12 giờ khuya đổ lên, đốt đèn cây trắng, cầu nguyện Đức Ngài thì Đức Ngài sẽ đến giúp.

Mãi đến năm 1938, Hội Thánh tổ chức Đại Hội Nhơn Sanh, Hội Thánh Phước Thiện chính thức khai sinh do Đạo Nghị Định số 48 ngày 19 tháng 10 năm Mậu Dần do Đức Lý Giáo Tông vô vi và Đức Phạm Hộ Pháp ấn ký, với Thập Nhị Đẳng Cấp Thiêng Liêng như sau: Minh-Đức, Tân-Dân, Thính-Thiện, Hành-Thiện, Giáo-Thiện, Chí-Thiện, Đạo-Nhơn, Chơn-Nhơn, Hiền-Nhơn, Thánh-Nhơn, Tiên-Tử, Phật-Tử.

“Phước Thiện lại có nhiệm vụ tối cao, tối trọng của Đức Chí Tôn: Giải khổ vừa xác vừa hồn, Ngài mượn mấy em nuôi nấng con cái của Ngài, nuôi đói, nuôi khát, bảo trợ giúp đỡ cho kẻ nghèo nàn cô độc” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q.1]

Cơ Quan Phước Thiện là cơ quan bảo tồn sanh chúng, nuôi sống thi hài, tức là cơ quan giải khổ cho nhơn sanh, tầm phương bảo bọc kẻ tật nguyên, cô độc dốt nát và giúp tay cho cứu trùng đài tận độ nhơn sanh cho tròn trách nhiệm.

▪ **Nhận định chung.**

- Thành lập cửa tu chơn không áo mũ là con đường do Thánh Ý Đức Chí Tôn muốn lập. Trọn tuân Đức Chí Tôn, Đức Hộ Pháp đã uyển chuyển thời thế, lập hoàn toàn cơ quan Phạm Môn với nhiều cơ sở để tạo ra của cải, vật chất nuôi đạo, tế đói, chẩn bần cho nhơn sanh theo chủ thuyết Nhơn Nghĩa, Từ Bi.
- Đức Lý trọn giao quyền cho Đức Phạm Hộ Pháp quản Minh Thiện Đàn tại Khổ Hiền Trang và sáp nhập với cơ quan Phạm Môn Tòa Thánh. Đây là cơ quan rất hữu công trong công cuộc tạo tác Tòa Thánh Tây Ninh, cũng như gìn giữ gia sản, đại nghiệp của Đức Chí Tôn trải qua các cơn bão khải đạo dồn dập.
- Phạm Môn là tiền thân của Hội Thánh Phước Thiện do Đức Phạm Hộ Pháp một tay gây dựng và đào tạo từ thể tánh, hạnh đức đi trong khuôn khổ tu đạo vô vi.
- Đức Phạm Hộ Pháp đã truyền các Bí Tích Đại Đạo cho các vị Phạm Môn để sau này tham gia hành chánh Phước Thiện thi thố trong vai trò, sứ mạng của Hội Thánh Phước Thiện. Hiện thân của Hội Thánh Phước Thiện có tầm quan trọng trong nền Chánh Trị Đạo Cao Đài, đóng góp vào cơ quan bảo tồn Chánh Pháp.
- Lịch sử phôi thai khổ khó, gian truân của Phạm Môn và Phước Thiện, nhưng với quyền năng và sứ mạng thiêng liêng của Đức

Phạm Hộ Pháp, Đức Ngài vẫn có thể bảo tồn Chánh Pháp, phát huy hơn nữa trong từng thời gian khảo nạn khác nhau.

- Cơ quan Chánh Trị Đạo hẳn còn đó, tất cả điều có Sắc Lệnh và Thánh Lệnh quy định vai trò, phẩm cấp, chức năng, sở dụng riêng, được xây dựng theo thể thức “*Thiên Nhân hiệp nhứt*” thì dù thời cuộc có xoay vần, nền Đạo của Đức Chí Tôn ắt hẳn sẽ trường tồn theo cơ chế đã hiện tượng, sẽ phục chế, sống lại với đúng sở năng thiêng liêng y như thời mà khi Đức Phạm Hộ Pháp còn sinh tiền, điều hành mỗi Đạo.

31. Đức Phạm Hộ Pháp xây dựng Tam Cung.

▪ Ý nghĩa của Tam Cung.

Tam Cung là ba cung do Đức Hộ Pháp lập ra. Nơi này là tịnh thất tu tịnh dành cho người đã đủ công quả, đủ khả năng đi trên Con Đường Thứ Ba Của Đại Đạo dĩ chí từ Chức Sắc cao cấp cho đến Tín Đồ đều có thể vào tu. Tuy nhiên, để hội đủ điều kiện vào, Đức Phạm Hộ Pháp phải thực hiện nghi thức “cân thần”, tức là Đức Ngài dùng huệ nhãn đánh giá khả năng người đó có đạt tiêu chuẩn hay không. Khi hội đủ điều kiện vào tịnh thất, có người truyền bí pháp gồm thần, định trí, tham thiền, nhập định, luyện Tam Bửu Tinh-Khí-Thần hiệp nhứt mà có thể đắc đạo tại thế.

Trí Huệ Cung-Thiên Hỷ Động là nơi tu chơn dành cho phái nữ. Trí Giác Cung-Địa Linh Động là nơi tu chơn cho nam và nữ phái. Vạn Pháp Cung-Địa Linh Động là nơi tu chơn dành cho nam phái.

▪ Tiến trình hình thành.

○ Trí Huệ Cung.

Cơ quan thiên định này tọa lạc tại ấp Trường Xuân, xã Trường Hòa, Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, được Đức Phạm Hộ Pháp khởi công cuối năm 1947. Khi hoàn thành, Đức Ngài thực hiện phép trấn thần vào ngày 15 tháng 12 năm Canh Dần [1952].

“Trí Huệ Cung là một tòa nhà hình khối lập phương, được xây dựng theo mô hình rất đặc biệt, bề cao 12 thước, phân ra làm ba tầng, mỗi tầng 4 thước, bốn bên tòa nhà, mỗi bên là 12 thước, vuông như cái hộp. Ngay giữa trung tâm có một cây cột đỡ luôn ba tầng đến nóc, gọi là “Nhứt trụ xang thiên”. Ba tầng của Trí Huệ Cung, chỉ có hai tầng nổi trên mặt đất, còn tầng trệt được xây dưới mặt đất” [Thiên Vân-Hiền Tài Quách Văn Hòa].

Xung quanh phạm vi cơ quan, có hàng rào bao bọc bao gồm 04 cổng vào, trên cổng có đề “Thiên Hỷ Động” và đôi liên:

*“Trí định thiên lương quy nhứt bốn
Huệ thông đạo pháp độ quần sanh”*

Tạm diễn nghĩa, sự hiểu biết con người giúp đem cái thiên lương trở về hiệp thành một khối. Cái tuệ hiểu đạo pháp độ quần sanh.

“Bản Đạo để lời cảm ơn toàn thể con cái Đức Chí Tôn nam, nữ nhứt là Thánh thể của Ngài.

Ngày hôm nay nếu chúng ta biết đặng hồng ân của Đức Chí Tôn ban thưởng thế nào, thì đây là một ngày vui của chúng ta không thể gì tả đặng. Bởi giờ phút này, sau khi 20 năm chúng ta chịu khổ hạnh vì Đạo mà lẫn lóc, cực nhọc về phần xác lẫn phần hồn.

Ngày nay Đức Chí Tôn đã mở cho chúng ta một con đường Thiêng Liêng Hằng Sống và Bản Đạo đã vâng mạng lệnh Đức Ngài tạo dựng một bến giải thoát cho toàn thể nhơn loại trên mặt địa cầu này.

Bản Đạo nói: từ đây, kể từ ngày nay cửa Thiêng Liêng của Đạo đã mở rộng, Bản Đạo kêu toàn thể con cái Đức Chí Tôn, ai hiểu biết mình đứng trong hàng phẩm Cửu nhị ức Nguyên Nhân (92 Ức Nguyên Nhân) hãy tỉnh mộng lại đặng về cùng Đức Chí Tôn.

Cửa này là cửa của các người đến đoạt Pháp, đặng giải thoát lấy mình đến trong lòng Đức Chí Tôn, vì Đức Chí Tôn đã đưa tay ra nâng đỡ, mà chúng ta không đến, không tưởng nghĩ đến, thì sau này ắt sẽ bị đọa lạc nơi cõi Phong Đô. Giờ phút ấy không còn trách Đức Chí Tôn rằng: không thương yêu con cái của Người, không đem cơ quan tận độ chúng sanh để nơi mặt địa cầu này cứu vớt nữa.” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q. 3, bài 44].

Theo lời thuyết đạo của Đức Phạm Hộ Pháp, cửa này là cơ quan tận độ chúng sanh xuất hiện nơi cửa Đại Đạo, nó không riêng của ta mà của toàn chúng sanh nơi địa hoàn vì đây là hình ảnh Đấng Chí Linh, là cửa để nhập vào Thiêng Liêng Hằng Sống của toàn thể các đẳng chúng sanh, không chịu quyền thúc phược hoặc nô lệ hay đảng phái.

○ **Trí Giác Cung.**

Nguyên nhân xuất phát đầu tiên của Trí Giác Cung từ Minh Thiện Đàn của Đức Lý Giáo Tông lập dạy việc cho ông Đinh Công Trứ và Lê Văn Trung [không phải Đức Quyền Giáo Tông]. Năm 1929, Đức Lý giao cho Đức Phạm Hộ Pháp và Đức Phạm Hộ Pháp cho thực hiện phép Đào Viên gồm 23 vị.

Đức Phạm Hộ Pháp và Đức Quyền Giáo Tông ký giấy cho ông Trứ đi thông hành đạo sự các tỉnh miền Tây. Năm 1936, ông Đình Công Trứ đắc phong Lễ Sanh Giáo Thiện và được bổ về tỉnh Long Xuyên. 07 năm sau, ông bị quân đội Nhật bắt giam 5 tháng 10 ngày. Khi được trả tự do, ông cùng các vị lập hồng thệ về xã Trường Hòa lập Trường Quy Thiện để làm cơ sở phước thiện và tu hành.

Đức Hộ Pháp cho phép cất ngôi thờ Đức Phật Mẫu đầu tiên trong cửa Đạo tại cơ quan này, để thờ Đức Phật Mẫu, Cửu Vị Tiên Nương, Bạch Vân Động Chư Thánh, Đức Nam Bình Phật Tổ. Điện Thờ Phật Mẫu được khánh thành vào ngày 16 tháng 07 năm Mậu Tý [1948], cũng được Đức Phạm Hộ Pháp cho phép thực hiện tổ chức Hội Yến Diêu Trì Cung đêm 14 tháng 08 năm Mậu Tý.

Đức Phạm Hộ Pháp còn dạy rằng cơ quan này từ nay về sau phải dưới quyền điều khiển của Hội Thánh Phước Thiện, cơ quan này chỉ được phép tạo của cải, không được phép thu của cải của bất cứ ai, tất cả các sở phí của Trường Quy Thiện phải phúc trình về Hội Thánh Phước Thiện.

“Ngày nay, Bản Đạo trình nó (Trường quy Thiện) ra mặt công khai của đạo, thuộc quyền Phước Thiện, tức là thuộc Hiệp Thiên Đài chương quản. Thoảng ngày kia nó phạm pháp luật, hoặc chẳng noi theo chơn truyền của Đại Đạo, tự lập tôn chỉ khác, chúng ta có quyền giải tán” [Tuyên bố của ĐHP, trích Góp Nhặt Tinh Hoa Đại Đạo, tác giả Hiền Tài Quách Văn Hòa].

Khi Báo Ân Từ trong nội ô Tòa Thánh được sửa sang lại, Đức Ngài ra lệnh Hội Thánh Phước Thiện trình qua Chức Sắc Hiệp Thiên, Cửu Trùng và tổ chức long trọng rước Long Vị Đức Phật Mẫu sang Báo Ân Từ.

Đến ngày 05 tháng 12 năm Giáp Ngọ [1954], Đức Phạm Hộ Pháp ký Huấn Lệnh số 285/ VP-HP chuyển đổi Trường Quy Thiện thành Trí Giác Cung-Địa Linh Động.

○ **Vạn Pháp Cung.**

Sở Sơn Đình gần chân núi Bà Đen-Tây Ninh là nơi Đức Phạm Hộ Pháp đã có họa đồ kiến tạo Vạn Pháp Cung-Linh Sơn Động. Nhưng sau, Đức Ngài đổi thành Nhon Hòa Động.

Đức Hộ Pháp chỉ định Hội Thánh Phước Thiện ra thông tri tuyển mộ 3.000 công quả để tiến hành xây dựng Vạn Pháp Cung. Ngày 16 tháng 02 năm Ất Mùi [1955] Ngài phê chuẩn ngoài số “Đạo Núi”, cần tuyển mộ người tình nguyện có sức khỏe mạnh, còn lại 1.000 sẽ chọn các vị lão thành.

Hội Thánh giao công trình cho Thượng Thống Công Viện là Đạo Nhon Phạm Văn Út, đương quyền trưởng tộc Phạm Môn. Tất cả chương trình xây dựng đã chuẩn bị xong, Đức Phạm Hộ Pháp lưu vong sang Miên Quốc năm 1956, nên

công cuộc bị đình lại và Đức Ngài triều Thiên năm 1959, Vạn Pháp Cung đã không được kiến tạo theo họa đồ của Đức Ngài.

“Đạo Núi” là danh từ Đức Phạm Hộ Pháp chỉ những người tự thay đổi cốt cách bên ngoài, thay áo trắng thành áo dà, cạo trọc đầu tu chơn khi chưa được sự chấp thuận của Đức Phạm Hộ Pháp.

Năm 1932, ông Võ Văn Đợi lập hồng thệ vào cửa Phạm Môn. Năm 1935, ông đắc phong Lễ Sanh Giáo Thiện. Năm 1938, ông được Đức Phạm Hộ Pháp cho tháp tùng vào sở Sơn Đình để địa trắc để tiến hành lập Vạn Pháp Cung. Khi hành đạo bên Hội Thánh Phước Thiện độ 03 năm, ông xin từ chức phẩm Giáo Thiện và vào chân núi lập cơ sở tu chơn theo kiểu cách nói trên dầu chưa được Đức Phạm Hộ Pháp phê chuẩn. Đến năm 1947, ông qui vị. Đức Phạm Hộ Pháp khoan dung và cho phục chức Giáo Thiện.

Nơi Vạn Pháp Cung có đôi liễn như sau:

*“Vạn lý hòa tâm đồng nhứt mạch
Pháp cao bình trí hội tam tông”*

Nghĩa là, muôn lý hòa hiệp cùng tâm, đồng một gốc. Đạo pháp cao siêu yên trí não, hội tam giáo.

▪ **Nhận định.**

Ba cơ quan tu tịnh, tức Tam Cung do quyền năng Đức Phạm Hộ Pháp mà sản xuất ra. Tưởng đó là hành tàng chơn thật của Đấng Thượng Tôn Quản Thế lập ra trong cửa Đạo của Đức Chí Tôn. Dù các hiện tượng đó được bao phủ bởi bởi năng lực siêu nhiên, chứa đựng các bí pháp nhiệm mầu, hữu ích cho nền Đạo của Đức Chí Tôn mà người phàm mắt thịt như chúng ta chưa thấu đáo việc làm của Đức Ngài, thì cũng nên nhìn nhận chỉ chỉ cũng có bàn tay Đức Chí Tôn phú thác cho Đức Ngài trách nhiệm tạo nên Đại Đạo.

Về việc xây Tam Cung trên để làm tịnh thất cho Nam-Nữ, hiển nhiên Đức Ngài có Bí Pháp Tu Chơn do Đức Chí Tôn truyền dạy. Dù khi còn hiện tiền, không mấy người được vào truyền thụ bí pháp tu tịnh nhưng những gì lập ra đều không vô giá trị. Ngược lại, đó là bí pháp nhiệm mầu trong cửa Đại Đạo mà người tín đồ hằng tôn nghiêm và vẫn tin ngày nào đó, các cơ quan này sẽ phát huy Tâm Pháp trong tương lai mai sau.

“Hội Thánh duy có một, dầu biến ra trăm hình, ngàn trạng cũng huờn lại chỉ có một chủ quyền là Thánh Thể Đức Chí Tôn đó thôi” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q.2, bài 45].

Sự truyền giảng trên cốt muốn nói những hiện tượng của nền Chánh Trị Đạo tạo ra theo Thánh Ý của Đức Chí Tôn, theo Thánh Thể, tức là Hội Thánh, không có ý dung túng những thể thức tạo tác, hành vi, chế tác theo ý riêng của cá nhân, tổ chức nào nghịch mạng cùng Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Nếu sinh hoạt tôn giáo nào mang tính chất Cao Đài mà đi ngoài Chánh Thể của Đại Đạo, tức là kháng nghịch với sứ mạng của Hội Thánh.

Đức Phạm Hộ Pháp còn minh giảng rằng ba cơ quan tu chơn trên trực thuộc chánh thể của nền Đạo, tuân y luật lệ của Hội Thánh Hiệp Thiên và Cửu Trùng, dưới quyền điều khiển của Hội Thánh Đại Đạo. Thảng như ngày nào đó, các sinh hoạt và tổ chức đi ngoài Chơn Truyền Pháp Chánh thì Hội Thánh có quyền giải tán.

“Thưa cùng chư vị Chức Sắc Cửu Trùng Đài, Trường Qui Thiện của Hiệp Thiên Đài ngày nay đã hoàn thành, đặng có nơi phụ nữ tu chơn, và đặt dưới quyền Hội Thánh Phước Thiện, những gì nơi Trường Qui Thiện, Hội Thánh đã có nhiều công giúp đỡ bảo bọc nên Hội Thánh Hiệp Thiên Đài trình cho Hội Thánh Cửu Trùng Đài được biết về chánh quy của Đạo, cơ quan này không phải tư riêng phải tuân y luật lệ của Hội Thánh Cửu Trùng, Hiệp Thiên. Thảng ngày kia nó đi ngoài chơn truyền Pháp Chánh thì hai Đài có quyền giải tán” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q.2, bài 45].

Như vậy, tính chất thực hiện tín ngưỡng nơi Đấng Cao Đài Chí Tôn với phương thức sinh hoạt, nghi tiết đạo và những gì liên quan trong cửa Đạo Cao Đài phải được thực thi trong tinh thần trọn tuân Luật Pháp Đạo, không thể tùy tiện chế cải Thể Pháp Đạo, làm ảnh hưởng đến Bí Pháp Đạo. Bằng chẳng vậy, hành tàng trái Luật Pháp tương nghi đó chẳng những có tội với chư Thiên tiên khai Đạo, mà còn phạm đến oai nghiêm Thiên Điều.

32. Ý nghĩa thiền định trong Trí Huệ Cung của Đức Phạm Hộ Pháp.

▪ Hành tàng của các Đấng Tam Giáo.

Hoài cổ nền Tam Giáo gần nhất là Nhị Kỳ Phổ Độ, chúng ta thấy tất cả các hiện tượng, hành tàng các bậc lãnh đạo tinh thần tôn giáo đều có những hành vi “dị thường”. Tính chất dị thường ấy tức là khác với các sinh hoạt đời thường, mà tín ngưỡng tôn giáo định cho đó là “mầu nhiệm” và chỉ có Đấng đó thấu rõ việc mình làm sẽ đem lại giá trị gì cho chúng sanh và nền giáo pháp đang rao giảng.

Xét trên tính chất bình đẳng, ai cũng có Phật Tánh như ai. Xét theo chủng tánh hay căn cơ, liễu quán, thì bậc Giáo Chủ sống trong chân tâm, thanh tịnh, vắng lặng, sinh hoạt tôn giáo mang ý nghĩa nhiệm mầu để thị hiện sứ mạng thiêng liêng,

nhìn vạn pháp bằng “Phật Nhãn”, thấy rõ không pháp giới nào khác pháp giới nào vì pháp giới chỉ có một bản thể chân như y nhau mà thôi.

Ngược lại, người thường chỉ bằng “nhục nhãn”, người chưa liễu quán thì phân chia, ngộ nhận, có khi xem tà kiến là chánh kiến mà sa vào con đường vô minh. Nên đối với bậc Giáo Chủ, Tăng Đồ khó có thể minh định chính xác chân ý nghĩa trong hành vi và các giáo pháp mà các Ngài truyền thụ một cách đầy đủ, trọn vẹn.

Đối với Phật Giáo, Đức Phật Thích Ca khi đã đắc pháp, Đức Ngài đi thuyết giảng giáo lý, hàng ngày cũng như các tăng đồ đi khát thực. Trước đại hội tăng chúng trên núi Linh Thứu, Đức Ngài không truyền pháp thoại mà chỉ lặng lẽ đưa một cành hoa. Tất cả hàng tăng chúng đều ngơ ngác, không hiểu ý nghĩa Đức Ngài làm gì. Duy Ngài trưởng lão Ma Da Ca Diếp mỉm cười. Đức Phật Thích Ca liền tuyên bố cho các tỳ kheo hay:

“Ta có chính pháp vô thượng trao cho Ma-ha Ca-diếp. Ca-diếp là chỗ nương tựa lớn cho các thầy tỳ kheo, cũng như Như Lai là chỗ nương tựa cho tất cả chúng sinh”.

Sau, các đại thiên sư mới diễn thêm cho rõ ý từ câu của Đức Phật thành:

“Ta có chánh pháp nhãn tạng, niết-bàn diệu tâm, thật tướng vô tướng, pháp môn vi diệu, bất lập văn tự, giáo ngoại biệt truyền, nay ta phó chúc cho Ma-ha Ca-diếp”.

Đối với người tu theo Phật đã nhiều năm thời đó, vẫn không hiểu cái chân nghĩa mà Đức Phật đã truyền, tức là chưa đạt được chánh pháp nhãn tạng, chưa có diệu tâm nhận biết pháp môn vi diệu ngoại giáo biệt truyền. Cho nên việc đưa cành hoa giơ lên là hành tàng rất khó đối với chúng ta trong việc biết được Đức Phật muốn diễn đạt diệu lý.

Đối với nền Tiên Giáo, Đức Lão Tử là một Đấng khi ẩn, khi hiện. Hành tàng của Đức Ngài không thể bàn bằng cái hiểu tri kiến sở học hữu sư trí. Lịch sử triết học của nhơn loại bị chấn động khi Đức Ngài xuất hiện và đưa ra những định thuyết về vũ trụ quan. Thời Tư Mã Thiên, không đếm cho hết những nhà khảo cứu sách cổ để tìm hiểu Đức Ngài tên thật là gì, là ai, sống từ thời nào... Tất cả chỉ đưa ra mang tính chất giả thuyết và chông chéo, khác biệt. Có những người cho rằng Đức Ngài chỉ là nhân vật huyền thoại, không có. Rồi tất cả chỉ nằm trong hai chữ “giả thuyết”, “ngghi vấn” hoặc “có thể”.

Đối với tác phẩm của Đức Lão Tử chỉ vọn vẹn trên dưới 5 ngàn chữ, tương đương khoảng 15 trang sách mà thôi, nhưng đã làm cho nền triết học nhơn loại tồn không biết bao nhiêu bút mực, tâm trí, thời gian, bao nhiêu học giả đã phải vắt óc,

vò não để tìm chân tướng và khảo luận về vũ trụ quan của Đức Lão Tử. Hành tàng và sự xuất hiện của Đức Lão tử là một hiện tượng “vô tiền khoáng hậu” trong lịch sử triết học nhân loại và cả tôn giáo. Nên các giả thuyết cổ kim vẫn sẽ mãi mãi vĩnh viễn nằm trong nghi vấn.

Đối với Khổng Giáo, Đức Khổng Tử ra đời đưa ra các chủ thuyết đạo đức, triết lý giáo dục, triết học chính trị. Với một học thuyết an bang trị thế, đem quốc gia đến sự thịnh vượng nhưng đi đến đâu cũng bị hắt hủi. Chính vì người ta không rõ hành tàng của một vị Giáo Chủ nên ngộ nhận.

Đối với Đạo Thánh Gia Tô, Đức Chúa Jesu ra đời để rao giảng tình thương nhơn loại, cứu chuộc loài người. Mười hai Thánh Tông đồ còn bội phản, Thánh Petters sau 3 lần chối Chúa mới tạ lỗi và trung thành. Hành vi cứu chuộc tội tình nhơn loại đối với người dân thời đó là viễn vọng, mị dân nên bị hành hình đóng đinh trên Thập Tự Giá. Ngày nay, học thuyết của Ngài đã truyền bá khắp hoàn vũ, sự tôn sùng tốt bậc, âm vang chuông nhà thờ vẫn đổ, hình ảnh Đức Chúa Cứu Thế hiện ngự khắp nơi.

▪ **Ý nghĩa thiền định trong Trí Huệ Cung của Đức Phạm Hộ Pháp.**

Ngài Phạm Công Tắc đến với đạo Cao Đài bằng một chân mạng, nghi thức Thiên Phong là hình thức ngự thể của Hộ Pháp nơi Phạm Công Tắc. Cho nên, mọi hoạt động lãnh đạo tinh thần, truyền giảng triết lý đạo pháp, lập các cơ quan trong cửa Đại Đạo là Hộ Pháp làm thông qua bàn tay Ngài Phạm Công Tắc. Một là hai, nhưng hai là vẫn là một.

Thiên thơ tiền đã chọn định Đức Phạm Hộ Pháp giáng trần trong cửa Đại Đạo Tam Kỳ này với nhiệm vụ tạo hình tướng của Đạo, tức là Thể Pháp Đạo. Sau lại khai mở Bí Pháp Đạo, là quyền năng diễn lực giải thoát chúng sanh. Với cái quyền năng trong cơ lập giáo, tưởng nghĩ đó là một sứ mạng đặc biệt mà Đức Thượng Tôn Quản Thế đã dành trọn tâm thân phụng sự cho đến ngày triều Thiên.

Bút hiệu Ái Dân đã thể hiện đặc tánh Từ Bi của Ngài đối với sanh chúng. Đức Ngài đã vào Trí Huệ Cung tịnh thiền, không phải là an hưởng, mà là hoạt động tiếp diễn trong kiếp giáng sanh mở Thiên Chúa Giáo, gánh “Tội Tổ Tông” cho nhơn loại, Đức Ngài cầu xin Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu, các Đấng Thiêng Liêng ban cơ tận độ, cứu rỗi sắc dân Việt Nam và toàn thể nhơn loại đi đến thế giới đại đồng huynh đệ, thực hiện Từ Bi-Bác Ái-Công Bình.

Đức Ngài làm như Đấng Chúa Cứu Thế cầu khẩn với Đức Chí Tôn ngoài sa mạc 40 ngày, như Đức Thích Ca vào vườn Bồ Đề để xin giải thoát cho chúng sanh.

Đức Phạm Hộ Pháp tượng trưng cho tinh thần, dân tộc và màu sắc của Đại Đạo, nên Đức Ngài có đủ thánh đức, đại bi, đại ái để cầu khẩn nơi quyền năng tối

cao ban cơ cứu khổ kỳ ba hiện tượng nói mặt địa hoàn, cầu khẩn giọt nước Ma Ha thiêng liêng của Đức Chí Tôn ban cho, hầu gội rửa toàn thể con cái Đức Chí Tôn cho ra chí thánh.

“Kể từ ngày nhập tịnh nơi Trí Huệ Cung, chắc con cái Đức Chí Tôn đều đánh dấu hỏi? Đức Hộ Pháp nhập tịnh để làm gì? Muốn làm gì? Nghĩa lý gì mà nhập Trí Huệ Cung trong 3 tháng nay?”

Vậy Bàn Đạo giải rõ hành tàng trong 3 tháng mà Bàn Đạo đã làm, cái hành tàng đó cũ kỹ chớ không mấy lạ gì. Cái hành tàng về mặt Đạo giống như 40 ngày của Đức Chúa Jesús ra ngoài sa mạc cầu khẩn với Đức Chí Tôn ban bố hồng ân cho toàn nhơn loại, dâng đem cơ quan cứu thế của Ngài giao cho khắp xã hội nhơn quần được hưởng, giống như Đức Thích Ca vào vườn Bồ đề ngồi thiền định dâng xin giải thoát cho chúng sanh.

Còn về mặt thế, nó giống như Vua David vì tội tình nhơn loại mà buổi nọ ra đồng Sa mạc cầu đảo, xin giải pháp cứu khổ cho dân Y sơ Ra Ên, giống như Vua Hạ Võ mặc hài gai đội nón lá, chịu phong trần dâng cầu đảo cho quốc dân khỏi tội” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q.4, bài 4].

Đức Phạm Hộ Pháp đã thuyết minh nhiều vấn đề về trường thống khổ của nhơn loại của quả địa cầu 68 này. Oan trái nghiệp vay của nhơn loại với tội chướng nhiều, phúc hậu lại kém, thành ra trường thảm cảnh lưu huyết hằng diễn ra, cảnh tương tàn, tương sát để dành sự sống, bảo vệ cái tham vọng mà gây lăm oan nghiệt.

Ngài nói thêm, dầu chúng ta thương nhơn loại chúng sanh nhưng chẳng sánh bằng Cha sanh vừa thể xác vừa linh hồn. Nhưng ông Cha kia còn không cứu đặng, phải tuồng lụy sa nhìn đàn con mất dần dần. Nên Đức Phạm Hộ Pháp vào Trí Huệ Cung tịnh thiền cầu xin ân huệ Thiêng Liêng ban phương thuốc hườn sinh, xá giảm tội tình, lập cơ quan cứu thế cho nhân sinh trong quả cầu này.

“May thay! Nhờ đạo tâm của toàn Thánh Thể của Ngài và toàn con cái nam, nữ cũng vậy, nhứt là đám thiếu niên đã làm cho cảm động Đức Chí Tôn, nên Ngài cho Bàn Đạo hội diện cùng quyền năng thiêng liêng 4 phen trong 3 tháng” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q.4, bài 4].

Đức Ngài thuyết trọng tâm hơn rằng định mệnh của nhơn loại hẳn nhiên nằm trong quyền năng Đức Chí Tôn; tội tình của nhơn loại chưa dứt thì chưa thể nào tạo hạnh lạc được; cái ước ao của chung duy chỉ đạt được khi khối Thánh tâm vượt trên phạm tâm và cơ quan cứu khổ của Đức Chí Tôn mới thiết hiện nơi đây.

33. Đức Phạm Hộ Pháp Ban Phép Lành.

▪ **Khái niệm.**

Trong cửa Đạo Cao Đài, “Ban Pháp Lành” là một nghi thức, bí pháp mang giá trị thiêng liêng mà Đức Chí Tôn hay Đức Phạm Hộ Pháp thực hiện, để vận chuyển điển quang thiêng liêng ban rưới cho con cái Đức Chí Tôn làm thánh hóa các điển trực, giúp cho chơn thần con người sáng suốt, nhẹ nhàng, dần bỏ những vô minh mà tầm trên con đường Đạo Lý.

▪ **Ban Phép Lành thuở ban sơ.**

Đêm giao thừa ngày 30 tháng 12 năm Bính Dần [1926] tại chùa Gò Ken nơi thiết Lễ Khai Đạo Cao Đài, Đức Chí Tôn giáng cơ cho Đức Phạm Hộ Pháp và Đức Cao Thượng Phẩm và biểu giờ cơ cao lên và kêu từng người chun qua cơ để Đức Chí Tôn ban phép lành.

Như vậy, nghi thức ban phép lành trong thể thức Cao Đài ra đời mà sau này Đức Phạm Hộ Pháp cũng có nhắc lại mỗi lần Đức Ngài thuyết giảng về những yếu lý, bí pháp, ân huệ thiêng liêng của Đức Chí Tôn dành cho con cái của Người.

▪ **Đức Phạm Hộ Pháp Ban Phép Lành.**

Đức Hộ Pháp lâm phạm giáng ngự, lãnh sứ mệnh của Đức Chí Tôn và quyền năng của Ngọc Hư Cung, nghĩa là Đức Ngài phải nắm quyền Chí Tôn tại thế mà thi hành phận sự.

“Buổi nọ Bàn Đạo không hiểu gì hết. Đức Chí Tôn đến ban sơ khi mở Đạo, Đại Từ Phụ đòi truyền Bí Pháp cho Bàn Đạo đi thôi, còn về Thể Pháp thì Hội Thánh không biết gì hết...” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q. 5, bài 27].

Qua đoạn trích lược Thuyết Đạo trên, cho thấy rằng kể từ năm 1926, Đức Chí Tôn chính thức truyền bí pháp cho Đức Phạm Hộ Pháp.

Tại Kim Biên, Đức Phạm Hộ Pháp thuyết:

“Bàn đạo và anh Cao Thượng Phẩm phò loan cho Đức Chí Tôn đến. Đến rồi, vừa ký tên của Ngài (ký đặc biệt) cho chúng tôi hiểu. Ngài xách hai đĩa đứng dậy hết, không biết làm gì, xô ra chính giữa, rồi viết trên không vậy, đoạn biểu cả con cái của Ngài đều chun ngang dưới cơ đó hết đặt Ngài “Ban Phép Lành”. Khi xong, hai đĩa đứng dậy, mỗi người đều chun dưới cơ vậy hết. Hết chun qua, Ngài vẽ gì đó không biết trên đầu mỗi người. Đó là cái huyền bí của Đại Từ Phụ, mình không hiểu gì hết. Tới chừng rồi lại kêu: “Tắc, con coi đó đặt bắt chước Thầy nghe”.

Thiệt, Bàn đạo không hiểu gì hết, bắt chước nhưng làm sao giáng cơ như Ngài, rồi cũng vẽ như vậy sao? Không biết mà không dám hỏi. Lâu quá rồi khi đó giáng cơ nữa, dạy nữa. Bàn đạo hỏi: Dạ thưa Thầy, hôm Tết Thầy ban Phép lành

cho cả con cái của Thầy mà Thầy biểu con coi đó đặng bắt chước, nhưng bắt chước làm sao mới được chớ? Con có thể giáng cơ như Thầy được đâu mà bắt chước?

Đức Chí Tôn cười, Ngài mới chỉ cái bí pháp ban Phép lành là làm như vậy, và giải nghĩa. Ngài nói: cái ấn tạo Càn Khôn Vũ Trụ là cái ấn Thái Cực với Lưỡng Nghi, nó thuộc về vô hình thể, tức nhiên về khí chất nên không hữu hình tướng, duy có cái ấn Tứ Tượng với Bát Quái, hễ hiển xuất ra rồi thì vạn linh mới xuất hiện ra. Ấy vậy, con đưa cái ấn Tứ Tượng với Bát Quái ra, con trụ cả cái nguyên khí của Càn Khôn Vũ Trụ rồi con phân phát lên đầu mỗi đứa, vậy là ban Phép lành đó.

Nếu không nói rằng: Hễ con đưa nó lên đó, rồi nguơn pháp của con đó nó hiệp lại với huyền khí tối linh của Thầy tức nhiên là cái quyền Chí Tôn của Thầy đó, thì cả con cái của Thầy mới được hưởng cái hồng ân đặc biệt về hồn về phách và xác thịt của nó.

Nghe nói vậy, Bàn đạo mới hỏi: Bây giờ ấn Tứ Tượng ra sao? ấn Bát Quái ra sao?

Thầy trả lời: Tay này để trên tay kia thành chữ thập là Tứ Tượng, rồi cái này có 8 cái cung của nó, tức nhiên là Bát Quái đó vậy. (Đức Hộ Pháp đưa hai tay ra làm kiểu mẫu) Rồi biểu để vậy đưa ra.

Bàn đạo cũng đưa ra mà không hiểu biết, nên đưa tay ra trợ trợ mà không làm gì trong đó hết.

Ngài nói cái pháp thủ để như vậy, nhưng Bàn đạo không biết làm sao. Vì từ thuở trước, Bàn đạo theo đạo Thiên chúa, đâu có tin gì thứ đó. Đạo Gia Tô mà tin thứ đó đâu có được, từ nhỏ chí lớn là đại kỵ đó mà. Ngài bắt làm cái vụ này, Bàn đạo cũng đưa ra, rồi không làm gì hết.

Sau bữa đó, Ngài thấy mỗi khi làm trật rồi Ngài lại rầy, Ngài nói: Con đưa ra cũng như không, cũng như khúc củi thôi.

- Dạ thưa Thầy, vậy chớ làm sao, con có biết đâu.

Ngài nói: Ờ, Thầy dặn con để pháp thủ như vậy.

- Đưa ra thì con cũng đưa ra chớ biết sao giờ.

Ngài nói: Con không trụ cái điển lực của con vô trong đó, trong pháp thủ của con, tức nhiên truyền thần vô đó, thì nó làm sao huy động trong Càn Khôn Vũ Trụ đặng? Không hành chơn pháp thì có gì hy vọng đâu? Giả tỷ như máy truyền thanh thanh của con hát đó chớ gì, hễ đưa nó ra, nó phải rung động mới được, là xao động cả Càn Khôn Vũ Trụ chớ. Đàng này con đưa ra như khúc củi, có làm gì đâu?

Bần đạo hỏi: Truyền thần có phải như thế con phò loan phò loan hôm nọ, phải truyền thần, cơ mới lên phải không?

Ngài nói: Thì vậy chớ sao!

Hôm trước Thầy không có nói, Thầy nói chỉ có một lần thôi, dặn ban phép tới kẻ cùng đình.

Bần đạo mới tò mò hỏi: Cái đó là sao?

Ngài nói: Không có gì. Con ngó thấy máy truyền thanh, máy thu thanh bây giờ trước mắt đó là cho mấy con dễ hiểu. Con nói tiếng là nó có thể thu được. Bây giờ con có thể đứng ra huy động thì cả Càn Khôn này nó linh động chớ gì, mà khi nào cái pháp thủ của con nó linh động thì cái chơn pháp của Thầy thiết hiện cho cái pháp thủ của con, rồi cả khối sanh lực Càn Khôn Vũ Trụ trụ lại đó, rồi mới đưa tay ra như vậy, con rải trên đầu của mỗi đứa thì mỗi đứa hưởng, chớ có gì đâu.

Tại Bần đạo chưa hiểu tới chỗ đó, khi hiểu được điều đó mới có làm bây giờ đây, không thôi đâu có biết đâu mà làm. Hạng nhứt là những ấn khuyết thì lúc đó là đại kỵ với Bần đạo, vì Bần đạo không ưa thứ đó. Bần đạo đâu có phải thầy phù thầy pháp gì mà ưa. Gốc là Gia Tô giáo nên Bần đạo đâu có ưa thứ đó, nhưng biểu làm thì làm.

Nhưng cái ấn mà Đức Chí Tôn đưa cho đăng ban Phép lành cho con cái của Ngài đến nay là trọng yếu hơn hết mà mai sáng đây, thì mấy người sẽ đến mừng tuổi, Bần đạo sẽ ban Phép lành cho, để tề tựu lại cho đông thiên hạ. Không biết chừng có người ngoài họ đi đâu lóit đó, rồi làm bất tử, họ cũng hưởng được, cũng đỡ lắm chớ. Mình làm chuyện phước đức bất ngờ phải vậy không?"

Thế nên thuở ấy, Đức Hộ Pháp vừa nắm Bí Pháp lại được truyền dạy bí tích Ban Phép Lành. Kể từ đó về sau, rất nhiều ngày trong năm như vậy, Đức Phạm Hộ Pháp thực hiện ban Phép Lành cho toàn thể con cái Đức Chí Tôn.

“Bần Đạo vâng mạng lệnh của Đức Chí Tôn, đêm nay Bần Đạo Ban Phép Lành cho toàn cả con cái của Ngài Nam, Nữ. Cả thầy cầu nguyện Đức Chí Tôn chan rưới "Hồng Ân" Thiêng Liêng, Hồng Ân của Ngài rải khắp cho con cái Nam, Nữ” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q. 6].

▪ **Nhận định.**

Đức Phạm Hộ Pháp vâng mạng lệnh Đức Chí Tôn Ban Phép Lành, tức nhiên Đức Phạm Hộ Pháp đã được Đức Chí Tôn truyền bí pháp để thực hiện bí tích nhiệm màu, ban phép lành cho toàn thể con cái Đức Chí Tôn được mãn huệ, tinh tấn giục tiến trên con đường đạo.

Đức Phạm Hộ Pháp bảo chư đồng đạo phải ngồi chỉnh tề, tịnh tâm để Đức Ngài dâng thần cho Đức Chí Tôn ban phép lành. Như vậy, bí pháp đào độ, điển lực vận chuyển theo lý “đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu”. Vả chăng, tâm không định, trí không an, huyền pháp phép lành cũng chỉ tồn tại trên mặt từ ngữ mà không tiếp cận ân huệ thiêng liêng rưới nước ma ha, sự vận chuyển pháp luân của các Đấng ban cho?

34. Đức Phạm Hộ Pháp thực hiện phép cân thần truyền pháp.

▪ **Khái quát.**

Cân thần truyền bí pháp là một vấn đề đặc sắc trong cửa Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ và là một đề tài rất khó để truyền tải nội hàm đúng nghĩa mà Đức Hộ Pháp đã thực hiện khi còn sinh tiền.

▪ **Bí pháp.**

Bí pháp là những điều huyền bí, mật nhiệm, những quy luật vô hình tác động đến sự thăng tiến của các chơn căn trên con đường thiêng liêng hằng sống, tức là những định luật bất dịch trong càn khôn vũ trụ. Bí pháp là các phương pháp hay cơ quan luyện đạo, chứa đựng huyền diệu nhằm thúc đẩy tiến trình tu tập của môn đồ, hầu giải thoát chúng sanh thoát vòng sinh tử luân hồi, đạt được phẩm vị thiêng liêng như Thần, Thánh, Tiên, Phật.

Danh từ cũng đã nói lên tính chất bí ẩn, và không được truyền thụ công khai ra ngoài từ thầy sang trò. Thầy chỉ tâm ấn cho những đệ tử có đủ duyên đạo, đủ hạnh đức và có sự tiến hóa chơn thần ở một mức độ cần thiết tối thiểu để lãnh ngộ bí pháp tinh luyện công phu thiêng liêng. Đây gọi là tâm pháp bí truyền hay khẩu thọ tâm truyền.

▪ **Ai là người nắm giữ Bí Pháp?**

Những năm đầu tiên của nền đạo Cao Đài hãy còn phôi thay, Đức Ngài Ngô Minh Chiêu là môn đệ yêu dấu của Đức Chí Tôn nên thánh giáo Đức Chí Tôn giảng:

“Chiêu là môn đệ yêu dấu của Thầy, nó có công tu luyện, Thầy lại dùng huyền diệu mà rồi nó trước các con” [Trích Đạo Sử của Bà Nữ Đầu Sư Hương Hiếu].

Như vậy, Đức Ngô Minh Chiêu là người môn đệ được thu nhận, giáo hóa trước tiên và được Đức Chí Tôn thiên phong phẩm Giáo Tông, làm anh cả của toàn thể chư môn đệ để thực hiện cơ phổ độ sau này.

Tuy nhiên, vì một lý do nào đó, Đức Ngô không nhận phẩm do cơ bút Đức Hộ Pháp và Thượng Phẩm Cao Quỳnh Cư phò loan, và đi theo con đường riêng theo chủ trương “Ngô thân bất độ, hà thân độ”. Kể từ ngày Đức Ngài không nhận phẩm trong khi đại phục Giáo Tông đã sẵn sàng, Đức Ngài đã chọn vạch lối đi tẻ ngả, không hòa hợp với tam vị Phạm Công Tắc, Cao Quỳnh Cư, Cao Hoài Sang thực hiện cơ giáo hóa, phổ độ và lập Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ theo lời truyền dạy của Đức Chí Tôn.

Đối với Đức Ngài Thượng Trung Nhựt, từ khi được thiên phong và Đức Chí Tôn khai ngộ bằng huyền diệu trị bệnh, Ngài một lòng, một dạ chon thành phục vụ chơn giáo, lo cơ phổ độ, bao quát cả đối nội lẫn đối ngoại của nền Đại Đạo, vương trôn trách phận.

Mặt khác, Ngài lại không vào tịnh thất thực hiện nếp sống sinh hoạt tu luyện vì Ngài vẫn cho rằng cơ đạo còn nghèo, lo phận sự phổ độ sanh chúng, hơn là chú trọng bí pháp công phu. Thực tế, sách liệu để lại, Ngài là một trong ba vị [Ngô Minh Chiêu, Phạm Công Tắc, Thượng Trung Nhựt] có khả năng thông công với Đức Chí Tôn, được Đức Chí Tôn giảng tâm truyền dạy cách tĩnh tâm tu tập hàng ngày.

Đối với Ngài Phạm Công Tắc, Đức Phạm Hộ Pháp thuyết tại Đền Thánh:

“Nhớ lại từ khi Đức Chí Tôn chọn Bàn Đạo làm Hộ Pháp, dạy Bàn Đạo phò loan và chấp bút. Đặc biệt hơn hết là chấp bút vì nhờ chấp bút mà Bàn Đạo được Đức Chí Tôn dạy cách tham thiền. Khi biết tham thiền rồi mới nhập tịnh nhưng nhập tịnh không phải dễ, chỉ sai một tí, sót một chút là có thể hỏng cả cuộc đời. Nhập tịnh mà không tới thì bị hôn trầm tức là ngủ gục, còn nhập tịnh mà quá mức thì phải điên đi mà chớ. Nhập tịnh mà đúng rồi còn phải nhờ các Đấng Thiêng Liêng mở Huệ Quang Khiếu nữa mới xuất hồn ra được. Con đường mà Chơn Thần xuất ra rồi về với Đức Chí Tôn là con đường Thiêng Liêng hằng sống đó vậy. Chính Bàn Đạo được Đức Chí Tôn mở Huệ Quang Khiếu, nên mới về được hội kiến cùng Đức Chí Tôn và đã học hỏi được nơi Đức Chí Tôn nhiều điều bí yếu, bí trọng” [Thuyết Đạo của ĐHP].

Buổi Thiên Phong đầu tiên do Đức Chí Tôn thực hiện cơ phong thánh, Đức Chí Tôn đã ân phong nhiều chức sắc cao cấp với các phẩm vị của Hiệp Thiên Đài và Cửu Trùng Đài. Riêng đối với Ngài Phạm Công Tắc được Đức Chí Tôn chọn làm Hộ Pháp, dạy phò loan chấp bút, tham thiền, nhập tịnh, học hỏi nhiều điều cao trọng bí mật vô vi. Buổi Thiên Phong Hộ Pháp Phạm Công Tắc mang tính chất lạ hơn hết là trực chơn thần Phạm Công Tắc, Hộ Pháp giáng thể vào. Một trường hợp ngự thể duy nhất trong cửa Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

“Cư, nghe dặn: Con biểu Tắc tắm rửa sạch sẽ (xông hương cho nó) biểu nó lựa một bộ quần áo tây cho sạch sẽ, ăn mặc như thường đội nón...”

Cười....

...Cả hết thầy Môn-Đệ phân làm ba ban, đều quỳ xuống biểu Tắc leo lên bàn, con chấp bút bằng nhang, đến bàn Ngũ-Lôi dâng Thầy triệu nó đến rồi mới tới trước mặt Tắc dâng Thầy trục xuất chơn-thần nó ra: nhớ biểu Hậu. Đức xông hương tay của chúng nó, như em có giựt mình té thì đỡ” [TNHT, Q.1].

Ngài Phạm Công Tắc làm Hộ Pháp, chương quản Hiệp Thiên Đài, Ngài Thượng Trung Nhựt làm Đầu Sư lo bên Cửu Trùng Đài. Nên quá rõ ràng, Ngài Phạm Công Tắc thọ bí pháp đạo Cao Đài từ Đức Chí Tôn và giữ phận sự tối trọng của cánh cửa Hiệp Thiên Đài, nhận truyền các yếu chỉ thiêng liêng của Bát Quái Đài.

▪ **Cân thần là gì?**

Cân thần là một hoạt động đánh giá khả năng sáng suốt hay trước chất của chơn thần người nào đó để biết có đủ hạnh, đức, trí, lực hay chưa. Nếu chưa đủ, người phải tiếp tục tu tập, lập công bồi đức thêm. Nếu xét thấy đủ, người được thực hiện nghi thức kết nạp Đào Viên Pháp, lập hồng thệ và trở thành người của Phạm Môn.

*“Phương Luyện Kỳ gần hiển lánh tục,
Phép Cân Thần hồi phục anh linh”.*
[Thơ Huệ Nhật]”.

▪ **Ai có nắm giữ quyền năng cân thần và đánh giá kết quả cân thần?**

Việc cân thần là việc hệ trọng nhằm nhận biết trình độ tấn hóa chơn thần của một môn đồ, đòi hỏi người cân thần phải có đủ khả năng đánh giá mức độ người được cân thần có đủ điều kiện thọ truyền bí pháp hay không. Cụ thể, người đủ điều kiện là người có khả năng đón nhận các luồng điển của các Đấng trọn lành vô vi ngỗ hầu thọ lãnh bí pháp tu đơn, có chơn sư vô hình dẫn dắt, khai mở huyền quang khiếu.

“Bản đạo vâng lệnh Đức Chí Tôn xuống trần mở đạo thì Đức Chí Tôn có hỏi rằng: Con phục lệnh xuống thế mở đạo, con mở bí pháp hay là mở thể pháp trước?” [Thuyết Đạo của ĐHP].

Rõ ràng trong nền Đại Đạo Tam Kỳ, Đức Phạm Hộ Pháp đã thọ mạng lệnh thiêng liêng của Đức Chí Tôn xuống thế, khai mở thể pháp và cầm bí pháp của Đạo. Người đứng đầu cơ quan Hiệp Thiên Đài là Ngài Phạm Công Tắc, có trách nhiệm tối cao truyền bí pháp, nâng đỡ đời sống tâm linh của chư tín đồ Cao Đài.

Pháp Chánh Truyền quy định:

“Hiệp Thiên Đài là nơi Thầy ngự cầm quyền thiêng liêng mối đạo”.

Vì vậy, tất cả mọi quyền năng thiêng liêng diều động đi từ Bát Quái Đài ảnh hưởng đến cơ quan hữu tướng của Hội Thánh. Trong đó, cơ quan Hiệp Thiên Đài có trách nhiệm thông công giữa Cửu Trùng Đài và Bát Quái Đài để thi thố phận sự phổ độ. Hơn nữa, Hiệp Thiên Đài giữ phận sự cầm bí pháp và truyền cho các Chức Sắc. Nên, Đức Hộ Pháp là người có phận sự cân thần cho chư tín đồ để đánh giá có xứng đáng được thọ truyền bí pháp hay không.

Khi cơ đạo phải chuyển từ Phạm Môn sang Hội Thánh Phước Thiện kể từ năm 1935, Đức Hộ Pháp vẫn truyền các phép bí tích như Giải Oan, Tắm Thánh, Hôn Phối, Cắt Dây Oan Nghiệt cho các chức sắc Phước Thiện tại Hộ Pháp Đường.

Ngoài vấn đề trên, Đức Hộ Pháp còn truyền dạy phép “bạch đặng” cho chư chức sắc Phước Thiện cùng một số chức sắc Cửu Trùng Đài khi gặp khó khăn trong hành đạo, vào giờ tý cầu nguyện Đức Ngài thì Đức Ngài ứng hiện trợ giúp. Điều này cho thấy quyền năng của Phạm Hộ Pháp trong cửa Đạo, Ngài tuy hữu hình nhưng có thể ứng biến diễn lực khắp nơi để phò trợ diễn lực cho các Chức Sắc khác khi có hữu sự.

▪ Sự diều động của các bí tích.

Đức Phạm Hộ Pháp là người truyền bí pháp cho chư chức sắc. Tuy nhiên, sự ứng biến diều động và kết quả đạt được của bí tích phụ tùy vào hai nhân tố: thể thức và hiệu ứng.

- Phương pháp bí tích là hình thức bên ngoài được truyền thụ làm chuyển động diễn quang nội thể, nhằm thực hiện giá trị của bí tích đó mang lại. Phương pháp cũng mang tính bí nhiệm nhưng có thể truyền thụ do chư Chức Sắc đi trước truyền lại Chức Sắc sau này.
- Hiệu ứng đạt được hay không vẫn do phạm trù quyền năng của Bát Quái Đài, định thể giá trị diều động, dựa vào sự phù hợp diễn quang và tần số của bí tích.

▪ Cốt tủy của bí pháp công phu

Ai cũng biết thọ truyền bí pháp công phu tịnh luyện trong cửa Phạm Môn là chuyển hóa nội thân, trường dưỡng Tinh-Khí-Thần, lấy ý chuyển khí như phương pháp Tiên Gia. Nhưng không phải “tam niên nhũ bộ” [ba năm bú sữa mẹ] và “cửu niên diện bích” [chín năm thiền tịnh quay vào tường].

Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp cũng đã nêu rõ, vấn đề không phải thuần túy giản đơn, mà phải đi từ bước, từ học cách tham thiền thuần thực rồi đến nhập tịnh. Nếu nhập tịnh không tới thì hôn mê ở trạng thái ngủ, nếu nhập tịnh sâu quá mức thì điên tà xung nổi, có thể trở nên điên khùng. Khi nhập định được, phải chờ đủ điều kiện để các Đấng Thiêng Liêng dùng điện lực khai mở Huệ Khiếu Huyền Quang thì chơn thần mới có thể hội diện quyền năng thiêng liêng.

Về việc cân thân và truyền bí pháp hãy còn trong vòng bí ẩn mà chỉ có Đức Phạm Hộ Pháp rõ biết làm gì, đánh giá mức độ chơn thần của mỗi người sau khi được cân thân.

Khi được thọ lãnh, phải từng khuôn pháp của Phạm Môn là Thập Điều Giới Răn. Trình độ tiến tu và nghiệp lực của mỗi người sẽ tác động đối với hiệu ứng cân thân. Tùy theo hiện trạng mà Đức Hộ Pháp dùng thiêng liêng hỗ trợ, chỉ phương pháp khác nhau cho từng vị. Các bí pháp ấy vẫn là điều bí ẩn.

▪ **Sự khắc khe trong vấn đề tu tịnh trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ-Tòa Thánh Tây Ninh.**

Con đường thứ ba của Đại Đạo là con đường để tu tịnh, xuất chơn thần khi còn tại thế, hội diện cùng quyền năng thiêng liêng. Có rất nhiều người ngộ nhận, hễ tu tịnh thì có thể giải thoát nên người ta cứ đua nhau công phu, ham cầu bí pháp giải thoát. Chỉ khi môn đồ đủ Tam Lập theo tiêu chuẩn Đức Hộ Pháp đánh giá thì mới có thể nhận được bí pháp điều dưỡng, truyền thần và xuất thần mà thôi.

“Hôm nay mấy em biết chưa? Có lẽ phần nhiều mấy em đã biết, Phạm ấy là Phật, Phạm Môn là cửa Phật, nói rõ hơn nữa là cửa Tu Chơn của Đạo, cửa Bảo Thủ Chơn Pháp của Chí Tôn’ [Thuyết Đạo của ĐHP, Q.6].”

Cửa tu chơn là nơi các tịnh thất Trí Giác Cung, Trí Huệ Cung và Vạn Pháp Cung, có chơn sư chỉ dạy. Bí pháp ấy không phải là muốn là có, thích là cho và tùy tiện áp dụng một cách bừa bãi.

Đối với bậc thượng thừa đủ tiêu chuẩn thì được Đức Hộ Pháp thực hiện truyền bí pháp. Đối với hạ thừa, Đức Ngài truyền dạy Mười Hai Bài Tập Khí Công Đạo Dẫn và ban Phương Luyện Kỷ Đặng Vào Con Đường Thứ Ba Đại Đạo.

Như vậy, cửa Đại Đạo rộng mở, quyền năng giải thoát cho con cái Đức Chí Tôn vẫn đặt để tại thế. Vấn đề còn lại là mỗi môn đồ làm gì để đủ duyên bước đi trên con đường thượng thừa hay hạ thừa mà thôi.

Bát Nương Diêu Trì Cung cũng đã cho hay: *“Cúng kiếng thường ngày tâm đạo khởi”*. Nên cúng Tứ Thời nhật tụng là phương pháp công phu sơ đẳng mà mỗi người tín đồ thường hằng để tìm sự giao cảm giữa Trời và người.

Bí pháp và phạm pháp không thể lẫn lộn, thánh phạm hai nẻo phân minh. Hễ tâm chơn thành, trọn luật, giữ giới, rớt rao nương mình nơi cửa từ bi, thực hiện thiết phận thì cúng kiếng là bí pháp soi dẫn con người tiếp diện điển lực vô vi, tìm chơn sư vô hình.

Kinh Xuất Hội có câu:

*“Đạo hư vô sư hư vô,
Reo chuông thoát tục phát cờ tuyệt sinh.”*

Bí pháp mà Đức Chí Tôn ban cho con người là “...trường thi công quả cho các con đắc đạo...”. Hơn nữa, con đường thứ nhất và con đường thứ hai đã mở ra cho toàn thể sanh chúng thi thố phận sự. Chúng sanh mượn hữu hình để tìm đến đạo pháp vô vi. Nếu phận sự hữu vi hoàn toàn chưa xong thì bí pháp tịnh không phương chỉ tìm đến.

Cho nên, cửa tu chơn của Tòa Thánh Tây Ninh hãy còn trong vòng im lặng, không phải như nhiều người lầm tưởng Đạo Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh không có Bí Pháp tu chơn. Đó là một ngộ nhận rất lớn lao, trái nghịch hoàn toàn với lời dạy của Đức Chí Tôn *“chỉ chi cũng tại Tây Ninh này mà thôi”* [TNHT, Q.1].

▪ **Bí Pháp Cao Đài khi Đức Hộ Pháp đã triều Thiên.**

Đức Chí Tôn đã truyền dạy rằng Đức Hộ Pháp luôn hằng ngự trị nơi nơi Huyền Quang Khiếu của chúng sanh hầu nâng đỡ tinh thần, hỗ trợ điển lực. Khi đủ điều kiện, Đức Ngài nhất định sẽ mở tâm khiếu.

Dù thể thức, các tổ chức sinh hoạt tu chơn hiện nay trở nên yếu ớt hay im bật thì việc cân thân truyền bí pháp đã không còn diễn ra, nhưng chúng ta có đầy đủ đức tin nơi lời dạy của Đức Chí Tôn. Điển khí vũ trụ vô hình vẫn xoay diễn, tiếp diễn và trợ lực cho những ai đã đủ đầy công nghiệp. Tiến trình chuyển hóa năng lực vô vi vẫn tiếp diễn mà không hề đứt gãy. Mặt luật vô hình và quyền pháp bí nhiệm vẫn biến chuyển.

Đạo vẫn như nhiên mà thành, nếu từng luật pháp chơn truyền Đại Đạo, lo phụng sự Đạo Pháp và Chúng Sanh làm đẹp dạ Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu, các Đấng Thiêng Liêng, đó là chính chúng ta đã chuyển hóa nội thân làm cho chơn thần trong sạch, tinh khiết. Tùy theo công trạng, nghiệp duyên và sự giục tấn, quyền năng điển lực sẽ tác động vào Chơn Thần con người, Chơn Sư vẫn hằng hữu bên chúng ta để thúc đẩy quá trình tu đạo của chúng sanh đó thôi.

Tại Trí Huệ Cung, Đức Phạm Hộ Pháp giảng:

“Ngày nay Đức Chí Tôn đã mở cho chúng ta một con đường Thiêng Liêng Hằng Sống và Bản Đạo đã vâng mạng lệnh Đức Ngài tạo dựng một bến giải thoát cho toàn thể nhơn loại trên mặt địa cầu này.

Bản Đạo nói: từ đây, kể từ ngày nay cửa Thiêng Liêng của Đạo đã mở rộng, Bản Đạo kêu toàn thể con cái Đức Chí Tôn, ai hiểu biết mình đứng trong hàng phẩm Cửu nhĩ ức Nguyên Nhân (92 Ức Nguyên Nhân) hãy tỉnh mộng lại đứng về cùng Đức Chí Tôn.

Cửa này là cửa của các người đến đoạt Pháp, đứng giải thoát lấy mình đến trong lòng Đức Chí Tôn, vì Đức Chí Tôn đã đưa tay ra nâng đỡ, mà chúng ta không đến, không tưởng nghĩ đến, thì sau này ắt sẽ bị đọa lạc nơi cõi Phong Đô. Giờ phút ấy không còn trách Đức Chí Tôn rằng: không thương yêu con cái của Người, không đem cơ quan tận độ chúng sanh để nơi mặt địa cầu này cứu vớt nữa” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q. 3].

▪ **Nhân định.**

Từ một số biện chứng và minh chứng trên, Đức Phạm Hộ Pháp là người chịu trách nhiệm cân thân và truyền bí pháp cho chư tín đồ. Dù hữu hình hay vô vi, Đức Ngài vẫn sống cùng thời gian, thực hiện trách nhiệm thiêng liêng phận, thúc đẩy sự tấn hóa chơn thân, khai mở huệ khiếu cho chúng sanh khi đủ điều kiện.

Ở một mặt khác, người ta cho rằng Tòa Thánh Tây Ninh khi còn Đức Hộ Pháp sanh tiền, hoạt động truyền pháp vẫn yếu ớt. Lý giải vấn đề này, chúng ta cũng hiểu bí pháp giải thoát là một vấn đề trọng hệ, là mật lý khẩu thọ tâm truyền, chớ không phải là hình thức áo mão mượn tặng tùy nghi. Thực tế hơn, chỉ những người đủ công quả mới được Đức Ngài truyền thọ bí pháp, khai thị riêng biệt mang tính thâm kín. Người thọ nhận khi được khai ngộ cũng im lìm.

Pháp môn giải thoát cho chúng sanh là một ân tứ của Đức Chí Tôn, lẽ nào lại phải giấu, eo hẹp mà cho người này, giấu người kia. Chỉ tại chúng ta chưa đủ khả năng đón nhận để giục tấn thẳng tiến trên con đường thiêng liêng hằng sống mà thôi. Vì thế, bí pháp tu luyện là một vấn đề rất trọng hệ, không thể tùy nghi thử nghiệm để phải chuốc lấy những hậu quả khôn lường được.

35. Giao Cầm Nang cho Ngài Thái Khí Thanh bảo vệ Tòa Thánh.

▪ **Bối cảnh Đạo khi giao Cầm Nang.**

Ông Lâm Tài Ký sinh ra tại nước Miên Quốc, sớm giác ngộ vào đạo Cao Đài, được thọ thiên phong Giáo Sư phái Thái. Giai đoạn, Đức Phạm Hộ Pháp giao bức Cầm Nang, ông chỉ là Giáo Sư. Đến năm 1945, Ông được thăng phẩm lên Quyền Thái Chánh Phối Sư và ở Tòa Thánh Tây Ninh hành Đạo. Vài năm sau khi

Đức Hộ Pháp lưu vong sang Cao Miên thì Ngài cũng sang đó hành đạo. Ngài quy vị năm 1967.

Giai đoạn năm 1940, thực dân Pháp đàn áp dân tộc, giống nòi Việt Nam rất mạnh, họ còn thực hiện nhiều đường lối nhằm tiêu diệt Đạo Cao Đài. Với chủ ý đó, họ đã thực ra tay khủng bố rất nhiều Chức Sắc và Tín Đồ, ra lệnh đóng cửa các Thánh Thất và các cơ sở của Phước Thiện.

Đến ngày mùng 04 tháng 06 năm Tân Tỵ [1941], lính mật thám vào Tòa Thánh bắt Đức Phạm Hộ Pháp, Phối Sư Ngọc Trọng Thanh, Giáo Sư Thái Gấm Thanh, Sĩ Tải Đỗ Quang Hiên. Họ đến Sài Gòn, bắt Ngài Khai Pháp Trần Duy Nghĩa tại tư gia, sang Cao Miên bắt bắt Giáo Sư Thái Phấn Thanh.

Sau đó Pháp đưa Đức Hộ Pháp cùng 5 vị trên lên tàu và đày sang hải đảo Madagascar bên Phi Châu. Cuộc lưu đày này không ai biết trước và không biết có ngày Đức Ngài có thể trở về tái thủ quyền hành hay không, để lại nỗi lo vô biên cho nền đạo. Đạo Cao Đài từ nay không người cầm pháp, điều hành trước nhiều nguy biến xảy tới trong nhiều lần tên mũi đạn.

▪ **Đức Phạm Hộ Pháp giao Cẩm Nang định vận mệnh Đạo Cao Đài.**

Người thường không biết hiện trạng Đạo Đài trong tương lai, Đức Phạm Hộ Pháp lại rõ biết mọi diễn biến trong tương lai đối với con khảo Đạo. Thiên cơ người phàm không nắm, nhưng Đức Ngài hiểu, nên trước khi bị bắt, Đức Ngài gọi Ông Giáo Thiệu Đình Công Trứ và giao gìn giữ luật pháp chơn truyền nền Đạo trong khi Đức Ngài vắng mặt.

Mặt khác, Đức Ngài còn giao cho ông Giáo Sư Thái Khí Thanh một bức Cẩm Nang thơ rồi căn dặn chỉ được mở xem khi mở ra xem để thi hành theo lời thị huấn.

Vào cuối năm 1945, Nhật Bản bị Mỹ thả hai quả bom nguyên tử tại Hiroshima nên nước Nhật mới đầu hàng các khối đồng minh Anh-Pháp-Mỹ-Liên Xô. Pháp thực hiện tái chiếm Việt Nam trở lại.

Vì căm ghét đạo Cao Đài, quân đội Pháp kéo quân đến Tòa Thành và xả súng từ ngoài vào. Ông Giáo Sư Thái Khí Thanh bối rối nhưng vẫn nhớ lời dạy Đức Phạm Hộ Pháp, vì biết đây là chuyện hệ trọng liên quan đến sự bảo tồn Tòa Thánh, Ông mở cẩm nang thư xem lời dạy. Nội dung bức cẩm nang viết:

“Khi Tòa Thánh có chuyện hỗn loạn, khói lửa, thì ông Giáo Sư phải treo cờ Trung Hoa Dân Quốc trước ban công Đền Thánh”.

Nên Ông liền treo cờ nhưng Bà Hương Nhiều và Bà Hương Hiếu không cho treo. Pháp tiếp tục xả súng và làm tử vong vài người. Hai Bà sợ, chạy về Báo Ân Từ. Ông vội treo cờ lên.

Quân Pháp thấy cờ, cho lệnh ngừng bắn và bước vào Tòa Thánh, Ông Giáo Sư cho xem bức cầm nang thư của Đức Phạm Hộ Pháp, quân đội liền rút khỏi Tòa Thánh. Tuy thế, Pháp ruồng bỏ dân chúng bên ngoài Tòa Thánh vô cùng khốc liệt.

▪ **Nhân định.**

- Kể từ Đạo khai sinh năm 1926 đến 1945, đã biết bao nhiêu biến cố khảo đạo xảy ra. Nhưng với niềm tin nơi huyền diệu Thiêng Liêng, Đức Phạm Hộ Pháp vẫn có thể xoay chuyển tình hình, làm tròn trọng trách đối với Đức Chí Tôn.
- Mang thi hài xác thịt nhưng Đức Phạm Hộ Pháp biết được huyền cơ sẽ xảy đến đối với Đạo nên luôn lo liệu mọi việc với phương sách hữu hiệu tương lai và gìn giữ được Đạo nghiệp thiêng liêng. Điều đó đã chứng minh hành tàng Ngài luôn luôn thông thiên đạt địa. Đức Ngài là vị lãnh đạo tinh thần để xây dựng và bảo tồn nền Chánh Giáo.
- Nếu chẳng phải là Đấng Thượng Thiên Tôn, thì Đức Ngài chẳng phú thác bức cầm nang thơ bí mật cho người đáng sở cậy để gìn giữ Tòa Thánh vẹn toàn.

36. Đức Phạm Hộ Pháp dạy Tam Bửu và Bí Pháp Dânq Tam Bửu.

▪ **Ý nghĩa và tầm quan trọng của Tam Bửu.**

Đạo Cao Đài lấy Hoa, Rượu Trà tượng cho Tam Bửu, là phần quý giá nhất của con người để dâng lên Thiêng Liêng. Tam Bửu là ba bửu phẩm quan trọng của con người, tức là Tinh, Khí, Thần.

Tinh là Thể Xác được tượng trưng bằng hoa, thể hiện sự tươi thắm, sống động hiện hữu bằng sắc tướng hữu hình. Thi hài sản sinh ra từ tinh cha huyết mẹ. Nếu không có cha mẹ, thì thi hài kia sẽ không có. Vì vậy, Cha Mẹ là bản nguyên của Tinh. Nếu xét về nghĩa “thể và dụng”, Tinh là “dụng” trong khi thần là “thể”. Thế nên, Tinh tức thể xác, là con kị vật sống nhờ năng lực của “dụng” tức là thần. Thần hiện hữu qua nhục nhần nhờ biểu thị của Tinh vận chuyển.

Khí là Chơn Thần được tượng trưng bằng rượu. Thể xác là đệ nhất xác thân, Chơn Thần là đệ nhị xác thân do Đức Phật Mẫu nắn tạo. Sứ mạng của Chơn Thần là diu độ Tinh đi trên con đường giứt tấn phù hợp với Pháp. Chơn Thần trong sạch hay mờ ám do buổi trần bao phủ là do chính Chơn Thần, bởi lẽ hành tàng sống của Tinh là kết quả do Chơn Thần gánh lấy.

Nếu Chơn Thần đủ năng lực diu độ thể xác giựt tấn không ngừng thì Chơn Thần càng trong sáng, gạt đục khơi trong, càng tịnh tiến đến cửa thiên môn mà hiệp nhứt cùng Chơn Linh để hườn Tánh. Bằng ngược lại, Chơn Thần phải gánh lấy hậu quả những gì thể xác gây tội tình và thế là Chơn Thần lặn trôi trong vòng nghiệp quả vay trả, trả vay, biến duyên trong vòng sinh tử luân hồi.

Thần được tượng trưng bằng trà. Thần là Linh Hồn, là Diệu Tánh, là Thật Tánh, là Chơn Như, là Tiểu Linh Quang, là Tiểu Vũ Trụ, là Thể Tánh, Phật Tâm, Bồ Đề Tâm...đi ra từ bản nguyên đồng thể của Thái Cực tánh. Nên chi, hồn là phần tinh anh chiếu diệu, bất tiêu, bất diệt như Đại Ngã. Khi Tinh Khí hiệp cùng nhau đủ thanh trong thì ánh sáng của Chơn Linh sẽ gọi soi hiệp cùng Chơn Thần mà trở về nơi bản nguyên.

Nếu theo một quy chiếu nào đó, ta có thể hiểu Dâng Tam Bửu như một nghi thức Quy Y Tam Bảo bên Phật Giáo.

Phật là bốn nguyên sản sinh ra càn khôn vạn loại. Nếu bất tùng Phật tức chối bỏ sự sống, chối bỏ cái linh diệu vốn có của ta, cái ta của tự tánh. Tự Tánh ấy là Phật. Muốn bốn lai diệu tánh ấy trở về Thiên Thai, ta phải tùng Phật, tức là quy ngưỡng Trời Đất, Phật, Phật, Tiên, Thánh, Thần, Cửu Huyền Thất Tổ. Chúng ta biết thể tánh ta là Như Lai nhưng phải biết con đường giựt tấn trở về. Nên con đường ấy là Pháp.

Chơn Thần thuộc về Pháp. Pháp đi từ trong Phật. Không có Phật thì không có Pháp. Thể xác phải tùng Phật. Tùng Phật vẫn chưa đủ, buộc phải tùng Pháp.

Tùng Phật, tùng Pháp vẫn chưa đủ. Pháp buộc chúng ta phải tùng Tăng. Tăng ở đây phải hiểu là Vạn Linh đối kháng cùng Chí Linh. Tăng là vạn linh sanh chúng, không phải giới hạn trong những người quy y nơi cửa của một tôn giáo nào.

Ngày nay, Đức Thượng Đế mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ gọi tắt là Cao Đài với chủ thuyết quy nguyên Tam Giáo, phục nhứt Ngũ Chi. Ngài đến bằng tình yêu ái như một ông Cha trần gian, ôm ấp gần gũi với con cái của Ngài. Ngài kêu con cái của Ngài yêu thương lẫn nhau, đổi lại Ngài cho ngôi Tiên, phẩm Phật. Ngài lại dạy chúng ta dâng Tam Bửu, là ba món quý nhất của ta cho Ngài. Ấy là quyền năng tự giải thoát mà Ngài trao cho con cái của Ngài trong thời mạt pháp.

Như vậy, người tín hữu Cao Đài dâng Tam Bửu hằng ngày không phải chỉ đơn thuần là dâng hoa, rượu, trà mà chúng ta phải thực thi trọn vẹn ý nghĩa thâm sâu mà Đức Chí Tôn muốn gửi gắm qua Thể Pháp Dâng Tam Bửu. Dâng Tam Bửu là trọn dâng ba thể xác cho hai Đấng Chí Linh. Thật vậy, quyền năng sống và quyền năng chết, thăng hay đoạ không phải là quyền chủ định của ta mà do nơi quyền năng Thầy Mẹ định đoạt

Như vậy, cái bí pháp tối trọng của dân Tam Bửu đối với Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu không phải chỉ có tứ thời nhứt tụng trước thiên bàn với ngôn từ suông, mà hiến lễ trọn lành cho hai Đấng là phụng sự Đạo Pháp và phụng sự chúng sanh để thực hành: “*Nam Mô nhứt nguyện Đại Đạo hồng khai, Nam Mô nhì nguyện phổ độ chúng sanh*”.

▪ **Đức Phạm Hộ Pháp dạy Tam Bửu và Bí Pháp Dânq Tam Bửu.**

Đức Phạm Hộ Pháp giảng Tam Bửu là Tinh, Khí, Thần là vật báu nhất của thế gian không chỉ sánh bằng đặng, dùng để hiến lễ cho Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu. Nên nếu chúng ta tô điểm, gìn giữ Tam Bửu ấy cho tinh khiết, chẳng ô nhiễm bụi hồng thì vật nó trở nên vô giá.

“Vây Chức Sắc, Chức Việc nam, nữ cần phải trau tria thân thể và trí não tinh thần cho được trong sạch.

Mỗi khi hiến lễ ta cần dâng các bửu vật ấy cho Thầy để làm hột giống tốt đặng gieo trồng cho nơn sanh nhuần gọi chung hưởng ân huệ của Thầy ban.

Vây điều cần yếu là Chức Sắc vào hàng Thánh Thể, phải trọng tu dưỡng ba vật báu của mình cho thanh bạch, hầu hiến lễ Đức Chí Tôn” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q1, bài 17].

Đức Ngài dạy rằng muốn cho tinh khiết, thanh sạch, nhẹ nhàng duy chỉ trai giới, chỉnh tu cho chơn thần được trong trẻo theo khuôn viên thiện đức. Con đường đó sẽ giúp chơn thần khi rời khỏi xác thân nhục thể thì có thể tiếp diện với điển lực chơn linh. Còn chẳng vậy, khi chết, chơn thần cứ loay hoay nơi thể xác thối rửa mà không biết khi nào siêu sanh. Cho nên Đức Chí Tôn mới ban cho Bí Tích Cắt Dây Oan Nghiệt để không luyến ái nơi hình chất, mà hiệp cùng chơn linh, đạt sự hằng sống.

“Chí Tôn biết rõ loài người tiến hóa tốt bọc mà tự đắc tự tôn, chỉ biết lo cho xác thịt mà thôi, không chuyên lo cho đệ nhị xác thân và tinh thần, nên Chí Tôn đến khai Đạo là cố ý giáo hóa cho loài người biết rõ câu tội phước, giới luyện cho con người tận thiện đến hiệp cùng Ngài. Nếu chúng ta biết được vậy thì toàn thể thế giới này những điều tình ma quỷ quái sẽ tiêu diệt, thần tử không hề đến ta được” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q1, bài 17].

Đức Ngài thuyết giảng và ước ao nơn sanh từ nay biết giá trị của chơn thần, gìn giữ thánh đức, không lo về thân xác, lo đào luyện chơn thần trở nên minh khiết, thương yêu mạng sanh loài vật hầu chấm dứt nơn quả nghiệp oan, để tiếp tục truyền bá hườn thuốc phục sinh, tức là đạo đức Đức Chí Tôn đặt để mà có thể cứu vớt quần sanh thoát vòng đọa lạc.

“Vậy Thánh Ý của Chí Tôn khai mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Tam Giáo Qui Nguyên, Ngũ Chi Phục Nhứt là muốn dung hòa tâm lý toàn cả con cái của Người để cứu vãn trọn 92 ức nguyên nhân, vì thế mà phải bị sa đoạ nơi đây. Chí Tôn đã đại từ đại bi chỉ rõ căn nguyên và ban ơn cho ta, dạy dỗ cho ta để đạt đạt ngôi vị là phải trau luyện cho Tinh hiệp với Khí, Tinh Khí hườn Thần là cơ huyền bí để mà đắc Đạo vậy.

Trong giá của Tam Bửu mà Chí Tôn ưa chuộng để dâng Đại Lễ cho Ngài là nguyên nhân chấm dứt cái họa tranh thù mà gây nên trường oan nghiệt cho toàn thế giới.

Ấy vậy, muốn duy trì sự hòa hiệp đại đồng này cũng do nơi gốc Bí Pháp đó mà thôi, dầu triết lý thâm uyên đạo đức mà tôn giáo nào cũng không qua lẽ ấy; mà nếu không đạt được thì toàn lẽ ấy là đệ nhị xác thân của toàn thể ô trược tội tình, thì thế giới sẽ điều tàn tiêu diệt mà chớ” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q1, bài 17].

Đức Ngài giảng rằng, chơn linh từ nguyên khí, tức thuộc Tiên Thiên Khí. Chơn thần Hậu Thiên Khí kết thành. Còn xác thịt do vật chất mà tạo hình hài. Chỉ chi sự sống của con người là quyền năng biến hóa của chơn linh độc vì quyền năng này do Đức Chí Tôn ban cho.

“Trong ba khí chất ấy, tạo ra hình hài chúng ta, chơn linh là nhứt điểm linh quang do Chí Tôn mà có để bảo trọng cái sinh mạng, cái sống của thi hài. Đến ngày giờ nào niên kỷ đã định hết khối sinh quang rồi thì cái quyền năng ấy ra khỏi xác, thì xác phải hoại, chúng ta gọi là tử.

Ấy vậy, ta kiểm thử coi **Tiên thiên khí, Hậu thiên khí và Vật chất khí** là gì? Chúng ta sẽ thấy bất kỳ vật hữu hình nào cũng có ba thể chất:

Vật chất thì mắt ta thấy.

Mùi vị là Hậu thiên khí.

Năng lực là Tiên thiên khí.

Ba khí chất này tượng ra hình hài của con người, vật chất mùi vị, năng lực thế nào thì loài người thế ấy, vì chúng ta thấy một hạt gạo, nấu ra cơm, ăn vào để lấy cái tinh ba của nó là Hậu thiên khí phục nguyên khối sanh quang của ta được tồn tại.

Tinh ba của vật chất nó vào mình làm cho xác hài có năng lực tráng kiện. Ta thấy khi đôi bần rùn tay chơn là thiếu sanh khí đó vậy.

Chơn thần là Hậu thiên khí, ta không thấy mà chớ nên tưởng rằng không có, ta ăn hạt cơm vào bụng, lọc lấy cái tinh ba làm huyết khí để nuôi lấy khối sanh vật này. Ta biết có mà không thấy được. Chơn thần chúng ta, thiên hạ kêu là phách, vía cả thầy đều có” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q1, bài 178].

Đức Ngài giảng rằng thân thể hữu hình đồng thể với vật loại, tức là vật chất khí. Pháp thân tương liên với càn khôn thể giới, tức là thể khí. Có khí chất mà tạo ra loài người dĩ chí và lấy nguyên do đó làm hình ảnh linh thân con người. Đối với sự sáng suốt linh thiêng, nó do nơi lòng Đức Chí Tôn vậy.

Ngài minh thêm giảng rằng Đức Chúa Jesu làm con tế vật cho Đức Chí Tôn, trở thành xác Thánh trên cây Thánh Giá là Chúa đã dâng tam bửu trọn vẹn cho Đức Chúa Trời. Sự hiến mình, chịu tội tình thay cho nhơn loại để cứu rỗi sắc dân Âu Châu là hành tàng hy sinh, một hình thức dâng Tam Bửu trọn thánh khiết.

Đức Phạm Hộ Pháp giảng:

*“Bần Đạo xin nhắc lại một phen nữa, khi nào hành lễ lúc dâng Tam Bửu. Hễ dâng Bông lên là dâng cái thể hình của chúng ta đó, ta cúi đầu cầu nguyện Chí Tôn: **"Con xin dâng mảnh hình hài của con cho Chí Tôn dùng phương nào thì dùng"**.*

*Khi dâng Rượu cầu nguyện: **"Con xin dâng cả trí thức tinh thần của con cho Chí Tôn dùng phương nào thì dùng"**.*

*Khi dâng Trà cầu nguyện: **"Con xin dâng cả linh hồn con cho Chí Tôn dùng phương nào thì dùng"**.*

*Câu chót nếu ta khôn ngoan nguyện như vậy: **"Cả linh hồn, cả trí não, cả hình hài con, Thầy đào tạo đó là của Thầy thì do nơi quyền hành độc đoán của Thầy định"**. Đó ta cầu nguyện như vậy với Chí Tôn” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q.1, bài 48].*

Bí pháp dâng tam bửu là một phương pháp, một mặt luật đưa con người đến sự vĩnh sanh hằng sống nhờ và giác linh, phụng hiến cho Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu.

▪ **Nhận định.**

Thi hài, chơn thân, chơn linh do Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu tạo đoan. Nên chi cả ba là món báu của con người để bảo trọng sự sống, trau dồi cho mình triết, giục tấn mãi để trở về hườn nguyên với nguồn gốc khơi thủy.

Đức Phạm Hộ Pháp đã chỉ ra con đường khôn ngoan và phương pháp cầu nguyện mỗi khi dâng Tam Bửu lên Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu. Đó là bí pháp cầu nguyện, bí pháp đưa con người trở về trong lòng Thầy Mẹ thiêng liêng mà không có sự khôn ngoan nào hơn.

Hễ hiểu được mặt luật tương liên với càn khôn thể giới, tức nhiên con người phải nắm giữ và điều khiển sợi dây liên thông, tức là làm tô tở cho Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu bằng con đường phụng sự Đạo Pháp và phụng sự chúng sanh.

Quyền năng và bí pháp giải thoát không phải chỉ trên phương diện nghi lễ và cầu nguyện mà thôi. Cầu nguyện tức là cam kết với Trời và các Đấng chúng ta sẽ làm cho đúng với luật thiên nhiên, là bảo trọng chúng sanh, trau dồi tam bửu của chúng ta, đáng thân phụng sự. Hễ làm đúng theo khuôn luật mới mong tìm về ánh sáng chơn lý, hòa vào ngọn Huệ Đăng bất diệt đặng.

37. Đức Phạm Hộ Pháp chịu Pháp nạn nơi mã đảo Madagascar.

▪ Nguyên nhân Pháp nạn.

Sự hiện tượng của nền Cao Đài cùng các hoạt động và tổ chức tín ngưỡng đã quy tụ nhiều giới trí thức, có danh tiếng nhập môn vào đạo. Điều đó đã làm Pháp rất e ngại vì có thể làm cản trở con đường xâm lược toàn diện lãnh thổ Việt Nam.

Hơn nữa, Đức Phạm Hộ Pháp từ khi được Đức Lý Giáo Tông giao quyền Giáo Tông, Đức Ngài trở thành Giáo Chủ hữu hình, điều này càng làm Pháp sợ hãi hơn. Nên ý đồ tiêu diệt đạo Cao Đài càng thể hiện rõ và quyết liệt hơn.

Pháp dùng đủ mọi cách để diệt mầm móng của tôn giáo mới lạ, một tôn giáo chỉ trong thời gian rất ngắn, tín đồ nhập môn đạt số lượng rất lớn ngoài sự tưởng tượng. Pháp nghiên cứu nền Pháp Chánh Đại Đạo, căn nguyên tôn giáo có từ đâu. Vì Pháp chưa tiêu diệt được, đành dùng các phương cách như chia để trị, làm cho nền Đạo đảo khuynh, xiên méo, nội bộ chống phá nhau hầu làm tan vỡ Thánh Thể Đức Chí Tôn.

Đức Phạm Hộ Pháp là bậc Giáo Chủ lãnh đạo tinh thần, điều khiển nền đạo từ khai minh cho đến hiện tượng và phát triển lớn mạnh. Nên Đức Phạm Hộ Pháp là tâm điểm Pháp lưu ý nhất.

Đến ngày 04 tháng 6 năm Tân Tỵ [28-6-1941], lính mật thám Pháp vào Tòa Thánh bắt Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc chở đi Sài Gòn. Rồi sau đó, vào ngày 17 tháng 6 năm Tân Tỵ [11-7-1941], lính Pháp lại bắt thêm ba vị chức sắc nữa là Phối Sư Ngọc Trọng Thanh, Giáo Sư Thái Gấm Thanh, Sĩ Tải Đỗ Quang Hiến tại Tòa Thánh, Khai Pháp Trần Duy Nghĩa tại nhà riêng, Giáo Sư Ngọc Trọng Thanh bên Nam Vang và đem đầy nơi hải đảo Madagascar, Phi Châu.

Từ đây, nền Đạo chông chênh, gặp nhiều bão gió, vắng người lèo lái con thuyền Đại Đạo. Biết Người ra đi nhưng chẳng biết khi nào Người có thể trở lại để lo đạo nghiệp của Đức Chí Tôn.

▪ Chịu gian truân nơi miền hải đảo.

Nơi hải đảo 5 năm 2 tháng 03 ngày ở rừng thiên nước độc, Đức Ngài phải chịu vô vàn cực khổ trong phương sanh sống, thân xác bị những cơn sóng dữ cuộn cuộn, bão táp phong ba như vùi dập. Đã lãnh sứ mạng nơi Đức Chí Tôn, Đức Ngài

quyết sống để trở về tiếp tục đạo nghiệp. Đời sống đầy ải dầu đắng cay nhưng với hai nguyên do mà Đức Ngài sống:

- Thân Đức Ngài là Tam Thế Chí Tôn, Đấng Phật Christna, Đức Chúa Cứu Thế tái sinh, là Hộ Pháp Thiên Tôn, là Ngự Mã Thiên Quân của Đức Chí Tôn giáng sanh để thi hành sứ mạng.
- Đức Ngài luôn được hồng ân thiêng liêng che chở. Bao nhiêu tai nạn tưởng chừng Đức Ngài phải bỏ xác nơi đất khách quê người, nhưng mọi khổ nghịch đều như không có chuyện gì cả.

Chẳng những vượt qua khổ nạn mà thôi, Đức Ngài còn quan sát cách sinh sống người dân nơi đó và thấy còn nhiều lạc hậu, Đức Ngài dạy cách cày cấy, xay lúa, nung gạch, in gạch ngói, dẫn nước...khiến người dân nơi ấy lấy làm cảm mến Đức Ngài hơn.

Điều kiện không cho phép Đức Ngài làm nhiều điều nhưng những gì Đức Ngài đã làm đối với nhân dân vùng đó chứng minh lòng yêu ái sanh chúng dào dạt, không phân biệt chủng tộc, giống nòi. Đức Ngài khai hóa một số lĩnh vực và những phương pháp Ngài đã lan tỏa và giúp đời sống dân vùng đó phần nào cải hóa, tiến triển hơn.

Pháp đầy sang đảo của Pháp với mục đích giết Đức Phạm Hộ Pháp. Nhưng có ngờ đâu, các Đấng Liêng Liêng luôn bên cạnh Đức Ngài, bầu bạn, hàn huyên cùng Ngài. Đức Vô Danh cõi Thiêng Liêng giáng cơ:

“Chào Thiên Tôn và chư vị Đại Thiên Phong. Thiếp vì có mạng lệnh đến đây làm bạn bút nghiên trong lúc chư vị mang lệnh Chí Tôn cho nơi nghỉ ngơi đây. Chí Tôn than rằng: “Chức sắc Thiên Phong bên Cửu Trùng Đài thiếu hùng biện văn tài đặt làm tay qui phục sanh chúng. Vì có ấy mà triết lý Đạo khó phổ thông cho toàn thiên-hạ.

THI

*Đã phong trần phải chịu phong-trần,
Có thân âu phải biết thương thân.
Nam xa ví chẳng vì đường khó,
Việt đành mong chi đơm lửa mừng.
Nặng gánh giang sơn là Thương Tru,
Nhẹ tay cung kiếm ấy Thường Quân.
Ngũ hồ tứ hải không lưu lạc,
Mặt địa cầu ta vốn định chùng*

THI

Hòn đảo này đây trước nhót tù,
 Mà nay làm khảm nhót Thầy tu.
 Quả như oan nghiệt, vay rồi trả,
 Thì lũ Tây man, Nhật bốn trù”

Đức Ngài không những phải chịu gian khổ, nhọc nhằn nơi cảnh tù túng, đầy ải nơi vùng hải đảo, các Chức Sắc đi cùng Đức Ngài còn hắt hủi, xua đuổi, hành phạt khốc khổ Đức Ngài, ngoại trừ Đức Khai Pháp Trần Duy Nghĩa và ông Sĩ Tài Bùi Quang Hiến hết lòng phụng sự, lo lắng cho Đức Ngài mà thôi.

“Lúc Chánh quyền Pháp đầy ra Hải đảo Madagascar. Trong đó nhiều vị Chức Sắc Đại Thiên Phong cũng chung chịu ảnh hưởng.

Bản Đạo chỉ thấy một Đức Ngài và em Thánh Hiền hết lòng phụng sự giúp đỡ Bản Đạo, còn bao nhiêu vì quyền lợi mà xua đuổi hành phạt Bản Đạo đáo để. Anh Trọng già rồi chẳng nói chi, nhứt là Ông Thái Phấn và Gám, dựa quyền lợi theo thuyết Cộng Sản Nga Xô, dùng sức mạnh trở lại hành phạt khốc khổ Bản Đạo mà chưa vừa lòng, họ còn xúi giục Chánh quyền đầy Bản Đạo lên chỗ nguồn cao nước độc đọng giết một cách gián tiếp cho vừa lòng, nếu chẳng phải quyền năng Thiêng Liêng giúp sức thì không thể trở về Tổ Đình, Thánh Địa đất nước Việt Nam với ngày nay” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q.6].

Được Thiêng Liêng che chở bằng huyền diệu, lại được Ngài Khai Pháp và ông Sĩ Tài dốc lòng phụng sự đáo để. Khi bị đưa đi đến chốn nước độc hầu giết Đức Phạm Hộ Pháp, Khai Pháp và ông Sĩ Tài xin theo để hầu cạnh, nhưng bị ngăn cản. Hai Người vẫn tìm cách đi cùng Đức Ngài. Đến đôi ông Sĩ Tài phải bỏ mình nơi ấy vì do nước độc. Ngài Khai Pháp chỉ biết ôm Đức Phạm Hộ Pháp mà khóc than, rồi nguyện cầu với Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu chỉ mong gởi xác nơi Thánh Địa Tổ Đình mà thôi.

Đức Phạm Hộ Pháp đã nói rằng đã lãnh sự mạng của Đức Chí Tôn, dầu có đau thân, khổ trí đến đâu cũng phải cố gắng dần lòng để thi hành phận sự thiêng liêng, tức là Đại Nghiệp Đại Đạo của Đức Chí Tôn, gây dựng hạnh phúc tương lai toàn cả thiên hạ, thiện hiện nên đại đồng thiên hạ do giọt nước cam lồ của Đấng Thượng Đế rưới chan.

Ý chí, tinh thần tạo lập hoàng đồ sự nghiệp Đại Đạo cho non sông đất nước Nam Việt và toàn thể nhơn loại, Đức Phạm Hộ Pháp vẫn ung dung đi trên con thuyền khổ ải để trọn phận sự cam kết với Đức Chí Tôn.

Mùa Pháp nạn cũng đã mãn. Ngày 30 tháng 08 năm 1946, nhà cầm quyền Pháp trả tự do cho Đức Ngài trở về Tổ Đình. Hải đảo Madagascar đi vào huyền

thoại lịch sử của Đạo Cao Đài, khắc vẽ dấu chân của Đấng Thiên Tôn Phạm Hộ Pháp.

Khi về tới quê hương Việt Nam, Đức Phạm Hộ Pháp được Pháp dùng phi cơ riêng đưa Đức Ngài về Sài Gòn tạm trú tại nhà ông Sĩ Tải Nguyễn Văn Hời. Đến ngày mùng 04 tháng 08 năm Bính Tuất [1946], Pháp tổ chức cuộc lễ đưa Đức Ngài về Tòa Thánh Tổ Đình. Hội Thánh cùng Chức Sắc, tín đồ Nam-Nữ nghinh đón trong nghi lễ trang trọng và trong tiếng cười và nước mắt vì nỗi vui mừng khôn siết, vì thâm tình Thầy trò. Hàng triệu trái tim đập mạnh do nỗi vui mừng khi Tòa Thánh đã có dấu chân Đức Phạm Hộ Pháp trở lại.

Giáo Sư Thượng Vinh Thanh thay mặt Hội Thánh Cửu Trùng Đài đọc diễn văn chào mừng, trong đó có đoạn trích như sau:

“Kính bạch Đức Hộ Pháp,

Sau khi 5 năm 2 tháng bị đồ lưu nơi hải ngoại vì chủ nghĩa thương đời, ngày nay, một ngày đáng để vào Sử Đạo, Ngài đã để chơn về Tổ Đình. Tiểu chức xin thay mặt Hội Thánh Cửu Trùng Đài và toàn Đạo nam nữ để tỏ ít lời chúc tụng mừng rỡ Ngài luôn dịp để dâng cho Ngài ý nguyện toàn sanh chúng, nhứt là trong buổi mặt đời biến đổi, tình thế phân vân do cuộc tang thương hiện tại.

Kính Ngài,

Tiếng nói của tâm hồn, nó có thật chẳng là khi trí não bị kích thích một cách mạnh mẽ, do sự biến động của cơ hữu hình, hay là nói trái lại, khi xác thịt phải chịu dày bừa quá lễ, trong cảnh điêu linh sâu khổ, về mặt Đạo cái khổ để lại là phần hồn, bởi thế nên từ khi vắng mặt Ngài, trong Đạo không một ai là không buồn thảm, bất luận già trẻ lớn nhỏ, khi gặp nhau nhắc nhở đến Ngài và các bạn xa quê, thì trên khuôn mặt âu sầu chảy đôi dòng lệ, chỉ nhìn nhau, từ từ rơi xuống khóe miệng, để thể cho lời nói, điểm tô thêm thảm trạng ấy là cảnh Đạo điêu linh, kẻ còn người mất, nhưng đó là ngày chiếc thuyền từ của Đức Thích Ca thả chum phao tuông trên bể khổ chứa đầy nước mắt, mới độặng chúng sanh.

Nhìn tận mặt Ngài nơi đây, Tiểu chức tưởng tượng dường như thấy đặng chiếc bình Bát vu của Đức Thích Ca trôi ngược dòng nước Ma-Ha một cách huyền linh rực rỡ khi người đã thành lập Đạo Phật.

Vậy Tiểu chức xin dâng lên Ngài đóa hoa tươi nở này, nó biểu hiệu cho cả triệu quả tim của con cái Đức Chí Tôn cùng đang tươi nở cõi lòng, để hiến lên Ngài mối tình thân ái yêu thương vô giá của Đức Chí Tôn đã đào tạo trong bao nhiêu năm khổ hạnh.

Kính Ngài,

Cái vui mừng của toàn Đạo đối với Ngài tràn trề, nương tựa nơi sự mừng vui ấy là một tiếng kêu đau thương tha thiết của tâm linh, nó làm cho chúng tôi ái ngại xốn xang, đó là tiếng kêu đau thảm của mặt Đời vì hoàn cảnh hiện tại, tiếng kêu đau thảm ấy có khi đã làm cho lay động lòng Ngài giữa trời Nam, ước mong rằng chiếc thuyền từ của Ngài sẽ vớt lối nguy nan, làm cho nhơn sanh bớt khổ, thì Hội Thánh Cứu Trùng Đài và cả nam nữ nguyện đồng tâm hiệp lực cùng Ngài, theo Ngài từng bước một,ặng đoạt mục đích cao thượng của Đạo là:

Cởi thân ra mảnh áo tôi,
Che mưa đỡ nắng cho đời nguy nan.

thì dù phải quên vết thương lòng, chúng tôi nguyện không hề lui bước."

▪ **Dấu chân vị Phật Sống nơi hải đảo Madagascar.**

○ **Khai thị một vị Đạo Sĩ.**

Truyền rằng có một vị Phật đang hiện ngự tại hải đảo, một vị Đạo Sĩ nơi đảo nghe lời thầy mình đi tìm vị Phật này để được truyền bí pháp, khai khiêu thiêng liêng để đắc đạo.

Ngày kia, Đức Phạm Hộ Pháp đi dạo và đi tới đi lui ba lần trước nhà vị Đạo Sĩ này. Vị Đạo Sĩ để ý, rút sau mời Đức Ngài vào nhà và quỳ xuống xin Đức Ngài truyền bí pháp. Đức Phạm Hộ Pháp hẹn ba ngày sau thì trả lời.

Đức Phạm Hộ Pháp xuất thần về Ngọc Hư Cung xin Đức Chí Tôn và được chấp thuận. Đúng ba ngày sau, Đức Ngài quay lại nhà và thực hiện phép cân thần rồi khai mở huyền quang khiêu cho vị Đạo Sĩ. Sau khi thực được khai khiêu, Đạo Sĩ này có thể xuất chơn thần vân du thiên ngoại. Lời thầy vị Đạo Sĩ được khẳng định bằng được Đức Hộ Pháp truyền pháp, khai khiêu. Nên Đạo Sĩ quả quyết Đức Ngài là vị Phật sống.

○ **Thu nhận tín đồ đầu tiên nơi hải đảo**

Một tín đồ đầu tiên thuộc vùng hải đảo Madagascar đã nhập môn. Một nữ sinh viên đang du học ngành luật thuộc dòng dõi khuê môn, giàu có và học tại Pháp. Trong giấc mộng, được vị Thiên Thần mách bảo rằng có vị Phật nơi đây, cần chi lập thân. Nên nữ sinh này bỏ học, quyết tìm vị Phật sống. Vì căn duyên, nữ sinh tìm gặp Đức Phạm Hộ Pháp và nhập môn cầu đạo.

○ **Sự tương hội của Thầy và trò nơi viễn xứ.**

Vì vâng lời Đức Giáo Chủ Đạo Cao Đài, một số tín đồ Cao Đài Tây Ninh vâng mạng lệnh từng chinh, làm lính công binh giúp Pháp khi nước Pháp bị Đức xâm chiếm, để tôn giáo Cao Đài được tự do tín ngưỡng và truyền bá khắp Đông

Dương. Một số người tín đồ sang đảo Madagascar. Đoàn quân cử đi gồm có cả ba Miền Bắc, Miền Trung, Miền Nam.

Đoàn quân thấy Đức Phạm Hộ Pháp nên một người Miền Bắc bảo người Miền Nam lại xem coi có quên biết Đức Hộ Pháp không. Đức Ngài hỏi người lính Miền Nam đi lính tình nguyện hay bị ép buộc. Người lính trả lời vì vâng lệnh Đức Giáo Chủ Cao Đài tình nguyện đi giúp Pháp. Đức Ngài hỏi người lính biết ông Giáo Chủ không. Người lính bèn trả lời không biết vì mới nhập môn. Đức Ngài bèn ôm người lính và khóc: “*Thầy đây con, con đi mấy đũa, bảo chúng nó lại đây cho Thầy thăm*”.

Tất cả đều không ngờ thầy trò lại biết nhau và họp mặt nơi hải đảo xa xôi. Cảnh tương ngộ, quần quýt, đậm đà rất chi thiêng liêng. Cuộc chinh chiến của những người lính tưởng chừng một đi không trở về vì thời chiến rất khốc liệt. Thế nhưng sự hy sinh vì đạo nghiệp của Đức Chí Tôn, những người lính vẫn được bảo toàn tính mạng, được gặp Thầy mình trong nỗi vui mừng khôn siết.

38. Tái thủ quyền hành, củng cố các cơ quan Chánh Trị Đạo sau khi trở về từ Madagascar.

▪ Bối cảnh Đạo khi Đức Ngài hồi cố quốc.

“*Bản đạo hồi tưởng lại, khi trở về bản xứ sau 5 năm bị đồ lưu nơi hải ngoại, thì thấy một trường náo nhiệt chiến tranh đã biến sanh trong nước*” [Thuyết Đạo của ĐHP].

Rõ ràng là vậy, mầm móng chiết tranh, một trường lưu huyết, một thảm cảnh đối với cả dân tộc giống nòi và tôn giáo Cao Đài hằng diễn ra và tương lai còn phải chịu trường thảm khổ, cảnh nòi da xáo thịt, nòi Pháp, nòi Việt Minh, giữa thì có quân đội Cao Đài. Đến đời Ngài Khai Pháp Trần Duy Nghĩa phải khóc than với Đức Phạm Hộ Pháp:

“*Sau ngày Trung Tá Trần (Truyền Trọng Phạm Ngọc Trần) bị quân đội Thành ám sát Đức Ngài [Khai Pháp] thường đến Trí Huệ Cung mà ôm Bản Đạo vào lòng mà than rằng: Thầy ôi! Cái sợ của tôi ngày nay đã đến rồi, tôi hằng than thở với Thầy từ nơi Hải đảo là chốn đầy khổ thân của Thầy trò mình, tưởng là về đất Thánh Địa được yên vui; nào dè có Quân Đội cho nên ra nỗi này. Than rồi khóc lại càng định nếu Bản Đạo mà nói Thầy ơi vì lời khuyên xưa kia Thầy trò mình mới về để dìu dẫn con cái Chí Tôn mà họ đâu thấu đáo tâm trạng, nay Trần đã chết đi rồi thì tôi thấy càng gây nhiều hiểm họa dầy dầy, từ từ gây phản bội mà làm ly tán bầy con đại của Chí Tôn rồi đây họ phải sống nơi nào cho an phận. Thưa Thầy, nếu mà tôi biết hậu quả và tình trạng ngày nay như thế này, thà là Thầy trò mình ở lại nơi chốn tù đầy hải đảo là nơi rừng xanh nước độc còn thú vị*

hơn về đây thấy cảnh đổ máu không lịch sử, giòng dõi chủng tộc Việt Nam sẽ ly tán, tiền đồ Tổ quốc không dựng lại mà hầu hết nhơn loại chịu trong cảnh sắp điêu tàn, nền Đạo chính nghiêng bởi cảnh đó” [Trích Thuyết Đạo của ĐHP, Q.6, bài 3].

Vừa qua mùa Pháp nạn, trở về nước Đức Ngài phải đối diện nhiều vấn đề quan trọng như:

- Trong thời gian bị đồ lưu, Quân Đội Cao Đài ra đời do Đức Lý dạy lập ra để gìn giữ nền Đạo dưới quyền lãnh đạo của Giáo Sư Đại Biểu Thượng Vinh Thanh. Tuy nhiên, quân đội đã chạy theo lợi danh, quá mức bạo hành mà quên hẳn sự nghiệp thiêng liêng gìn giữ Đại Nghiệp Đại Đạo và chủ nghĩa cao trọng của Đạo.
- Tòa Thánh chưa hoàn hành và trở nên ngổn ngang vì đã quá năm năm đình trệ.
- Hội Thánh thiếu vắng người lèo lái nên hỗn tạp, các cơ sở đạo bị rời rã sau nhiều cuộc trấn áp, khủng bố do bạo quyền gây nên.
 - **Tái thủ quyền hành, củng cố các cơ quan Chánh Trị Đạo.**

Đạo cuộc chinh chiến, nhiều vấn nạn xảy ra liên tiếp vừa do nội bộ, vừa các thế lực chính trị, đang chờ bàn tay của Đức Ngài chỉnh đốn, giải quyết. Không chần chừ, Đức Ngài xúc tiến củng cố các cơ quan và toàn tất các công việc:

- Đức Ngài huy động công quả trở lại, tu sửa, trang trí, sơn phết công đoạn cuối của Tòa Thánh để tiến đến việc Khánh Thành.
- Đức Ngài làm lễ Trần Thần Tòa Thánh mừng 06 tháng Giêng Tết Đinh Hợi [27-01-1947]. Kế đó, sáng ngày mừng 08 tháng Giêng thì rước Quả Càn Khôn từ Báo Ân Từ trở về an vị nơi Tòa Thánh, kịp cúng Đại lễ Vía Đức Chí Tôn vào thời Tý.
- Ngày 01 tháng 12 năm Bính Tuất, Đức Phạm Hộ Pháp khai Đại Hội Nhơn Sanh. Ngày 15 tháng 12 năm Bính Tuất, Đức Phạm Hộ Pháp khai Đại Hội Phước Thiện. Ngày 15 tháng 10 năm Đinh Hợi, Đức Phạm Hộ Pháp khai Đại Hội Hội Thánh Cửu Trùng Đài.
- Qua các cuộc đại hội trên, Đức Ngài chỉnh đốn đạo sự, phong thưởng, thăng phẩm và bổ nhiệm để đầy đủ Chức Sắc từ trung ương đến địa phương.

- Đối với Quân Đội Cao Đài đã thành lập, Đức Ngài yêu cầu phải thực hiện chủ nghĩa Bảo Sanh-Nhơn Nghĩa hầu bảo tồn Chức Sắc và Tín Đồ, tức là nền Đại Đạo.

▪ **Nhận định.**

Với tâm ái thương dân, tâm ái lo hoàn thành Đạo Nghiệp của Đức Chí Tôn, Đức Phạm Hộ Pháp trở về từ hải đảo, đã liền bắt tay, tái thủ quyền hành, lo phận sự để chấn chỉnh toàn bộ nền đạo một cách nhanh chóng.

Đề khẳng định vai trò của Quân Đội Cao Đài, ngày 08 tháng giêng năm Đinh Hợi [1947], Đức Ngài tuyên bố sự hiện diện là cờ của Chi Thế cùng cây Thư Hùng Kiếm y như lời Đức Chí Tôn hứa lập một nền Quốc Đạo-cơ quan cứu sanh cho vạn loại.

Đức Ngài khẳng định Quân Đội Cao Đài là một đội binh thiêng liêng lập ra để bảo vệ nền đạo của Đức Thượng Đế. Sở vọng của Đức Phạm Hộ Pháp muốn Quân Đội Cao Đài phải có tinh thần, kiểu mẫu của những chiến binh trên thế giới với mục đích bảo toàn cho nhơn loại dựng lại trật tự, hòa bình.

Đức Ngài cấm Quân Đội không được vì lợi riêng mà tàn sát thiên hạ. Đức Ngài còn nhấn mạnh cho Quân Đội phải hùng mạnh nhưng cái quả cảm kia phải trên lòng nhơn nghĩa, hiệp đồng cứu đời. Nên chi, Quân Đội Cao Đài phải giữ chặt thanh gươm nghĩa hiệp, lá cờ nhơn ái.

39. Đức Phạm Hộ Pháp tiếp tục việc xây dựng Đền Thánh và thiết lễ Khánh Thành.

Trong phận sự tái thủ quyền hành sau mùa Pháp nạn, Đức Phạm Hộ Pháp không nghỉ ngơi và việc đầu tiên là kêu gọi công quả trở lại và kiến thiết các hạng mục còn dở dang để Tòa Thánh hoàn thành.

Đến ngày ngày 30 tháng 12 năm Bính Tuất [21-01-1946], công trình xây dựng Tòa Thánh được hoàn tất. Rồi ba ngày sau, Tổng Giám Lê Văn Bàng, đại diện các công thợ nam nữ tổ chức lễ bàn giao Đền Thánh cho Hội Thánh.

Ngày 6 tháng 01 năm Đinh Hợi [27-01-1947) Đức Hộ Pháp trấn thần Tòa Thánh và ngày 8 tháng 01 năm Đinh Hợi làm lễ rước Quả Càn Khôn từ Báo Ân Từ về an vị nơi Bát Quái Đài Tòa Thánh. Cuối cùng, nhân ngày Đại Lễ Đức Chí Tôn, mừng 9 tháng giêng năm Ất Mùi [01-02-1955), Đức Hộ Pháp tổ chức Lễ Khánh Thành Tòa Thánh, Báo Ân Từ và các dinh thự trong Nội Ô Tòa Thánh.

Như vậy, công trình Tòa Thánh Tây Ninh đã kéo dài trên mười mấy năm, đã được Đức Phạm Hộ Pháp hoàn thành mỹ mãn trong niềm vui hớn hởi của toàn đạo.

Từ đây, có nơi thờ phụng Đức Chí Tôn, các Đấng Thiêng Liêng trang hoàng, một công hội đủ văn hóa Đông-Tây, một kiệt tác kiết trúc mang đậm giá trị Đạo Pháp.

Đối với ý nghĩa của Tòa Thánh, đây là ngôi thờ Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế nên vị trí xây dựng mang tính chất kỳ diệu vì mảnh đất có lực long phò ấn, nơi sản sinh ra các bậc hiền sĩ.

“Sâu hơn 300 thước, như con sông, giữa trung tâm đất giáp lại trùng giữa 6 nguồn, làm như 6 con rồng đoanh nhau. Nguồn nước ấy trùng ngay đỉnh núi, gọi là LỤC LONG PHÒ ẤN. Ngay miếng đất dạng 3 đầu: Một đầu ra giếng mạch Ao Hồ, hai đầu nữa bên cạnh rừng bên kia. Người Lang Sa chỉ đòi có hai mươi ngàn đồng” [Đức Lý Giáo Tông giảng cơ năm 1927].

Hình thể Tòa Thánh tập hợp văn hóa tôn giáo cổ kim. Tòa Hiệp Thiên Đài phảng phất nền Thiên Chúa Giáo, giữa có thờ Đức Di Lạc và các hóa văn tượng như Phật Giáo, Nghinh Phong Đài tròn như kiến trúc Hồi Giáo và hình dáng biểu tả này như vũ trụ quan trong Kinh Dịch của Nho Giáo, Bát Quái Đài có hình dáng làm người ta liên tưởng đến Bát Quái Đồ Thiên của Tiên Giáo, nóc Bát Quái Đài có Tam Thế Phật mà đạo Bà La Môn thờ ngưỡng.

Đối với bản vẽ của Tòa Thánh theo các tài liệu về kiến trúc, Tòa Thánh hoàn tất nhưng hoàn toàn không có bản vẽ kỹ thuật nào, không có kiến trúc sư thiết kế, trù hoạch vật liệu, tính toán chi tiết trước khi tiến hành xây dựng. Lại nữa, Tòa Thánh được kiến tạo trên công sức của những người công quả, mà Đức Phạm Hộ Pháp buộc phải thủ trình trong suốt quá trình xây dựng. Tương truyền ban ngày chỉ đạo xây dựng, ban đêm Đức Phạm Hộ Pháp xuất chơn thần về cõi thiêng liêng Đức Lý chỉ dạy bản vẽ.

Vì vậy, lễ khánh thành Tòa Thánh đem lại nguồn hạnh phúc vô biên cho Hội Thánh và tín đồ vì đã hoàn thành một kỳ công vĩ đại, mang tính độc đáo và thiêng liêng vì ngôi thờ là sự kết hợp giữa Trời và Người, tức là Thiên khiên, Nhơn tạo, xứng đáng là ngôi Bạch Ngọc Kinh tại thế.

40. Đức Phạm Hộ Pháp xây dựng Báo Quốc Từ.

Báo Quốc Từ được Đức Hộ Pháp cho xây dựng theo hình lục giác, tọa lạc giữa con đường từ Tòa Thánh về chợ Long Hoa, là nơi thờ những vị đã khuất có công lớn đối với đất nước và dân tộc Việt Nam. Mặt trước mặt sau đều có đôi liễn:

*“Bảo thủ cơ đồ anh hùng dương khí phách,
Hộ trì quốc vận chí sĩ hiển uy linh”*

Nghĩa là: anh hùng bảo thủ cơ đồ nêu khí phách, chiến sĩ hộ trì vận nước hiển lộ oai linh. Trong Báo Quốc Từ, thờ Quốc Tổ Hùng Vương, các vị công thần cứu

nước, chiến sĩ trận vong. Bài vị thờ viết bằng chữ Tàu dịch ra như sau: Hùng Vương Chi Thi, Chiến Sĩ Trận Vong, Cứu Quốc Công Thần.

Mục đích tối thượng của Đức Phạm Hộ Pháp cho thờ là để tưởng nhớ công ơn to lớn của những nhân chí sĩ đặt nơi mình một lòng thương dân, ái quốc mà bảo vệ hoàng đồ, dân tộc; cùng những chiến sĩ vô danh lặn thẳm bảo vệ non sông, gìn giữ gấm vóc văn hiến đất tổ đã để lại cho dân tộc Việt một nền phong hóa bốn ngàn năm bất khuất.

Khói hương nghi ngút nơi Báo Quốc Từ tưởng niệm và tạc dạ nhớ ơn đời đời những người chí công đeo nơi mình hồn thiêng, sông núi, tiếp nối sự nghiệp bảo tồn văn hóa Nam Việt, những vị liệt vào hàng trung quân ái quốc, đem công nghiệp mình đi suốt chiều dài lịch sử dân tộc để đấu tranh, giải ách nô lệ.

Đức Chí Tôn giảng dạy: “*Quốc đạo kim triêu thành Đại Đạo, Nam Phong thử nhật biến nhơn phong*”, có tổ tiên gây dựng, có những anh linh kia hy sinh bảo vệ bờ cõi nên mới có nền Quốc Đạo gây dựng tại Nam Việt.

Đức Phạm Hộ Pháp giảng:

“Tưởng khi các Ngài cũng đã rõ cả hành tàng của Đạo. Từ ngày xuất hiện Đạo nhà của ta trước đã rồi sau mới biến thành nên nền Tôn Giáo quốc tế, vì tư tưởng Đạo giáo khoan hồng của Tổ Phụ chúng ta, mới đem phương pháp tín ngưỡng duy nhất mới Đạo thờ Trời và Người của Tổ Phụ ta noi truyền từ trước. Ấy vậy đã nói rành Đạo nhà ta trước đã thì ta cũng phải vì nhà của ta là Tổ quốc và nòi giống Việt Nam đứng phụng sự trước, hầu định tỉnh quốc hồn...” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q. 6].

Ngày thiết lễ khánh thành Báo Quốc Từ long trọng, Đức Phạm Hộ Pháp đọc diễn văn làm cho toàn thể người Đạo và Đời chúng dự lấy làm cảm xúc bồi ngùi, đốt hương, tưởng niệm, hoài cổ, tôn sùng các bậc anh linh tiền nhân. Người Đạo thì hiểu giá trị đạo lý. Đối với người Đời, ngôi thờ và nghi lễ làm họ xúc động tâm hồn, tâm trí khoan thai, nhẹ nhàng mà cảm tác thi đề tạc:

*Muôn vàn cảm tạ các chơn linh,
 Ân ước Thiên cơ chỉ giáo mình.
 Đôi ngả âm dương tuy cách biệt,
 Một niềm thành kính thấu U Minh.
 U Minh hiển hiện giữa quang minh,
 Quá khứ tương lai kể sự tình.
 Báo quốc tinh trung gương vạn cổ,
 Ân cần khuyên nhủ khách tài danh.*

Hoàng thân Tuy Lý Vương Tôn Ứng An Thúc Dật Thị

41. Xây cất chợ Long Hoa và các tuyên ngôn liên quan.

▪ **Ý nghĩa Long Hoa.**

Quả địa cầu thời Nhứt Kỳ Phổ Độ, Nhị Kỳ Phổ Độ. Nay đến Tam Kỳ Phổ Độ, hạ ngươn tam chuyển hầu mãn để bước sang thượng ngươn tứ chuyển, Đức Di Lạc Vương Phật đến Tam hội Long-hoa Bạch Vương Đại hội Di Lạc Cổ-Phật Chương giáo Thiên Tôn, chèo thuyền Bát Nhã để rước các bậc Nguyên Nhân, độ các bậc Hóa Nhân.

Nguyên có Long Hoa, đây nói về một loại cây hình giống con rồng, có nở hoa, Đức Di Lạc đắc đạo tại cội cây này nên Đức Ngài sẽ làm chủ Đại Hội Long Hoa trong thời kỳ này.

Hội Long Hoa nhằm tuyển chọn người hiền lương thiện đức, loại bỏ những người bạo ác, hung tà nhằm thực hiện công bình thiêng liêng để chuyển sang giai đoạn thánh đức. Hội Long Hoa còn được xem là cuộc điểm đạo hay cuộc phán xét cuối cùng của chư Thần, Thánh, Tiên, Phật dưới quyền điều khiển của Đức Di Lạc Vương Phật theo lệnh của Đức Chí Tôn.

Kinh Đại Tường có câu:

*“Hội Long Hoa tuyển phong Phật vị,
Cõi Tây Phang đuổi quỷ trừ tà”*

Đức Phạm Hộ Pháp cũng đã cho thi khuyến tu nhưn sanh:

*“Ráng tu cho kịp Hội Long Hoa,
Đạo đức không chuyên khổ lắm à.
Chạy lạt đặng ngừa hơi khí độc,
Mê man bất tỉnh trận kỳ ba.
Người hiền cứu sống theo phò chúa,
Kẻ dữ bạo tàn xác quạ tha.
Thân Dậu đến đây rồi sẽ biết,
Đình ninh vẹn giữ mấy lời ta”*

Đại Hội Long Hoa sẽ được thiết lập tại Tòa Thánh Tây Ninh mà Đức Phạm Hộ Pháp đã xác định trong bài thuyết đạo về Đại Hội Long Hoa tại Hộ Pháp Đường ngày 19 tháng 09 năm Ất Mùi [1955]. Đức Ngài có nói: *“Tới năm Tý sẽ mở Đại Hội Long Hoa tuyển phong Phật vị tại Tòa Thánh này”*. Tuy nhiên, có lẽ không ai hiểu rõ huyền cơ mà Đức Ngài đề cập năm Tý vì chẳng ai biết năm Tý nào.

▪ **Xây dựng ngôi chợ Long Hoa và mở mang vùng Thánh Địa.**

Ngôi chợ được Đức Phạm Hộ Pháp lấy tên hai chữ Long Hoa để liên đới đến ý nghĩa của nền Đạo. Cách Tòa Thánh khoảng 2 cây số, Đức Ngài cho xây ngôi chợ để có kế sinh nhai, trao đổi mua bán hàng hóa vì mỗi năm, số tín đồ và dân càng ngày càng đông về vùng Thánh Địa sinh sống và vì nhiều lý do, trong đó có lý do được gần Tòa Thánh để cúng kiếng.

Ngôi chợ với diện tích 47 mẫu đất dời từ ngôi chợ Long Hoa cũ về, Đức Ngài tự vẽ bản thiết kế và giao Ban Kiến Trúc dưới sự giám sát, đôn đốc của Đức Ngài. Về kiểu dáng, nhà lồng hình chữ thập trên lô đất hình vuông, chung quanh chợ có 8 cửa ra vào với 8 con đường đi ra. Nhìn cao trực diện từ trên xuống, chúng ta thấy lý dịch biến từ Lương Nghi, Tứ Tượng, Bát Quái.

“Ngài nói: Bản đạo định dời chợ cũ lại chỗ này để cất Long Hoa Thị, nhờ Bác vật xem địa cuộc sanh khí như thế nào?”

Bác vật Lang đáp: Ngài định chỗ thật tốt, có thể Ngài biết trước nên mới định chỗ đúng ngay mạch nước Bát Long Dẫn Thủy, lại có Tứ Hồ Phục Triều, địa cuộc này có nhiều sanh khí, sau này Long Hoa Thị sung túc, trở nên kỳ quan (Merveille) ở đất Thánh. Nếu giữa lòng chợ được lấy nước fontaine thì đủ sức xài, vì mạch nước lớn và tốt” [Tài liệu của Thừa Sứ Phan Hữu Phước, bút hiệu Kiến Tâm].

Đức Phạm Hộ Pháp nhận thấy tầm quan trọng của Bát Long dẫn thủy, nên cho 8 con lộ Bát Quái. Trung tâm chợ xây bồn và lấy nước giếng đào ở tâm điểm. Mỗi tầng phân chia theo loại hàng hóa, tầng dưới bán thực phẩm toàn chay; tầng trên cho bán mỹ phẩm, hàng lụa, nữ trang, thú tiêu khiển... Ngài lại cho xây nhà nóc trên bồn nước để Thánh Vệ luân phiên canh giữ trật tự, lại có trạm y tế nhỏ, trạm cứu thương hầu có thuốc sẵn khi có ai bệnh hoạn.

“Cái cơ chuyển thế đã đến ngày hiệp nhứt đạo giáo khiến cho toàn thể con cái Đức Chí Tôn lo quay về một mối, sống dưới lá cờ Nhân Nghĩa của Đạo Cao Đài, ngoài thì được sự bảo vệ của quân đội, trong thì được sự dìu dắt của Hội Thánh, càng ngày nhơn sanh qui tụ càng đông, vì thế nguồn sanh sống càng bị bóp nghẹt, nên Bản đạo cho lập gấp cái chợ này để tạo lại một nguồn sanh sống dễ dàng cho nhơn sanh.

Ngày giờ này, tuy là nhìn thấy cái chợ thô sơ, nhưng rồi đây nó sẽ bành trướng rộng rãi hơn, long trọng hơn, mà chắc chắn con cái Đức Chí Tôn không bao giờ ngờ như thế, nhưng Bản đạo dám quả quyết nó phải có và nhứt định có, vì cái chợ Chuyển thế và huyền diệu thiêng liêng của Đức Chí Tôn đã định vậy” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q.4].

Đức Ngài gọi là Chợ Chuyển Thế và huyền diệu thiêng liêng của Đức Chí Tôn, nên tên gọi và kiểu vở ngôi chợ cũng in đậm bí pháp nhiệm mầu của nền Đạo Cao Đài. Đức Ngài tuyệt nhiên cấm bán đồ mặn, chỉ toàn đồ chay mới xứng đáng Chợ Long Hoa giữa vùng Thánh Địa. Đức Ngài còn nói thêm rằng, các chợ trong vùng Thánh Địa ngày sau cũng sẽ do Hội Thánh chấn chỉnh lại.

“Nếu nhơn loại biết trụ cả đức tin lại làm một khối thì không có chuyện gì mà nhơn loại không làm được. Bần Đạo nhận thấy được cái sự nghiệp kinh doanh do tinh thần đoàn kết, cái đời sống an nhàn no ấm do công bình nhân ái của mấy em tức là Bần Đạo đã được hưởng một phần hạnh phúc tại thế đó vậy.

Qua năm tới đây, Bần Đạo rất trông cậy ở lòng nhiệt thành của toàn thể hãy giúp cho Ban Quản Trị và Hội Thánh hoàn thành Chợ Long Hoa thiết (vì hiện giờ chỉ là tạm thôi). Khi thiết thọ rồi Bần Đạo dám chắc rằng đời sống của mấy em sẽ tăng thêm không biết bao nhiêu tươi đẹp nữa và ngôi nhà chung của chúng ta là một Tông Đường để đào tạo đám thơ sinh tiếp tục làm Thánh Thử Đức Chí Tôn thừa chỉ đem hết năng lực, tâm tình đứng cứu khổ chúng sanh” [Thuyết Đạo của DHP, Q. 6, bài 1].

Đức Ngài lại khuyến khích nhơn sanh phát triển sinh hoạt kinh tế, vận động khai khẩn rừng thành đồng ruộng để canh tân, trồng trọt. Hội Thánh mở các ngôi trường đạo, Đức Ngài buộc con em nhà đạo phải đến trường học chữ nghĩa. Như vậy, nhờ lời khuyên của Ngài, dân chúng càng ngày càng về Tây Ninh lập nghiệp, sinh sống, vùng đất Thánh Địa phát triển rộng khoảng 200 km vuông bao luôn núi Bà.

Công trình chợ Long Hoa vừa giúp kẻ sanh nhai cho nhơn sanh, trợ những người cô thế, khó khăn lại tượng cơ chuyển thế. Hẳn rằng, mọi hoạt động của Đức Phạm Hộ Pháp đều mang ý nghĩa và giá trị nhất thị hiện trước mắt cho toàn đạo. Còn đằng sau, những thiên thơ thì chỉ có Đức Ngài và các Đấng thiêng liêng hiểu rõ sẽ biến hiện tương liên thế nào đối với cơ nghiệp Đại Đạo của Đức Chí Tôn.

42. Đức Phạm Hộ Pháp nêu cao ngọn cờ Nhân Nghĩa-Bảo Sanh của Quân Đội Cao Đài và Giải thể Quân Đội Cao Đài.

▪ Nguyên do thành lập Quân Đội Cao Đài và hoạt động chánh nghĩa.

Khi Đức Phạm Hộ Pháp bị bắt đi đài sang hải đảo, Tòa Thánh bị phong tỏa, các tín đồ buộc phải trở về lục tỉnh, Hội Thánh phải phân tán để tránh sự khủng bố, bắt bớ của chính quyền Pháp. Trong thời khắc khó khăn của nền Đạo Cao Đài, một vị Chức Sắc bí mật liên lạc với Nhật Bản để tìm cách giải ách nô lệ dân tộc Việt Nam và chính yếu là bảo vệ tự do tín ngưỡng của Đạo Cao Đài.

Ngày 09 tháng 03 năm 1945, một số tín đồ Cao Đài dưới danh nghĩa “Đoàn Nội Ứng Nghĩa Bình” cùng với Thiên Hoàng, thực hiện cuộc đảo chánh thực dân Pháp nơi đất Sài Gòn. Cuộc đảo chánh vinh quang, đem cho dân tộc Việt Nam mở sang trang sử mới. Nhưng người Chức Sắc Giáo Sư Đại Biểu Trần Quang Vinh vì lý tưởng tự do tôn giáo nên khi thi hành phận sự xong, lại trao quyền cho nhân dân.

Dẫu vậy, cuộc cách mạng nhân dân vẫn bị nhiều người lợi dụng, Nhật Bản lại thất trận, Pháp tiếp tục lợi dụng quân đội đồng minh trở lại Đông Dương thực hiện hoài bão thôn tính.

Trường chiến đẫm máu, biết bao nhiêu người tín đồ Cao Đài đã bỏ mình hy sinh một cách vô tội. Trước tình thế nguy cấp đó, Đoàn Nội Ứng Nghĩa Bình để bảo vệ hoàng đồ dân tộc và tín ngưỡng Đại Đạo, thực hiện cuộc kháng Pháp quyết liệt với sự tham gia của nhân dân nhiều lớp, Pháp sợ nên tàn sát tín đồ Cao Đài vô số, Pháp trấn an bằng cách trả tự do cho Đức Phạm Hộ Pháp trở về Tòa Thánh Tây Ninh từ hải đảo Madagascar.

Khi trở về Thánh Địa, tình thế ngổn ngang, Đức Ngài phải đàn chỉnh sửa thành **Quân Đội Cao Đài** với chủ thuyết “**Bảo Sanh-Nhơn Nghĩa-Đại Đồng**” với chủ ý xây dựng một đoàn quân Bảo Quốc an dân. Vì vậy, Quân Đội Cao Đài có qui củ, quân lực rất nghiêm minh.

Ngày 15 tháng 02 năm 1948, Giáo Sư Thượng Vinh Thanh được thăng lên phẩm Phối Sư. Các chức vụ đảm trách ngoài cửa Đạo, chúng tôi không dẫn đưa mà chỉ nêu một số vị trí phụ trách trong Hội Thánh: Ngày 12 tháng 2 năm 1952, Phối sư Cố vấn Hành Chánh Đạo kiêm Thượng Thông Hộ Viện. Ngày 12 tháng 3 năm 1952, Cố vấn cho Chỉ Huy Cơ Thánh Vệ. Ngày 25 tháng 4 năm 1952, Trưởng Ban Kinh tế. Ngày 28 tháng 6 năm 1952, Nghị Trưởng Hội Đồng Tối Cao. Ngày 25 tháng 1 năm 1953, Tổng Giám Đốc Ban Kinh Tế Trung Ương Tòa Thánh Tây Ninh. Ngày 26 tháng 2 năm 1953, thay quyền 3 Chánh Phối Sư tiếp quan khách và đi dự các Hội nhóm ngoài Đồi khi có thư mời. Tháng 10 năm 1953, Đức Phạm Hộ Pháp bổ nhiệm ông vào vị trí Chỉ Huy Trưởng Quân Đội Cao Đài.

▪ **Đức Phạm Hộ Pháp nêu cao ngọn cờ Nhân Nghĩa-Bảo Sanh.**

Quân Đội Cao Đài đã ghi công lao trong việc giữ gìn nền Đạo Cao Đài khi Đức Phạm Hộ Pháp bị đày sang hải đảo Madagascar, Phi Châu, lại giải ách nô lệ cho dân tộc trong hoạt động kháng Pháp.

Đức Phạm Hộ Pháp đã tuyên dương công nghiệp Quân Đội Cao Đài, một quân đội tiêu biểu cho sự công bình và nhân đạo, đã nêu cao ngọn cờ nhơn nghĩa và thi hành đúng sứ mạng thiêng liêng. Đối với Đồi, Quân Đội Cao Đài đã giải phóng đồng bào khỏi kềm kẹp, áp bức độc tài, lập lại trật tự an ninh cho dân chúng khỏi thế lực ngoại bang.

“Nền vàng cốt yếu thuộc về Quốc Gia huỳnh chủng, gốc xanh da trời là lòng bao la quảng đại, trong có bánh xe lửa chín chia gọi là pháp luân thường chuyển, lại có ý nghĩa là Cửu Thiên Khai Hóa. Trong lá cờ có ba màu: vàng, xanh, đỏ ấy là Tam Giáo qui nguyên, Ngũ Chi phục nhứt, gọi là Bảo Sanh Kỳ (Lá cờ Bảo Sanh)” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q. 1, bài 10].

Đức Ngài đã giảng giải về ý nghĩa lá cờ của của Quân Đội Cao Đài. Ngài lại nhấn mạnh đạo quân này là Đạo Binh Thiêng Liêng, mang trách nhiệm thiêng liêng làm đời cho ra an ninh, trật tự, đào tạo hạnh phúc cho nhơn sanh chung hưởng để làm gương cho sự hòa bình, làm mẫu cho các nước lân bang ngoại quốc. Quân Đội đeo lưỡi gươm nghĩa hiệp, trừ tà tôn chánh, diệt giả phò chơn, nương theo lá cờ bảo sanh, thực hành nhơn nghĩa thù thắng về mặt đạo đức tinh thần thánh tâm. Đức Ngài khẳng định Quân Đội Cao Đài là Cơ Quan Hòa Bình Thế Giới.

▪ **Đức Phạm Hộ Pháp giải thể Quân Đội Cao Đài.**

Nhìn lại lịch sử đạo, sự có mặt của Quân Đội Cao Đài là một tình huống bất đắc dĩ trong thời cuộc. Bởi lẽ, tôn chỉ Đại Đạo vẫn là từ bi-bác ái, thực hiện cây cờ cứu khổ thuần đạo pháp mà thôi.

Khi Đức Phạm Hộ Pháp bị đồ lưu, cục diện đạo cuộc đã biến loạn do cái chính trị Đờm đem lại, buộc Đức Lý giảng lập Quân Đội Cao Đài để bảo tồn sanh mạng và gìn giữ cơ nghiệp Đạo.

Mặt khác như trình bày ở trên, vì nhơn nghĩa cao trọng mà Đức Phạm Hộ Pháp khi hồi cố, đã biến Đoàn Nội Ứng Nghĩa Binh thành Quân Đội Cao Đài với tôn chỉ **“Bảo sanh-Nhơn nghĩa”**, thi hành phận sự giữ quốc an, che chở cho mạng sanh non nớt, cũng như nền Chơn Giáo Đức Chí Tôn.

Như vậy, từ khi Đức Ngài chuyển hóa và ban hành các quân luật có kỷ cương, cái hùng mạnh quân lực trở nên cái uy nghiêm trên nhơn nghĩa, chứ không vì cái tư riêng mà tàn sát thiên hạ. Lịch sử Đạo Cao Đài cũng đã khắc ghi công lao của Quân Đội Cao Đài đã lập nên một chiến công hiển hách từ năm 1946 đến năm 1954.

Tuy có những chiến công hiển hách, có giá trị cho dân tộc và đạo pháp, Quân Đội Cao Đài đã đi ngược lại tôn chỉ của Đức Ngài dạy bảo mà tàn sát lẫn nhau, phi nhơn nghĩa, nên Đức Ngài ban Thánh Lệnh số 57/VPHP ngày 13-2 Nhâm Thìn [1954] đưa Quân Đội ra ngoài ô Thánh Địa.

Đức Ngài nói: *“Các con là lửa Tam Muội, lửa dữ trừ được Ma Vương mà cũng có thể thiêu luôn Tòa Thánh, nên Thầy không cho ở trong Thánh Địa, hãy ra ngoài vì đồn trú”*.

“Thánh Linh văn số 57/VPHP:

Hộ Pháp Nhị Hữu Hình Đài.

Gửi cho toàn cả Bộ Tư Lệnh, Bộ Tham Mưu và các cấp chỉ huy Quân Đội.

“Bản Đạo gửi theo bức thư này là các giấy tờ sao lục một hồ sơ định khuôn khổ và quyền hạn của Quân Đội kể từ ngày tái lập nó.

Cả thấy đều chỉ rõ rằng: Sự lộng quyền và không tuân luật pháp của Quân Đội, từ tổ chức giết người, phe đảng lập quyền cá nhân của mình đã đem Quân Đội đến chỗ nội phản tương tàn tương sát lẫn nhau. Những kẻ vô Đạo đã lẫn vào trong Quân Đội và nương quyền hành của nhiều vị cao cấp để làm tay sai thích khách, đã nắm quyền cán bộ và trở lại mưu sát mạng, dày xéo, đọa đầy, mạ mạt và mưu ly gián toàn con cái trung thành là con Đạo giòng của Đức Chí Tôn. Bởi vì thế mà buộc lòng Bản Đạo phải từ bỏ phận sự Thượng Tôn Quản Thế đã hạ mình giúp đỡ Quân Đội, từ đây Quân Đội không còn là Quân Đội của Đạo nữa, vì hằng hà sa số điều ác hành của nó.

Muốn cứu vãn tình thế cho Quân Đội khỏi đi đến chỗ ly tán diệt vong đặng bảo tồn danh thể của nó và của Đạo và muốn cho Bản Đạo để mắt đến nó nữa, thì Quân Đội phải hợp lại và quyết định những điều sau đây:

- 1.-Một là giải tán các cơ thể của Quân Đội, từ Bộ Tư Lệnh, Bộ Tham Mưu và các cấp chỉ huy, rồi hội nghị tổ chức lại.*
- 2.-Hai là nạp các tay ám sát Thừa Sứ Trấn và các án tiết xảy ra từ thử, giao cả hồ sơ cho Pháp Chánh minh tra xử lại.*
- 3.-Ba là trừng thanh Quân Đội, phải đưa những phần tử vô Đạo và tội nhờn của quần chúng về án cướp bóc, hãm hiếp Đạo từ thử ra khỏi Quân Đội.*
- 4.-Bốn là đem những quân nhân có đủ công trận mà bị bỏ rơi, các phế binh, phải liệu phương cho cầm quyền trở lại.*
- 5.-Năm là giải tán những thiếu sinh vị thành niên, trả lại cho cha mẹ chúng nó lo việc học hành.*
- 6.-Sáu là Bản Đạo cầm quyền Thượng Tôn Quản Thế độc đoán đặng tổ chức Quân Đội lại.*

Trong mấy điều ấy mà còn một điều không làm, thì Bản Đạo sẽ ra lệnh “Ly khai” và giải tán Quân Đội.

Tòa Thánh ngày 06-10 Nhâm Thìn

(dl 22-11-1954)

*Hộ Pháp**(Ấn ký) ”*

Đến ngày 11 tháng 03 năm Ất Mùi [1955], Đức Phạm Hộ Pháp ban hành Thánh Lệnh số 704/VPHP cho biết Quân Đội đã được Quốc Gia hóa cho chánh phủ Ngô Đình Diệm và Đức Ngài tuyên bố từ đây trong cửa Đạo không còn Quân Đội nữa bởi vì Quân Đội chỉ là giải pháp biếm quyền nhất thời để tự vệ, khi cơ đời yên tĩnh thì giải tán liền, vì đó là đời, là chánh trị, hoàn toàn không thuộc quyền định liệu của nền Đại Đạo. Đạo chỉ thuần về tu hành, phổ thông chơn đạo mà thôi. Điều này càng làm rõ đạo Cao Đài Tây Ninh không phải vì tham vọng chính trị, càng tỏ chủ trương và hành tằng của Đức Hộ Pháp đối với sự hiện Quân Đội Cao Đài.

“THÁNH LỆNH QUỐC GIA HÓA Q.Đ.C.Đ*Hộ Pháp Đường**Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ**Văn Phòng**Tam Thập Tam Niên**Số: 704/VP.HP**Tòa Thánh Tây Ninh*

.....

HỘ PHÁP*Chưởng Quản Nhị Hữu Hình Đài Hiệp Thiên và Cửu Trùng**Chiếu y Tân Luật và Pháp Chánh Truyền.*

Chiếu y Đạo Luật ngày 10 tháng giêng năm Mậu Dần (15-2-1938) giao quyền thống nhất chánh trị Đạo cho Hộ Pháp nắm giữ cho đến quyền Đầu Sư chánh vị.

Chiếu theo văn bằng nhóm bất thường các cơ quan chánh trị Đạo ngày mùng 2 tháng 3 năm Ất Mùi tại Tòa Thánh (23-4-1955).

THÁNH LỆNH

Điều thứ nhứt. - Từ đây Quân Đội Cao Đài đã quốc gia hóa tức là thành Quân Đội Quốc Gia dưới quyền chánh phủ Việt Nam điều khiển, nên Hộ Pháp không còn làm Thượng Tôn Quản Thế cho Quân Đội nữa.

Điều thứ nhì. - Các chiến sĩ đã dày công hạn mã thâu hồi độc lập cho Tổ Quốc Việt Nam đã trót 10 năm chinh chiến đáng trọn quyền lựa chọn hoặc vào hàng ngũ Quân Đội Quốc Gia Việt Nam hay là trở về cùng Đạo.

Điều thứ ba. - Các cơ quan chánh trị Đạo, Tư Lệnh Bộ và Tham Mưu Bộ Quân Đội Cao Đài, các tư kỳ phận lãnh thi hành Thánh Lệnh này và thông tri cho các cơ quan chánh trị Đạo cùng toàn thể và binh sĩ đều biết hết.

Lập tại Tòa Thánh ngày 11 tháng 3 Nhuận Ất Mùi (2-5-1955)

Hộ Pháp

PHẠM CÔNG TẮC

(ký tên và đóng dấu)”

Có thư kính trình xin Đức Hộ Pháp cho Quân Đội vào Hội Quyền Vạn Linh.
Đức Ngài phê:

“Thật một việc yêu cầu làm cho Bần Đạo khó liệu, Bảo Thế nói với Quân Đội rằng: dầu mảnh thân này là sự sống thác của nó Bần Đạo còn không tiếc với Quân Đội còn kẻ chi hành tàng xấu hổ. Viết một bức thư xin họ kiểm hiểu “sở năng của thủ đoạn”, tiếng văn minh của Á Đông và tiếng văn minh của Âu Châu là thế nào? (nghĩa là gì?). Quân Đội không có một phần công lý bị tiêu diệt, mà có Quân Đội là một áp bức bất công không chi bì kịp. Nó là Thánh mà cũng là phàm, cái Thánh ấy bị đòi lợi dụng để làm mạnh cái phàm lực của họ. Phải, cơ quan Cửu Trùng Đài là cơ quan điều đờ, nên hai ông chủ Cửu Trùng Đài dám lập Quân Đội, mà Hiệp Thiên Đài là cơ quan điều Đạo, nên ông chủ nó sợ sệt ngại ngùng. Biết đâu ngày nay, Bần Đạo mở cửa cho Quân Đội đem quyền hành của nó vào, nó không áp bức, nó không vô quyền thì đã, mà cửa ấy không cần mở cho Quân Đội xông vào. Thử hỏi ngày kia, nếu quân nhân của ta phải trở về cầm quyền đảm đương quyền Đạo trong Thánh Thể Chí Tôn thì chẳng lẽ họ còn mang vũ khí nơi mình cho tới ngày tận thế ẵng. Chừng ấy quyền Quân Đội “Đời” mới nhập vào Quyền Vạn Linh, cầm súng cầm gươm nơi tay đưa ngan lên đầu họ, để họ ký một mạng lệnh chịu phục dưới mạng lệnh của quyền Đời thì họ mới nghĩ sao? Bần Đạo không cho Quyền Vạn Linh có thủ đoạn vì lẽ đó. Quân Đội giờ này là một cơ quan chánh trị Đạo tạm thời, chỉ để quyền làm cơ quan chánh trị Đạo như Cửu Viện của Hội Thánh mà thôi. Chỉ nghĩa là phải có mặt cho Quyền Vạn Linh chất vấn, chứ không phải là một phần tử của Quyền Vạn Linh. Vậy Bộ Tư Lệnh, Bộ Tham Mưu, Bộ Chỉ Huy phải có mặt để chịu dưới Quyền Vạn Linh vấn nạn”.

▪ **Nhân định cơ bản xung quanh sự công hiến và giải thể của Quân Đội Cao Đài.**

- Quân Đội Cao Đài đã tồn tại trên dưới 09 năm, ghi công lao trong sự nghiệp giải ách gồm kèm, đánh đuổi thực dân Pháp, bảo tồn nghiệp Đạo của Đức Chí Tôn.
- Đã được Đức Phạm Hộ Pháp tôn vinh là đội Thiên Binh, tượng trưng cho lá cờ Bảo Sanh-Nhơn nghĩa, thực hiện thuyết cao trọng trong cửa Đạo Cao Đài.

- Đức Phạm Hộ Pháp đã chính thức quốc gia hóa Quân Đội Cao Đài năm 1955 và tuyên bố không làm Thượng Tôn Quản Thế đối với Quân Đội Cao Đài vì những lý do ly khai, nội loạn, tàn sát, cướp bóc, hãm hiếp, thực hiện những hành vi vô đạo, bất nhân, bất nghĩa, bất trung.
- Đức Ngài cho phép những phần tử trong Quân Đội Cao Đài có thể lựa chọn trở về cửa Đạo hoặc ra Đời tùy sở định của họ.
- Dù có đơn đệ xin Đức Ngài cho Quân Đội vào Hội Quyền Vạn Linh, Đức Ngài phê duyệt không cho phép đăng vì lá Quân Đội Cao Đài là ngọn lửa tam muội, có thể tiêu hủy ma vương, nhưng cũng có thể tiêu hủy nền Đạo.
- Đức Ngài cho kỳ hạn một tháng cho các Chức Sắc Hội Thánh phải rút ra khỏi Quân Đội hết. Nếu không thì từ chức Đạo để ở lại Quân Đội.
- Giai đoạn sau, Quân Đội Cao Đài đã đang tâm hiếp đáp Đạo, kinh rẻ Hội Thánh, chỉ lợi dụng nền Đạo để tạo lập thân danh riêng, trở nên vô đạo, làm một trường đời mà thôi. Chính vì không còn xứng đáng mang trên mình bốn chữ “Bảo Sanh-Nhơn Nghĩa”, Đức Phạm Hộ Pháp cho giải thể Quân Đội Cao Đài.

43. Chủ xướng Chính Sách Hòa Bình Chung Sống.

▪ Bối cảnh ra đời.

Ngày 20 tháng 02 năm 1954, Hiệp Định Geneve ra đời lấy sông Bến Hải, là vĩ tuyến 17 để chia đôi đất nước Việt Nam. Miền Bắc dưới sự lãnh đạo của cụ Hồ Chí Minh và có quyền ủng hộ của khối Cộng Sản quốc tế.

Trong đó, Nga và Trung Hoa là hai nước cường quốc có vai trò trực tiếp trong con đường chính trị Miền Bắc. Miền Nam do cụ Ngô Đình Diệm lãnh đạo, do sự ủng hộ của khối tự do mà Tư Bản Mỹ là nước trực tiếp can dự.

Cuộc nội chiến trong quốc gia, nòi da xáo thịt khó tránh khỏi. Nên với cương vị Giáo Chủ của Đạo Cao Đài, Đức Phạm Hộ Pháp không muốn thấy nhân dân đồ thán dưới súng gươm, không muốn nhìn hai khối tinh thần dân tộc bị chia

đôi đối lập, vì việc này sẽ dẫn đến cảnh đổ máu, lệ rơi trên chính quê hương mình, làm ra cảnh tàn sát vô phương cứu chữa.

Trước sự tồn vong của tiền đồ tổ quốc, vì lòng nhân ái vô biên của Đức Ngài, Ngài không thể ngồi yên để cho các khối ngoại bang mưu đồ dày xéo, Đức Ngài cố tìm ra phương pháp nhằm cứu vãn tình thế.

Chính lễ đó, vào ngày 26 tháng 03 năm 1956, Đức Ngài đã đề xướng Chính Sách Hòa Bình Chung Sống, hầu hóa giải thù hiềm nội bộ quốc gia bằng con đường thương thuyết, hòa giải dân tộc, ngăn chặn chiến tranh Nam Bắc.

▪ **Chính Sách Hòa Bình Chung Sống.**

Đạo Cao Đài là nền Đại Đạo, lấy thuyết Từ Bi-Bác Ái làm trọng, lại phải thực thi sứ mạng cao cả, làm sao phải thi hành triết thuyết “**thế giới đại đồng**”. Từ sứ mạng đó, Đấng Thượng Tôn Quản Thế Phạm Hộ Pháp phải dẫn Đạo, dìu Đòi.

Đời ly loạn, tương tàn cốt nhục, nhân dân thống khổ, phải chịu thúc phược của chính trị nặng nề, Đức Ngài không thể khoanh tay đứng nhìn, nên đề xướng Chính Sách Hòa Bình Chung Sống nhằm dung hòa hai khối Tư Bản và Cộng Sản.

Giai đoạn ra đời chính sách này là lúc hai khối tranh đấu bằng huyết hận. Thân là Đấng Thiên Tôn, Đức Ngài không muốn con cái Đức Chí Tôn phải giải quyết bằng quân lực để giải quyết vấn nạn Nam-Bắc phân tranh, mà muốn biết nhìn nhận nhau là huynh đệ cùng huyết thống, tương nhượng nhau.

Hơn nữa, Đức Ngài hoàn toàn không thể để nền Đạo Cao Đài làm công cụ hay con cờ cho bất cứ thế lực thù hằn nào mà Đạo Cao Đài phải là tấm gương hướng đời theo ba tiêu chuẩn Từ Bi-Bác Ái-Công Bình. Đức Ngài hằng tin nơi ánh sáng chơn lý của Đức Chí Tôn chói lòa, xóa tan đi những đám mây đen bao phủ cả dân tộc Việt Nam, tạo hạnh phúc thực sự cho giống rồng tiên Nam Việt vĩnh tồn.

Xã hội Cao Đài là một xã hội dựng lên bức tranh chứa đựng tình thương, kính trọng lẫn nhau, coi nhau như anh em cùng một nhà, không còn sự phân biệt màu da, giống nòi, tôn giáo, giai cấp, tức là trình độ dân trí phải ướm đượm tinh thần và đạo đức, giàu lòng từ bi, bác ái để xây dựng một kỷ nguyên Thánh Đức.

Sau khi đề xướng Chính Sách Hòa Bình Chung Sống, Đức Ngài gửi bản cương lĩnh ấy cho các quốc gia cường quốc và hai vị lãnh đạo Nam-Bắc. Đức Ngài xin các liệt cường ủng hộ giải pháp hòa bình tương nhượng, đồng thời kiến nghị chính phủ hai miền tìm phương pháp ôn hòa thống nhất, tránh vì lý tưởng riêng mà gây ra cuộc chiến tranh đẫm máu.

“Qua buộc lòng nói rõ lý do của Qua trong giải pháp Hoà Bình Chung Sống đặng mấy em khỏi mơ hồ khi chúng ta gấn cho mình làm chánh trị. Giải pháp của Qua đề xướng là chủ tâm vì Đạo chứ không phải làm chánh trị hay quốc sự chi cả.

Mục tiêu của Đạo Cao Đài là lo toàn thiên hạ đặng tự do, đặng hạnh phúc. Có lẽ vì lý do đó mà chúng ta phải hy sinh trọn kiếp sống đặng giải ách lệ thuộc cho các chủng tộc lạc hậu vì lẽ bất công của xã hội đương nhiên mà chính mình Đức Chí Tôn đã nói và Đức Lý có lập lại:

Ngày nào còn tồn tại một lẽ bất công trên mặt thế này thì Đạo chưa thành Đạo. Ta cũng vì hạnh phúc của nhơn sanh mà hy sinh cả gia nghiệp của ta đặng tạo hạnh phúc ấy cho toàn thiên hạ.

Qua xin lập lại một lần nữa rằng:

Đạo Cao Đài có một mục tiêu chánh đáng này mà chúng ta phải làm cho kỳ được là: Bác ái, công bình, vị tha, ưu nhơn, ái vật, cải thiện đời sống dân sinh làm cho đại đồng thiên hạ. Ta đã hy sinh xương máu từ thử đến giờ cũng vì muốn cho được cái mục tiêu ấy.

Muốn cho Đạo Cao Đài có giá trị nơi mặt thế này mà đi chưa tới mục tiêu ấy tức là công trình ta cấy lúa trên đá vậy” [Trích Thánh Thơ số 12 của Đức Phạm Hộ Pháp, ngày 20 tháng 02 năm Mậu Tuất [1958].

“Hòa bình” là một danh từ rất đơn giản, nhưng lịch sử nhơn loại cho thấy con người vốn xâm hại hai danh từ đó một cách ghê sợ, những cuộc binh đao, giết chóc, bãi chiến trường tạo ra cảnh tang tóc, bi ai.

Đề thiết hiện hai danh từ “hòa bình”, đòi hỏi tất cả các quốc gia trên thế giới phải phải có thiện chí, biết yêu ái, tôn trọng mạng sống lẫn nhau, lấy đạo đức làm căn bản để bình trị thiên hạ.

Hai chữ “hòa bình” là niềm hy vọng của nhơn loại hiện hiện xưa nay. Đấng Thượng Đế thì yêu ái cả chúng sanh, nhơn sanh thì khát khao hòa bình miên viễn. Nếu một ai đó sống thuận Thiên, đắc Nhơn tâm là hợp lẽ thiên nhiên. Chủ thuyết của tôn giáo nào cũng chủ xướng hòa bình.

Tuy nhiên, những người không hiểu lý lẽ và triết lý đạo pháp nên gán cho Đức Phạm Hộ Pháp làm chánh trị khi Đức Ngài đề xướng Cương Lĩnh Hòa Bình Chung Sống. Một suy nghĩ phàm tình muốn gán cho Đức Ngài tội mưu đồ nắm chánh quyền, mưu cầu danh-lợi... Nếu Đòi chưa hiểu tôn chỉ thiêng liêng của nền Chơn Pháp của Đức Chí Tôn cũng là lẽ không lạ. Nhưng nếu người Đạo Cao Đài mà hiểu nông cạn, điều đó có thể xuyên tạc trầm trọng tôn chỉ thánh thiện của nền Chơn Giáo Cao Đài.

Dầu những biếm nhẽ, xuyên tạc theo mọi hình thức, Đức Phạm Hộ Pháp vẫn thực hiện con đường mình chọn vì sự hưng vong của toàn giống nòi, vì tôn chỉ uy nghiêm của đạo Cao Đài, vì học thuyết nhơn nghĩa theo lý tự nhiên của cơ tạo đoan.

Đức Phạm Hộ Pháp đưa ra phương pháp thống nhất lãnh thổ Việt Nam với giải pháp ôn hòa, tránh mọi xâm phạm nội quyền Việt Nam, xây dựng hòa bình-hạnh phúc-tự do cho toàn dân.

Trong cương lĩnh, Đức Ngài nêu chi tiết các phương pháp. Sau đó, gửi cho cụ Hồ Chí Minh bức thư vào ngày 01 tháng 04 năm 1954, một bức thư đồng bào Việt Nam vào ngày 20 tháng 01 năm 1955, một bức thư gửi Thủ Tướng Pháp, một bức thư gửi Chủ Tịch Liên Hiệp Quốc, một bức thư gửi chư vị Đại Đức và các tôn giáo, một bức thư gửi cụ Ngô Đình Diệm và nhiều bức thư khác trên con đường tìm hòa bình chon thật trên mảnh đất Việt Nam.

▪ **“Lục bất tông tâm”.**

Bản tuyên ngôn của Đức Phạm Hộ Pháp viết ngày 30 tháng 04 năm 1956, có viết:

“Cốt ý Bản Đạo nói ra đây đặng tỏ cho cả toàn quốc dân hiểu biết rằng Bản Đạo không buổi nào muốn giải quyết vận mạng nước nhà với quân lực, mà chỉ dùng phương pháp đạo đức đem hoà bình hạnh phúc lại cho giống nòi mà thôi”.

Quả thật vậy, phương pháp ôn hòa, tránh đổ máu, ý hướng cương lĩnh thực hiện nền hòa bình đối với nước Việt Nam của Đức Phạm Hộ Pháp là làm theo tôn chỉ của Đạo Cao Đài, là Thánh Ý của Đức Chí tôn trên nghĩa lý **“thế giới đại đồng”**, trên **“luật thương yêu”**, tránh nạn tương tàn, tương sát trong lịch sử như Trịnh-Nguyễn. Trong các bức thư gửi các cụ lãnh đạo chính trị hai miền Nam-Bắc, Đức Ngài khẩn khoản xin hai cụ chấp nhận con đường tương nhượng thương thuyết.

“Đại Đạo bao giờ cũng bao la như biển cả, sẵn sàng tiếp đón mọi dòng sông. Các con nên nhớ rằng trong nhân loại ngày nay chỉ trừ những người vô đạo, tất cả mọi người đều là anh, em của các con, tất cả đều có đạo Cao Đài, vì đạo Cao Đài gồm có Phật giáo, Công Giáo, Lão giáo, Nho giáo v.v.

Sở dĩ Đức CHỈ TÔN chọn đất nước Việt Nam này làm Thánh Địa để phổ độ chúng sanh kỳ ba, chỉ vì Việt Nam là nơi kết hợp được tinh hoa của tất cả các nguồn văn minh trên thế giới, Việt Nam là nơi tổng hợp các ngành đạo đức: Nho, Lão, Thích và cũng là nơi gặp gỡ của hai nền văn minh Đông Tây” [Trích thư của DHP gửi cho Chức Sắc và bốn đạo mùa xuân Ất Mùi, 1955].

Với vai trò nhà lãnh đạo tinh thần tối cao, bậc Giáo Chủ đạo Cao Đài, Đấng Thượng Tôn Quân Thế trong sứ mạng **“thế thiên hành hóa”**, Đức Phạm Hộ Pháp đã trải tấm thân và tinh thần trong việc thực hiện trọng trách khai nền Đại Đạo và bảo tồn thuyết **“từ bi-bác ái”**, nên Đức Ngài đã không ngại khó nhọc, gian truân, tìm đủ phương cách, vận động, thương thuyết, xin nhờ các vị lãnh đạo chính trị, mưu cầu con đường hòa bình chân thật cho dân tộc Việt Nam.

Đức Ngài đã nhân danh cương vị Giáo Chủ tinh thần mà cầu xin, tha thiết kêu gọi hai miền, các cường quốc, tổ chức quốc tế, lãnh đạo tôn giáo khác, khẩn nguyện Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu nhưng Thiên điều đã định vậy, lực bất tòng tâm.

Hoài bão và khao khát của Đức Ngài không thành hiện thực. Hành tàng của Đức Tam Thế Chí Tôn Christna lưu bạt hải đảo, cầu xin Thiên Liêng phủ phước nơi Trí Huệ Cung trong vòng 90 ngày nhưng Đức Ngài phải than rằng:

*“Trót đã bao năm ở xứ người,
Đem thân đổi lấy phút vui tươi.
Ngờ đâu vạn sự do Thiên định...”*

Trong những lời truyền huân của Đức Tôn Sư, Đức Ngài cũng đã để lại những tiên tri mà ngày nay chúng ta hiển nhiên thấy rõ.

“Ngày nào toàn thể nhơn sanh đều biết hồi đầu hướng thiện, nhìn Đạo Trời là một Cơ Quan Cứu Thế, thật hành chủ nghĩa thương yêu cho ra thiết tướng thì ngày ấy mới đặng hưởng hòa bình đại đồng thế giới” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q.1, bài 1].

Dẫu sao, Chính Sách Hòa Bình Chung Sống là tiếng nói của một bậc Giáo Chủ Đạo Cao Đài, cũng đã khắc ghi trong sử sách, đóng góp vào lòng nhân thế tiếng chuông giục thúc âm vang hòa bình. Hoài vọng không đạt, âu cũng là luật nhân quả của chúng tộc, giống nòi. Định mạng của tổ quốc vẫn nằm trong tay quyền năng Thiên Liêng.

44. Ý nghĩa việc lưu vong sang Miên Quốc của Đức Phạm Hộ Pháp.

▪ Lưu vong sang Miên Quốc.

Khi đất nước Việt Nam bị phân thành Nam-Bắc với ranh giới sông Bến Hải, vĩ tuyến 17 tranh do Hiệp Định Geneve ngày 20 tháng 07 năm 1975. Hai thế lực Tư Bản và Cộng Sản chi phối hai miền. Nên Đức Phạm Hộ Pháp không thể ngồi yên chịu sự dày xéo dân tộc của ngoại bang, cũng như hai khối kinh chống chia cắt khối tinh thần dân tộc, Đức Ngài chủ xướng Chính Sách Hòa Bình Chung Sống. Tuy nhiên, cả hai miền đều không ủng hộ thực thi.

Với sự hùng mạnh của khối Tư Bản do Mỹ trực tiếp can dự vào miền Nam, nên chính phủ Ngô Đình Diệm đương nhiên theo thế lực này mà bất chấp, đánh miền Bắc.

Mặt khác, vào đầu năm 1955, Chánh phủ Ngô Đình Diệm mượn tay tướng Nguyễn Thành Phương, Tổng Tư Linh Quân đội Cao Đài lập ra Ban Thanh Trừng đàn áp, bắt bớ nhiều Đạo Hữu, thực hiện cuộc trấn áp Đạo Cao Đài, khủng bố Đức Phạm Hộ Pháp. Hơn thế nữa, Đức Ngài bị giam lỏng tại Hộ Pháp Đường 04 tháng rưỡi.

Tình thế càng gay trở, nhận thấy không thể yên phận được nên Đức Ngài quyết định lưu vong sang Miên Quốc. Lúc 03 giờ sáng, ngày 05 tháng 01 năm Bính Thân [1956], Đức Phạm Hộ Pháp cùng một số vị Chức Sắc rời Tổ Đình sang Nam Vang và xin với vua Cao Miên tị nạn.

▪ **Hoạt động và sinh hoạt đạo tại Cao Miên.**

Khi phái đoàn cùng Đức Phạm Hộ Pháp tới Báo Ân Đường, ông Giám Đạo Huỳnh Hữu Lợi ra tận cổng để tiếp đón Đức Ngài và mời Đức Ngài nghỉ. Sau đó, Đức Ngài viết các bức thư và Cương Lĩnh Chính Sách Hòa Bình Chung Sống gửi các tổ chức quốc tế, như Tổng Thư Ký Liên Hiệp Quốc, các lãnh đạo quốc gia trên thế giới, lãnh đạo tôn giáo thế giới.

Đức Phạm Hộ Pháp cho phái đoàn rước ông Sĩ Tải Lê Quang Tấn sang Campuchia [sau thăng lên Thừa Sứ]. Khi ông Tấn sang và bái Đức Ngài, Thầy và trò gặp nhau trong nỗi vui mừng khôn siết.

Những ngày sau, Đức Ngài hay trở bệnh và được các phái đoàn Chức Sắc trung thành, kính mến chăm sóc chu đáo như Hành Thiện Hiệu-là người luôn túc trực bên Đức Ngài từ ngay Tổ Đình, Ngài Chánh Phối Sư Thái Khí Thanh, cô Ba Cầm, cô Tư Tranh, Sĩ Tải Lê Quang Tấn... Khi hay tin Đức Phạm Hộ Pháp lâm bệnh Sĩ Tải Nguyễn Minh Nhựt liền tìm xin phép đến vấn an sức khỏe Đức Ngài và những thời gian quây quần bên Đức Ngài, các vị Chức Sắc nghe căn dặn, giáo huấn của Đức Ngài. Có lẽ, những hoạt động vui buồn nơi đất Cao Miên cũng sẽ khép lại trang sử của Đấng Thượng Tôn Quản Thế nơi đất khách quê người.

▪ **Nhận định.**

Thân xác là Phạm Công Tắc, tinh thần trí não là Hộ Pháp, Đức Phạm Hộ Pháp đã đến thế gian thay Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu lập ra mỗi Đạo Trời ân xá kỳ ba với biết bao sứ mạng của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Tay Người cầm bửu pháp Kim Tiên để đào độn điển lực khí sanh quang nuôi dưỡng và thúc đẩy sự giục tấn của Bát Hồn. Tay khác cầm bửu pháp Giác Ma Xử để trừ tà, đuổi quỷ thì tất nhiên Đức Phạm Hộ Pháp không phải sợ bất cứ quyền uy

thể lực nào ngăn cản. Thế nhưng, Đức Ngài tự lưu vong sang Cao Miên để tỵ nạn. Đây là một sự kiện hệ trọng đòi hỏi người Cao Đài phải hiểu sự lưu vong của Đấng Thượng Tôn Quản Thế bằng một **huệ nhân** đích thực.

45. Diển lực vô biên của Đấng Thiên Tôn.

Trong cuộc đời hành đạo của Đức Phạm Hộ Pháp, luôn có những câu chuyện, các hiện tượng và sự việc xảy ra do huyền diệu thiêng liêng khiến đệ minh chứng nền tôn giáo Cao Đài là một Giáo Pháp có năng lực cứu rỗi toàn thể chúng sanh, minh chứng Đức Phạm Hộ Pháp là hóa thân của Đức Chí Tôn xuống thế để làm tròn vai tuồng thế Thiên hành hóa.

Từ những năm đầu, Đức Chí Tôn đã trao truyền Bí Pháp cho Đức Phạm Hộ Pháp. Vai trò của Đấng Tam Thế Chí Tôn Christna Phật, Đức Ngài có nguồn diển lực vô biên nên những năm sau, Đức Ngài thường ban phép lành cho toàn thể Đạo.

Một huyền diệu đã xảy ra, là chứng tích để cho biết Đức Ngài có khối diển lực vô tận. Vào năm 1950, một vị Đại Đức Nethera lãnh đạo Phật Giáo Tích Lan trên ba ngàn Đại Đức sang Việt Nam để chữa bệnh cho nữ tu sĩ tại Sài Gòn, bệnh viện Chợ Rẫy. Hành trình đến Việt Nam, huyền diệu Ôn Trên khiến Đại Đức sẽ diện kiến Đức Phạm Hộ Pháp để giúp trợ diển trong việc trị bệnh cho nữ tu sĩ.

Mọi việc sẽ tiến hành việc giải bệnh lúc 12 giờ trưa ngày 28 tháng 05 năm 1950. Đức Phạm Hộ Pháp vì nằm nghỉ và xem kinh sách nên quên giờ trợ diển. Đúng giờ, Đại Đức Nethera giải bệnh bằng thần diển, diển này khiến Đức Hộ Pháp khó chịu và liền nhớ việc trợ diển như đã hứa. Đức Pháp liền thực hiện trợ thần diển cho Đại Đức Nethera. Vì thần diển của Đức Phạm Hộ Pháp quá mạnh, khiến hai tay của Đại Đức run và thể xác nữ tu sĩ cũng cử động.

Sau 15 phút, nữ tu sĩ khỏe mạnh, ngồi dậy và cảm ơn vị Đại Đức Nethera. Những dữ kiện trên được Đại Đức Nethera tường thuật cho Hội Thánh Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh trong dịp viếng thăm lần đầu. Vị Đại Đức xác nhận thần lực của Đức Phạm Hộ Pháp vô biên nên tôn vinh Đức Phạm Hộ Pháp là Sư Tổ.

Đến năm 1953, vì lòng cảm mến Đạo Cao Đài và kính trọng Đức Phạm Hộ Pháp, Đại Đức Nethera đích thân từ Tích Lan sang Việt Nam viếng thăm Hội Thánh và trao tặng Xá Lợi Phật và cây Bồ Đề để lưu niệm.

Phật Giáo vẫn truyền tụng một dữ kiện quan trọng mà Thầy Thích Thông Lai nói Đức Phật Thích Ca cho hay:

“Chừng nào có một đạo ra đời, lấy y phục toàn màu trắng làm chuẩn cho cơ bản của đường tu và tất cả các đạo cũng đều nhìn nhận để cùng mặc toàn là đồ màu trắng thì lúc đó sắp có Long Hoa Đại Hội. Khi nào có đạo ấy ra đời, các con

sẽ đem xá lợi của ta và cây bồ đề của ta đến hiến cho đạo ấy, vì đạo ấy có ta ở đó, ngày Long Hoa Đại Hội sẽ có mặt ta, các con nhớ vậy”.

Như vậy, lời tiên tri của Đức Phật đã cho biến sự xuất hiện của tôn giáo Cao Đài sau hơn 2.500 năm. Đến nay, theo lời truyền dạy, Phật Giáo Tích Lan đã làm theo di huấn của Đấng Thế Tôn Thích Ca, trao cho đạo Cao Đài viên Xá Lợi Phật và một cây Bồ Đề.

Khi được tin Phật Giáo hiến tặng hai vật quý ấy, Đức Phạm Hộ Pháp yêu cầu tất cả các Chức Sắc và toàn đạo tham dự tại Tòa Thánh để thiết lễ cung nghinh Xá Lợi Phật và cây Bồ Đề.

Ngọc Xá Lợi được an vị tại bửu điện Bát Quái Đài. Cây Bồ Đề được Đức Phạm Hộ Pháp cho trồng trước Tòa Thánh, căn dặn chăm sóc kỹ. Tuy nhiên, ít ngày sau, Bảo Thể kính báo Đức Phạm Hộ Pháp rằng cây bị con dế cắn gây đứt. Đức Phạm Hộ Pháp rầy và nói cũng là do thiêng liêng muốn vậy.

Ngày nay, cây Bồ Đề sừng sững trước Tòa Thánh sum suê, một chứng tích của Đức Phật trau cho nền đạo Cao Đài nhưng cây vẫn không có ngọn chính, mà các nhánh phát triển từ gốc mà ra.

“Bản Đạo duy muốn làm bạn với con cái Ngài, nên phẩm vị Phật sống của Đức Chí Tôn để cho Bản Đạo, mà Bản Đạo chưa có ngôi. Ấy vậy mê tín dị đoan trong cửa Đạo Cao Đài không có và không cần có, quả quyết hẳn vậy, nên đình lại bí pháp chơn truyền, nếu thuyết ra là lấy cái quyền năng mê tín dị đoan mà thắng thiên hạ là một điều hèn nhất nên Bản Đạo không dùng, để khi nào dùng được Bản Đạo sẽ dùng. Bản Đạo hứa chắc sẽ giáo hóa cho con cái Đức Chí Tôn mà thôi” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q.3, bài 15].

Chúng ta vẫn biết ra ngôi vị của Đức Phạm Hộ Pháp là một vị Phật hạ mình xuống thế, Đức Ngài không muốn dùng những hình thức siêu phàm, điển lực, quyền phép mà tránh nhơn sanh làm tưởng mê tín dị đoan, Đức Ngài chỉ muốn dùng tôn chỉ, học thuyết của Đạo Cao Đài mà giáo hóa nhơn sanh, dẫn dắt con cái Đức Chí Tôn về với Chân-Thiện-Mỹ, thực hiện phương pháp căn bản của Giới-Định-Huệ để con người dần dần thấu rõ máy huyền vi, hồi quang phản chiếu, chớ Đức Ngài không dùng diệu pháp linh hiển mà phô bày.

Nên điển lực vô biên của Đức Ngài vẫn chưa sử dụng mà chỉ làm một Giáo Chủ hữu hình dụng chủ thuyết cao trọng của Đức Chí Tôn để “đắc nhân tâm”. Điều đó, cũng tỏ rõ nền Đạo Cao Đài không phải là nền tôn giáo có đặc tính mê tín dị đoan, dựa vào thần quyền, mà người môn sinh phải giựt tấn bằng chính đời sống thánh thiện của mình.

46. Đức Phạm Hộ Pháp ngăn ngừa việc tổ chức Đại Hội Long Hoa và Tạo Cực Lạc Tây Phương Thế Giới tại núi Bà.

Theo tài liệu của Ông Thừa Sứ Lê Quang Tấn có thuật câu chuyện tổ chức Đại Hội Long Hoa này. Nguyên có Ngài Đầu Sư Thái Thơ Thanh tự ý tổ chức Đại Hội Long Hoa vào năm 1938. Đức Ngài cho Ban Cai Quản của chùa Cực Lạc tại chân núi Bà xây 09 căn nhà, mỗi nhà có 05 căn, 02 chái và có phòng ngủ trang hoàng.

Trong Đại Hội, Ngài mời tất cả các chư Tăng Đức các chùa khắp mọi miền về tham dự lễ trường hương và dự Đại Hội Long Hoa. Vì vậy, buổi lễ lớn được thiết lập, các vị Hòa Thượng, Đại Đức, chư Tăng Ni qui tụ về đông đảo. Tuy nhiên, việc làm này của Ngài hoàn toàn không báo cho Hội Thánh hay biết. Đức Phạm Hộ Pháp cũng chẳng rõ điều này.

Khi nghe tin, Đức Phạm Hộ Pháp biết mời Bà Lâm Hương Thanh và ba vị Chánh Phối Sư đến chùa để chứng dự việc làm của Ngài Thái Thơ Thanh.

“Đức Phạm Hộ Pháp: ai cho phép anh mời Chư Tăng, Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức về dự Đại Hội Trường Hương 100 ngày và Đại Hội Long Hoa?

Ngài Thơ đáp: Chắc Đức Ngài quên rồi đó. Tôi chỉ làm theo Thiên Thơ.

Đức Phạm Hộ Pháp: Anh không được cãi lời Bản Đạo vì thời kỳ này chưa đến mà dám tạo ra như vậy không được.

Ngài Thơ nói: Cây cờ thứ nhứt mà Đức Ngài không cho tôi giựt để giựt cây cờ thứ hai để lượm tàn hay sao?

Đức Phạm Hộ Pháp: Chị Lớn có nghe không? Ba Chánh Phối Sư có nghe không? Nếu Bản Đạo đưa Anh về vài lần nữa thì có thể Anh ăn cắp Bản đồ Ngọc-Hư-Cung luôn. Nhứt định hôm nay Anh phải tuân lệnh Bản Đạo là xin cáo lỗi với quý vị Hòa-Thượng, Thượng-Tọa, Đại-Đức đã đến lỡ rồi thì đưa tiền lộ phí cho quý vị trở về. Đồng thời có thơ cáo lỗi đính chánh xin hoãn cuộc Đại Hội lại và sẽ thông báo sau”.

Trước khi đó, Ngài Thái Thơ Thanh đã tạc tượng hình Ngài bằng đá cẩm thạch. Một tuần lễ sau, Ngài lâm bệnh. Biết được sự việc này, Đức Phạm Hộ Pháp giải thích rằng thân của Ngài đã nhập tượng nên có hiện tượng bệnh trên. Đức Phạm Hộ Pháp dạy đem tượng đi chôn, Ngài Thái Thơ Thanh khỏe mạnh trở lại. Ngài Thái Thơ Thanh rõ diệu huyền của Đức Phạm Hộ Pháp mà xin tha thứ sự lỗi lầm ấy.

Câu chuyện đạo trên đã cho ta biết các vấn đề như sau:

Một, trong cửa Đại Đạo có rất nhiều nguyên căn cao trọng giáng sanh hoặc Nguyên Nhân thủ đoạt cơ nhiệm mầu thời ân xá của Đức Chí Tôn nên chu xuất Thiên Cung nhờ hồng ân chan rưới của Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu.

Hai, Đại Hội Long Hoa là cơ điểm đạo của Đức Di Lạc Vương Phật mà Đức Phạm Hộ Pháp xuống thế rõ máy tạo thiên cơ, huyền phép của Ngài có thể thông thiên đạt địa, thường du xuất về cõi Thiêng Liêng khi cần thiết.

Ba, ai tự ý làm trái nghịch với Pháp Luật Đại Đạo rất có thể ảnh hưởng đến Chơn Pháp của Đức Chí Tôn, không được hồng ân mà còn vướng vào tội nghịch Thánh Ý thiêng liêng.

47. Đức Phạm Hộ Pháp cho vẽ Tượng Tam Thánh tại Tịnh Tâm Đài Tòa Thánh.

Họa sĩ Lê Minh Tông là một nhà cách mạng vốn nổi tiếng vùng Bạc Liêu, bị Pháp bắt năm 1914 đày ra Côn Đảo. Đến năm 1945, Giáo Sư Đại Biểu Trần Quang Vinh chống Pháp đã đẩy lùi ngoại bang bằng tâm vong nhọt, nên họa sĩ Lê Minh Tông được rước từ Côn Đảo trở về cùng với hàng loạt Chức Sắc Cao Đài như Giáo Sư Thượng Sáng Thanh, Giáo Sư Trần Văn Quế, Giáo Sư Trần Thiện Niệm, Lễ Sanh Ngọc Tường Thanh và một số nhân vật Cách Mạng Cộng Sản như Lê Duẩn, Tôn Đức Thắng Phạm Hùng...

Điều huyền thiêng liêng xui khiến sứ mạng họa sĩ phải hoàn thành trách nhiệm vẽ tượng Tam Thánh ký Hòa Ước. Nên họa sĩ gặp vợ con tại Tòa Thánh hội hiệp, rồi tiễn vợ con trở về Sài Gòn và họa sĩ sẽ về sau vì họa sĩ muốn gặp Đức Phạm Hộ Pháp.

Vì chưa kiến diện Đức Phạm Hộ Pháp được, ông họa sĩ lưu trú tại Quốc Sự Vụ-Tòa Thánh và hàng đêm bận áo dài khăn đóng cúng tỵ.

Khi diện kiến, Đức Phạm Hộ Pháp hỏi ngay ông có biết chân dung ba vị Victor Hugo, Tôn Dật Tiên, Nguyễn Bình Khiêm. Ông Tông nói biết và Đức Phạm Hộ Pháp cho người đem giấy đề ông Tông phát họa chân dung Tam Thánh. Một tiếng đồng hồ, ông hoàn thành bức vẽ và trình cho Đức Phạm Hộ Pháp. Đức Ngài đồng ý và không sửa chi rồi dẫn ông Tông đến Tịnh Tâm Đài Tòa Thánh để vẽ lên khuôn bao có sẵn.

Như vậy, cuộc diện kiến của họa sĩ Lê Minh Tông với Đức Phạm Hộ Pháp trong lần đầu tiên mà đã nên một bức họa Tam Thánh với cọ bút tài hoa. Ông Lê Minh Tông đã làm cho Đức Hộ Pháp hài lòng và truyền thừa kiểu vở trong Ban Kiến Trúc Tòa Thánh để vẽ Thánh Thất khắp nơi. Đây phải chăng là sứ mạng của họa sĩ Lê Minh Tông, khiến xui gặp Đức Phạm Hộ Pháp và hoàn thành trách nhiệm đối với Hội Thánh!

48. Trở gót triều Thiên.**▪ Đức Phạm Hộ Pháp triều Thiên.**

Sau trên dưới 33 năm phụng sự cho nền Chơn Giáo Đức Chí Tôn, thể xác và tinh thần đã kiệt, lao tâm và lao lực, sức khỏe Đức Ngài càng xuống trầm trọng và trở nên bệnh nặng. Đức Ngài biết giờ mình sắp ra đi, nên viết một lá thư cho Hoàng Thân Cao Miên xin gửi thi hài dưới sự bảo vệ của Hoàng Gia.

“Bản Di Ngôn Gửi Hoàng Thân Norodom Sihanouk

Thưa Điện Hạ!

Bản Đạo gửi những dòng chữ này đến Điện Hạ trên giường bệnh của Bản Đạo (bệnh viện Calmette). Sức khỏe của Bản Đạo càng ngày càng suy giảm và Bản Đạo nghĩ không còn sống bao lâu nữa.

Vậy Bản Đạo gửi lần cuối cùng đến Điện Hạ và Chánh Phủ Hoàng Gia Cao Miên tất cả lời cảm tạ chân thành về sự khoan đãi rộng rãi của Điện Hạ và Chánh Phủ Hoàng Gia dành cho Bản Đạo với đoàn tùy tùng và cho tất cả tín đồ của Bản Đạo.

Bản Đạo thành tâm cầu nguyện Thượng Đế Cao Đài và Phật tổ ban hồng ân che chở Vương Quốc Cao Miên và cho Điện Hạ để chóng thực hiện và nhất là thành công về vang chánh sách hòa bình Trung lập và Hoà Bình chung Sống, chánh sách đặc biệt ưu ái của Bản đạo và vì nó mà Bản Đạo phải hao tổn sức khỏe và cuộc đời của Bản Đạo mà không thể thực hiện được.

Bản Đạo thành tâm ước mong rằng tổ quốc thân yêu của chúng tôi, nước Việt Nam, có thể đeo đuổi theo chính sách trong một ngày gần đây, tay bắt tay cùng đi với nước Cao Miên trong đường lối thương yêu và cộng đồng giữa các sắc dân và nhất là giữa hai dân tộc Miên Việt.

Bản đạo sẽ hoàn toàn sung sướng được yết kiến lần cuối cùng với Điện Hạ để tỏ bày tất cả những lời cảm ơn của Bản Đạo, nhưng Bản Đạo không biết sức khỏe của Bản Đạo còn chờ được hay không ngày về của Điện Hạ.

Dầu sao tình thân hữu thâm niên của chúng ta, hơn danh tình yêu thương và tình huynh đệ giữa hai dân tộc Cao Miên và Việt Nam và nhất là nhân danh tương lai bất khả phân ly của hai nước chúng ta, Cao Miên và Việt Nam, Bản Đạo cung kính xin Điện Hạ như một ân huệ đặc biệt và cuối cùng cho Thánh Thất chúng tôi khỏi chịu dưới lệnh phá hủy, để giữ kỷ niệm độc nhất của Bản Đạo nơi đất Miên.

Để giúp Điện Hạ có một ý niệm đứng đắn về tình hình qua, Bản Đạo trân trọng gửi đến Điện Hạ một bản sao đơn khẩn cầu của Bản Đạo vừa chuyển đến Hoàng Thượng.

Bản Đạo phải thoát kiếp nơi đây, Bản Đạo xin thỉnh cầu Điện Hạ cho phép Bản Đạo tạm gửi thi hài ở nơi đất Miên dưới sự bảo vệ tối cao của Hoàng Gia Cao Miên. Ngày nào tổ quốc thân yêu của chúng tôi là nước Việt Nam đã thống nhất, sẽ theo chánh sách hòa bình trung lập, mục phiêu đời sống của Bản Đạo, tín đồ của chúng tôi sẽ di hài về Tòa Thánh Tây Ninh.

Bản Đạo khẩn cầu Điện Hạ và Chánh Phủ Hoàng Gia, sau khi Bản Đạo thoát xác, dành cho đoàn tùy tùng và cả thiện nam tín nữ của Bản Đạo, sự khoan đãi rộng rãi và các sự dễ dãi như trước để tu hành theo tôn giáo của chúng tôi.

Biết rằng Điện Hạ sẽ chiếu cố đến đơn thỉnh cầu này, Bản Đạo sẽ thanh thản nhắm mắt đem theo cái kỷ niệm dịu dàng nhất trong đời của Bản Đạo, cung kính xin Điện Hạ chấp thuận lòng tri ân vĩnh viễn của Bản Đạo.

Nam Vang ngày 14-05-1959 Hộ Pháp”

Đức Ngài lại căn dặn Chư Chức Sắc và bản đạo như sau:

“Bản đạo qui Thiên, tạm gửi thể xác nơi đất Cao Miên một thời gian. Ngày nào nước nhà độc lập thống nhất hoặc thực hiện đúng theo đường lối Hòa bình Trung lập, sẽ di liên đài về Tòa Thánh Tây Ninh”.

Với lời di ngôn này, đã minh chứng rằng dù đến hơi thở cuối cùng, Đức Ngài vẫn lưu tâm đến hoàng đồ Việt Nam, nền hoàn bình miên viễn của dân tộc Việt Nam. Toàn Đạo đã khắc ghi lời di huấn của Đức Hộ Pháp trước lúc triều Thiên.

“Hành Thiện Hiệu là người phục vụ cho Đức Hộ Pháp từ khi còn ở Tòa Thánh Tây Ninh theo đoàn lưu vong lên Cao Miên luôn luôn sống bên cạnh Đức Hộ Pháp để chăm nom săn sóc sức khỏe cho Đức Hộ Pháp. Còn hai người con của Đức Ngài là cô Ba Cầm và cô Tư Tranh ở nhà riêng trong phần đất xây dựng ngôi Thánh Thất.

Khi Đức Hộ Pháp bệnh nặng cô Ba Cầm và cô Tư Tranh liền đưa Đức Hộ Pháp vào nằm Bệnh Viện Aurore với sự đưa đón chăm sóc của Chức Sắc Hội THánh Trấn Đạo Tàn Quốc do Ngài Chánh Phối Sư Thái Khí Thanh làm chủ Trưởng. Hằng ngày Chức Sắc Trấn Đạo đều thay phiên nhau đến Bệnh Viện chăm lo chăm sóc bệnh cho Đức Hộ Pháp rất chu đáo. Hai tuần lễ nằm Bệnh Viện Aurore (Sĩ Tải Tấn và Hành Thiện Hiệu thay phiên trực bên giường bệnh) bệnh Đức Hộ Pháp được

hồi phục nên Đức Hộ Pháp bảo Sĩ Tải Tấn xin xuất viện để trở về Thánh Thất yên tĩnh hơn.

Thay vì anh Tám Ngọc (tài xế) đem xe ra rước Đức Hộ Pháp về Thánh Thất thì 2 cô Ba Cầm và cô tư Tranh năn nỉ Đức Hộ Pháp xin vui lòng chuyển qua nằm Bệnh Viện Calmette, vì 2 người con gái quá năn nỉ nên Đức Hộ Pháp phải bằng lòng qua nằm Bệnh Viện Calmette, lên giường nằm xong thì Sĩ Tải Tấn liền đứng dậy từ giã Cô Ba Cầm và Cô Tư Tranh để theo xe về Thánh Thất với Ngài Bảo Đạo.

Sĩ Tải Tấn không còn ở túc trực ban đêm với Hành Thiện Hiệu như ở Bệnh Viện Aurore nữa, chỉ còn cô Tư Tranh và Hành Thiện Hiệu ban đêm túc trực ở giường bệnh.

Tuần lễ sau thì bệnh của Đức Hộ Pháp tái phát nặng. Sĩ Tải Tấn liền điện thoại cho Sĩ Tải Khỏe ở đồn điền Chup hay là Đức Hộ Pháp bệnh nặng. Còn Ngài Thái Chánh Phối Sư Thái Khí Thanh sắp xếp cho từng Chức Sắc theo hàng phẩm của mỗi người ra thăm Đức Hộ Pháp đang nằm tại Bệnh Viện để nghe Huấn Giáo thêm. Ông Sĩ Tải Nguyễn Minh Nhựt được Sĩ Tải Khỏe báo tin là Đức Hộ Pháp đang trở bệnh nặng thì Sĩ Tải Nhựt liền xin phép chủ đồn điền để ra Phnom Pênh thăm bệnh.

Sĩ Tải Nhựt vừa tới Thánh Thất thì Sĩ Tải Tấn liền kêu tài xế Ngọc cùng đi thăm Đức Hộ Pháp. Ba anh em Ngọc, Nhựt và Tấn vừa tới giường bệnh, một cơn ho bắt đầu trời dậy, Đức Hộ Pháp đang mệt nhưng còn hỏi Sĩ tải Nhựt "Con mới về hả con".

Sĩ Tải Nhựt bạch: thưa Thầy con mới về tới, kế tiếp là đờm trong họng vọt ra, Đức Hộ Pháp bắt đầu yếu dần, thấy đờm còn vương trong miệng. Sĩ Tải Tấn liền móc khăn tay ra đưa vào miệng Đức Hộ Pháp để rút đờm ra nhưng nó quá trơn, khăn móc không được đờm.

Vào phòng vệ sinh rửa tay anh Tài xế Ngọc liền nói: Bệnh Thầy nguy lắm nên đờm mới lên như thế. Trở về tới giường bệnh Đức Hộ Pháp liền bảo: Sĩ Tải Nhựt con nên về sớm đi con, đồng thời Đức Ngài còn bảo: Sĩ Tải Tấn con đưa Sĩ Tải Nhựt ra bến xe đi con.

Sĩ Tải Nhựt liền bước tới mua vé thì còn một tiếng đồng hồ nữa xe mới khởi hành. Bạn Sĩ Tải Nhựt đến quán uống nước ngọt để chờ xe khởi hành với Sĩ Tải Tấn.

Đang trò chuyện thì ông Sĩ Tải Cao chạy xe từ từ tới báo tin là Đức Hộ Pháp đã quy Thiên rồi. Sáu cặp mắt nhìn nhau đầy giọt lệ,

không nói nên lời. Bắt tay nhau, kẻ lên xe người trở về bệnh viện Calmette. Sĩ Tải Tấn đi thẳng về Thánh Thất báo động "Đức Hộ Pháp đã qui Thiên" cả Chức Sắc nam, nữ tại Trần Đạo đều khóc âm thầm. Ngài Bảo Đạo thì viết tin buồn gửi lên Chánh Phủ các nơi.

Còn Ngài Tổng Giám Võ Văn Khuê lên lầu dọn lại căn phòng của Đức Ngài nghỉ cho được trang hoàng, (sau mấy tuần lễ nằm Bệnh Viện) Sĩ Tải Tấn thì lo cái ghế cho Đức Ngài tạm ngồi chờ giờ tẩm liệm.

Xe Hồng Thập Tự của Bệnh Viện đưa Thánh Thể của Đức Ngài về tới Thánh Thất lúc 13 giờ 30 phút ngày 17 tháng 5 năm 1959, trước mấy ngàn Đạo hữu bao quanh Thánh Thất.

Văn phòng Trần Đạo Tàn Quốc thì tập nập Chức Sắc từ các địa phương về thọ tang, còn Ngài Thái Chánh Phối Sư Thái Khi Thanh lo báo trình về Hội Thánh Tòa Thánh Tây Ninh tin buồn là Đức Hộ Pháp đã qui Thiên, và xin chỉ giáo.

Còn Ông Đốc Nhạc Trần Thiện Niệm cũng như một số đông Chức Sắc không biết nghi thức để lễ Đức Hộ Pháp như thế nào?

Cô Hai Đạm (người nấu ăn cho Đức Hộ Pháp) cũng buồn rầu cho cảnh bơ vơ nơi xứ lạ quê người. Chẳng biết phải nấu ăn như thế nào để đãi Bốn Đạo ở khắp mọi nơi hội tụ về quá đông đảo.

Chỉ riêng Ngài Bảo Đạo rất bình tĩnh viết thư báo tin buồn về Hội Thánh Tây Ninh và cho biết: Tối nay sẽ cầu Cơ, cầu xin Đức Hộ Pháp giáng cơ về chỉ dẫn cách thức táng lễ cho làm giảm bớt sự lo âu của Trần Đạo Tàn Quốc" [Lời thuật của ông Thừa Sứ Lê Quang Tấn].

Đúng 1 giờ 30 phút chiều ngày 10 tháng 04 năm Kỷ Hợi, nhằm ngày 17 tháng 05 năm 1959, Đức Phạm Hộ Pháp trút hơi thở cuối cùng. Đức Ngài đã trở gót triều Thiên hưởng thọ 70 tuổi, để lại mối thăm sầu, tiếc thương của toàn thể Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ và chư tín đồ.

Hay tin Đức Phạm Hộ Pháp quy Thiên, hàng triệu tín đồ đã nuốt đắng, tuôn lệ trước thiên số dĩ định. Đại Lễ Thánh Tang Đức Ngài tổ chức trong vòng 10 ngày và nhập bửu tháp và đề tạm tại Thánh Thất Kim Biên, Nam Vang. Trong suốt 10 ngày, chư đồng đạo khắp nơi, cũng như các tổ chức liên tôn, các lãnh đạo quốc tế kính viếng lễ tang không ngớt.

Vào đêm mùng 10 tháng 04 năm Kỷ Hợi [1959], Đức Ngài giáng cơ do Ngài Bảo Đạo Hồ Tấn Khoa và Sĩ Tải Bùi Quang Cao phò loan, Đức Ngài cho bài thi đề

hiến lễ, chỉ dẫn nghi tiết tang lễ. Đến ngày 13 tháng 04 năm Kỷ Hợi, Đức Ngài chỉnh lại thi chút ít.

*“Trót đã ba năm ở xứ người,
 Dem thân đôi lấy phút vui tươi.
 Ngờ đâu vạn sự do Thiên định,
 Tuổi đã bảy mươi cũng đủ rồi.
 Nhớ tiếc sức phàm thừa chống chọi,
 Buồn nhìn cội Đạo luống chơi vơi.
 Rồi đây ai đến cầm Chơn pháp,
 Tô điểm non sông, Đạo lẫn Đời”.*

Từ giai đoạn này, Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ đã vắng bóng Đấng Thượng Tôn Quản Thế, một vị Giáo Chủ Cao Đài đã hy sinh trọn vẹn cuộc đời cho sự nghiệp khai mở nền Đạo cứu thế của Đức Chí Tôn. Nhơn sanh đành gạt lệ sầu mà biết sứ mạng của Đức Phạm Hộ Pháp là *“Trong thời kỳ ấy Bản Đạo vâng lệnh Đức Chí Tôn xuống thế mở Đạo thì Đức Chí Tôn mới hỏi rằng: “Con phục lệnh xuống thế mở Đạo con mở bí pháp trước hay con mở thể pháp trước?”*. Khi xong nhiệm vụ, Đức Ngài phải trở về Thiên Triều mà thôi.

“Không giờ đêm 16/05/1959 tại thủ đô Phnom Penh có một đàn Hạc cất tiếng vinh diệu trên không trung, tất cả Tín đồ Cao Đài và nhơn dân Phnom Penh đồng hướng về đàn Hạc đang bay trên mây, tuy đêm khuya nhưng Trời vẫn sáng lạ thường, Tín đồ Cao Đài đồng tiếp nhận lời truyền giảng của Đức Ngự Mã Thiên Quân (Hộ Pháp Phạm Công Tắc) từ trên không trung vọng xuống trần hoàn.

Người để giữa đôi tay ban phép lành cho Nhân loại, từ Trung giới “giữa Trời” Người dùng huyền diệu thông truyền cơ mầu nhiệm, ban phép giác ngộ đến những xứ biết Tôn vinh Đấng Thượng Đế và Người hứa với Nhơn loại: “Bản Đạo còn phải trở lại một lần nữa và chưa định đến nơi nào”.

Sự kỳ diệu này cho phép người đời liên tưởng đến ngày thọ khổ của Đức Chúa Jésus Christ trên Thập Tự Giá và Chúa cũng tái lâm sau khi thoát xác để đem đến cho loài người một niềm tin và hy vọng vô biên ở Đấng Cứu Thế” [Tiểu Sử của ĐHP, Huỳnh Tâm].

49. Lời chứng nghiệm của Thế Giới Thần Linh Học trước sự quy Thiên.

Trước sự quy Thiên của Đức Phạm Hộ Pháp, nền Đại Đạo vô cùng đau xót vì mất đi một bậc vĩ nhân của Đạo, một sự mất mát vô cùng to lớn đối với sự nghiệp Đạo phía trước. Chư Chức Sắc chỉ biết im lặng và rơi lệ. Tuy nhiên, thế giới Thần Linh Học lại lên tiếng chứng nghiệm sự ra đi của Đức Phạm Hộ Pháp.

“Sự Qui Thiên Của Vị Giáo Chủ Hoàn Cầu Của Đạo Cao Đài: Hộ Pháp Phạm Công Tắc.

Để liên hiệp tất cả đệ tử Thần Linh thế giới,

Chúng ta hãy than khóc, nhưng vẫn hy vọng!

Hỡi các đệ tử Thần Linh Tây phương!

Đối với anh chị em ta bên phương Đông và Viễn Đông, chúng ta có bốn phận là hiệp tinh thần trong việc hợp tác huynh đệ để tìm biết về vô hình.

Một tiếng nói trên không trung nói với tôi:

“Sở dĩ đạo đức đưa tới một đời sống hạnh phúc là vì đạo đức là một tình thương yêu cao cả và tình yêu này chỉ là một với tình yêu cả nhơn loại lẫn vũ trụ. Tiếng nói ấy là tiếng nói nào mà nó thoát ra ngoài vật thể và nó ở ngàn chỗ trên thế giới địa hoàn để cho tâm hồn yên lặng và mở rộng đều có thể nghe được, dầu họ ở phương Đông cũng như phương Tây, hoặc ở phương Bắc, cũng như phương Nam, họ chờ đợi tiếp nhận những lời Thánh giáo giống nhau, trạng tỏ rõ sự thỏa hiệp của tâm hồn.

Đức Hộ pháp Phạm Công Tắc vừa qui Thiên ngày 17 tháng 5 năm 1959 hồi 13 giờ 30 phút (giờ Cao Miên) tại Chùa Tual Svay Prey, ở hộ đệ ngũ thuộc Châu thành Nam Vang...

Đúng giờ đã định, những vị Thiên Thần cầm cây tàn vàng tới đón rước Ngài, và các Hung Thần bị xua đuổi ra xa tít, hợp thành một làn đen xa thẳm, như đóng khung không hện mà nên cho một cảnh giới thiên nhiên càng mở rộng thêm mãi.

Những Đấng đã liễu đạo, lớp mặc Thiên phục đỏ, lớp Thiên phục xanh dương, lớp nữa Thiên phục vàng, và cũng còn hàng ngàn mặc Thiên phục trắng.

Những vị Thiên phong sắc phục trắng nói rằng: Tiết độ là mối tình thương yêu làm chúng ta gìn giữ trong sạch những gì mà chúng ta yêu mến.

Những vị Thiên phong sắc phục xanh dương nói: Thận trọng là mối tình thương yêu, phân biệt điều gì đưa đẩy chúng ta đến chỗ thiện và điều gì có thể lôi kéo chúng ta đi xa chỗ thiện.

Những vị Thiên phong sắc phục vàng lúc bấy giờ nói: Công bình là tình thương yêu đặt chúng ta vào con đường phục vụ cho tình bác ái.

Sau chót, những vị Thiên phong sắc phục đỏ cũng tuyên bố: Dũng lực là tình thương yêu giúp ta đảm nhiệm mọi khó khăn cho cái gì chúng ta yêu mến.

Bốn lớp người nói xong thì tiếng nói của Đấng Thượng đế, tiếng nói ở trong Tâm của mỗi người, dẫu ở Thiên giới hoặc Địa giới, hay ở Trung giới, tiếng nói ấy đã phán:

"Trong bốn màu hiệp lại thành một, con đã xuống thế, hạ mình một cách cao cả, làm một vị Giáo chủ tốt. Hộ pháp Phạm Công Tắc, con hãy trở về trong lòng TA và góp giữ phần trong lời Thánh Huấn của TA, tiếng nói của Đấng Ngọc Hoàng Thượng đế."

Ngày 17 tháng 5 năm 1959, hồi 7 giờ, trong toàn Địa giới, Trung giới, yên tĩnh hay phiêu lãng, tất cả những người Nam Nữ trong đại cơ quan đồng tử đều được nhìn thấy và nghe rõ tất cả những sự việc mà tôi ghi chép y như trên".

Chúng nghiệm là trạng thấy, biết, nghe, hiểu những hoạt động vô vi. Bà nữ đồng tử nổi tiếng người Pháp đã xác tín rằng toàn cõi địa cầu trong khối thần linh điều chứng nghiệm sự nhiệm mầu xảy ra khi Đức Phạm Hộ Pháp quy thiên. Bà ghi lại trong bài Chứng Nghiệm, đăng trên báo Le Lien des Cercles d'Etudes số 4 tháng 5 và 6 năm 1959, xuất bản tại Paris, được dịch ra như trên.

Về nguyên tắc tuyên bố chứng nghiệm của thế giới Thần Linh, tất cả các đồng tử đều thiên định và thấy những điều xảy ra cùng thời điểm, vị trí không gian, thời gian và đồng xác tín thì chứng nghiệm của mỗi đồng tử sẽ gom lại, đối chiếu, so sánh. Nếu trùng khớp nhau mọi dữ kiện thì tổ chức Thần Linh Học Thế Giới mới công bố chứng nghiệm.

Qua bài chứng nghiệm của giới Thần Linh Học, chúng ta đã thấy Đức Phạm Hộ Pháp đã hoàn thành sứ mạng đặc biệt mà Đức Chí Tôn giao phó. Điều đó làm cho tín đồ Cao Đài càng sùng ngưỡng Đức Thiên Tôn Phạm Hộ Pháp và tin Đức Ngài xuống thế trong một quyền năng, sứ mạng thiêng liêng, lại hạ một cách cao cả.

Đối với sự quy Thiên của Đức Phạm Hộ Pháp, tổ chức Thần Linh Học cũng vẫn than khóc nhưng hy vọng và kêu gọi tất cả anh em Đông Phương và Viễn Đông trong tinh thần đoàn kết, thương yêu để nghe lời giáo huấn từ cõi không trung vô hình và hoàn toàn nghe lời tuyên phán của Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế trước sự triệu Thiên uy nghiệm của Đức Phạm Hộ Pháp.

50. Sự bất tử của Đức Phạm Hộ Pháp và quyền năng của khi không còn xác thân.

Trong bốn màu vàng, xanh, đỏ, trắng hiệp lại, Đức Phạm Hộ Pháp đã xuống thế hạ mình một cách cao cả và bỏ thân xác để trở về Đức Chí Tôn góp phần trong lời Thánh Huấn của Đức Thượng Đế. Cho nên, dù cõi xác thân nhục dục này, Đức

Phạm Hộ Pháp vẫn bất tử, vẫn là Hộ Pháp vô vi, trong các hoạt động thiên thơ tiên định để tiếp tục điều hành xoay chuyển nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Đạo Cao Đài ra đời để tận độ con cái Đức Chí Tôn, Đức Phạm Hộ Pháp có sứ mạng đến thế gian xây Thê Pháp, cầm Bí Pháp để truyền cho con cái Đức Chí Tôn đủ tiêu chuẩn. Dù còn hiện thân hay đã quy Thiên, Đức Ngài vẫn trấn giữ nơi nê hườn cung của mỗi người mà gìn giữ cửa hữu hình và vô vi. Khi đủ các điều kiện hợp nhất, Đức Ngài sẽ là vị Chân Sư khai khiêu cho nhơn sanh đắc đạo.

Vả chẳng con đường Tam Lập mà Đức Ngài lập ra khi còn hiện tiền là một tiêu chuẩn căn bản đo lường được công hạnh của con cái Đức Chí Tôn theo lời giảng huấn “*Thầy đến độ rồi các con là lập thành một trường công đức cho các con nên đạo*”.

Cho nên xét trên tính chất hữu hình phải đo lường bằng công Tam Lập cho hội đủ. Xét theo tính chất vô vi, chơn thần phải trong trẻo, thanh khiết để có thể tiếp nhận các điện quang của các Đấng Thiêng Liêng. Nếu tiêu chuẩn của Đức Ngài không đưa ra mực thước, sự tu tịnh của môn sinh sẽ rất dễ làm điện quang ô trược trở nên các hiện tượng tả đạo bần môn.

Vì vậy, tiêu chuẩn để đi trên con đường thứ ba của Đại Đạo phải hội đủ Tam Lập, được đánh giá ở con mắt phàm nhãn hữu vi tức là Thê Pháp, cùng với việc đánh giá của vô vi là Bí Pháp.

Bí Pháp là phần điện quang trong sáng của khí thể Chơn Thần, trong khi đó Thê Pháp là phần công nghiệp và đức hạnh thiện nghiệp tạo ra trên con đường phụng sự đạo pháp và chúng sanh. Cho nên khi còn tại thế, Đức Ngài đã thực hiện phép cân thần và truyền pháp và khi đã thoát xác, chúng ta vẫn tin rằng Đức Ngài vẫn là Đấng theo dõi sự trong sáng của chơn thần con người và tác động khi cần thiết vào đời sống đạo của con người.

Nói một cách khác, Đức Phạm Hộ Pháp cầm bửu pháp Kim Tiên giục thúc các đấng chơn hồn trên con đường Thiêng Liêng Hằng Sống. Trong khi đó, giáo pháp Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ của Đức Chí Tôn khai sáng để mở ra con đường tầm diệu lý để đưa linh hồn của con người trở về chỗ nguyên thủy, tức là bản nguyên của vũ trụ. Thế nên, khi không còn xác thân, Đức Phạm Hộ Pháp vẫn tiếp tục sứ mạng đó, vẫn tác động trực tiếp vào điện quang chơn thần của mỗi người.

51. Hội Thánh thượng pho tượng Đức Phạm Hộ Pháp lên Ngai trong Tòa Thánh.

Năm 1959, Đức Phạm Hộ Pháp triệu Thiên, Hội Thánh và toàn đạo kèm nên đầu thương và mong muốn thượng bửu tượng Đức Phạm Hộ Pháp lên Ngai Thất Đầu Xà trong Tòa Thánh nhưng thời cuộc chưa cho phép.

Đến ngày 15 tháng 12 năm Quý Mão [1964], Hội Thánh tổ chức một buổi lễ long trọng thượng pho tượng Đức Hộ Pháp lên Ngai Thất Đầu Xà tại Hiệp Thiên Đài trong Tòa Thánh.

Ngài Hiền Pháp Trương Hữu Đức có lên Giảng Đài Tòa Thánh nói về ý nghĩa của Lễ An Vị tượng Đức Phạm Hộ Pháp trên Thất Đầu Xà như sau:

"Khi Đức Hộ Pháp trấn pháp, hành bí pháp cùng thể pháp các đàn Vía, Sóc, Vọng, khi Ngài đứng là Chuyển pháp, Ngài ngồi là Trụ pháp, nên khi Ngài ngồi, hai chân đạp hai đầu Ai bên tả, Nộ bên hữu, hai tay đè Ó bên hữu, Dục bên tả.

Đức Ngài nói: Khi Hộ Pháp trấn trên Thất Đầu Xà là đè nén các vật dục ở thế gian này gom lại khỏi cấu xé nhau, để Mừng, Vui, Thương cho mọi người chung hưởng thái bình, để gìn giữ đạo đức tu hành dễ dàng, nước nhà thanh trị, e sau này Hộ Pháp xuất ngoại, Thượng Sanh về ngự nơi đâu thì Thất tình tự do lôi cuốn, cấu xé lẫn nhau, không phương kèm chế. Ấy là cơ thử thách nội và ngoại. Ngày nào Hộ Pháp trấn lại trên ngai thì mới có thể dễ dàng mọi việc Đời và Đạo.

Quyền thiêng liêng phải vậy đặng vay trả cho sạch oan khiên, mới đem thuần phong mỹ tục, văn minh hòa bình trật tự thán ngày Nghiêu, trở nên thượng cổ.

Vì lời tiên tri trên của Đức Phạm Hộ Pháp mà Hội Thánh rất lo ngại nên quyết định đức tượng của Đức Ngài gấp rút để trấn an trên Thất Đầu Xà, nghĩa là trấn áp phần nào Thất tình của con người, đặng tránh bớt biến cố trong Đạo, vì lời tiên tri ấy đã thể hiện rõ rệt từ ngày Đức Thượng Sanh về cầm quyền tối cao trong Đạo. Có nhiều hiện tượng cho thấy rõ Thất tình đã dậy, gây sự bất hòa giữa người đạo với người đạo.

Tuy nhiên, nếu chúng ta biết thận trọng trong các hành vi và trụ vững tinh thần, đừng để Thất tình lôi cuốn thì dầu không trấn an cũng có thể tránh được bất hòa, vì chủ trương của Đạo là hòa ái. Nếu đi ngoài chủ trương ấy là lạc Đạo vậy.

Anh chị em chúng ta có bốn phận phải thành tâm cầu nguyện Ôn Trên ban phước lành cho toàn Đạo và toàn chúng sanh để tránh những điều chẳng may, và khẩn cầu riêng Đức Hộ Pháp ban ân điển vào Thánh tượng của Ngài để ngự chế Thất Đầu Xà, tức là Thất tình, làm sao cho Đạo được êm ấm điều hòa, mới mong Đức Lý Nhứt Trán Oai Nghiêm ân xá cho tất cả, rồi mới mong đến việc cầu phong cầu thăng cho những Chức sắc đầy đủ công nghiệp.

Chúng ta cũng phải cầu nguyện cùng Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu ban ơn lành cho nước nhà mau bình yên thanh trị, đặng rước liên đài của Đức Ngài về Tòa Thánh để trấn an vĩnh viễn nơi ngôi Đức Ngài ngự." [Trích trong bài Thuyết đạo của Ngài Hiền Pháp Trương Hữu Đức].

Dù Đức Phạm Hộ Pháp đã triều Thiên, bửu tượng Đức Phạm Hộ Pháp ngự trang nghiêm nơi Hiệp Thiên Đài thì sự thác cũng như còn. Người tín đồ Cao Đài hoài cổ Đức Ngài bằng danh xưng và bửu tượng trong Tổ Đình uy nghiêm và hằng kính nguyện Đức Ngài ban phép lành cho toàn thể nhơn sanh cộng hưởng thái bình, phục hồi thượng cô, thể hệ Đạo mai sau vẫn đời đời sùng ngưỡng Chánh Giáo mà Đức Ngài đã lập ra ở hoàn vũ này.

52. Những kinh sách lưu lại.

“Phương Tu Đại Đạo” là quyển sách bằng thơ dạng trường thiên, dạy về nhơn đạo cho tín đồ nam nữ, như phận làm cha, vợ, chồng, con...

“Thiên Thai Kiến Diện” là quyển sách dạng thơ theo thể thất ngôn bát cú đường luật, gồm 77 bài tất cả. Quyển sách được Đức Phạm Hộ Pháp viết năm Đinh Mão [1927], nói về những chứng nghiệm khi Đức Ngài du Thiên Thai cõi Thiêng Liêng, tả cảnh và nhiều ẩn ý sâu xa mà người thường khó hiểu nổi. Với ngòi bút tuyệt tác, bóng bảy và diễn nghĩa uyên thâm, Đức Ngài đã đưa người đọc như sống với cõi thiên thai trước mắt. Xin trích một vài bài điển hình:

“Ngoài áng Đào Nguyên sấn bước vào,
Thiên Thai Tiên cảnh trước cao cao.
Mây lành phủ động làm khuôn cửa,
Tòng rậm bao quanh giống mặt rào.
Hạc đạo đón đưa bay xạo xự,
Nai tăng tiếp rước chạy lao xao.
Lừng trời lững đứng ngàn muôn kẻ,
Cười nói mừng vui đến miêng chào”

“Nai vừa vụt nhảy giữa thanh không,
Bát Quái Đồ xây đủ chín vòng.
Tứ hướng trung ương hầu Ngũ nhạc,
Thiên binh thần tướng đến ngàn trùng.
Sáng lò sấm nổ hào quang chiếu,
Luân chuyển khí dồi trận gió giông.
Bát Quái Đài xây đầy bửu pháp,
Đứng trên điều khiển có Lôi Công”

“Trời cho thành đặng dễ gì đâu,
Trước xuống sông Ngân tắm sạch sầu.
Lò tạo lửa thiêu, Thần hết trược,
" Cảnh Minh " sáng chiếu khí tinh màu.
Nam Tào đến học cho nhuần lễ,

*Bắc Đẩu vào xin đăng phép mầu.
Đắc lĩnh Hư cung châu Bạch ngọc,
Mới tường căn cội vị mình đâu”*

“Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp” gồm nhiều quyển được kết tập do Ban Tốc Ký và tập hợp theo từng năm. Đây là bộ sách phong phú và quan trọng của nền Đạo Cao Đài-Tòa Thánh Tây Ninh và người tín đồ xem như khuôn vàng thước ngọc để sống trong lòng Thánh Ân của Đức Chí Tôn, hiểu triết lý đạo pháp và Pháp Chánh Chơn Truyền của nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Trong bộ sách này, Ban Tốc Ký chia ra hai Hai đề tài của hai quyển sách mang một ý nghĩa quan trọng và hết sức đặc biệt của Đạo.

53. Thay lời kết về Đấng Thiên Tôn Phạm Hộ Pháp của nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Hoài niệm về chân dung và hành tòng của Đức Phạm Hộ Pháp là ôn lại gần như toàn bộ trên dưới 33 năm đầu của lịch sử Đạo Cao Đài với các cột mốc quan trọng như sự xuất hiện của Đấng A, Ấ, Ầ, họa thi với các Đấng Thiêng Liêng, Lễ Vọng Thiên Cầu Đạo, Lễ Hội Yên Diêu Trì Cung, Lễ Khai Đạo tại chùa Gò Kén, công cuộc lập Tân Luật-Pháp Chánh Truyền, Thiên Phong của Đức Chí Tôn, Đức Lý Giáo Tông vô vi...cho đến các nội biến phân rẽ chi phái Đạo, lập Phạm Môn, Hội Thánh Phước Thiện...

Đức Ngài là một trong những môn đệ yêu ái nhất đầu tiên của Đức Chí Tôn trong cửa Đại Đạo. Năm 37 tuổi đã được thọ phong Hộ Pháp, một vị trí cao trọng nhất mà Pháp Chánh Truyền đã định ngôi vị để nắm trọn **Thể Pháp Đạo** và **Bí Pháp Đạo** trong tay.

Công nghiệp của Đức Phạm Hộ Pháp đứng hàng bậc nhất trong các Chức Sắc cao cấp cầm quyền nền Đạo thuở đầu tiên. Khi đã ngộ Đạo, Đức Ngài đã một lòng phụng sự đáo đê, làm **con tể vật cho Đức Chí Tôn** cho đến hơi thở cuối cùng trở gót triều Thiên.

Đức Ngài là Đấng Tam Thế Phật Christna giáng sanh, là Đức Chúa Cứu Thế phục sinh, là Đấng Ngự Mã Thiên Quân của Đức Chí Tôn, là Đấng Thượng Tôn Quản Thế, là Đấng Thiên Tôn mang sắc lệnh của Đức Chí Tôn xuống thế để gieo rải nước ma ha, dựng cờ cứu khổ mở nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, thực hiện các sứ mạng thiêng liêng: đem bí pháp giải thoát tận độ cho các bậc Nguyên Nhân và Hóa Nhân đoạt pháp; thực hiện cơ Quy Tam Giáo, hiệp Ngũ Chi; thực hiện được Đệ Tam Hòa Ước ký giữa Trời và Người, không cho sanh chúng bội phản lời cam kết với Đức Thượng Đế, giữ chánh pháp Đại Đạo Tam Kỳ không biến thành phàm giáo, bảo tồn nền văn minh tôn giáo cứu nhân loại trong bảy trăm ngàn năm;

trương cây cờ Bảo Sanh-Nhơn Nghĩa Đại Đồng; thực hiện **Luật Thương Yêu và Quyền Công Chánh**.

Nhơn loại ngày nay đang hướng đến một sự hòa hợp các tín ngưỡng, khát khao một tôn giáo tân kỳ cho hoàn vũ để thực hiện các sứ mạng trung hòa, đem nguồn an lạc, chú trọng tính nhân văn đại đồng huynh đệ, lòng **Thương Yêu và Công Chánh** trong một xã hội loài người đầy các biến động mâu thuẫn. Tôn giáo đó phải có triết thuyết bất phân chủng tộc, màu da, giống nòi, sắc tộc, tôn giáo trong cùng một nguồn suối chân lý, thiện chí trong một năng lực hoạt động duy tâm hợp nhất. Đạo Cao Đài ra đời để đáp ứng sở vọng của nhơn sanh, mà Đức Phạm Hộ Pháp đến thế đã thay Đức Chí Tôn đem ngọn **Huệ Đăng** để tỏa sáng nguồn sống cho nhơn loại, một con **Thuyền Bát Nhã** để chúng sanh chèo về bến giác.

Đức Ngài đã làm tròn phận sự đối với Đức Chí Tôn, đến thế gian với ngôi vị Phật sống như các vị Giáo Chủ các tôn giáo khác, truyền giảng chủ nghĩa **Từ Bi-Bác Ái-Công Bình**, kêu gọi hòa bình, tạo nguồn phúc lạc cho chúng sanh, khơi đuốc đạo mầu, khai sáng nền Chánh Giáo, dẫn đường để con cái Đức Chí Tôn hầu xóa tan những vầng mây vô minh, trợn tác dạ thành, dọn lối chông gai để mở lối thiêng liêng, chỉ rõ thoát khỏi bến sông mê và hướng về bến giác, dạy nhơn sanh rửa sạch bợn nhơ cho chơn thần trong sạch mà hiệp Tinh-Khí-Thần đoạt cơ mầu nhiệm, hội hiệp cùng Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu.

Đức Ngài là vị Giáo Chủ lãnh đạo tinh thần tối cao, đến để dìu dắt sanh linh, vun đắp cội Đại Đạo theo tánh đức hạo sanh của Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế. Để được như vậy, Đức Ngài đã phải chịu lắm nỗi gian truân, lèo lái con thuyền Đại Đạo lắm lần lắc lở, đắm chìm biết bao nhiêu khách tục, phải giải quyết những vắn nạn người môn đệ bỏ nét thanh cao mà lấy thói vạy tà làm cho nền Chơn Đạo bợn nhơ. Đức Ngài phải ưu tư, phân trắng, gạn đục nơi cửa nâu sông mong làm cho chiếc gương của Đức Chí Tôn tỏ rạng, soi bước cho đàng hậu tấn giựt tấn mãi trên **con đường thiêng liêng hằng sống**.

Các chư Chấn Sắc cao cấp và các học sĩ của nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đã tuyên bố rằng nếu không có Đức Ngài, sẽ không có Đạo Cao Đài ngày nay. Đức Ngài đã là hiện thân của Đức Chí Tôn với thể tính “**vô quái ngại**”, “**đại hùng, đại lực, đại từ bi**” mới gánh vác sự nghiệp thiêng liêng cao cả của Đấng Thượng Đế phú thác.

Hình bóng Đức Phạm Hộ Pháp đã khuất bóng, nhưng âm vang, gương hạnh vẫn bất tử, vĩnh hằng và lời thuyết Đạo của Đức Ngài vẫn vang vọng bên tai của chư tín đồ Cao Đài. Lời truyền nhắc cũng như những bửu ảnh của Đức Ngài vẫn hiện hiện khắp nơi, từ Trung Ương Đạo-Tòa Thánh Tây Ninh, cho đến các làng

quê ngõ vắng. Công nghiệp vĩ đại của **bạc vĩ nhân phi phạm bất hủ** vẫn truyền miệng nhau cho các thế hệ Đạo mai sau.

Đức Phạm Hộ Pháp không còn mang xác thịt, Đức Ngài trở về hội hiệp cùng Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu nhưng Đức Ngài vẫn mang sứ mạng thiêng liêng, điều động điển quang tác động đến khối chơn thần của cả nhơn sanh, hằng giữ nơi nê hườn cung của mỗi cá nhân, khai khiêu cho chơn thần hội hiệp khi đủ điều kiện. Hơn nữa, Đức Ngài vẫn **dang đôi tay ban phép lành** cho toàn thể chúng sanh, nếu chúng sanh biết tôn sùng Đấng Thượng Đế Chí Tôn và tin vào giá trị cứu rỗi của nền Đại Đạo.

Chúng ta vẫn tin chắc chắn rằng, danh phận của Đức Phạm Hộ Pháp cũng sẽ như Đức Phật Thích Ca, Đức Chúa Jesu. Đức Ngài là một “**hiện tượng**”, một tiêu điểm của nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ mà Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế đã gieo truyền một hạt **giống Bồ Đề**, một **ngọn đèn Thái Cực** cho toàn chúng sanh chung hưởng **nguồn ánh sáng trí huệ**.

Trên bình diện đạo pháp, Đức Phạm Hộ Pháp là Đức Phật sống trong cửa Đại Đạo, lẽ ra Đức Ngài có thể ứng biến những quái ngại bằng diệu pháp, nhưng hầu như cả cuộc đời Đức Ngài chỉ sống bằng năng lực nội tại của ý chí tinh thần như người phạm trần chưa liễu chứng. Chỉ rất ít người biết về những hành tàng Đức Ngài sử dụng **diệu pháp** trong mấy mươi năm tạo lập nền Đạo và tô điểm Thánh Thể Đức Chí Tôn.

Sự tình nguyện xuống thế tạo lập nền “đạo cao vô cực”, Đức Ngài dĩ nhiên phải thấy được “biển trần khổ vui vui trời nước”, nên Đức Ngài hạ lâm giáng phạm để tô điểm “ánh Thái Dương gội trước phương đông”. Để thay quyền năng Đức Chí Tôn, Đức Ngài phải có đủ “lòng thành lòng nhơn”, “hồng oai, hồng từ”, “đại thánh, đại nguyện”, “đại tạo, đại bi”, “đại từ” mới gánh vác được sứ mạng thiêng liêng, lập Chánh Giáo cho Đức Chí Tôn và làm cho “đạo pháp trường lưu” cho đến thất ức niên, làm một ngọn “huệ đăng bất diệt” để chúng sanh tầm phương “phá nhứt khiêu chi huyền quang, tánh hiệp vô vi” trở về nguồn cội bản lai vô nhất vật.

Sự tác động quyền phép của Đức Phạm Hộ Pháp đối với môn sinh dù Đức Ngài còn sống hay đã quy Thiên, thì nó cũng như luật tu tiên xưa nay, nghĩa là Đạo Cao Đài vẫn có mức Hạ Thừa, Trung Thừa, Thượng Thừa. Tùy theo căn cơ, chủng tánh, khả năng viên đốn, tư duy, trí huệ, khí chất thanh tịnh bản nhiên của căn, cái thấy của tuệ nhãn của mỗi môn đồ mà **Đức Hộ Pháp** có tác động đến con đường tiệm tiến đến điểm viên giác, liễu ngộ, giựt tiến con đường thiêng liêng hằng sống, trở về hội hiệp với **bản nguyên của vũ trụ**, tức là Đức Chí Tôn.

Những tài liệu tham khảo:

1. Thánh Ngôn Hiệp Tuyển quyển 1 và 2 do Hội Thánh ĐĐTKPĐ-Tòa Thánh Tây Ninh.
2. Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo do Hội Thánh ĐĐTKPĐ-Tòa Thánh Tây Ninh ấn bản.
3. Pháp Chánh Truyền Chú Giải.
4. Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp.
5. Giải Thích Nội Tâm-Ngoại Tâm Đền Thánh, tác giả Ngài Khai Đạo Phạm Tấn Đãi.
6. Đạo Sử của Nữ Đầu Sư Hương Hiếu.
7. Tiểu Sử của Đức Hộ Pháp, tác giả Huỳnh Tâm.
8. Chân Dung Đức Hộ Pháp, tác giả Hiền Tài Trần Văn Rạng.
9. Tiểu Sử Đức Hộ Pháp, tác giả Thừa Sứ Lê Quang Tấn.
10. Tiền kiếp Thánh Peter, hậu kiếp Khai Pháp Trần Duy Nghĩa, tác giả Tùng Thiên Từ Bạch Hạc.
11. Đại Đạo Triết Lý Nhân Bản, tác giả Huệ Phong.
12. Phạm Môn Sử Lược Hồi Ký, tác giả Nguyễn Đức Hòa, tự Khiết Dân.
13. Từ Điển Cao Đài, tác giả Hiền Tài Nguyễn Văn Hồng.
14. Từ Ngữ Điển Cố Cao Đài, tác giả Hiền Tài Quách Văn Hòa.
15. Góp Nhặt Tinh Hoa Đại Đạo, tác giả Hiền Tài Quách Văn Hòa.
16. Đức Hộ Pháp-Phật Sống của Đạo Cao Đài, tác giả Thừa Sứ Lê Quang Tấn.
17. Hóa Giải Long Tuyền Kiếm, tác giả Thừa Sứ Lê Quang Tấn.

18. Những nỗi vui buồn của đoàn Chức Sắc Cao Đài cùng lưu vong với Đức Hộ Pháp trên đất nước Cao Miên, tác giả Thừa Sứ Lê Quang Tấn.
19. Thể Pháp và Bí Pháp, tác giả Từ Chơn.
20. Quân Đội Cao Đài, tác giả Tinh Tâm.
21. Tìm Hiểu Chính Sách Hòa Bình Chung Sống, tác giả Từ Tâm.
22. Sách An Nam Phong Tục.
23. Tài liệu của Trung Tâm Nghiên Cứu Lý Học Đông Dương.
24. Lão Tử-Đạo Đức Kinh, tác giả Nguyễn Hiến Lê.

Kỷ niệm ngày Đản Sanh của Đức Phạm Hộ Pháp.

Đây là bản thảo, chờ chỉnh sửa, bản quyền sẽ dâng cho Hội Thánh.

Tài liệu lưu hành nội bộ.

Khai Tâm Quách Minh Chương - 2021